Su - 0009

LÊ MẬU HÃN (Chủ biên)
LÊ ĐÌNH HÀ - NGUYỄN HỒNG LIÊN - LÊ HỒNG SƠN

CÁC CHỦ ĐỀ CƠ BẢN ÔN THI VÀO ĐẠI HỌC - CAO ĐẲNG

MÔN

LỊCH SỬ

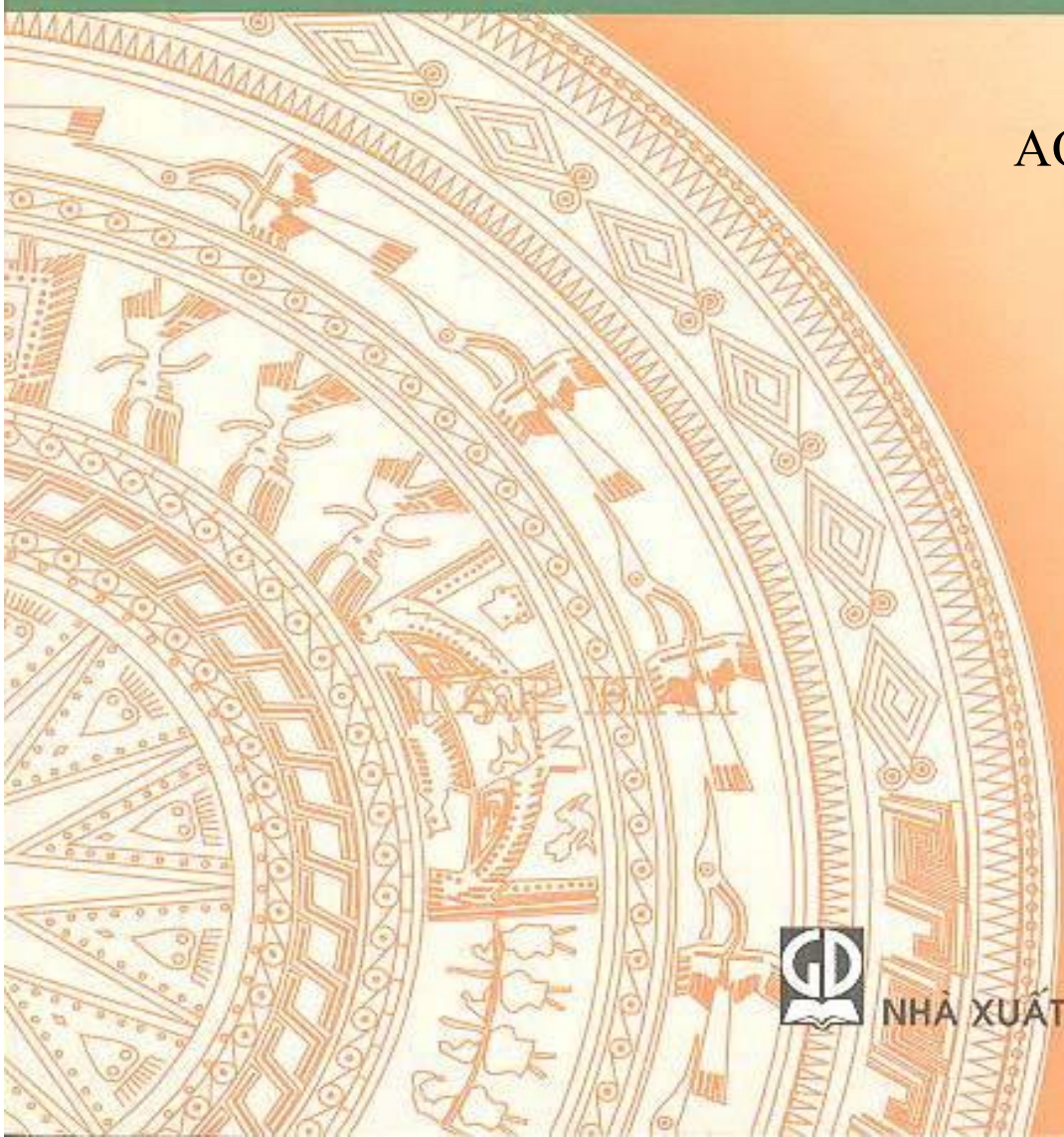

AOTRANGTB.COM

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LÊ MẬU HÃN (Chủ biên)
LÊ ĐÌNH HÀ - NGUYỄN HỒNG LIÊN - LÊ HỒNG SƠN

CÁC CHỦ ĐỀ CƠ BẢN
ÔN THI ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG
Môn: Lịch Sử

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.....

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :
Phó Tổng biên tập LÊ HỮU TỈNH
Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập nội dung và sửa bản in :
BÙI TUYẾT HƯƠNG

Thiết kế sách :
NGUYỄN KIM TOÀN

Trình bày bìa :
ĐINH THUỲ LINH

Chế bản :
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ VÀ PHÁT HÀNH SÁCH GIÁO DỤC

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội -
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.

67 - 2010/CXB/18 - 08/GD Mã số : C3D06A0 - ĐTH

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Lời nói đầu

Cuốn sách ***Các chủ đề cơ bản ôn thi đại học và cao đẳng môn Lịch sử*** nhằm giúp học sinh đã học xong chương trình trung học phổ thông, củng cố, ôn luyện và hệ thống hoá kiến thức lịch sử để chuẩn bị thi vào các trường đại học và cao đẳng.

Cuốn sách được kết cấu theo ba phần :

Phần một : **Các chủ đề cơ bản**

Khái quát kiến thức cơ bản theo chương trình và sách giáo khoa Lịch sử 12 chương trình Chuẩn và Nâng cao ; cung cấp cho học sinh những nội dung cơ bản, đồng thời có chú trọng đến trọng tâm kiến thức của từng chủ đề.

Phần hai : **Các đề ôn luyện**

Các câu hỏi được sắp xếp lại theo các đề và hướng dẫn cách làm bài bao gồm : Phần Lịch sử thế giới gồm những câu hỏi về diễn biến chính của lịch sử một nước với những sự kiện tiêu biểu qua các thời kì của lịch sử thế giới hiện đại, hoặc những vấn đề nổi bật của từng khu vực mà các em học sinh cần ghi nhớ. Phần Lịch sử Việt Nam gồm các câu hỏi đề cập đến nhiều sự kiện lớn của lịch sử dân tộc thời hiện đại, hoặc những thời kì lịch sử cụ thể, hay về một vấn đề lịch sử cơ bản, xuyên suốt nhiều thời kì nối tiếp nhau.

Phần ba : **Một số đề thi vào đại học và cao đẳng**

Các tác giả đã sưu tầm một số đề thi vào các trường đại học và cao đẳng năm học 2008 - 2009 và 2009 - 2010 để học sinh tham khảo trong quá trình ôn luyện.

Nhân cuốn sách được xuất bản, các tác giả xin chân thành cảm ơn Giáo sư, Nhà giáo nhân dân Đinh Xuân Lâm đã đọc và góp cho nhiều ý kiến quý báu.

Cuốn sách chắc chắn không thể tránh khỏi những khiếm khuyết, rất mong nhận được sự góp ý để lần xuất bản sau cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Thư từ xin gửi về :

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI
187B - Giảng Võ - Hà Nội

CÁC TÁC GIẢ

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Phần một

CÁC CHỦ ĐỀ CƠ BẢN

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI
TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000

SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI
SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945 - 1949)

I – HỘI NGHỊ IANTA (2–1945)

+ Hội nghị họp ở Ianta (Liên Xô) từ ngày 4 đến 11 - 2 - 1945 với nguyên thủ của 3 nước Liên Xô, Mĩ và Anh.

+ Nội dung hội nghị :

- Thoả thuận tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản ; Liên Xô sẽ tham gia chống Nhật sau khi kết thúc chiến tranh ở châu Âu.
- Thành lập Liên hợp quốc.
- Thoả thuận việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

+ Những quyết định của Hội nghị Ianta đã trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới được thiết lập trong những năm 1945 – 1947, thường được gọi là "Trật tự hai cực Ianta".

II – SỰ THÀNH LẬP LIÊN HỢP QUỐC

- Hội nghị thông qua Hiến chương và tuyên bố thành lập Liên hợp quốc ở Xan Phranxixcô (25 - 4 đến 26 - 6 - 1945), Hiến chương có hiệu lực từ ngày 24 - 10 - 1945. Từ 51 nước khi thành lập, đến 2006 có 192 nước.

- Mục đích : Duy trì hoà bình và an ninh thế giới ; phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc và tiến hành sự hợp tác quốc tế giữa các nước trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc.

- Vai trò của Liên hợp quốc :

+ Là một diễn đàn hợp tác quốc tế đấu tranh để giữ gìn hoà bình, an ninh thế giới.

+ Liên hợp quốc có nhiều cố gắng trong các hoạt động :

- Giải quyết các tranh chấp, xung đột, tiến hành giải trừ quân bị.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Thủ tiêu chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.
- Giúp đỡ các dân tộc về kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, nhân đạo.

III – SỰ HÌNH THÀNH HAI HỆ THỐNG XÃ HỘI ĐỐI LẬP

Trên lãnh thổ châu Âu đã hình thành hai khu vực ảnh hưởng của Liên Xô và Mĩ với những con đường phát triển khác nhau : Đông Âu xã hội chủ nghĩa và
Tây Âu tư bản chủ nghĩa.

+ Liên Xô đã thiết lập quan hệ kinh tế chặt chẽ với các nước Đông Âu và tới tháng 1 - 1949 thì Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).

+ Mĩ thực hiện "Kế hoạch Mácsan" (4 - 1948 - 6 - 1952) nhằm viện trợ cho các nước Tây Âu khôi phục kinh tế và tăng cường ảnh hưởng của Mĩ ở đây.

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 - 1991)
LIÊN BANG NGA (1991 - 2000)

I – LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN GIỮA NHỮNG NĂM 1970

1. Liên Xô

Công cuộc khôi phục kinh tế (1945 – 1950)

– Liên Xô chịu tổn thất nặng nề nhất trong cuộc chiến tranh chống phát xít : Khoảng 27 triệu người chết ; 1710 thành phố, hơn 70.000 làng mạc, gần 32.000 nhà máy, xí nghiệp bị tàn phá. Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

– Các nước phương Tây tiến hành "Chiến tranh lạnh", bao vây kinh tế Liên Xô. Trong bối cảnh ấy, Liên Xô buộc phải củng cố quốc phòng, vừa phải hàn gắn vết thương chiến tranh, vừa phát triển kinh tế.

– Hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm (1946 – 1950) trước thời hạn 9 tháng.

– Sản xuất công nghiệp tăng 73% so với mức trước chiến tranh, sản xuất nông nghiệp cũng vượt mức trước chiến tranh ; năm 1949, chế tạo thành công bom nguyên tử.

Liên Xô tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của CNXH (từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 1970)

Liên Xô thực hiện nhiều kế hoạch dài hạn nhằm mục tiêu xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của CNXH và đã trở thành một đất nước hùng mạnh, có nền công nghiệp hiện đại, nông nghiệp tiên tiến, khoa học – kĩ thuật ở trình độ cao.

- Về công nghiệp, đến đầu những năm 1970, Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng hàng thứ hai thế giới (sau Mĩ),...

- Về khoa học – kĩ thuật, năm 1957, Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo ; năm 1961, phóng thành công tàu vũ trụ cùng với nhà du hành Gagarin bay vòng quanh Trái đất.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Về xã hội, có những thay đổi rõ rệt về cơ cấu giai cấp và dân trí : 1971, 3/4 số dân đạt trình độ trung học và đại học.

Tình hình chính trị và chính sách đối ngoại của Liên Xô

- Về tình hình chính trị, từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến giữa những năm 1970, nhìn chung ổn định. Đảng Cộng sản và Nhà nước hoạt động có hiệu quả, gây được niềm tin trong nhân dân...

- Về đối ngoại, Liên Xô luôn thi hành chính sách đối ngoại hoà bình và tích cực ủng hộ phong trào cách mạng thế giới :

2. Các nước Đông Âu

- Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước Đông Âu đều lệ thuộc vào các nước phương Tây ; trong chiến tranh, các nước này đều bị phe phát xít chiếm đóng.

- Trong những năm 1944 - 1945, nhân dân ở đây đã nổi dậy phối hợp với quân đội Liên Xô tiêu diệt bọn phát xít, giành chính quyền và thành lập các Nhà nước dân chủ nhân dân.

- Trong những năm 1947 - 1949, các nước Đông Âu đều tiến hành những cải cách dân chủ : cải cách ruộng đất, quốc hữu hoá các xí nghiệp tư bản nước ngoài, thực hiện các quyền tự do dân chủ,... Mặc dù bị các chính đảng tư sản chống phá, đến những năm 1948 – 1949 các nước này đều hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ (gạt bỏ được các đảng tư sản ra khỏi chính phủ, hoàn thành cải cách) và bước vào xây dựng CNXH.

- Từ năm 1950 đến năm 1975, thực hiện thành công 5 kế hoạch 5 năm ; từ những nước nghèo nàn, lạc hậu, các nước này trở thành những nước công – nông nghiệp tiên tiến.

3. Quan hệ hợp tác giữa các nước XHCN ở châu Âu

Quan hệ hợp tác kinh tế, khoa học – kĩ thuật

- Ngày 8 - 1 - 1949, Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) được thành lập.

- Mục đích là củng cố, hoàn thiện sự hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy sự tiến bộ về kinh tế và kĩ thuật, nâng cao mức sống của nhân dân các nước thành viên.

- Trong hơn 20 năm hoạt động, SEV có những đóng góp lớn đối với sự phát triển của các nước thành viên, tỉ trọng sản xuất công nghiệp tăng từ 18% lên 33% (1951 – 1973), tốc độ tăng trưởng công nghiệp 10%/năm.

Quan hệ hợp tác chính trị – quân sự

- Tổ chức Hiệp ước Vácsava được Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập ngày 14 - 5 - 1955.

- Mục tiêu củng cố tình hữu nghị, tăng cường sức mạnh của các nước XHCN.

- Tổ chức Hiệp ước Vácsava trở thành đối trọng với NATO, đóng vai trò trong việc giữ gìn hoà bình, an ninh ở châu Âu và thế giới.

II – LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ GIỮA NHỮNG NĂM 1970 ĐẾN NĂM 1991

1. Liên Xô

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Tình hình kinh tế – xã hội

- Cuộc khủng hoảng năng lượng (dầu mỏ) thế giới năm 1973, sự phát triển nhanh chóng của cách mạng khoa học – kĩ thuật đã tác động vào tình hình kinh tế – xã hội của thế giới, đặt ra thử thách khắc nghiệt với tất cả các nước là phải cải cách để thích nghi, nếu không sẽ tụt hậu, khủng hoảng.

+ Lực lượng sản xuất, trình độ kĩ thuật thấp kém, năng suất lao động thấp, nền kinh tế mất cân đối, lạm phát,...

+ Quan hệ sản xuất, chế độ quan liêu bao cấp, phân phối cào bằng không kích thích tính chủ động, sáng tạo và năng lực của người lao động.

+ Xã hội thiếu dân chủ, thiếu kỉ cương, đời sống nhân dân khó khăn,...

Công cuộc cải tổ (1985 – 1991)

- M.Goócbachốp lên nắm quyền lãnh đạo Đảng và Nhà nước (3 1985) đã đưa ra đường lối cải tổ.

- Mục đích cải tổ : đổi mới mọi mặt đời sống xã hội, xây dựng chủ nghĩa xã hội như bản chất của nó.

- Kết quả : Do sai lầm trong đường lối và phương pháp (như xa rời những nguyên tắc của CNXH, chỉ nhấn mạnh vào cải tổ chính trị,...), công cuộc cải tổ đã dẫn tới thất bại, đất nước lâm vào khủng hoảng trầm trọng, mất ổn định, phải thực hiện chế độ đa đảng, xung đột sắc tộc, chế độ XHCN ở Liên Xô tan rã.

Sự tan rã của Liên bang Xô viết

- Cuộc đảo chính ngày 19 - 8 - 1991 do một số người lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô tiến hành nhằm lật đổ Goócbachốp. Ngày 21 - 8 - 1991, cuộc đảo chính thất bại.

+ Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động (29 - 8 - 1991) ; chính quyền Xô viết bị tê liệt.

+ Các nước cộng hoà tuyên bố độc lập.

+ Quốc hội bãi bỏ Hiệp ước Liên bang năm 1922.

+ Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) ra đời (21 - 12 - 1991) với 11 nước cộng hoà tham gia.

+ Ngày 25 - 12 - 1991, lá cờ đỏ búa liềm trên nóc điện Cremli bị hạ xuống, đánh dấu sự tan vỡ của Liên bang Xô viết sau 74 năm tồn tại.

2. Các nước Đông Âu từ giữa những năm 70 đến năm 1991

Nền kinh tế các nước Đông Âu bị suy thoái và khủng hoảng vào cuối năm 1989 ; nhân dân giảm lòng tin, sự bất bình tăng lên, nhiều nước đã xảy ra đấu tranh, đình công, đất nước không ổn định.

- Cuộc khủng hoảng nổ ra đầu tiên ở Ba Lan vào cuối năm 1988, sau đó lan ra các nước Hunggari, Tiệp Khắc, CHDC Đức, Rumani, Bungari, Anbani.

- Mít tinh, biểu tình, tuần hành, bãi công diễn ra dồn dập, đòi cải cách kinh tế, đòi thực hiện đa nguyên chính trị, đòi tổng tuyển cử tự do...

- Kết quả : Mọi sinh hoạt đất nước bị tê liệt, lâm vào khủng hoảng toàn diện, các nhà lãnh đạo các nước Đông Âu lần lượt tuyên bố từ bỏ quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản, chấp nhận đa nguyên chính trị...

3. Nguyên nhân tan rã của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Những sai lầm, thiếu sót về mặt kinh tế, xã hội làm cho sản xuất đình trệ, đời sống nhân dân không được cải thiện, quyền tự do dân chủ không được đảm bảo,...
- Không bắt kịp sự phát triển của khoa học - kĩ thuật hiện đại.
- Khi cải tổ lại phạm sai lầm trên nhiều mặt, làm cho khủng hoảng càng thêm nặng nề.
- Sự chống phá của các thế lực phản động trong và ngoài nước.
- Hậu quả của sự tan rã của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu là sự tổn thất chưa từng có của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế : Hệ thống XHCN không còn nữa.

III – LIÊN BANG NGA TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2000

- Liên bang Nga là "quốc gia kế tục Liên Xô" trong quan hệ quốc tế.
- Về kinh tế, từ năm 1992 Chính phủ thực hiện tư nhân hóa nền kinh tế, thực hiện nền kinh tế thị trường, tốc độ tăng trưởng kinh tế từ năm 1990 đến năm 1995 là âm, từ năm 1997 bắt đầu phục hồi, đến năm 2000 tốc độ tăng là 9%.
- Về chính trị, từ năm 1992, tình hình chính trị không ổn định, từ năm 2000 tình hình được cải thiện.
- Về đối ngoại :

+ Từ năm 1992 đến năm 1993, nước Nga theo đuổi chính sách đối ngoại "định hướng Đại Tây Dương" ngả về các cường quốc phương Tây.

+ Từ năm 1994, nước Nga chuyển sang chính sách đối ngoại "định hướng Âu - Á", tăng cường quan hệ với các nước của cả hai châu lục.

TRUNG QUỐC VÀ BÁN ĐẢO TRIỀU TIÊN

I – TRUNG QUỐC

1. Sự thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và thành tựu 10 năm đầu xây dựng chế độ mới (1949 - 1959)

– Cuối năm 1949, cuộc nội chiến kết thúc, toàn bộ lục địa Trung Quốc được giải phóng, tập đoàn Tưởng Giới Thạch tháo chạy ra Đài Loan.

Ngày 1 - 10 - 1949, nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa được thành lập, đứng đầu là Chủ tịch Mao Trạch Đông.

- Nhiệm vụ của nhân dân Trung Quốc là đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, phát triển kinh tế – xã hội, văn hoá và giáo dục.

- Những cải cách và bước đi để thực hiện nhiệm vụ trên : cải cách ruộng đất và hợp tác hoá nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, tiến hành công nghiệp hoá, phát triển văn hoá giáo dục.

- Thành tựu : Cuối năm 1952, công cuộc khôi phục kinh tế thành công, kế hoạch 5 năm (1953 – 1957) thu được thành tựu to lớn, bộ mặt đất nước thay đổi, đời sống nhân dân được cải thiện.

- Thực hiện chính sách đối ngoại tích cực : Kí với Liên Xô "Hiệp ước hữu nghị, đồng minh và tương trợ Trung – Xô" (14 - 2 - 1950), giúp nhân dân Triều Tiên chống Mĩ (1950 – 1953), giúp nhân dân Việt Nam chống Pháp, tham gia Hội nghị Băng Đung (1955)...

2. Trung Quốc trong những năm không ổn định (1959 - 1978)

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Về đối nội, từ năm 1959 Trung Quốc lâm vào tình trạng không ổn định kéo dài 20 năm (1959 – 1978) trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội.

+ Việc thực hiện đường lối "Ba ngọn cờ hồng", cuộc "Đại cách mạng văn hoá vô sản" (1966 – 1976) đã để lại những hậu quả nghiêm trọng về mọi mặt với nhân dân Trung Quốc.

- Về đối ngoại, Trung Quốc tiếp tục ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Á, Phi, Mĩ La tinh, nhưng bắt đầu có những xung đột với các nước láng giềng.

3. Công cuộc cải cách mở cửa từ năm 1978

Đường lối mới được Đặng Tiểu Bình khởi xướng, Trung ương Đảng Cộng sản thông qua (12 1978), mở đầu cho công cuộc cải cách – mở cửa.

- Nội dung của cuộc cải cách : Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản (con đường XHCN, chuyên chính dân chủ nhân dân,
sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng
Mao Trạch Đông) ; tiến hành cải cách – mở cửa, chuyển sang nền kinh tế thị trường XHCN.

- Mục tiêu : Nhằm hiện đại hoá và xây dựng CNXH mang đặc sắc Trung Quốc với mục tiêu biến Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ, văn minh.

- Thành tựu của công cuộc cải cách – mở cửa :

+ Sau 20 năm (1979 – 1998), nền kinh tế có bước tiến nhanh chóng, đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới ; thu nhập bình quân đầu người tăng,...

+ Khoa học - kĩ thuật, văn hoá và giáo dục đều đạt thành tựu quan trọng, là nước thứ ba (sau Nga, Mĩ) có tàu cùng con người bay vào vũ trụ.

- Về đối ngoại, Trung Quốc có nhiều thay đổi theo hướng hoà dịu : Năm 1979, Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao với Mĩ ; từ những năm 80 của thế kỉ XX, Trung Quốc bình thường hoá với Liên Xô, Việt Nam, Mông Cổ, khôi phục quan hệ ngoại giao với một số nước.

II – BÁN ĐẢO TRIỀU TIÊN

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Triều Tiên bị chia thành hai miền. Nhà nước Đại Hàn Dân Quốc (Hàn Quốc) được thành lập ở phía nam (8 1948), Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên ra đời ở phía bắc (9 1948).

- Tháng 6 - 1950, cuộc chiến tranh giữa hai miền bùng nổ, kéo dài hơn 3 năm (1950 – 1953). Tháng 7 - 1953, Hiệp định đình chiến được kí kết giữa hai miền Nam - Bắc, lấy vĩ tuyến 38 làm ranh giới quân sự.

1. Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên

- Sau chiến tranh, CHDCND Triều Tiên bước vào xây dựng đất nước với nhiều kế hoạch dài hạn.

- Đặc điểm nền kinh tế : mang tính kế hoạch hoá tập trung cao độ, tập thể hoá nông nghiệp, công nghiệp hoàn toàn do nhà nước quản lí, công nghiệp nặng, đặc biệt công nghiệp quốc phòng, được chú trọng. Nền kinh tế còn khó khăn, nhất là nạn thiếu lương thực, mặc dù được tuyên bố mở cửa từ năm 1995.

2. Đại Hàn Dân Quốc (Hàn Quốc)

- Những năm 50 đầu 60 của thế kỉ XX, kinh tế – xã hội khó khăn.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Từ thập niên 60, kinh tế Hàn Quốc có những thay đổi lớn, trở thành "con rồng kinh tế" sau ba thập niên phát triển.

CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

I – SỰ THÀNH LẬP CÁC QUỐC GIA ĐỘC LẬP SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

1. Khái quát về quá trình giành độc lập

- Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước trong khu vực đều là thuộc địa của các đế quốc Âu – Mĩ, sau đó là Nhật Bản.
- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước trong khu vực đều giành thắng lợi ở những mức độ khác nhau :

+ Các nước tuyên bố độc lập : Inđônêxia (8 - 1945), Việt Nam (9 - 1945), Lào (10 - 1945).

+ Những nước giải phóng được một số vùng lãnh thổ : Miến Điện (nay là Mianma), Mã Lai (nay là Malaixia), Philíppin.

- Các nước thực dân Âu - Mĩ quay trở lại tái chiếm Đông Nam Á. Nhân dân Đông Nam Á lại phải tiếp tục đấu tranh chống thực dân Âu - Mĩ.

+ Vào giữa những năm 50 của thế kỉ XX, nhân dân Inđônêxia, Việt Nam, Lào và Campuchia lần lượt đánh đuổi bọn thực dân ra khỏi đất nước.

2. Lào

- Sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện, ngày 23 - 8 - 1945, nhân dân Lào nổi dậy giành chính quyền ; ngày 12 - 10 - 1945 Chính phủ Lào ra mắt quốc dân và tuyên bố độc lập.

+ Từ tháng 3 - 1946 đến năm 1954 tiến hành kháng chiến chống Pháp.

+ Từ năm 1954 đến năm 1975 tiến hành kháng chiến chống Mĩ.

+ Từ tháng 5 đến tháng 12 - 1975, nhân dân Lào nổi dậy giành chính quyền trong cả nước và thành lập nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.

3. Campuchia

– Giai đoạn chống thực dân Pháp đòi độc lập (1945 – 1954)

– Giai đoạn nhân dân Campuchia tiến hành cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1970 - 1975) :

• Chính phủ Xihanúc bị thế lực tay sai Mĩ lật đổ (3 - 1970).

• Cuộc kháng chiến chống Mĩ phát triển.

+ Tập đoàn Pôn Pốt phản bội cách mạng, thi hành chính sách diệt chủng ngay sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, nhân dân Campuchia lại tiến hành cuộc đấu tranh lật đổ Khơme đỏ (1 - 1979).

+ Sau cuộc Tổng tuyển cử (9 - 1993), Quốc hội mới được bầu, Hiến pháp mới ra đời, Vương quốc Campuchia tái lập do N.Xihanúc làm Quốc vương.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

II– QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

1. Nhóm 5 nước sáng lập ASEAN

- Năm nước : Inđônêxia, Malaixia, Xingapo, Philíppin và Thái Lan đều tiến hành *công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu* (chiến lược kinh tế hướng nội).

+ Mục tiêu : nhanh chóng xoá bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ.

+ Thời gian thực hiện : khoảng những năm 50 – 60 của thế kỉ XX.

+ Thành tựu : đáp ứng được nhu cầu của nhân dân, phát triển một số ngành chế biến, chế tạo, bước đầu giải quyết được nạn thất nghiệp,...

+ Hạn chế : thiếu nguồn vốn, nguyên liệu và công nghệ ; chi phí cao dẫn tới làm ăn thua lỗ, tệ tham nhũng, quan liêu phát triển, đời sống người lao động còn khó khăn.

- Sự hạn chế của chiến lược hướng nội đã buộc các nước sáng lập ASEAN chuyển sang chiến lược *công nghiệp hoá lấy xuất khẩu làm chủ đạo* (chiến lược kinh tế hướng ngoại).

+ Mục tiêu : Khắc phục những hạn chế của chiến lược kinh tế hướng nội, thúc đẩy nền kinh tế tiếp tục phát triển nhanh.

+ Thời gian thực hiện : khoảng những năm 60 - 70 của thế kỉ XX.

+ Nội dung : thu hút vốn, kĩ thuật của nước ngoài, tập trung sản xuất hàng hoá để xuất khẩu...

+ Thành tựu : Tỉ trọng công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân đã lớn hơn nông nghiệp, mậu dịch đối ngoại tăng nhanh, đời sống nhân dân được cải thiện.

+ Hạn chế : phụ thuộc vào vốn và thị trường bên ngoài quá lớn, đầu tư bất hợp lí,... Biểu hiện của hạn chế này là cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997.

2. Nhóm các nước Đông Dương

- Các nước Đông Dương về cơ bản đã phát triển nền kinh tế tập trung, đạt được một số thành tựu, nhưng còn nhiều khó khăn.

- Vào những năm 80 - 90 của thế kỉ XX, các nước này từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường.

- Lào, về cơ bản là nước nông nghiệp; từ cuối những năm 80, thực hiện công cuộc đổi mới, kinh tế có bước phát triển nhanh.

- Từ khi tái lập vương quốc, Campuchia bước vào thời kì ổn định về chính trị, từng bước phục hồi nền kinh tế và xã hội, nhưng cơ bản vẫn là một nước nông nghiệp.

II – SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TỔ CHỨC ASEAN

- Những nguyên nhân thúc đẩy sự ra đời của tổ chức ASEAN :

+ Bước vào những năm 60 của thế kỉ XX, nhiều nước trong khu vực đẩy mạnh việc xây dựng kinh tế, họ thấy cần có sự hợp tác với nhau để cùng phát triển và hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Ngày 8 - 8 - 1967, ASEAN được thành lập tại Băng Cốc với 5 nước thành viên (Inđônêxia, Malaixia, Philíppin, Thái Lan, Xingapo). Năm 1984 thêm Brunây, Việt Nam (1995), Lào và Mianma (1997), Campuchia (1999).

- Hoạt động của ASEAN :

+ Giai đoạn đầu (1967 – 1975), ASEAN là tổ chức non trẻ, sự hợp tác trong khu vực còn lỏng lẻo, chưa có vị trí trên trường quốc tế.

+ Từ giữa những năm 70, ASEAN có bước phát triển mới, được đánh dấu bằng Hội nghị cấp cao Bali – Inđônêxia (1976), với việc kí Hiệp ước hữu nghị và hợp tác ở Đông Nam Á (Hiệp ước Bali).

+ Mục tiêu của ASEAN : đẩy mạnh hoạt động hợp tác kinh tế, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, ổn định để cùng phát triển. Tháng 11 - 2007, Hiến chương ASEAN được thông qua nhằm xây dựng Cộng đồng ASEAN có vị thế và hiệu quả cao hơn).

- Quan hệ giữa các nước Đông Dương và ASEAN : Năm 1976, hai nhóm nước cải thiện quan hệ, các nhà lãnh đạo thăm viếng lẫn nhau.

- Từ cuối thập niên 70 đến giữa thập niên 80 của thế kỉ XX, quan hệ giữa hai nhóm nước lại căng thẳng do vấn đề Campuchia.
- Quan hệ giữa hai nhóm nước trở lại hoà dịu sau vấn đề Campuchia, Việt Nam và Lào tham gia Hiệp ước Bali, trở thành quan sát viên của ASEAN năm 1992, và đến năm 1995 Việt Nam gia nhập ASEAN ; năm 1997, Lào và Mianma gia nhập ASEAN ; năm 1999, Campuchia gia nhập tổ chức này.

ẤN ĐỘ VÀ KHU VỰC TRUNG ĐÔNG

I – ẤN ĐỘ

1. Cuộc đấu tranh giành độc lập

- Cuộc đấu tranh giành độc lập của Ấn Độ diễn ra mạnh vào những năm 1945 – 1947 đã buộc chính quyền thực dân Anh phải nhượng bộ và hứa trao trả quyền tự trị cho Ấn Độ.

- Người Anh đã đưa ra "phương án Maobáttơn" : Ấn Độ bị chia thành hai nước tự trị dựa trên cơ sở tôn giáo : Ấn Độ của người theo Ấn Độ giáo và Pakixtan của những người theo Hồi giáo. Ngày 15 - 8 - 1947, Ấn Độ bị tách thành hai quốc gia : Ấn Độ và Pakixtan.

- Trong những năm 1948 – 1950, cuộc đấu tranh của nhân dân Ấn Độ đã buộc thực dân Anh phải công nhận độc lập cho Ấn Độ. Ngày 26 - 1 - 1950, Ấn Độ tuyên bố độc lập và thành lập nước cộng hoà.

2. Công cuộc xây dựng đất nước

- Trong nông nghiệp, nhờ cuộc "cách mạng xanh" mà từ giữa những năm 70,
Ấn Độ tự túc được lương thực cho gần 1 tỉ người và có xuất khẩu.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Sản xuất công nghiệp tăng, đặc biệt là công nghiệp nặng. Vào những năm 80 của thế kỉ XX, Ấn Độ đứng hàng thứ 10 trong những nước có nền công nghiệp lớn.

- Khoa học - kĩ thuật và công nghệ phát triển, đặc biệt là công nghệ thông tin, viễn thông, công nghệ hạt nhân, sản xuất phần mềm, công nghệ vũ trụ,... Năm 1974, chế tạo thành công bom nguyên tử, là một trong 6 nước có khả năng phóng vệ tinh lên vũ trụ.

- Về đối ngoại, Ấn Độ luôn thi hành chính sách hoà bình, trung lập tích cực, luôn ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.

II – KHU VỰC TRUNG ĐÔNG

- Trung Đông là mục tiêu nhòm ngó tranh giành của các đế quốc phương Tây vì nơi đây có nguồn dầu mỏ với 2/3 trữ lượng của thế giới, là nơi tiếp giáp ba châu, là đầu mối giao thông quan trọng của thế giới.

- Nguồn gốc xung đột giữa hai dân tộc Do Thái và Arập Palextin là do sự tranh chấp của hai đế quốc Anh, Mĩ ở khu vực.

- Nghị quyết 181 (11 - 1947) của Liên hợp quốc đã huỷ bỏ sự thống trị của Anh và chia lãnh thổ Palextin thành hai quốc gia : một của người Palextin, một của người Do Thái. Tháng 5 - 1948, Nhà nước Do Thái được thành lập, lấy tên là Ixraen, từ đó xung đột giữa Ixraen và Palextin diễn ra liên miên.

- Sự phát triển của cuộc kháng chiến của nhân dân Palextin :

+ Tổ chức giải phóng Palextin (PLO) được thành lập (5 1964).

+ Nhà nước Palextin ra đời (15 - 11 - 1988), ông Y.Araphát được bầu làm Tổng thống (3 - 1989).

+ Hiệp định hoà bình (Hiệp định Gada-Giêricô) được kí kết giữa PLO và Ixraen (9 - 1993). Việc thực thi còn nhiều khó khăn.

CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MĨ LATINH

I. CÁC NƯỚC CHÂU PHI

1. Vài nét về cuộc đấu tranh giành độc lập

- Những điều kiện thuận lợi cho phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân châu Phi :

+ Sự thất bại của chủ nghĩa phát xít, sự suy yếu của thực dân Anh, Pháp.

+ Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, trước hết là Việt Nam và Trung Quốc, đã cổ vũ phong trào đấu tranh của nhân dân châu Phi.

- Phong trào giành độc lập từ sau năm 1945 đến năm 1975 một loạt nước cộng hoà độc lập ra đời. Năm 1960 được gọi là "Năm châu Phi" với 17 nước được trao trả độc lập.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Từ sau năm 1975 đến năm 1993, nhân dân các thuộc địa còn lại ở châu Phi hoàn thành cuộc đấu tranh đánh đổ chủ nghĩa thực dân cũ.

2. Tình hình phát triển kinh tế – xã hội

- Sau khi giành độc lập, các nước châu Phi bắt tay vào xây dựng đất nước, đạt được một số thành tựu song chưa đủ để thay đổi căn bản bộ mặt châu Phi.

- Những khó khăn của châu Phi còn chồng chất : tình trạng lạc hậu, không ổn định, xung đột, nội chiến, nợ nần và phụ thuộc nước ngoài...

Tổ chức thống nhất châu Phi (OAU) thành lập tháng 5 - 1963, đến năm 2001 đổi thành Liên minh châu Phi (AU) đã đề ra chương trình khắc phục khó khăn của châu lục này.

II – CÁC NƯỚC MĨ LATINH

1. Vài nét về quá trình giành và bảo vệ độc lập

- Nhiều nước Mĩ Latinh giành được độc lập sớm (từ đầu thế kỉ XIX), nhưng lại bị lệ thuộc vào Mĩ. Mĩ tìm cách xây dựng các chế độ độc tài thân Mĩ.

- Mục tiêu cuộc đấu tranh của nhân dân Mĩ Latinh là chống chế độ độc tài, tiêu biểu là cách mạng Cuba. Tháng 1 1959, chế độ độc tài ở Cuba bị sụp đổ, nước Cộng hoà Cuba ra đời do Phiđen Caxtorô đứng đầu).

- Trong thập niên 60 - 70, phong trào đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mĩ phát triển, thu được nhiều thắng lợi (năm 1999, Mĩ phải trả lại quyền chiếm kênh đào cho Panama; đến năm 1983, trong vùng Caribê đã có 13 quốc gia độc lập).

2. Tình hình phát triển kinh tế – xã hội

- Từ sau năm 1945 đến hết thập niên 70 của thế kỉ XX, kinh tế Mĩ Latinh đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ (tỉ lệ tăng trưởng bình quân là 5,5%).

- Trong thập niên 80, kinh tế suy thoái và có những biến động về chính trị.

- Trong thập niên 90, kinh tế Mĩ Latinh có chuyển biến tích cực (tỉ lệ lạm phát giảm, đầu tư nước ngoài tăng, nhiều nước NICs xuất hiện như Mêhicô, Braxin, Áchentina.

NƯỚC MĨ

I – NƯỚC MĨ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1973

1. Sự phát triển kinh tế

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ trở thành trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới : Sản lượng công nghiệp Mĩ chiếm 56,5% sản lượng công nghiệp thế giới (1948), sản lượng nông nghiệp bằng 2 lần sản lượng 5 nước Anh, Pháp, CHLB Đức, Italia và Nhật Bản cộng lại (1949), chiếm 3/4 dự trữ vàng thế giới... (1949).

- Những nguyên nhân phát triển của nền kinh tế Mĩ :

+ Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú, khí hậu thuận lợi.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

+ Nguồn nhân lực dồi dào, trình độ kĩ thuật cao.

+ Ít bị tổn thất trong Chiến tranh thế giới thứ hai...

2. Thành tựu khoa học – kĩ thuật

Mĩ có nền khoa học – kĩ thuật hiện đại, là một trong những nước đi đầu trong nhiều lĩnh vực sản xuất công cụ sản xuất mới, vật liệu mới, năng lượng mới, sản xuất vũ khí, chinh phục vũ trụ và đi đầu trong cuộc "cách mạng xanh",...

3. Tình hình chính trị – xã hội

- *Về đối nội :*

+ Mĩ là nước cộng hoà liên bang theo chế độ tổng thống với hai đảng Dân chủ và Cộng hoà thay nhau cầm quyền.

+ Nền kinh tế đã trải qua 7 lần khủng hoảng, suy thoái (1945 – 1973) ; nợ nần, lạm phát, thất nghiệp, phân hoá giàu nghèo,... là những vấn đề không dễ khắc phục ; có nhiều vụ bê bối chính trị...

+ Phong trào đấu tranh của người da đen (1963), của người da đỏ (1969) vì hoà bình, dân chủ, dân sinh diễn ra mạnh, phong trào chống chiến tranh xâm lược Việt Nam.

- *Về đối ngoại :*

+ Mĩ triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng làm bá chủ thế giới.

+ Để thực hiện mục tiêu chiến lược này, Mĩ dựa vào sức mạnh quân sự và kinh tế, "Chiến tranh lạnh" với Liên Xô, tiến hành hoặc tiếp tay cho những cuộc chiến tranh và bạo loạn, lật đổ ở các nơi trên thế giới,...

II – NƯỚC MĨ TỪ NĂM 1973 ĐẾN NĂM 1991

1. Tình hình kinh tế và khoa học – kĩ thuật

- Kinh tế Mĩ lâm vào khủng hoảng và suy thoái kéo dài từ năm 1973 đến năm 1982.

- Từ năm 1983 trở đi, kinh tế Mĩ dần phục hồi. Tuy vẫn đứng đầu thế giới về kinh tế – tài chính, nhưng tỉ trọng kinh tế đã giảm sút.

2. Tình hình chính trị – xã hội

- Sau chiến tranh Việt Nam, Mĩ vẫn tiếp tục triển khai chiến lược toàn cầu và theo đuổi "Chiến tranh lạnh", đặc biệt là thực hiện Học thuyết Rigân với chiến lược "Đối đầu trực tiếp", đẩy mạnh chạy đua vũ trang, can thiệp vào nhiều địa bàn chiến lược và điểm nóng trên thế giới.

- Từ giữa những năm 80, Mĩ điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng hoà dịu, đối thoại, hoà hoãn (với Liên Xô). Tháng 12 - 1989, Mĩ cùng Liên Xô tuyên bố chấm dứt "Chiến tranh lạnh". Mĩ cũng ra sức tác động vào quá trình khủng hoảng và sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu (1989 – 1991).

III – NƯỚC MĨ TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2000

- Về đối nội, chính quyền B.Clintơn "cố gắng ứng dụng ba giá trị : *cơ hội, trách nhiệm và cộng đồng* để vượt qua thử thách", cố gắng tạo thêm nhiều việc làm, mở rộng thị trường, đầu tư cho con người,...

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Về đối ngoại, Mĩ triển khai chiến lược "Cam kết và mở rộng" ở thập niên 90 với ba trụ cột : Bảo đảm an ninh với một lực lượng quân sự mạnh và sẵn sàng chiến đấu cao ; khôi phục, phát triển tính năng động và sức mạnh nền kinh tế Mĩ ;
sử dụng khẩu hiệu "dân chủ" để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

TÂY ÂU

I – TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1950

- Các nước Tây Âu bị tàn phá nặng nề và lâm vào tình trạng tiêu điều, kiệt quệ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Đến năm 1950, nền kinh tế Tây Âu phục hồi.

- Về đối ngoại, các nước Tây Âu liên minh chặt chẽ với Mĩ, đối đầu với Liên Xô và các nước XHCN và đều quay trở lại xâm lược các nước thuộc địa cũ của mình...

II – TỪ NĂM 1950 ĐẾN NĂM 1973

- Từ thập niên 50 đến đầu những năm 70, nền kinh tế của các nước Tây Âu đều có sự phát triển nhanh. Đến đầu thập niên 70, CHLB Đức có nền kinh tế đứng thứ ba thế giới (sau Mĩ, Nhật), Anh ở vị trí thứ tư, Pháp ở vị trí thứ năm.

- Quá trình liên kết khu vực ở Tây Âu diễn ra mạnh với sự ra đời của Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC - 1957), sau trở thành Cộng đồng châu Âu (EC - 1967).

- Từ đầu thập niên 70 trở đi, Tây Âu trở thành một trong ba trung tâm kinh tế tài chính của thế giới (cùng với Mĩ và Nhật Bản).

- Trên chính trường một số nước Tây Âu có những biến động : Nền cộng hoà thứ tư ở Pháp (1946 – 1958) đã thay đổi tới 25 nội các...

- Về đối ngoại, từ năm 1950 đến năm 1973, các nước Tây Âu vừa liên minh chặt chẽ với Mĩ, vừa mở rộng quan hệ đối ngoại.

III – TỪ NĂM 1973 ĐẾN NĂM 1991

- Các nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu lâm vào khủng hoảng và suy thoái kinh tế.

- Tuy vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính của thế giới nhưng kinh tế Tây Âu gặp không ít khó khăn : phát triển xen kẽ với suy thoái, khủng hoảng, lạm pháp, thất nghiệp, bị Mĩ và Nhật Bản cạnh tranh,...

- Sự phân hoá giàu nghèo ngày càng lớn.

- Các nước Tây Âu tham gia Định ước Henxinki (1975) về an ninh và hợp tác châu Âu. Nước Đức tái thống nhất (3 – 10 - 1990).

IV –TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2000

Sau một đợt suy thoái ngắn đầu thập niên 90, kinh tế Tây Âu bước vào phục hồi và phát triển từ năm 1994 ; là một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính của thế giới.

Tình hình chính trị các nước Tây Âu ổn định, các nước này đều có sự điều chỉnh trong đường lối đối ngoại : mở rộng quan hệ hợp tác không chỉ với các nước tư bản mà cả với các nước Á, Phi, Mĩ Latinh cũng như các nước Đông Âu và SNG.

V – LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, xu thế toàn cầu hoá và liên kết khu vực diễn ra mạnh mẽ trên thế giới. Sự hình thành và phát triển của EU là một điển hình.

- Thông qua ba tổ chức : "Cộng đồng than thép châu Âu, "Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu và "Cộng đồng kinh tế châu Âu" hợp nhất lại thành "Cộng đồng châu Âu" (EC) rồi đổi thành Liên minh châu Âu (EU). Đến năm 2007, số thành viên EU là 27 nước.

- EU không chỉ hợp tác trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ mà còn liên minh trong lĩnh vực chính trị (xác định luật công dân EU, chính sách đối ngoại và an ninh chung, Hiến pháp chung,...). Ngày 1– 1 - 1999, đồng tiền chung châu Âu (EURO) ra đời và được chính thức sử dụng ở nhiều nước EU (từ năm 2002).

NHẬT BẢN

I - TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1952

Sau chiến tranh, Nhật Bản bị tàn phá nặng nề, bị lực lượng Đồng minh, thực tế là Mĩ, chiếm đóng.

- *Về chính trị :*

+ Nhật Bản là nước quân chủ lập hiến nhưng thực tế là theo chế độ dân chủ đại nghị tư sản, dựa trên ba nguyên tắc cơ bản : chủ quyền của toàn dân, Thiên hoàng có vai trò tượng trưng, hoà bình và quyền cơ bản của con người được tôn trọng.

+ Nhật Bản cam kết từ bỏ tiến hành chiến tranh, không đe doạ sử dụng vũ lực, không duy trì quân đội thường trực, không đưa quân ra nước ngoài.

- *Về kinh tế :* Nhờ tiến hành những cuộc cải cách lớn, dựa vào nỗ lực của bản thân và viện trợ của Mĩ, kinh tế Nhật Bản phục hồi nhanh chóng, năm 1951 đạt mức trước chiến tranh.

- *Về đối ngoại :* Chủ trương liên minh chặt chẽ với Mĩ.

IĨ. TỪ NĂM 1952 ĐẾN NĂM 1973

Những thành tựu

- Từ 1952 đến 1960 : Kinh tế Nhật Bản phát triển nhanh.
- Từ 1960 đến 1973 : Kinh tế Nhật Bản bước vào *giai đoạn phát triển "thần kì"*, đứng thứ hai thế giới (sau Mĩ) ; là một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính thế giới (cùng Mĩ và Tây Âu).
- *Những yếu tố chính khiến Nhật Bản trở thành siêu cường về kinh tế :* Người dân Nhật cần cù, tiết kiệm, tay nghề cao, có nhiều sáng tạo ; nhà nước quản lí kinh tế vĩ mô rất hiệu quả ; các công ty năng động, có tầm nhìn, quản lí tốt, có tiềm lực, sức cạnh tranh cao ; sử dụng hiệu quả các thành tựu khoa học – kĩ thuật hiện đại... ; chi phí cho quốc phòng ít (không quá 1% GDP) ; biết tận dụng các yếu tố thuận lợi từ bên ngoài (viện trợ của Mĩ, lợi dụng các cuộc chiến tranh Triều Tiên, Việt Nam để làm giàu).

Những thách thức, trở ngại

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

– Lãnh thổ không lớn, dân số đông, tài nguyên nghèo, thiên tai thường xuyên. Nền công nghiệp phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn nguyên liệu, nhiên liệu nhập khẩu. Nông nghiệp phát triển cao nhưng vẫn phải nhập khẩu lương thực, thực phẩm...

– Mĩ, Tây Âu và các nước công nghiệp khác luôn cạnh tranh quyết liệt.

- Đầu những năm 60, Nhật Bản chủ trương xây dựng một "Nhà nước phúc lợi chung" ; trong vòng 10 năm (1960 – 1970) tăng thu nhập quốc dân lên gấp đôi.

- Liên minh chặt chẽ với Mĩ. Hiệp ước An ninh Nhật – Mĩ (kí năm 1951, có giá trị 10 năm) được kéo dài vĩnh viễn.

- Năm 1956, Nhật Bản trở thành thành viên của Liên hợp quốc.

III - TỪ NĂM 1973 ĐẾN NĂM 1991

- Tuy có lúc suy thoái do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng toàn cầu, nhưng kinh tế Nhật vẫn đứng hàng thứ hai thế giới (sau Mĩ).

Về chính trị : Trong bối cảnh Chiến tranh lạnh căng thẳng, lực lượng phòng vệ dân sự không ngừng tăng lên. Quân Mĩ vẫn đóng trên đất Nhật.

Về đối ngoại :

+ Năm 1973, Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam, bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc.

+ Từ năm 1977, củng cố quan hệ về mọi mặt với các nước Đông Nam Á, là bạn hàng bình đẳng của các nước ASEAN.

IV - TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2000

- Nhật Bản vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới.

- Khoa học – kĩ thuật tiếp tục phát triển ở trình độ cao, hợp tác có hiệu quả với Mĩ, Nga trong các chương trình vũ trụ quốc tế.

- Duy trì liên minh chặt chẽ với Mĩ, coi trọng quan hệ với Tây Âu, mở rộng quan hệ với các nước khác, sự hợp tác kinh tế giữa Nhật Bản với các nước công nghiệp mới và ASEAN tiếp tục gia tăng ngày càng mạnh mẽ.

Là nước tư bản phát triển nhưng Nhật Bản vẫn lưu giữ được những giá trị truyền thống và bản sắc văn hoá của mình.

QUAN HỆ QUỐC TẾ
TRONG VÀ SAU THỜI KÌ CHIẾN TRANH LẠNH

I - MÂU THUẪN ĐÔNG, TÂY VÀ SỰ KHỞI ĐẦU CỦA CHIẾN TRANH LẠNH

- Tình trạng đối đầu và Chiến tranh lạnh

Từng là đồng minh cùng chống phát xít, Liên Xô và Mĩ nhanh chóng chuyển sang tình trạng đối đầu – Chiến tranh lạnh.

Mĩ : Khẳng định sự tồn tại của Liên Xô là nguy cơ lớn đối với Mĩ. Vì vậy, đã hình thành một giới tuyến phân chia và đối lập giữa hai khối TBCN và XHCN ở châu Âu :

+ Học thuyết Truman (1947) : nhằm xác lập mối quan hệ của Mĩ với châu Âu.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

+ Kế hoạch Mácsan (6 - 1947) : Mĩ viện trợ 17 tỉ USD cho các nước Tây Âu.

+ Thành lập khối quân sự – *Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương* (NATO, 4 - 1949). Đây là liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây, do Mĩ cầm đầu, nhằm chống lại Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.

Để đối phó với mối đe doạ của Mĩ và khôi phục đất nước sau chiến tranh, Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập *Tổ chức Hiệp ước Vácsava* (5 - 1955), một liên minh chính trị, quân sự mang tính phòng thủ gồm Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.

- Sự ra đời của NATO và Tổ chức Hiệp ước Vácsava là những sự kiện đánh dấu sự xác lập hai cực, hai phe. Chiến tranh lạnh đã bao trùm thế giới.

II - SỰ ĐỐI ĐẦU ĐÔNG - TÂY VÀ CÁC CUỘC CHIẾN TRANH CỤC BỘ

– Cuộc phong toả Béclin (1948) và Bức tường Béclin (1961).

– Cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp (1945 – 1954).

– Cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950 – 1953).

– Cuộc khủng hoảng Caribê (1962).

– Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mĩ (1954 – 1975).

III - XU THẾ HOÀ HOÃN ĐÔNG – TÂY VÀ CHIẾN TRANH LẠNH CHẤM DỨT

- Đầu những năm 70, xu hướng hoà hoãn Đông – Tây đã xuất hiện với những cuộc gặp gỡ thương lượng Xô – Mĩ.

+ Tháng 12 1972, hai nước Đức (Cộng hoà Dân chủ và Cộng hoà Liên bang) đã kí Hiệp định tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau cũng như của các nước châu Âu.

+ Năm 1972, Liên Xô – Mĩ kí *Hiệp ước về việc hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa*, sau đó là *Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược*, hình thành thế cân bằng chiến lược giữa Liên Xô và Mĩ.

+ Tháng 8 1975, 33 nước châu Âu cùng Mĩ, Canađa đã kí kết *Định ước Henxinki* nhằm bảo đảm an ninh và sự hợp tác giữa các nước ; chấm dứt tình trạng đối đầu giữa hai khối nước – TBCN và XHCN ở châu Âu.

+ Tháng 12 1989, hai nước Xô – Mĩ cùng tuyên bố chấm dứt "Chiến tranh lạnh".

- Chiến tranh lạnh chấm dứt đã mở ra chiều hướng và những điều kiện giải quyết hoà bình các vụ tranh chấp, xung đột ở nhiều khu vực trên thế giới.

IV - THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

- Do trì trệ, khủng hoảng kéo dài, những năm 1989 – 1991, chế độ XHCN ở Đông Âu và Liên Xô bị tan rã (tháng 6 - 1991, *Hội đồng tương trợ kinh tế* giải thể ; tháng 7 - 1991, *Tổ chức Hiệp ước Vácsava* chấm dứt hoạt động). Trật tự thế giới từ "hai cực" chỉ còn "cực" duy nhất là Mĩ.

- Từ sau năm 1991, tình hình thế giới đã diễn ra *những thay đổi to lớn và phức tạp* :

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

+ Trật tự thế giới "hai cực" đã sụp đổ nhưng trật tự thế giới mới lại đang hình thành (với sự đua tranh của Mĩ, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Nga, Trung Quốc...).

+ Hầu hết các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược, tập trung vào phát triển kinh tế.

+ Sự tan rã của Liên Xô tạo cho Mĩ một lợi thế tạm thời. Mĩ muốn làm bá chủ thế giới, tuy nhiên không dễ dàng.

+ Nhiều khu vực vẫn không ổn định với những cuộc nội chiến, xung đột đẫm máu kéo dài do những mâu thuẫn về sắc tộc, tôn giáo, lãnh thổ...

- Cuộc tấn công khủng bố bất ngờ vào nước Mĩ ngày 11 - 9 - 2001 đã mở đầu cho một thời kì biến động lớn trong tình hình thế giới với những nguy cơ khó lường.

- Với xu thế phát triển của thế giới ngày nay, các quốc gia vừa đứng trước những thời cơ phát triển thuận lợi, vừa đối mặt với những thách thức vô cùng gay gắt.

CÁCH MẠNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ NỬA SAU THẾ KỈ XX

I – CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ

1. Nguồn gốc và đặc điểm

- Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ ngày nay diễn ra là do những đòi hỏi của cuộc sống, của sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người (tìm kiếm những công cụ sản xuất mới, các nguồn năng lượng và những vật liệu mới).

- Đặc điểm của cách mạng khoa học – kĩ thuật ngày nay là *khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.*

Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật ngày nay phát triển qua hai giai đoạn :

- Giai đoạn 1 : Từ những năm 40 đến những năm 70 của thế kỉ XX.

- Giai đoạn 2 : Từ cuộc khủng hoảng năng lượng năm 1973 đến nay.

2. Những thành tựu tiêu biểu

- Trong lĩnh vực *khoa học cơ bản :* Nhiều phát minh lớn trong Toán học, Vật lí học, Hoá học, Sinh học,... đã được ứng dụng vào kĩ thuật và sản xuất phục vụ con người, tạo nên những bước nhảy vọt chưa từng thấy.

– Tháng 3 - 1997, các nhà khoa học đã tạo ra được một con cừu bằng *phương pháp sinh sản vô tính.*

– Tháng 6 - 2000, các nhà khoa học Anh, Pháp, Mĩ, Đức, Nhật Bản, Trung Quốc đã công bố *"Bản đồ gen người".*

– Trong *lĩnh vực công nghệ*, đã xuất hiện những phát minh quan trọng, những thành tựu to lớn : *những công cụ sản xuất mới, những nguồn năng lượng mới, những vật liệu mới, công nghệ sinh học* (công nghệ di truyền, công nghệ tế bào, công nghệ vi sinh...), những tiến bộ thần kì về *thông tin liên lạc, giao thông vận tải, chinh phục vũ trụ...*

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

– Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ có *tác động* to lớn về nhiều mặt : tăng năng suất lao động, nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống của con người. Từ đó tạo sự thay đổi lớn về cơ cấu dân cư, chất lượng nguồn nhân lực, đòi hỏi về giáo dục và đào tạo nghề nghiệp, sự hình thành một thị trường thế giới với xu thế toàn cầu hoá.

– Tuy nhiên, cộc cách mạng khoa học – công nghệ cũng gây nên *hậu quả tiêu cực* (chủ yếu là do con người) : ô nhiễm môi trường, tai nạn lao động, dịch bệnh mới... Việc chế tạo vũ khí huỷ diệt con người.

II. XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ

- *Xu thế toàn cầu hoá* diễn ra từ những năm 80 của thế kỉ XX, đặc biệt từ sau Chiến tranh lạnh.

- Toàn cầu hoá là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên thế giới.

- Những biểu hiện chủ yếu của xu thế toàn cầu hoá :

+ Sự phát triển nhanh chóng của *quan hệ thương mại quốc tế*.

+ Sự phát triển và tác động to lớn của *các công ti xuyên quốc gia*.

+ *Sự sáp nhập và hợp nhất các công ti thành những tập đoàn lớn*, nhất là các công ti khoa học – kĩ thuật, nhằm tăng khả năng cạnh tranh.

+ Sự ra đời của *các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực*.

- *Toàn cầu hoá là xu thế khách quan, là một thực tế không thể đảo ngược được.*

+ *Mặt tích cực :* Thúc đẩy rất mạnh, rất nhanh việc phát triển và xã hội hoá lực lượng sản xuất, đem lại sự tăng trưởng cao (từ 2,7 lần nửa đầu thế kỉ lên 5,2 lần nửa cuối thế kỉ XX), tăng sức cạnh tranh...

+ *Mặt tiêu cực :* Làm trầm trọng thêm sự bất công xã hội (giàu – nghèo), làm cho mọi hoạt động và đời sống của con người kém an toàn hơn, tạo nguy cơ mất bản sắc dân tộc và độc lập, tự chủ của các quốc gia.

- Toàn cầu hoá là thời cơ lịch sử. Việt Nam cũng nằm trong xu thế đó, vì vậy phải biết nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức để đưa đất nước phát triển mạnh mẽ.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 2000

NHỮNG CHUYỂN BIẾN MỚI VỀ KINH TẾ VÀ XÃ HỘI Ở VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

I - HOÀN CẢNH QUỐC TẾ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

- Sau chiến tranh, các nước thắng trận đã cùng nhau phân chia lại thế giới, thiết lập một trật tự hoà bình, an ninh mới.

- Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi (11 - 1917) với sự ra đời của nước Nga Xô viết đã thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông.

- Quốc tế Cộng sản được thành lập (1919), đảm nhiệm vai trò lãnh đạo phong trào cách mạng, giải phóng dân tộc ở các nước trên thế giới.

Những biến chuyển đó đã tác động sâu sắc đến Việt Nam.

IĨ. CHÍNH SÁCH THỐNG TRỊ CỦA THỰC DÂN PHÁP Ở VIỆT NAM

1. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai

- Nguyên nhân : nền kinh tế Pháp bị tổn thất nặng nề vì chiến tranh. Để hàn gắn, Pháp vừa thúc đẩy sản xuất trong nước, vừa tăng cường đầu tư khai thác thuộc địa (Đông Dương, châu Phi...).

- Chương trình khai thác lần thứ hai do Toàn quyền Đông Dương Anbe Xarô vạch ra đã đầu tư mạnh với tốc độ nhanh, quy mô lớn vào các ngành kinh tế Việt Nam, nhiều nhất là nông nghiệp. Trong lĩnh vực công nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải cũng có nhiều chuyển biến.

2. Chính sách chính trị, văn hoá, giáo dục

Chính trị :

+ Mọi quyền hành nằm trong tay thực dân Pháp và bọn tay sai. Bộ máy đàn áp, cảnh sát, mật thám, nhà tù...được củng cố và hoạt động ráo riết.

+ Pháp thi hành một vài cải cách chính trị – hành chính để đối phó : lập Viện Dân biểu Trung Kì, Bắc Kì..., tăng thêm số người Việt trong một số cơ quan...

Văn hoá, giáo dục : Hệ thống giáo dục được mở rộng (gồm các cấp tiểu học, trung học, cao đẳng, đại học) nhằm phục vụ cho sự thống trị, khai thác, bóc lột của thực dân Pháp.

III - NHỮNG CHUYỂN BIẾN MỚI VỀ KINH TẾ VÀ GIAI CẤP XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Chuyển biến về kinh tế

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Chính sách khai thác thuộc địa đã làm cho nền kinh tế của tư bản thực dân Pháp tiếp tục được mở rộng và bao trùm lên nền kinh tế phong kiến Việt Nam.
Cơ cấu kinh tế có chuyển biến ít nhiều, song chỉ có tính chất cục bộ, mất cân đối giữa các ngành, các vùng miền, còn nhìn chung vẫn trong tình trạng lạc hậu, nghèo nàn, là thị trường độc chiếm của tư bản Pháp.

2. Chuyển biến về giai cấp xã hội

- *Giai cấp địa chủ* bị phân hoá. Một bộ phận không nhỏ tiểu và trung địa chủ có tinh thần dân tộc chống thực dân Pháp và tay sai.

- *Giai cấp nông dân* bị thống trị, bị tước đoạt ruộng đất, bần cùng hoá, phá sản. Mâu thuẫn giữa nông dân với đế quốc và phong kiến tay sai hết sức gay gắt.

- *Giai cấp tiểu tư sản* thành thị (những người buôn bán nhỏ, chủ xưởng nhỏ, học sinh, sinh viên, công chức, trí thức) ngày càng đông. Họ có tinh thần dân tộc, chống Pháp và tay sai, nên hăng hái đấu tranh vì độc lập, tự do của dân tộc.

- *Giai cấp tư sản* ra đời sau Chiến tranh thế giới thứ nhất và phân hoá thành hai bộ phận : tư sản mại bản và tư sản dân tộc. Tư sản mại bản ngày càng đông đảo theo tốc độ đầu tư của Pháp. Tư sản dân tộc Việt Nam chủ yếu kinh doanh thương nghiệp, là lực lượng có khuynh hướng dân tộc và dân chủ.

- *Giai cấp công nhân* Việt Nam ngày càng đông đảo. Họ bị ba tầng áp bức, bóc lột (thực dân, phong kiến và tư sản bản xứ). Họ có quan hệ gắn bó với nông dân, có truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc, trở thành một động lực mạnh mẽ của phong trào dân tộc theo khuynh hướng cách mạng tiên tiến của thời đại.

Những biến đổi trên đã dẫn tới mâu thuẫn sâu sắc trong xã hội, chủ yếu là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai phản động. Vì vậy, cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống đế quốc và tay sai đã diễn ra ngày càng gay gắt.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1925

I - HOẠT ĐỘNG CỦA PHAN BỘI CHÂU, PHAN CHÂU TRINH VÀ MỘT SỐ NGƯỜI VIỆT NAM SỐNG Ở PHÁP

- Sau những năm hoạt động ở Nhật Bản, ở Trung Quốc không thành công, Phan Bội Châu bị bọn quân phiệt Trung Quốc bắt giam từ năm 1913 đến năm 1917.

- Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười và sự ra đời của nước Nga Xô viết khiến ông có cảm tình với nước Nga và dịch cuốn *Điều tra chân tướng Nga La Tư* (của một tác giả Nhật Bản) ra chữ Hán (1920).

- Tháng 6 - 1925, Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt tại Thượng Hải (Trung Quốc) đưa về nước, bị kết án tù rồi đưa về an trí ở Huế.

- Đầu năm 1922, Phan Châu Trinh đến Mácxây ; viết *Thất điều thư* vạch ra
7 tội đáng chém của Khải Định, tổ chức diễn thuyết lên án chế độ quân chủ và quan trường Việt Nam, hô hào "Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh"...

- Tháng 6 - 1925, Phan Châu Trinh về nước, tiếp tục hoạt động, được nhân dân, đặc biệt là thanh niên, mến mộ, hưởng ứng.

II - HOẠT ĐỘNG CỦA TƯ SẢN, TIỂU TƯ SẢN VÀ CÁC CUỘC ĐẤU TRANH CỦA CÔNG NHÂN VIỆT NAM

1. Hoạt động của tư sản và tiểu tư sản

Năm 1923, địa chủ và tư sản Việt Nam đấu tranh chống tư bản Pháp độc quyền cảng Sài Gòn, độc quyền xuất khẩu lúa gạo Nam Kì.

- Tầng lớp tiểu tư sản trí thức sôi nổi đấu tranh đòi quyền tự do dân chủ, chống áp bức, tập trung trong các tổ chức chính trị : Việt Nam nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Đảng Thanh niên... Báo chí tiến bộ lần lượt xuất hiện.

Trong phong trào yêu nước dân chủ công khai, có một số sự kiện nổi bật như : cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu (1925) ; cuộc truy điệu, để tang Phan Châu Trinh (1926).

2. Các cuộc đấu tranh của công nhân

- Những năm đầu sau chiến tranh : còn lẻ tẻ, tự phát nhưng đã thể hiện ý thức giai cấp, làm cơ sở cho các tổ chức, phong trào về sau. Năm 1920, công nhân
Sài Gòn – Chợ Lớn thành lập *Công hội* (bí mật) do Tôn Đức Thắng đứng đầu.

- Năm 1922, công nhân và viên chức các sở công thương của tư nhân ở
Bắc Kì đấu tranh đòi nghỉ ngày chủ nhật có trả lương, cuộc bãi công của công nhân nhà máy dệt, nhà máy rượu, nhà máy xay xát gạo ở Nam Định, Hà Nội, Hải Dương...

- Tháng 8 - 1925, thợ máy xưởng Ba Son (Sài Gòn) đấu tranh đòi tăng 20% lương và chủ Pháp thu nhận lại những công nhân bị mất việc đã thắng lợi, đánh dấu bước tiến của phong trào đấu tranh tuy còn lẻ tẻ, tự phát, song đã là cơ sở thuận lợi để tiếp thu lí luận cách mạng giải phóng tiên tiến của thời đại.

III - HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Sau những năm bôn ba khắp các châu lục, Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp, lấy tên là Nguyễn Ái Quốc, gia nhập Đảng Xã hội Pháp (tổ chức duy nhất lúc bấy giờ theo đuổi lí tưởng : Tự do, Bình đẳng, Bác ái).

- Tháng 6 - 1919, gửi đến Hội nghị Vécxai *Bản yêu sách của nhân dân An Nam* (gồm 8 điểm).

- Tháng 7 - 1920, đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin. Luận cương giúp Nguyễn Ái Quốc khẳng định muốn cứu nước và giải phóng dân tộc thì phải đi theo con đường cách mạng vô sản.

- Tháng 12 - 1920, dự Đại hội Đảng Xã hội Pháp và bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

- Năm 1921, cùng một số người lập ra *Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa* ở Pari, làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo *Người cùng khổ* ; viết bài cho nhiều báo, Đặc biệt là cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925).

- Tháng 6 - 1923, Người bí mật sang Liên Xô dự *Hội nghị Quốc tế Nông dân* (10 1923), được bầu vào Ban chấp hành Hội.

- Tháng 11 - 1924, về Quảng Châu (Trung Quốc), trực tiếp đào tạo cán bộ,
xây dựng tổ chức cách mạng, truyền bá lí luận cách mạng giải phóng dân tộc vào Việt Nam, thúc đẩy phong trào dân tộc phát triển.

PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1925 ĐẾN NĂM 1930

I - SỰ RA ĐỜI VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BA TỔ CHỨC CÁCH MẠNG

1. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên

- Sau khi về Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ cách mạng. Học viên là thanh niên, học sinh, trí thức.

- Tháng 6 - 1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.* Báo *Thanh niên* là cơ quan ngôn luận của Hội.

- Đầu năm 1927, cuốn *Đường Kách mệnh* được xuất bản.

Những sách báo trên đã trang bị lí luận giải phóng dân tộc cho cán bộ Hội để tuyên truyền cho các tầng lớp nhân dân.

2. Tân Việt cách mạng đảng

- Tháng 7 - 1925, một số tù chính trị cũ ở Trung Kì cùng một nhóm sinh
viên Trường Cao đẳng ở Hà Nội như Tôn Quang Phiệt, Đặng Thai Mai... lập ra *Hội Phục Việt*. Qua nhiều lần đổi tên, đến tháng 7 - 1928, Hội họp Đại hội tại Huế, quyết định lấy tên là *Tân Việt cách mạng đảng* (Đảng Tân Việt).

- Chủ trương của đảng nhằm *đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, thiết lập một xã hội bình đẳng và bác ái.* Đảng tập hợp những trí thức và thanh niên tiểu tư sản yêu nước. Địa bàn hoạt động chủ yếu ở Trung Kì.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

3. Việt Nam Quốc dân đảng và khởi nghĩa Yên Bái

- Việt Nam Quốc dân đảng ra đời tháng 12 - 1927, do Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính... sáng lập, theo xu hướng cách mạng dân chủ tư sản, đại biểu cho tư sản dân tộc Việt Nam.

- Quốc dân đảng chủ trương tiến hành cách mạng "bằng sắt và máu". Tổ chức cơ sở của đảng trong quần chúng rất ít, địa bàn hoạt động rất hạn hẹp (ở một số địa phương thuộc Bắc Kì).

- Bị thực dân khủng bố dữ dội, Đảng lâm vào tình thế bị động đối phó, đứng trước nguy cơ tan rã.

Cuộc khởi nghĩa Yên Bái

- Tháng 2 - 1929, Việt Nam Quốc dân đảng tổ chức vụ ám sát tên trùm mộ phu Badanh ở Hà Nội, bị thực dân Pháp khủng bố dã man. Nhiều đảng viên và quần chúng bị bắt.

- Với ý tưởng "Không thành công cũng thành nhân", những cán bộ lãnh đạo chủ chốt còn lại của Đảng đã dốc hết lực lượng tiến hành cuộc khởi nghĩa đêm
9 – 2 - 1930 ở Yên Bái, tiếp đó là ở Phú Thọ, Sơn Tây, Hải Dương, Thái Bình...

- Cuộc khởi nghĩa tuy thất bại, song đã cổ vũ lòng yêu nước và chí căm thù giặc của nhân dân Việt Nam, nối tiếp truyền thống yêu nước bất khuất của
dân tộc.

II - PHONG TRÀO CÔNG NHÂN VÀ CÁC TẦNG LỚP NHÂN DÂN VIỆT NAM

- Trong hai năm 1926 – 1927, đã nổ ra 27 cuộc đấu tranh của công nhân.

- Những năm 1928 – 1929, có tới 40 cuộc đấu tranh của công nhân : bãi công ở mỏ than Mạo Khê (Quảng Ninh), nhà máy nước Laruy Sài Gòn, đồn điền Lộc Ninh, nhà máy cưa Bến Thuỷ, nhà máy xi măng Hải Phòng, hãng dầu Nhà Bè, nhà máy tơ Nam Định, nhà máy sửa chữa xe lửa Trường Thi (Vinh)...

- Các cuộc đấu tranh của nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, học sinh... cũng đã diễn ra ở một số nơi, chống sưu cao thuế nặng, chống các thủ đoạn của cường hào, ác bá hòng chiếm đoạt ruộng đất.

III - ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

1. Sự xuất hiện các tổ chức cộng sản năm 1929

- Cuối tháng 3 - 1929, một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Bắc Kì họp tại số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội), lập ra *Chi bộ cộng sản đầu tiên* gồm 7 đảng viên.

- Tháng 6 - 1929, đại biểu các tổ chức cơ sở cộng sản ở miền Bắc họp Đại hội thành lập *Đông Dương Cộng sản đảng*, thông qua Tuyên ngôn, Điều lệ của Đảng, ra báo *Búa liềm*, mở rộng tổ chức cơ sở Đảng ở Bắc, Trung, Nam Kì.

- Khoảng tháng 8 - 1929, các cán bộ lãnh đạo tiên tiến trong Tổng bộ và Kì bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Nam Kì cũng đã quyết định lập *An Nam Cộng sản Đảng*.

- Tháng 9 - 1929, một số đảng viên tiên tiến của Đảng Tân Việt tuyên bố thành lập *Đông Dương Cộng sản liên đoàn.* Nhiều chi bộ đảng ở cả ba Kì được hình thành.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản lúc đó là một xu thế khách quan của phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Do các tổ chức trên đều hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng của nhau, thậm chí công kích lẫn nhau..., nên Nguyễn Ái Quốc liền rời Xiêm sang Trung Quốc để thống nhất các tổ chức cộng sản.

2. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

- Với quyền hạn và trách nhiệm của mình, Nguyễn Ái Quốc chủ động triệu tập đại biểu của Đông Dương Cộng sản đảng và An Nam Cộng sản đảng đến Cửu Long – Hương Cảng để bàn việc thống nhất Đảng.

Hội nghị hợp nhất Đảng bắt đầu ngày 6 - 1 - 1930, do Nguyễn Ái Quốc chủ trì.

Hội nghị nhất trí với ý kiến của Nguyễn Ái Quốc là thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất lấy tên là *Đảng Cộng sản Việt Nam*, thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* của Đảng. Đó là *Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng*.

- Cương lĩnh xác định đường lối chiến lược cách mạng của Đảng là tiến hành cuộc *"tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"*.

- Cương lĩnh đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo là một cương lĩnh giải phóng dân tộc sáng tạo. Độc lập và tự do là tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh này.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam mang tầm vóc lịch sử của một Đại hội thành lập Đảng.

Ngày 24 - 2 - 1930, theo đề nghị của Đông Dương Cộng sản liên đoàn, tổ chức này được gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử Việt Nam. Từ đây, cách mạng giải phóng dân tộc đã đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam, một Đảng có đường lối cách mạng khoa học và sáng tạo, có tổ chức chặt chẽ, có đội ngũ kiên trung, suốt đời phấn đấu hi sinh cho độc lập, tự do của Tổ quốc.

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1935

I - VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM KHỦNG HOẢNG KINH TẾ THẾ GIỚI 1929 - 1933

- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 cũng như cuộc khủng hoảng kinh tế ở nước Pháp là một trong những nguyên nhân khiến kinh tế Việt Nam bước vào thời kì suy thoái (từ năm 1930).

+ Nông nghiệp : Lúa gạo bị sụt giá, ruộng đất bị bỏ hoang.

+ Công nghiệp : sản xuất suy giảm.

+ Thương nghiệp : xuất nhập khẩu đình đốn.

- Hậu quả lớn nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế là *làm trầm trọng thêm tình trạng nghèo đói của các tầng lớp nhân dân lao động*.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc. Hai mâu thuẫn cơ bản là : mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp (chủ yếu) và mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến. Vì vậy, phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh, lôi cuốn đông đảo các giai cấp, tầng lớp xã hội tham gia.

II - PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 – 1931 VỚI ĐỈNH CAO XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH

1. Phong trào cách mạng 1930 – 1931

Vừa ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo phong trào đấu tranh của quần chúng công nông trên cả nước với mục tiêu đấu tranh là *đòi cải thiện đời sống*. Công nhân đòi tăng lương, giảm giờ làm. Nông dân đòi giảm sưu, giảm thuế...

- Các cuộc đấu tranh đã đánh dấu bước ngoặt của phong trào cách mạng. Lần đầu tiên, công nhân Việt Nam biểu tình kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động (1–5), đấu tranh đòi quyền lợi, thể hiện tình đoàn kết với nhân dân lao động thế giới.

Tháng 9 - 1930, phong trào đấu tranh dâng cao, tiêu biểu là cuộc biểu tình của nông dân huyện Hưng Nguyên (Nghệ An) ngày 12 - 9 - 1930, thu hút đông đảo quần chúng tham gia, có lúc lên tới 30.000 người. Thực dân Pháp đã đàn áp dã man, ném bom làm chết và bị thương nhiều người nhưng vẫn không ngăn được tinh thần đấu tranh của quần chúng. Hệ thống chính quyền thực dân, phong kiến bị tê liệt, tan rã ở nhiều huyện, xã. Nhiều thôn xã tự quản lí mọi mặt đời sống theo hình thức Xô viết.

Ở khắp nơi của Bắc Kì, Trung Kì, Nam Kì nhiều cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân diễn ra.

2. Xô viết Nghệ – Tĩnh

- Ở Nghệ An, Hà Tĩnh các Xô viết đã thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động, điều hành mọi mặt đời sống xã hội.

Xô viết Nghệ – Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931. Tuy chỉ tồn tại được 4 - 5 tháng, nhưng nó là nguồn cổ vũ mạnh mẽ quần chúng nhân dân trong cả nước.

- Thực dân Pháp quyết tâm đàn áp, khủng bố phong trào, cho lính đi càn quét, bắn giết dân chúng, đốt phá, triệt hạ làng mạc,... nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng và cơ sở quần chúng bị phá vỡ, nhiều cán bộ, đảng viên, quần chúng bị bắt, tù đày hoặc bị giết hại.

Từ giữa 1931, phong trào cách mạng trong cả nước dần dần lắng xuống.

3. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10 - 1930)

- Tháng 10 - 1930, Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng Cộng sản Việt Nam họp *Hội nghị lần thứ nhất* tại Hương Cảng (Trung Quốc).

- Hội nghị đã quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành *Đảng Cộng sản Đông Dương,* cử ra Ban Chấp hành Trung ương chính thức do Trần Phú làm Tổng bí thư và thông qua Luận cương chính trị của Đảng.

- Luận cương xác định *nhiệm vụ chiến lược* của cách mạng là *đánh đổ phong kiến* và *đánh đổ đế quốc* ; *động lực cách mạng* là giai cấp vô sản và nông dân ; *lãnh đạo cách mạng* là giai cấp vô sản với đội tiên phong là Đảng Cộng sản.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

+ Xác định rõ hình thức và phương pháp đấu tranh, mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.

- Hạn chế : Luận cương chưa nêu được mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Đông Dương, không đưa ngọn cờ dân tộc lên hàng đầu mà nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất...

4. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930 – 1931

- *Ý nghĩa lịch sử :*

+ Khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng, quyền lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân đối với cách mạng các nước Đông Dương ; hình thành khối liên minh công nông.

+ Được phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đánh giá cao.

- *Bài học kinh nghiệm :*

Để lại cho Đảng nhiều bài học quý báu về công tác tư tưởng, xây dựng khối liên minh công nông và mặt trận dân tộc thống nhất...

Phong trào có ý nghĩa như cuộc tập dượt đầu tiên của Đảng và quần chúng cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945.

III - PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TRONG NHỮNG NĂM 1932 - 1935

1. Cuộc đấu tranh phục hồi phong trào cách mạng

- Khi phong trào lắng xuống (1930 – 1931), *thực dân Pháp vẫn tiếp tục thi hành chính sách khủng bố, hầu hết các cán bộ cao cấp của Đảng bị bắt.*

+ Thực dân Pháp còn dùng những thủ đoạn mị dân, lừa bịp để lôi kéo các tầng lớp quan lại, địa chủ, trí thức và mê hoặc một bộ phận trong nhân dân, lợi dụng các tôn giáo để chia rẽ khối đoàn kết dân tộc.

- *Những người cộng sản vẫn kiên cường đấu tranh* dù ở trong tù hay ở ngoài (giữ vững lập trường, quan điểm, tổ chức vượt ngục, gây dựng lại tổ chức Đảng và quần chúng).

Từ cuối năm 1933, đặc biệt đến đầu năm 1935, các tổ chức của Đảng và phong trào quần chúng được phục hồi trong cả nước.

2. Đại hội đại biểu lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương (3 - 1935)

- Từ ngày 27 đến 31 – 3 - 1935, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng họp tại Ma Cao (Trung Quốc).

- Đại hội xác định 3 nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là : củng cố và phát triển Đảng ; tranh thủ quần chúng rộng rãi ; chống chiến tranh đế quốc.

- Thông qua Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết về vận động công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, phụ nữ, dân tộc...

- Bầu ra Ban Chấp hành Trung ương do Lê Hồng Phong làm Tổng bí thư. Nguyễn Ái Quốc được cử làm đại diện của Đảng bên cạnh Quốc tế Cộng sản.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Đại hội đánh dấu mốc quan trọng : Đảng đã khôi phục được hệ thống tổ chức từ Trung ương đến địa phương, khôi phục được các tổ chức quần chúng của Đảng.

PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936 - 1939

I - TÌNH HÌNH VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1936 - 1939

- *Thế giới :*

+ Một số nước như Đức, Italia, Nhật Bản, bọn phát xít đã lên nắm quyền, thế giới đứng trước nguy cơ một cuộc chiến tranh thế giới vô cùng nguy hiểm.

+ Tháng 7 - 1935, Đại hội lần thứ VII của Quốc tế cộng sản đã xác định kẻ thù và nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân là : *chống chủ nghĩa phát xít nhằm mục tiêu đấu tranh giành dân chủ, bảo vệ hoà bình ;* Chủ trương *thành lập Mặt trận nhân dân.*

- *Trong nước :*

+ Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp thay Toàn quyền Đông Dương, sửa đổi đôi chút luật bầu cử, nới rộng quyền tự do báo chí... ở Việt Nam.

+ Nhiều đảng phái chính trị có cơ hội đẩy mạnh hoạt động...

- *Về kinh tế*, nhìn chung những năm 1936 - 1939 Pháp chỉ tập trung vào một số ngành đáp ứng cho nhu cầu chiến tranh. Kinh tế Việt Nam vẫn lạc hậu và phụ thuộc kinh tế Pháp.

- *Về xã hội*, do chính sách tăng thuế của thực dân Pháp, các tầng lớp, giai cấp xã hội đều gặp nhiều khó khăn (công nhân số thất nghiệp ngày càng tăng ; nông dân đa số mất ruộng, bị địa chủ bóc lột địa tô quá cao ; tư sản dân tộc chỉ lập được công ti nhỏ và bị tư bản Pháp chèn ép...).

II - PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936 - 1939

1. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 7 - 1936

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 7 - 1936 đề ra nhiệm vụ, phương pháp đấu tranh của cách mạng Đông Dương :

- Nhiệm vụ chiến lược : *chống đế quốc và phong kiến*

- Nhiệm vụ trực tiếp trước mắt : *đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống nguy cơ chiến tranh, đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo, hoà bình.*

- Phương pháp đấu tranh : kết hợp các hình thức công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.

- Chủ trương : *thành lập Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương (3 - 1938 đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương).*

2. Những phong trào đấu tranh tiêu biểu

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

– Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân sinh, dân chủ.

– Đấu tranh nghị trường.

– Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí.

– *Kết quả :*

Pháp phải nhượng bộ một số yêu sách cụ thể trước mắt về dân sinh, dân chủ ; quần chúng được giác ngộ đã tham gia Mặt trận trở thành lực lượng chính trị hùng hậu của đảng ; cán bộ được trưởng thành.

3. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào dân chủ 1936 – 1939

– Là phong trào quần chúng rộng lớn, có tổ chức dưới sự lãnh đạo của Đảng.

– Đã buộc chính quyền thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách cụ thể trước mắt về dân sinh, dân chủ.

– Quần chúng được giác ngộ về chính trị, tham gia Mặt trận trở thành lực lượng chính trị hùng hậu ; Cán bộ được tập hợp thành đội ngũ đông đảo và trưởng thành.

– Phong trào là cuộc tập dượt, chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám.

- *Bài học kinh nghiệm*

+ Về xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất.

+ Về tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp.

+ Về đấu tranh tư tưởng trong nội bộ Đảng và với các đảng phái chính trị phản động.

PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC 1939 - 1945

I - TÌNH HÌNH VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1939 - 1945

– Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (1 - 9 - 1939).

- Tháng 9 - 1940, quân Nhật vượt biên giới Việt Trung kéo vào miền Bắc Việt Nam ; Việt Nam bị đặt dưới sự thống trị của Nhật - Pháp.

– Chính sách bóc lột của Pháp : Thực hiện chính sách "Kinh tế chỉ huy", tăng thuế cũ, đặt thêm thuế mới, sa thải công nhân, viên chức.

– Chính sách bóc lột của Nhật : Nắm giữ các đường giao thông, bắt Pháp hằng năm phải nộp một khoản tiền lớn. Ra sức cướp ruộng và bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay.

– Chính sách vơ vét bóc lột của Nhật - Pháp đã đẩy các tầng lớp nhân dân đến chỗ cùng cực. Cuối 1944 đến đầu 1945, khoảng 2 triệu đồng bào ta bị chết đói.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Biến chuyển của tình hình xã hội : Tất cả các tầng lớp, giai cấp xã hội nước ta (trừ tay sai và tư sản mại bản) đều chịu ảnh hưởng của chính sách bóc lột nặng nề của Nhật - Pháp.

II - PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TỪ THÁNG 9 - 1939 ĐẾN THÁNG 3 - 1945

1. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11 - 1939

- Chủ trương chuyển hướng đấu tranh của Đảng Cộng sản Đông Dương

+ Nhiệm vụ, mục tiêu đấu tranh trước mắt là đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

+ Chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất và đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc, chống tô cao, lãi nặng.

+ Phương pháp đấu tranh : trực tiếp đánh đổ chính quyền đế quốc và tay sai ; hoạt động bí mật và bất hợp pháp.

+ Thành lập Mặt trận Thống nhất dân tộc Phản đế Đông Dương.

2. Những cuộc đấu tranh mở đầu thời kì mới

– Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (27 - 9 - 1940).

– Cuộc khởi nghĩa Nam Kì (23 - 11 - 1940).

– Cuộc binh biến Đô Lương (13 - 1 - 1941)

3. Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 - 1941)

Ngày 28 – 1 - 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng.
Từ ngày 10 đến ngày 19 – 5 - 1941, Người chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8 tại Pác Bó (Hà Quảng, Cao Bằng).

– Khẳng định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc, tiếp tục thực hiện chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, nêu khẩu hiệu giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công, tiến tới thực hiện người cày có ruộng.

– Chủ trương sau khi đánh đuổi đế quốc Pháp - Nhật sẽ thành lập Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh. Ngày 19 - 5 - 1941, Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh ra đời...

– Xúc tiến công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, coi đó là nhiệm vụ trung tâm của Đảng trong giai đoạn hiện tại.

4. Chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền

Xây dựng lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang

- Xây dựng lực lượng chính trị

- Xây dựng lực lượng vũ trang

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

– Xây dựng căn cứ địa

Gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền

Ngày 22 - 12 - 1944, theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* được thành lập. Căn cứ Cao – Bắc – Lạng được củng cố và mở rộng. Tại các căn cứ địa cách mạng, công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa diễn ra khẩn trương.

CAO TRÀO KHÁNG NHẬT CỨU NƯỚC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945. NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ RA ĐỜI

I - KHỞI NGHĨA VŨ TRANG GIÀNH CHÍNH QUYỀN

1. Khởi nghĩa từng phần (từ tháng 3 đến giữa tháng 8 - 1945)

- Cuộc đảo chính Nhật - Pháp (9 - 3 - 1945)

Quân Pháp nhanh chóng thất bại. Nhật tuyên bố "*giúp các dân tộc Đông Dương xây dựng nền độc lập*", nhưng thực chất là độc chiếm Đông Dương.

- Chủ trương của Đảng

Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp và ra Chỉ thị *"Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"*. Bản Chỉ thị nêu rõ :

+ Sau đảo chính, Nhật trở thành kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương nhưng điều kiện khởi nghĩa chưa chín muồi.

+ Phát động *một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa.*

+ Xác định hình thức đấu tranh : biểu tình, thị uy, vũ trang du kích và sẵn sàng chuyển sang hình thức Tổng khởi nghĩa khi có điều kiện.

- Khởi nghĩa từng phần

+ Ở căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng, hàng loạt xã, châu, huyện được giải phóng, chính quyền cách mạng được thành lập.

+ Ở Bắc Kì, phong trào *Phá kho thóc giải quyết nạn đói* diễn ra sôi nổi.

+ Nhiều cuộc khởi nghĩa từng phần diễn ra ở các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Hưng Yên, Quảng Ngãi... Hàng nghìn đảng viên cán bộ trong các nhà tù Nghĩa Lộ, Sơn La, Hoà Lò, Buôn Ma Thuột... đã nổi dậy phá nhà giam, vượt ngục ra ngoài hoạt động.

2. Sự chuẩn bị cuối cùng trước ngày Tổng khởi nghĩa

+ Từ 15 đến 20 - 4 - 1945, Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kì quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang và xây dựng căn cứ địa kháng Nhật chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa khi thời cơ đến.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

+ Ngày 15 - 5 - 1945, Việt Nam cứu quốc quân và Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân thống nhất thành Việt Nam giải phóng quân.

+ Ngày 4 - 6 - 1945, thành lập Khu giải phóng Việt Bắc (Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hà Giang, Thái Nguyên và một số vùng thuộc Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên).

3. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

Nhật đầu hàng Đồng minh, lệnh Tổng khởi nghĩa được ban bố

+ Ngày 9 - 8 - 1945, quân đội Xô viết mở cuộc tổng công kích vào đạo quân Quan Đông của Nhật ở Đông Bắc Trung Quốc.

+ Trưa ngày 15 - 8 - 1945, Nhật chính thức tuyên bố đầu hàng Đồng minh. Tại Đông Dương, quân Nhật và tay sai hoang mang, điều kiện khách quan có lợi cho Tổng khởi nghĩa đã tới.

+ Từ 14 đến 15 – 8 - 1945, *Hội nghị toàn quốc của Đảng* họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) quyết định phát động Tổng khởi nghĩa và những vấn đề quan trọng về đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền.

+ Từ 16 đến 17 - 8 - 1945, *Đại hội Quốc dân* họp ở Tân Trào : Tán thành lệnh Tổng khởi nghĩa, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, lập *Uỷ ban dân tộcgiải phóng* do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, quyết định Quốc kì (cờ đỏ sao vàng năm cánh), Quốc ca (Tiến quân ca).

Diễn biến Tổng khởi nghĩa

+ Từ ngày 14 - 8 - 1945, một số địa phương thuộc châu thổ sông Hồng phát động khởi nghĩa.

+ Từ ngày 18 - 8 đến ngày 28 – 8 - 1945, tất cả các tỉnh trong cả nước giành được chính quyền.

II – NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ ĐƯỢC THÀNH LẬP (2 - 9 - 1945)

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời : Ngày 2 - 9 - 1945, tại Quảng trường Ba Đình - Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh trịnh trọng đọc Tuyên ngôn độc lập và tuyên bố với toàn thể quốc dân và thế giới : Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành lập.

III - NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI, Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

1. Nguyên nhân thắng lợi

– Nguyên nhân khách quan

– Nguyên nhân chủ quan

2. Ý nghĩa lịch sử

+ Mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc ta, phá tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp hơn 80 năm, của Nhật 5 năm và lật nhào ngai vàng phong kiến ngót chục thế kỉ, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

+ Mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc : kỉ nguyên độc lập tự do ; kỉ nguyên nhân dân lao động nắm chính quyền ; kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

+ Đảng Cộng sản Đông Dương đã lãnh đạo thắng lợi cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở một nước thuộc địa, trở thành Đảng cầm quyền, chuẩn bị điều kiện tiên quyết cho những thắng lợi tiếp theo.

+ Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít, làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc, cổ vũ các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng.

NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ
TỪ SAU NGÀY 2 - 9 - 1945 ĐẾN TRƯỚC NGÀY 19 - 12 - 1946

I - TÌNH HÌNH NƯỚC TA SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

- *Những khó khăn đối ngoại :*

+ Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc : Hơn 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc cùng bọn tay sai Việt Quốc, Việt Cách kéo vào...

+ Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam : Quân Anh tạo điều kiện cho quân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta.

- *Những khó khăn đối nội :*

+ Hậu quả nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 chưa được khắc phục, lại xuất hiện nguy cơ nạn đói mới ; kinh tế chưa phục hồi, giá cả sinh hoạt đắt đỏ.

+ Ngân sách trống rỗng, quân Trung Hoa Dân quốc tung các loại tiền Trung Quốc đã mất giá làm cho nền tài chính của ta thêm rối loạn.

+ Hơn 90% dân số mù chữ.

- *Những thuận lợi cơ bản :*

+ Nhân dân phấn khởi với chế độ mới, nên quyết tâm gắn bó với cách mạng.

+ Có sự lãnh đạo của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh.

+ Phong trào giải phóng dân tộc và phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ phát triển mạnh.

II - BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG VÀ CỦNG CỐ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG

1. Về chính trị, quân sự

- Ngày 8 – 9 - 1945, Chính phủ lâm thời công bố lệnh tổng tuyển cử trong cả nước.

- Ngày 6 – 1 - 1946, cả nước bỏ phiếu bầu đại biểu vào Quốc hội.

- Ngày 2 – 3 - 1946, phiên họp đầu tiên của Quốc hội : Thông qua danh sách *Chính phủ liên hiệp kháng chiến* do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu và lập ra *Ban dự thảo Hiến pháp*.

- Ngày 9 – 11 - 1946, Quốc hội thông qua Bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Tháng 9 - 1945, Việt Nam giải phóng quân đổi thành Vệ Quốc đoàn ; ngày 22 - 5 - 1946 thì đổi thành Quân đội Quốc gia Việt Nam.

2. Về kinh tế, tài chính

- Giải quyết nạn đói : các phong trào "nhường cơm sẻ áo" ; "tăng gia sản xuất" ; thi đua "không một tấc đất bỏ hoang".

- Ra lệnh bãi bỏ thuế thân và các loại thuế vô lí khác, giảm tô 25%, tịch thu ruộng đất của đế quốc, Việt gian chia cho dân cày.

- Cuộc vận động xây dựng *"Quỹ độc lập"* và phong trào *"Tuần lễ vàng"*.

- Tháng 11 - 1946, Quốc hội cho lưu hành tiền Việt Nam.

3. Về văn hoá - giáo dục

Ngày 8 - 9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập *Nha bình dân học vụ*. Đến cuối năm 1946 đã xoá mù chữ cho hơn 2,5 triệu người. Các trường phổ thông và đại học khai giảng, nội dung và phương pháp giáo dục bước đầu đổi mới theo tinh thần dân tộc - dân chủ.

III - ĐẤU TRANH CHỐNG NGOẠI XÂM VÀ NỘI PHẢN, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG

1. Kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược ở Nam Bộ

- Tháng 9 - 1945, được sự giúp đỡ của quân Anh, thực dân Pháp nổ súng đánh úp trụ sở Uỷ ban nhân dân Nam Bộ, quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn nhất tề đứng lên chiến đấu oanh liệt khắp nơi trong thành phố. Tháng 10 - 1945 Pháp đánh chiếm Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

- Từ ngày 5 – 10 - 1945, sau khi có thêm viện binh từ Pháp sang, thực dân Pháp phá vòng vây Sài Gòn - Chợ Lớn, mở rộng đánh chiếm Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

- Đảng, Chính phủ và nhân dân miền Bắc tổ chức các đoàn quân *"Nam tiến"* kịp thời sát cánh cùng với nhân dân Nam Bộ và Nam Trung Bộ chiến đấu chống cuộc xâm lược nước ta lần thứ hai của thực dân Pháp.

2. Đấu tranh với quân Trung Hoa Dân quốc và bọn phản cách mạng ở miền Bắc

Thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ và lãnh tụ Hồ Chí Minh là phải tránh trường hợp một mình phải đối phó với nhiều kẻ thù cùng một lúc, tạm thời hoà hoãn, tránh xung đột với quân Trung Hoa Dân quốc, ta đã :

- Thực hiện chủ trương trên :

+ Nhường 70 ghế Quốc hội, 4 ghế Bộ trưởng trong Chính phủ, 1 ghế phó Chủ tịch nước cho bọn tay sai của Trung Hoa Dân quốc ; nhường một số quyền lợi kinh tế cho chúng.

+ Đối với bọn phản cách mạng, ta kiên quyết chống lại hành động chống phá của chúng.

3. Hoà hoãn với Pháp nhằm đẩy quân Trung Hoa Dân quốc ra khỏi nước ta

- Ngày 28 – 2 - 1946, thực dân Pháp và chính phủ Trung Hoa Dân quốc kí Hiệp ước Hoa - Pháp : Pháp trả lại cho Trung Hoa Dân quốc các tô giới và nhượng địa của Pháp ở đất Trung Quốc ; Trung Hoa Dân quốc đồng ý cho Pháp thế chân làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật ở miền Bắc Việt Nam.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Ngày 6 – 3 - 1946, ta và Pháp kí bản *Hiệp định Sơ bộ*.

- Ngày 14 – 9 - 1946, ta và Pháp kí bản *Tạm ước* nhân nhượng Pháp một số quyền lợi kinh tế, văn hoá ở Việt Nam.

Việc kí Hiệp định Sơ bộ và Tạm ước đã tạo điều kiện cho ta có thêm thời gian xây dựng, củng cố lực lượng, chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc sau này.

NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 - 1950)

I - CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP BÙNG NỔ

1. Âm mưu và hành động chiến tranh của Pháp

- Tuy kí Hiệp định Sơ bộ (6 – 3 - 1946) và Tạm ước (14 – 9 - 1946), nhưng thực dân Pháp vẫn tìm cách phá hoại, đánh chiếm các vùng tự do của ta ở Nam Bộ, tiến công ta ở Hải Phòng, Lạng Sơn, Đà Nẵng, Hải Dương...

- Nghiêm trọng nhất ở Hà Nội : từ giữa tháng 12 - 1946, chúng tàn sát đẫm máu đồng bào ta ở khắp nơi. Ngày 18, 19 – 12 - 1946, Pháp gửi tối hậu thư đòi ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và để Pháp giữ trật tự ở Hà Nội.

2. Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng

- Tối 19 – 12 - 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.*

- Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (19 – 12 - 1946) của Chủ tịch Hồ Chí Minh ; Chỉ thị Toàn dân kháng chiến ngày 12 – 12 - 1946 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng ; tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của Trường Chinh là những văn kiện lịch sử quan trọng về đường lối kháng chiến.

- Đường lối kháng chiến : toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

II - CUỘC CHIẾN ĐẤU Ở CÁC ĐÔ THỊ PHÍA BẮC VĨ TUYẾN 16

- Cuộc chiến đấu bắt đầu từ 20 giờ ngày 19 – 12 - 1946, đến ngày 17 - 2 - 1947 quân ta rút khỏi Hà Nội về căn cứ hậu phương an toàn.

- Các đô thị khác ở phía Bắc vĩ tuyến 16, cuộc chiến đấu diễn ra ngay từ ngày 19 – 12 - 1946 như ở Nam Định, Vinh, Huế, Đà Nẵng... đã tiêu diệt nhiều tên địch.

III - TÍCH CỰC CHUẨN BỊ CHO CUỘC KHÁNG CHIẾN LÂU DÀI

- Các cơ quan Đảng, Chính phủ, Mặt trận, các đoàn thể chuyển lên căn cứ địa Việt Bắc.

- Nhân dân các đô thị tản cư ra các vùng hậu phương và tiến hành phá hoại nhà cửa, cầu cống để ngăn bước tiến của địch.

- Vận chuyển kho tàng, máy móc... về các vùng hậu phương an toàn, tiến hành sản xuất phục vụ chiến đấu và đời sống.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Các Uỷ ban hành chính chuyển thành Uỷ ban kháng chiến hành chính ; thành lập Hội Liên hiệp quốc dânViệt Nam (Liên Việt).

- Đề ra các chính sách nhằm duy trì và phát triển sản xuất, trước hết là sản xuất lương thực.

- Củng cố lực lượng vũ trang các cấp. Quy định mọi người dân từ 18 đến 45 tuổi được tuyển chọn tham gia lực lượng chiến đấu.

- Tiếp tục phong trào Bình dân học vụ, trường phổ thông các cấp được xây dựng...

IV - CHIẾN DỊCH VIỆT BẮC THU - ĐÔNG NĂM 1947

Tháng 10 - 1947, Pháp huy động lực lượng lớn bao gồm quân dù, quân cơ giới và quân thủy đánh bộ đánh lên Việt Bắc nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến, triệt đường liên lạc của ta nhằm nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

− Thực hiện Chỉ thị của Đảng là *Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp*, trên tất cả các mặt trận ở Đường số 3, số 4 và sông Lô, quân dân ta chiến đấu vô cùng oanh liệt, nhiều trận đánh nổi tiếng, tiêu diệt nhiều sinh lực địch như trận Chợ Đồn, Chợ Rã ; các trận phục kích ở Đoan Hùng, đèo Bông Lau, Khe Lau. Ngày 19 – 12 - 1947, Pháp phải rút khỏi Việt Bắc, chiến dịch kết thúc.

- Kết quả ta giành thắng lợi, cơ quan đầu não kháng chiến được bảo toàn, quân đội ta trưởng thành. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược chuyển sang giai đoạn mới.

V - ĐẨY MẠNH KHÁNG CHIẾN TOÀN DÂN, TOÀN DIỆN

- Pháp thay đổi chiến lược chiến tranh Đông Dương từ "đánh nhanh thắng nhanh" sang "đánh lâu dài", thực hiện chính sách "dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh".

- Để thực hiện âm mưu đó, Pháp củng cố ngụy quân, ngụy quyền, tăng cường các cuộc hành quân càn quét để bắt người, cướp của ném vào chiến tranh.

Thực hiện phương châm chiến lược "đánh lâu dài", Đảng, Chính phủ chủ trương tăng cường sức mạnh và hiệu lực chính quyền dân chủ nhân dân để đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện.

VI - HOÀN CẢNH LỊCH SỬ MỚI VÀ CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI THU - ĐÔNG 1950

- *Thuận lợi mới*

+ Ngày 1 – 10 - 1949, cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời.

+ Tháng 1 - 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với các nước.

+ Tiếp đó Trung Quốc, Liên Xô và trong vòng một tháng sau đó các nước trong phe XHCN lần lượt đặt quan hệ ngoại giao với nước ta.

- *Thách thức mới*

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

+ Ngày 13 – 5 - 1949, Pháp đề ra kế hoạch Rơve, Mĩ từng bước can thiệp sâu và *đính líu trực tiếp* vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

+ Thực hiện kế hoạch Rơve, Pháp tập trung quân ra Bắc, tăng cường hệ thống phòng ngự trên Đường số 4 và thiết lập *Hành lang Đông - Tây* chuẩn bị tiến công Việt Bắc lần thứ hai, mong giành thắng lợi và kết thúc nhanh chiến tranh.

Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950

- Tháng 6 - 1950, Đảng và Chính phủ quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm : tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, mở đường liên lạc với Trung Quốc và thế giới dân chủ, củng cố khu căn cứ địa Việt Bắc.

- Ngày 16 – 9 - 1950, chiến dịch mở đầu bằng cuộc tấn công vào Đông Khê, Pháp buộc phải rút khỏi Cao Bằng, ta bao vây, chặn đánh liên tục, kết thúc chiến dịch bằng cuộc rút chạy cuối cùng của quân Pháp khỏi Đường số 4 vào ngày
22 - 10 - 1950.

- Kết quả ta đã tiêu diệt hơn 8.000 tên địch, giải phóng tuyến biên giới
Việt - Trung từ Cao Bằng đến Đình Lập, chọc thủng hành lang Đông - Tây, kế hoạch Rơ-ve phá sản.

- Ý nghĩa : Quân đội ta trưởng thành, giành được quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính ở Bắc Đông Dương. Mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1951 - 1953)

I - THỰC DÂN PHÁP TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC ĐÔNG DƯƠNG

- Ngày 6 - 12 - 1950, Pháp đề ra kế hoạch Đơ Lát đơ Tatxinhi nhằm kết thúc nhanh chiến tranh bằng cách :

+ Gấp rút xây dựng lực lượng cơ động mạnh và phát triển ngụy quân.

+ Lập "vành đai trắng" ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ.

+ Tiến hành "chiến tranh tổng lực" ở vùng tạm chiếm, đánh phá hậu phương ta.

- Kế hoạch Đơ Lát đơ Tatxinhi đã đưa cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp lên quy mô lớn, làm cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta trở nên khó khăn phức tạp.

II - ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ II CỦA ĐẢNG (2 - 1951)

- Từ 11 đến 19 – 2 - 1951, Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng họp ở Tuyên Quang.

- Nội dung chính của Đại hội :

+ *Báo cáo chính trị* do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày ; Báo cáo *Bàn về cách mạng Việt Nam* do Trường Chinh trình bày.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

+ Tách Đảng Cộng sản Đông Dương để lập ở Việt Nam, Campuchia, Lào mỗi nước một đảng riêng. Ở Việt Nam lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam, bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, Trường Chinh làm Tổng Bí thư và Đảng ra hoạt động công khai, đảm nhiệm sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cuộc kháng chiến của Việt Nam.

+ Đại hội lần thứ II là mốc đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta.

III - HẬU PHƯƠNG KHÁNG CHIẾN PHÁT TRIỂN MỌI MẶT

- Mặt trận Liên Việt ra đời.

- Ngày 11 - 3 - 1951, thành lập *Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào.*

- Ngày 1 – 5 - 1952, Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất.

- Năm 1952, Chính phủ đề ra cuộc vận động sản xuất và thực hành tiết kiệm.

- Chấn chỉnh chế độ thuế, xây dựng nền tài chính, ngân hàng...

- Năm 1953, Chính phủ quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất...

- Tiếp tục cuộc cải cách giáo dục theo phương châm *phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất.*

- Công tác vệ sinh phòng bệnh, chăm lo sức khoẻ được coi trọng.

IV - NHỮNG CHIẾN DỊCH TIẾN CÔNG GIỮ VỮNG QUYỀN CHỦ ĐỘNG TRÊN CHIẾN TRƯỜNG

1. Các chiến dịch Trung du và đồng bằng Bắc Bộ (cuối năm 1950 đến giữa năm 1951)

Sau chiến thắng Biên giới thu - đông 1950, ta liên tiếp mở ba chiến dịch : Chiến dịch Trần Hưng Đạo tiến công vào vùng Trung du ; Chiến dịch Hoàng Hoa Thám tiến công địch ở Đường số 18 ; Chiến dịch Quang Trung (tiến công địch vào vùng đồng bằng Bắc Bộ.

2. Chiến dịch Hoà Bình đông - xuân 1951 - 1952

- Ngày 14 – 11 - 1951, thực dân Pháp tiến đánh Hoà Bình.
- Nhằm phá tan kế hoạch bình định đồng bằng của chúng và đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích, ta chủ động mở chiến dịch phản công địch ở Hoà Bình.
- Kết quả ta đã giành thắng lợi, loại khỏi vòng chiến đấu 22.000 tên địch ; các căn cứ du kích được mở rộng và phát triển.

3. Chiến dịch Tây Bắc thu - đông 1952

- Nhằm phá âm mưu lập *"Xứ Thái tự trị"* của địch, ta mở cuộc tiến công vào Tây Bắc.
- Kết quả ta giành thắng lợi, loại khỏi vòng chiến đấu 13.000 tên địch ; giải phóng phần lớn hai tỉnh Nghĩa Lộ, Sơn La và một số huyện thuộc tỉnh Lai Châu và Yên Bái.

4. Chiến dịch Thượng Lào xuân - hè 1953

- Đầu năm 1953, ta và Lào thoả thuận mở chiến dịch Thượng Lào nhằm tiêu diệt sinh lực địch, đẩy mạnh cuộc kháng chiến của Lào.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Kết quả ta giành thắng lợi, loại khỏi vòng chiến đấu 2800 tên địch, giải phóng tỉnh Sầm Nưa, một bộ phận tỉnh Xiêng Khoảng và tỉnh Phong Xa Lì.

CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC (1953 - 1954)

I - ÂM MƯU MỚI CỦA PHÁP - MĨ Ở ĐÔNG DƯƠNG - KẾ HOẠCH NAVA

- Trải qua 8 năm tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược, Pháp ngày càng lâm vào tình thế phòng ngự bị động, vùng chiếm đóng ngày càng thu hẹp, số quân bị loại khỏi vòng chiến đấu 39 vạn, tiêu tốn hơn 2.000 tỉ phrăng. Để cứu vãn tình thế đó, ngày 7 – 5 - 1953 Pháp đề ra kế hoạch Nava với hi vọng trong vòng 18 tháng giành được một thắng lợi quyết định để *kết thúc chiến tranh trong danh dự.*
- Nội dung chính của kế hoạch Nava :
+ Bước 1 : Từ thu – đông 1953 đến xuân 1954, tiến hành bình định miền Trung và miền Nam Đông Dương.
+ Bước 2 : Từ thu – đông năm 1954 tập trung 44 tiểu đoàn cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ, cố giành thắng lợi quân sự quyết định buộc ta phải đàm phán theo những điều kiện có lợi cho chúng và *kết thúc chiến tranh trong danh dự.*

II – CUỘC TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC ĐÔNG XUÂN 1953– 1954 VÀ CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ NĂM 1954

1. Cuộc Tiến công chiến lược đông xuân 1953- 1954

- Cuối tháng 9 - 1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp và chỉ đạo kế hoạch quân sự Đông - Xuân 1953 - 1954 : Mở những cuộc tiến công vào hướng quan trọng về chiến lược, buộc địch phải phân tán lực lượng, tạo điều kiện cho ta tiêu diệt từng bộ phận sinh lực của chúng.

+ Ta tiến công thị xã Lai Châu, Pháp vội tăng quân cho Điện Biên Phủ.

+ Liên quân Lào - Việt tiến công Trung Lào, Pháp vội tăng quân cho Xênô.

+ Liên quân Lào - Việt tiến công Thượng Lào, Pháp vội tăng quân cho Luông Phabang và Mường Sài.

+ Ta tiến công Bắc Tây Nguyên, Pháp vội tăng quân cho Plâyku.

Với 4 cuộc tiến công trên, kế hoạch Nava bước đầu phá sản vì không thể tập trung quân ở Đồng bằng Bắc Bộ như kế hoạch, mà phải rải ra thành 5 điểm tập trung quân.

2. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ (1954)

- Do Điện Biên Phủ có vị trí chiến lược quan trọng đối với Bắc Đông Dương, Nava cố gắng tập trung xây dựng nơi đây thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương : 16.200 quân, 49 cứ điểm chia thành 3 phân khu (phân khu Bắc, phân khu trung tâm và phân khu Nam).
- Đầu tháng 12 - 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng Tây Bắc, tạo điều kiện cho Lào giải phóng Bắc Lào. Công tác chuẩn bị cho chiến dịch được tiến hành khẩn trương và đến đầu tháng 3 - 1954 thì hoàn tất (huy động 55.000 quân, hàng chục nghìn tấn vũ khí, lương thực).
- Diễn biến của chiến dịch

+ Đợt 1 (từ ngày13 đến 17 – 3 - 1954), đánh tiêu diệt cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

+ Đợt 2 (từ 30 - 3 đến 26 – 4 - 1954), ta đồng loạt tiến công và chiếm phần lớn các cứ điểm phía Đông khu Trung tâm Mường Thanh như : E1, D1, C1, A1...
+ Đợt 3 (từ ngày 1 - 5 đến ngày 7 - 5 - 1954) ta đồng loạt tiến công khu Trung tâm Mường Thanh và phân khu Nam. 17 giờ 30 ngày 7 – 5 - 1954, ta giành thắng lợi, tập đoàn cứ điểm của địch ở Điện Biên Phủ bị tiêu diệt hoàn toàn.

- Kết quả cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 128.200 tên (Điện Biên Phủ 16.200 tên) giải phóng nhiều vùng rộng lớn.

III – HIỆP ĐỊNH GIƠNEVƠ NĂM 1954 VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LẠI HOÀ BÌNH Ở ĐÔNG DƯƠNG

- Ngày 8 – 5 - 1954, Hội nghị Giơnevơ bắt đầu thảo luận về lập lại hoà bình ở Đông Dương. Cuộc đấu tranh trên bàn hội nghị kéo dài hơn hai tháng vì lập trường thiếu thiện chí của Pháp - Mĩ. Cuối cùng các Hiệp định đình chỉ chiến sự ở
Việt Nam, Lào, Campuchia được kí kết ngày 21 – 7 - 1954.
+ Hiệp định đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp song chưa trọn vẹn vì mới giải phóng được miền Bắc, cuộc đấu tranh còn tiếp tục để thống nhất đất nước.
+ Với Hiệp định, Pháp buộc phải chấm dứt chiến tranh, Mĩ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng, quốc tế hoá chiến tranh Đông Dương.

IV – NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI, Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 – 1954)

1. Nguyên nhân thắng lợi

- Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhân dân ta đoàn kết, quyết tâm chiến đấu và lao động sản xuất.
- Có hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân, mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, lực lượng vũ trang và hậu phương... không ngừng củng cố, mở rộng.
- Tình đoàn kết chiến đấu giữa ba dân tộc Đông Dương chống kẻ thù chung...

2. Ý nghĩa lịch sử

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đánh dấu sự chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ trên đất nước ta ; miền Bắc nước ta được giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng mới.
- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp góp phần cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới và làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

MIỀN BẮC THỰC HIỆN NHỮNG NHIỆM VỤ KINH TẾ - XÃ HỘI. MIỀN NAM ĐẤU TRANH CHỐNG CHẾ ĐỘ MĨ - DIỆM,
GÌN GIỮ HOÀ BÌNH (1954 - 1960)

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

I - TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG NƯỚC TA SAU HIỆP ĐỊNH GIƠNEVƠ 1954 VỀ ĐÔNG DƯƠNG

- Sau Hiệp định Giơnevơ nước ta tạm thời bị chia cắt làm hai miền :

+ Miền Bắc : Ngày 10 – 10 - 1954 quân ta vào tiếp quản Thủ đô Hà Nội ;
ngày 16 - 5 - 1955, Pháp rút khỏi Cát Bà - Hải Phòng, miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng.

+ Miền Nam : Giữa tháng 5 - 1956, Pháp rút hết quân khỏi miền Nam khi chưa thực hiện Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam - Bắc như quy định của Hiệp định Giơnevơ.

- *Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong thời kì mới*

Miền Bắc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội ; miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ; đấu tranh thực hiện hoà bình, thống nhất nước nhà.

II - MIỀN BẮC HOÀN THÀNH CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT, KHÔI PHỤC KINH TẾ, CẢI TẠO QUAN HỆ SẢN XUẤT (1954 - 1960)

– Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954 - 1957).

– Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế – xã hội (1958 - 1960).

III -MIỀN NAM ĐẤU TRANH CHỐNG CHẾ ĐỘ MĨ – DIỆM, GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG, TIẾN TỚI "ĐỒNG KHỞI" (1954 - 1960)

1. Đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (1954 - 1959)

+ Từ tháng 8 - 1954, *Phong trào hoà bình* của trí thức và các tầng lớp nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn đòi Mĩ - Diệm thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ. Tháng 11 - 1954, Mĩ - Diệm tiến hành đàn áp, khủng bố phong trào... mục tiêu của phong trào mở rộng : đòi hiệp thương tổng tuyển cử, chống "trưng cầu dân ý", chống chiến dịch "tố cộng" "diệt cộng" của Diệm ; đòi các quyền tự do, dân chủ... Phong trào đấu tranh chính trị, hoà bình đến cuối năm 1959 thì dần dần chuyển sang đấu tranh vũ trang tự vệ, rồi dùng bạo lực cách mạng.

2. Phong trào "Đồng khởi" (1959 - 1960)

+ Cách mạng miền Nam gặp khó khăn trong những năm 1957 – 1959 : Diệm ban hành đạo luật 10/59 đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật, ra sức đàn áp, tàn sát nhân dân rất dã man...

+ Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng (1 - 1959) đề ra nhiệm vụ và phương hướng cho cách mạng miền Nam : Dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thiết lập chính quyền cách mạng của nhân dân.

+ Phong trào nổi dậy từ lẻ tẻ từng địa phương rồi lan ra khắp miền Nam, miền Trung thành cao trào cách mạng, tiêu biểu với cuộc "Đồng khởi" ở Bến Tre.

+ Từ ngày 17 - 1 - 1960, hàng vạn nhân dân Bến Tre xuống đường vũ trang bằng giáo mác diệt đồn, giải tán các trụ sở hội đồng xã, giải phóng 150 ấp, bức rút 47 đồn bốt, tiêu diệt 300 tên giặc...

+ Ý nghĩa của phong trào "Đồng khởi" :

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

* Đánh dấu bước ngoặt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

* Chấm dứt thời kì ổn định tạm thời của chế độ thực dân mới của Mĩ ở miền Nam, mở ra thời kì khủng hoảng của chế độ Sài Gòn.

Thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" mở ra vùng giải phóng rộng lớn, dẫn đến sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20 - 12 - 1960).

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT" CỦA ĐẾ QUỐC MĨ Ở MIỀN NAM (1961 - 1965)

I – MIỀN BẮC XÂY DỰNG BƯỚC ĐẦU CƠ SỞ VẬT CHẤT - KĨ THUẬT CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1961 - 1965)

1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960)

- Đại hội họp tại Thủ đô Hà Nội tháng 9 - 1960 đề ra nhiệm vụ cụ thể và mối quan hệ của cách mạng hai miền Nam, Bắc và cách mạng cả nước (Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có tính chất quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng nước ta, còn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp tới sự nghiệp giải phóng miền Nam).

- Khẳng định phải đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội : Phải tiến hành công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, kết hợp công nghiệp với nông nghiệp, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lí, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

- Đại hội đề ra nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 - 1965) : Xây dựng bước đầu cơ sở vật chất, kĩ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

- Ý nghĩa của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III là : Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà.

2. Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 – 1965)

- Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 - 1965) : ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp, tiếp tục công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp, củng cố và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân lao động, củng cố quốc phòng, tăng cường trật tự an ninh xã hội.

- Những thành tựu của miền Bắc đạt được sau kế hoạch 5 năm : Về công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, giáo dục, quốc phòng, y tế đã giúp cho miền Bắc làm tốt nghĩa vụ chi viện cho tiền tuyến miền Nam. Trong 5 năm (1961 - 1965), một khối lượng lớn vũ khí, đạn dược, thuốc men được chuyển vào chiến trường miền Nam. Nhiều cán bộ, chiến sĩ ở các lĩnh vực quân sự, chính trị, giáo dục, y tế... được đưa vào chiến trường tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu và xây dựng vùng giải phóng.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

II – MIỀN NAM CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT" CỦA ĐẾ QUỐC MĨ (1961 – 1965)

1. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mĩ ở miền Nam

- Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" : là hình thức chiến tranh thực dân kiểu mới được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống "cố vấn" Mĩ, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ, nhằm chống lại phong trào cách mạng của nhân dân ta.

- Âm mưu cơ bản của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" là "dùng người Việt đánh người Việt".

Mĩ đề ra kế hoạch Xtalây-Taylo nhằm bình định miền Nam trong vòng 18 tháng bằng cách tăng viện trợ quân sự cho chính quyền Ngô Đình Diệm, tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn, tiến hành dồn dân, lập ấp chiến lược, sử dụng các chiến thuật mới trực thăng vận, thiết xa vận.

2. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ

- Qua 5 năm chiến đấu, lực lượng cách mạng miền Nam đã lớn mạnh vượt bậc, đã đánh bại những cuộc càn quét lớn, hạ nhiều đồn bốt kiên cố của địch, làm phá sản các chiến thuật quân sự mới của Mĩ và tay sai, giành thắng lợi vang dội ở Ấp Bắc (1 - 1963), Bình Giã (12 - 1964), Đồng Xoài (6 - 1965)...

- Quân đội Sài Gòn, lực lượng nòng cốt của "Chiến tranh đặc biệt", bị Quân giải phóng liên tiếp tiến công đã đứng trước nguy cơ bị tan rã.

- Ấp chiến lược, xương sống của "Chiến tranh đặc biệt" cũng bị phá sản căn bản.

- Phong trào đấu tranh của nhân dân ở đô thị phát triển mạnh, liên tiếp tấn công địch ngay tại sào huyệt của chúng và phong trào phá "ấp chiến lược" ở nông thôn cùng với những đòn tiến công liên tiếp của các lực lượng vũ trang cách mạng đã đẩy nhanh quá trình sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm (11 - 1963).

- Đến đầu năm 1965, chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ở miền Nam cơ bản bị phá sản, dẫn đến thất bại hoàn toàn.

CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" Ở MIỀN NAM VÀ CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI MIỀN BẮC LẦN THỨ NHẤT CỦA ĐẾ QUỐC MĨ (1965 - 1968)

I – CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" CỦA ĐẾ QUỐC MĨ Ở MIỀN NAM (1965 – 1968)

1. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mĩ ở miền Nam

- Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" mà Mĩ tiến hành ở miền Nam từ giữa năm 1965 là một trong ba chiến lược chiến tranh trong chiến lược quân sự toàn cầu "Phản ứng linh hoạt" (1961 - 1968). Để hỗ trợ cho "Chiến tranh cục bộ", Mĩ mở rộng chiến tranh bằng không quân, hải quân phá hoại miền Bắc.

- "Chiến tranh cục bộ" được tiến hành bằng quân Mĩ, quân đồng minh, quân Sài Gòn, trong đó quân Mĩ, không ngừng tăng lên về số lượng và trang bị với

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

hi vọng nhằm cứu quân đội Sài Gòn khỏi sụp đổ, tiếp tục thực hiện những mục tiêu của chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam.

Dựa vào ưu thế quân sự, với quân số đông, vũ khí hiện đại, hoả lực mạnh, quân Mĩ vừa mới vào miền Nam đã cho mở ngay cuộc hành quân "tìm diệt" vào căn cứ của Quân giải phóng ở Vạn Tường (Quảng Ngãi). Tiếp đó, Mĩ mở liền hai cuộc phản công chiến lược mùa khô (đông xuân 1965 – 1966 và 1966 – 1967) bằng hàng loạt cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" vào vùng "Đất Thánh Việt cộng".

2. Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ

Mở đầu là thắng lợi ở Vạn Tường (8 - 1965), đẩy lùi được cuộc hành quân của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 900 địch, nhiều xe tăng, xe bọc thép và máy bay. Tiếp đó là thắng lợi đập tan hai cuộc phản công chiến lược mùa khô (đông xuân 1965 - 1966 và đông xuân 1966 - 1967) của địch, đỉnh cao thắng lợi là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968).

- Trên mặt trận chống "bình định" : Quân dân ta giành thắng lợi lớn, phá tan từng mảng "ấp chiến lược", "ấp tân sinh".

- Trên mặt trận chính trị : Phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng đã phát triển sôi nổi ở nông thôn và đô thị, trực tiếp chống cả Mĩ và quân các nước thân Mĩ. Vùng giải phóng được mở rộng. Uy tín của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được nâng cao...

3. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968

Đến đầu năm 1968, tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam đang thay đổi có lợi cho ta, Ban chấp hành Trung ương Đảng quyết định chuyển cuộc chiến tranh cách mạng sang một thời kì mới, thời kì giành thắng lợi quyết định bằng biện pháp mở một cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam. Hướng chiến lược tiến công chủ yếu vào các đô thị.

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân miền Nam được mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược bất ngờ vào khắp các đô thị trong đêm 30 rạng sáng 31 - 1 - 1968 (Tết Mậu Thân) và kéo dài trong năm 1968, diễn ra theo 3 đợt :

- Cuộc tập kích chiến lược Tết Mậu Thân là một đòn bất ngờ làm cho địch choáng váng. Nhưng do lực lượng địch còn đông, cơ sở của chúng ở thành thị mạnh nên sau một thời gian lúng túng, địch đã nhanh chóng tổ chức lại lực lượng và phản kích lại. Ta không kịp đánh giá tình hình và yếu tố thời cơ để điều chỉnh kế hoạch nên trong hai đợt tiến công tiếp, ta gặp nhiều khó khăn.

- Mục tiêu cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa của ta không thực hiện được trọn vẹn, lực lượng bị tổn thất lớn.

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta ở miền Nam có ý nghĩa lịch sử to lớn, làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ, buộc chúng thay đổi chiến lược chiến tranh ở miền Nam bằng chính sách "phi Mĩ hoá" (ngừng ném bom miền Bắc, chấp nhận đàm phán ngoại giao ở Pari) để bàn về vấn đề chấm dứt chiến tranh xâm lược của Mĩ ở miền Nam.

II – MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ NHẤT CỦA MĨ, VỪA SẢN XUẤT VÀ LÀM NGHĨA VỤ HẬU PHƯƠNG (1965 – 1968)

1. Mĩ tiến hành chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", đồng thời với tiến hành "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam, đế quốc Mĩ mở rộng chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc. Đêm 4 – 8 - 1964, chính quyền Giônxơn dựng lên "sự kiện vịnh Bắc Bộ" để lấy cớ cho máy bay bắn phá một số nơi dọc bờ biển miền Bắc ngày 5 – 8 - 1964, rồi bắn phá nhiều nơi trong đất liền (từ tháng 2 - 1965).

- Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ là nhằm phá hoại miền Bắc - hậu phương lớn của miền Nam, ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam, uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân ta ở hai miền đất nước và hỗ trợ cho việc thực hiện những mục tiêu của cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam.

2. Miền Bắc vừa sản xuất, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại

Trong 4 năm (từ tháng 8 - 1964 đến tháng 11 - 1968), miền Bắc bắn rơi, phá huỷ 3243 máy bay, bắn cháy, bắn chìm 143 tàu chiến. Ngày 1 – 11 - 1968, Mĩ tuyên bố ngừng hẳn chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Trên mặt trận sản xuất, miền Bắc cũng lập được những thành tích quan trọng : diện tích canh tác nông nghiệp được mở rộng, năng suất lao động không ngừng tăng lên... Công nghiệp địa phương và công nghiệp quốc phòng đều phát triển. Mỗi tỉnh trở thành một đơn vị kinh tế tương đối hoàn chỉnh. Giao thông vận tải bảo đảm thường xuyên thông suốt. Văn hoá, giáo dục, y tế phát triển mạnh.

3. Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn

Trong 4 năm (1965 – 1968) qua hai tuyến đường chiến lược (trên bộ và trên biển), miền Bắc đã đưa hơn 300.000 cán bộ, bộ đội vào Nam tham gia chiến đấu, xây dựng kinh tế, văn hoá ở vùng giải phóng ; hàng chục vạn tấn vũ khí, đạn dược, quân trang, lương thực, thực phẩm, thuốc men. Tính chung sức người, sức của từ Bắc chuyển vào Nam trong 4 năm đã tăng gấp 10 lần so với giai đoạn trước.

- Nguồn nhân lực, vật lực của hậu phương miền Bắc chi viện cho miền Nam và thắng lợi của quân dân miền Bắc trong sản xuất và chiến đấu đã góp phần quyết định vào thắng lợi chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của nhân dân ta.

CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC "VIỆT NAM HOÁ CHIẾN TRANH" Ở MIỀN NAM VÀ CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI MIỀN BẮC LẦN THỨ HAI CỦA ĐẾ QUỐC MĨ (1969 - 1973)

I – CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC "VIỆT NAM HOÁ CHIẾN TRANH" VÀ "ĐÔNG DƯƠNG HOÁ CHIẾN TRANH" CỦA ĐẾ QUỐC MĨ (1969 - 1973)

1. Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của đế quốc Mĩ

- "Việt Nam hoá chiến tranh" hay "Phi Mĩ hoá chiến tranh" là cuộc chiến tranh được chuyển từ giữa người Mĩ với người Việt Nam sang giữa những người Việt Nam với người Việt Nam để giảm xương máu người Mĩ trên chiến trường, tận dụng xương máu người Việt Nam vì mục đích thực dân mới của Mĩ.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Để hỗ trợ chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" ở miền Nam, Mĩ mở rộng xâm lược Campuchia (1970), tăng cường chiến tranh ở Lào (1971), mở rộng chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc (lần thứ hai) từ ngày 6 - 4 - 1972. Như vậy, với "Việt Nam hoá chiến tranh", chiến tranh xâm lược của Mĩ mở rộng ra toàn Đông Dương, thực hiện "Đông Dương hoá chiến tranh", với âm mưu "Dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương".

2. Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ

Quân đội Việt Nam với sự phối hợp của quân dân Campuchia đã chiến đấu đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia của 10 vạn quân Mĩ và quân đội
Sài Gòn, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn với 4,5 triệu dân.

Quân đội Việt Nam phối hợp với quân dân Lào đập tan cuộc hành quân mang tên "Lam Sơn 719", đuổi hết quân Mĩ và quân Sài Gòn ra khỏi Đường 9 - Nam Lào, giữ vững hành lang chiến lược Đông Dương.

– Thắng lợi trên mặt trận quân sự đã hỗ trợ và thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị chống "bình định" ở nông thôn miền Nam.

– Ở đô thị, phong trào quần chúng, nhất là phong trào học sinh, sinh viên nổ ra liên tục, rầm rộ ở các nơi, đặc biệt là ở Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng.

3. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972

- Trên đà thắng lợi, quân dân miền Nam mở cuộc tiến công chiến lược 1972, đánh vào Quảng Trị. Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, loại khỏi vùng chiến đấu hơn 20 vạn tên địch, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn và đông dân.

- Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đã giáng một đòn nặng nề vào quân đội Sài Gòn (công cụ chủ yếu) và "Quốc sách bình định" ("xương sống" của chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh), buộc Mĩ phải tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược, tức là thừa nhận thất bại của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".

II – MIỀN BẮC KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ HAI CỦA MĨ VÀ LÀM NGHĨA VỤ HẬU PHƯƠNG (1969 – 1973)

– Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn.

- Cuối năm 1972, đế quốc Mĩ đã tiến hành cuộc tập kích bằng không quân chiến lược (máy bay B52) vào Hà Nội và Hải Phòng từ ngày 18 đến 29 - 12 - 1972 nhằm khuất phục nhân dân miền Bắc và hỗ trợ cho mưu đồ mới của cuộc đấu tranh ngoại giao ở Pari.

- Quân dân miền Bắc đã đánh bại cuộc tập kích chiến lược của Mĩ, làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không" bắn rơi 81 máy bay Mĩ (có 34 máy bay B52,
5 máy bay F111, bắt sống 43 phi công Mĩ).

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Bị thất bại, Chính phủ Mĩ phải tuyên bố ngừng hoàn toàn các hoạt động đánh phá miền Bắc và đi đến chấp nhận kí Hiệp định Pari.

Trong 3 năm 1969 – 1971, hàng chục vạn thanh niên miền Bắc được gọi nhập ngũ, có 60% trong số đó lên đường bổ sung cho các chiến trường miền Nam, Lào, Campuchia. Khối lượng vật chất đưa vào các chiến trường trong 3 năm tăng gấp 1,6 lần so với 3 năm trước đó. Năm 1972, miền Bắc đưa vào chiến trường 3 nước Đông Dương nhiều đơn vị bộ đội được huấn luyện, trang bị đầy đủ. Khối lượng vật chất đưa vào chiến trường năm 1972 tăng gấp 1,7 lần so với năm 1971.

III – ĐẤU TRANH TRÊN MẶT TRẬN NGOẠI GIAO, HIỆP ĐỊNH PARI NĂM 1973 VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LẠI HOÀ BÌNH Ở VIỆT NAM

- Đấu tranh ngoại giao là một trong ba mặt trận đấu tranh của nhân dân ta, trong đó đấu tranh quân sự và chính trị trên chiến trường là cơ sở thắng lợi cho đấu tranh ngoại giao.

- Do thất bại trên cả hai miền Nam - Bắc, Giônxơn đã phải ngừng ném bom bắn phá miền Bắc và chấp nhận họp bàn về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

- Ngày 25 – 1 - 1969, Hội nghị bốn bên về Việt Nam khai mạc chính thức ở Pari. Trải qua nhiều phiên họp công khai và nhiều cuộc tiếp xúc riêng, ngày 23 – 1 - 1973, Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được kí tắt giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Hoa Kì. Ngày 27 - 1 - 1973, đại diện 4 bên kí chính thức Hiệp định tại Trung tâm Hội nghị Quốc tế phố Clêbe.

- Ý nghĩa của việc kí kết Hiệp định Pari : Là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị và ngoại giao, là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường và bất khuất của nhân dân ta. Cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta đã giành thêm một thắng lợi to lớn, mở ra một bước ngoặt mới. Lực lượng so sánh trên chiến trường đã thay đổi, có lợi cho ta. Mĩ cút khỏi miền Nam, tạo điều kiện thuận lợi để ta tiến lên đánh bại quân đội Sài Gòn, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM 1973 - 1975)

I – MIỀN BẮC KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, RA SỨC CHI VIỆN CHO MIỀN NAM

- Hàn gắn vết thương chiến tranh : miền Bắc, trong 2 năm 1973 - 1974 khôi phục xong các cơ sở kinh tế, các hệ thống thuỷ nông, các mạng lưới giao thông, các công trình văn hoá, giáo dục, y tế.

- Chi viện cho miền Nam : Trong 2 năm 1973 - 1974, gần 20 vạn bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phong, hàng chục vạn tấn vũ khí, vật chất cũng được nhanh chóng chuyển vào miền Nam, đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu to lớn và cấp bách của cuộc tổng tiến công chiến lược ở miền Nam.

II – MIỀN NAM ĐẤU TRANH CHỐNG ĐỊCH "BÌNH ĐỊNH", LẤN CHIẾM, TẠO THẾ VÀ LỰC, TIẾN TỚI GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN

- Chính quyền Sài Gòn ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pari, mở các cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Quân dân miền Nam kiên quyết bảo vệ Hiệp định Pari, đấu tranh chống địch "bình định", đánh trả các cuộc hành quân lấn chiếm của quân đội Sài Gòn.

Cuối năm 1974 đầu 1975, quân ta giành thắng lợi vang dội trong Chiến dịch Đường 14 – Phước Long, loại khỏi vòng chiến đấu 3000 địch, giải phóng Đường 14, thị xã và toàn tỉnh Phước Long với 5 vạn dân.

Chính quyền Sài Gòn phản ứng mạnh, đưa quân chiếm lại, nhưng thất bại. Còn Mĩ chỉ phản ứng yếu ớt, chủ yếu dùng áp lực đe doạ từ xa.

Nhân dân miền Nam phối hợp với đấu tranh quân sự, đẩy mạnh đấu tranh chính trị, ngoại giao tố cáo Mĩ và chính quyền Sài Gòn vi phạm Hiệp định Pari.
Ở vùng giải phóng, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và các mặt hoạt động văn hoá, xã hội, giáo dục... được đẩy mạnh.

III – GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM, GIÀNH TOÀN VẸN LÃNH THỔ TỔ QUỐC

Cuối năm 1974 - đầu năm 1975, trong tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng, Bộ Chính trị đã quyết định năm 1975, tranh thủ thời cơ bất ngờ tiến công địch trên quy mô lớn, rộng khắp, tạo điều kiện để năm 1976 mở cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 diễn ra chủ yếu với 3 chiến dịch từ 4 - 3 đến 2 – 5 - 1975.

- Chiến dịch Tây Nguyên (từ ngày 4 - 3 đến ngày 24 - 3).

- Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (từ 21 - 3 đến 29 - 3).

- Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ 26 - 4 đến 30 - 4) :

Chiều 26 - 4, quân ta nổ súng mở đầu chiến dịch, 5 cánh quân của ta vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch.

10 giờ 45 phút ngày 30 - 4 xe tăng của ta tiến vào Dinh Độc Lập. Tổng thống Chính phủ Sài Gòn Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Ngày 2 - 5, toàn bộ miền Nam hoàn toàn được giải phóng.

IV – NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI, Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ, CỨU NƯỚC (1954 – 1975)

1. Nguyên nhân thắng lợi : 4 nguyên nhân

- Có sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh...

- Nhân dân Việt Nam có truyền thống yêu nước nồng nàn...

- Có chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc…

- Có sự đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia, có sự đoàn kết, ủng hộ của Liên Xô, Trung Quốc...

2. Ý nghĩa lịch sử

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Đối với dân tộc ta, đây là một trong những thắng lợi vĩ đại nhất, hiển hách nhất trong lịch sử hàng ngàn năm của dân tộc. Với thắng lợi này, nhân dân ta đã quét sạch bóng quân xâm lược ra khỏi đất nước, chấm dứt ách thống trị của đế quốc và phong kiến tay sai...

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước đã làm phá sản chiến lược của Mĩ ở Đông Nam Á...

- Chiến công của dân tộc ta mang tính thời đại sâu sắc. Việt Nam đã đi tiên phong trong cuộc đấu tranh làm sụp đổ hệ thống nô dịch của chủ nghĩa thực dân mới, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

VIỆT NAM TRONG NĂM ĐẦU SAU ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975

I – TÌNH HÌNH HAI MIỀN BẮC – NAM SAU ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975

– *Miền Bắc* : Cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mĩ đã tàn phá nặng nề, gây hậu quả lâu dài đối với miền Bắc, làm cho quá trình tiến lên sản xuất lớn bị chậm lại vài ba kế hoạch 5 năm.

– *Miền Nam* : Miền Nam hoàn toàn giải phóng, nhưng cơ sở của chính quyền Sài Gòn ở địa phương và di hại của xã hội cũ vẫn tồn tại. Cuộc chiến tranh của Mĩ đã làm cho nhiều làng mạc, ruộng đồng bị tàn phá. Bom mìn, chất độc hoá học vẫn còn vùi lấp trên đồng ruộng, nơi cư trú của nhân dân. Đội ngũ thất nghiệp tới hàng triệu người. Số người mù chữ chiếm tỉ lệ lớn trong cư dân. Nền kinh tế vẫn mang tính chất của nền kinh tế nông nghiệp, sản xuất nhỏ, phân tán, phát triển không cân đối.

II – KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở HAI MIỀN ĐẤT NƯỚC

- Miền Bắc : Nhiệm vụ trọng tâm là khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá, thực hiện nhiệm vụ căn cứ địa cách mạng của cả nước và nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Campuchia.

- Miền Nam : Nhiệm vụ trọng tâm là khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, kết hợp với nhiệm vụ ổn định tình hình ở những vùng mới giải phóng :

+ Thực hiện công tác tiếp quản vùng mới giải phóng.

+ Thành lập chính quyền cách mạng và đoàn thể quần chúng các cấp.

+ Tổ chức cho nhân dân trước đây chạy vào các thành thị và bị dồn vào các "ấp chiến lược" được hồi hương, chuyển về nông thôn tham gia sản xuất.

+ Tuyên bố xoá bỏ bóc lột phong kiến, bước đầu thực hiện chính sách ruộng đất, đem lại quyền lợi cho nông dân, quốc hữu hoá ngân hàng, thay đồng tiền cũ bằng đồng tiền mới của cách mạng.

+ Khôi phục sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp.

+ Các hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế... được tiến hành khẩn trương từ những ngày đầu mới giải phóng.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

III – HOÀN THÀNH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC VỀ MẶT NHÀ NƯỚC (1975 – 1976)

Thống nhất đất nước về mặt Nhà nước là một yêu cầu tất yếu khách quan của cách mạng Việt Nam, thể hiện ý chí và nguyện vọng thiêng liêng của toàn dân Việt Nam.

- Quá trình thực hiện thống nhất đất nước về mặt Nhà nước :

+ Ngày 25 – 4 - 1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung cả nước được tiến hành thắng lợi.

+ Quốc hội nước Việt Nam thống nhất – Quốc hội khoá VI – họp kì đầu tiên từ ngày 24 - 6 đến 3 - 7 - 1976 đã thông qua và quyết định nhiều vấn đề về một nước Việt Nam thống nhất.

- *Ý nghĩa :* Tạo nên những điều kiện thuận lợi mới để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội và khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc, mở rộng quan hệ quốc tế.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

VIỆT NAM XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976 - 1986)

I – VIỆT NAM BƯỚC ĐẦU ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1976 – 1986)

- Từ sau thắng lợi Xuân 1975, đất nước đã hoàn toàn độc lập, thống nhất, cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới: cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Sau khi thực hiện 2 kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) và (1981 - 1985), nước ta đã đạt được kết quả :

+ Chặn được đà giảm sút trong sản xuất công nghiệp và nông nghiệp những năm 1976 – 1980.

+ Nông nghiệp tăng bình quân hằng năm 4,9% (1976 - 1980 tăng 1,9%).

+ Công nghiệp tăng bình quân hằng năm 9,5% (1976 - 1980 tăng 0,6%).

+ Thu nhập quốc dân tăng bình quân hằng năm 6,4% (1976 - 1980 tăng 0,4%).

+ Hoàn thành xây dựng hàng trăm công trình tương đối lớn, hàng nghìn công trình vừa và nhỏ. Dầu mỏ bắt đầu được khai thác, các công trình Thuỷ điện Hoà Bình, Trị An đang được xây dựng.

+ Đại bộ phận nông dân miền Nam đi vào con đường làm ăn tập thể, nhân dân các dân tộc Tây Nguyên có nhiều tiến bộ trong xây dựng cuộc sống mới.

Tuy nhiên, đời sống của nhân dân vẫn còn khó khăn, những yếu kém của thời kì trước vẫn không được hạn chế, khắc phục.

II – ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 1979)

1. Đấu tranh bảo vệ biên giới Tây Nam

- Ở biên giới Tây Nam, tập đoàn Pôn Pốt - Iêng Xari - Khiêu Xamphon đã tập trung lực lượng hòng đánh chiếm một số đảo (Phú Quốc, Thổ Chu), quấy rối, lấn chiếm rồi tiến hành một cuộc chiến tranh lớn trên toàn tuyến biên giới Tây Nam.

Quân và dân ta đã phản công và tiến công mạnh mẽ, đập tan cuộc chiến tranh xâm lược của tập đoàn Pôn Pốt và tạo thời cơ cùng với các lực lượng cách mạng Campuchia tiến vào giải phóng thủ đô Phnômpênh, thành lập nước Cộng hoà nhân dân Campuchia và Hội đồng nhân dân cách mạng Campuchia.

2. Đấu tranh bảo vệ biên giới phía Bắc

Ở biên giới phía Bắc, chúng ta cũng phải đương đầu với lực lượng quân đội Trung Quốc tiến công ta dọc theo biên giới từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu). Quân dân ta đã chống trả quyết liệt, buộc Trung Quốc phải tuyên bố rút khỏi lãnh thổ Việt Nam.

VIỆT NAM TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1986 - 2000)

I – ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG

- Sau khi thực hiện hai kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1985), cách mạng nước ta vẫn còn không ít khó khăn, đất nước lâm vào khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng về kinh tế - xã hội.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

- Nguyên nhân là do các sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện.

– Những thay đổi của tình hình thế giới do tác động của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật. Cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng ở Liên Xô và các nước Đông Âu v.v...

Đổi mới là vấn đề cấp bách, có ý nghĩa sống còn đối với chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đồng thời là vấn đề phù hợp với xu thế của thời đại.

Để khắc phục những sai lầm và yếu kém trên, Đại hội lần thứ VI của Đảng (tháng 12 - 1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, nhưng trước hết là đổi mới tư duy, đổi mới nhận thức về thời kì quá độ lên CNXH, đổi mới về kinh tế, chính trị, song trọng tâm là đổi mới kinh tế.

a) Đổi mới kinh tế

- Xây dựng nền kinh tế quốc dân với cơ cấu nhiều ngành, nghề, nhiều quy mô và trình độ công nghệ.

- Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN.

- Cải tạo các thành phần kinh tế lạc hậu kìm hãm sự phát triển, đi đôi với sử dụng và thiết lập quan hệ sản xuất XHCN.

- Xoá bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước, khuyến khích bằng lợi ích vật chất.

- Thực hiện chính sách mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, mở rộng sự phân công lao động và hợp tác kinh tế quốc tế.

b) Đổi mới chính trị

- Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân ; lấy liên minh công nông và tầng lớp trí thức làm nền tảng của Nhà nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

- Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, lấy dân làm gốc, coi dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới.

- Thực hiện quyền dân chủ của nhân dân, chuyên chính đối với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân.

- Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, tập hợp mọi lực lượng của dân tộc phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, hữu nghị, hợp tác..

II – QUÁ TRÌNH ĐẤT NƯỚC THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI (1986 - 2000)

Đến năm 2000, đường lối đổi mới của Đảng đã thực hiện qua 3 kế hoạch nhà nước 5 năm.

1. Kế hoạch 5 năm 1986 – 1990 : Bước đầu công cuộc đổi mới

- Đại hội Đảng lần thứ VI (6 - 1986) đề ra kế hoạch 5 năm (1986 - 1990) – thực hiện bước đầu công cuộc đổi mới : Trước mắt, trong 5 năm (1986 – 1990) cần tập trung sức người, sức của thực hiện bằng được nhiệm vụ, mục tiêu của ba chương trình kinh tế về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

2. Kế hoạch 5 năm 1991 – 1995 : Tiếp tục sự nghiệp đổi mới

- Đại hội Đảng lần thứ VII (6 - 1991) đề ra kế hoạch 5 năm (1991 – 1995) – tiếp tục sự nghiệp đổi mới. Nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm (1991 – 1995) là : Đẩy lùi và kiểm soát được lạm phát, ổn định, phát triển và nâng cao hiệu quả nền sản xuất xã hội, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, bắt đầu có tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế.

3. Kế hoạch 5 năm 1996 – 2000 : Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Đại hội Đảng lần thứ VIII (6 - 1996) đề ra kế hoạch 5 năm (1996 - 2000) đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Phấn đấu đạt và vượt mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với việc giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội. Cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế.

4. Kết quả

Trong 15 năm thực hiện đổi mới (1986 - 2000) đã tăng cường sức mạnh tổng hợp của nước ta, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ XHCN, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Hạn chế : Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc ; năng suất lao động, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Chất lượng sản phẩm chưa tốt, giá thành cao. Quan hệ sản xuất trên một số mặt chưa phù hợp. Kinh tế Nhà nước chưa được củng cố tương xứng với vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể chưa mạnh.

- Một số vấn đề văn hoá, xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết. Các hoạt động khoa học và công nghệ chưa đáp ứng tốt yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn còn ở mức cao.

- Tình trạng tham nhũng chưa được khắc phục triệt để.

Đảng ta đã đề ra kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm (2001 – 2005) và chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm (2001 – 2010) nhằm đưa nước ta khỏi tình trạng kinh tế kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM (1919 - 2000)

I – CÁC THỜI KÌ PHÁT TRIỂN CỦA LỊCH SỬ DÂN TỘC

1. Thời kì 1919 - 1930

– Nguyễn Ái Quốc và một số nhà yêu nước khác đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam làm chuyển biến phong trào yêu nước chống Pháp từ lập trường tư sản sang lập trường vô sản.

- Ngày 3 – 2 - 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đưa cách mạng Việt Nam bước sang một giai đoạn mới.

2. Thời kì 1930 - 1945

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo đã phát triển không ngừng, qua ba phong trào cách mạng : 1930 – 1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh, phong trào dân chủ 1936 – 1939 và phong trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945 dẫn đến Cách mạng tháng Tám thành công và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời năm 1945.

3. Thời kì 1945 - 1954

Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, và từ năm 1950 chống cả sự can thiệp của Mĩ, trải qua hai giai đoạn *phòng ngự* (từ đầu đến trước Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950) và *tiến công* (từ Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950). Điện Biên Phủ là trận thắng quyết định đi đến việc kí kết Hiệp định Giơnevơ 1954 kết thúc chiến tranh, giải phóng hoàn toàn miền Bắc.

4. Thời kì 1954 - 1975

Nhiệm vụ chung của cách mạng cả nước là : "*Kháng chiến chống Mĩ, cứu nước*".

Tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên khởi nghĩa (từ Đồng khởi 1959 – 1960), rồi chiến tranh giải phóng (từ giữa năm 1961), kết hợp khởi nghĩa với chiến tranh, qua 5 giai đoạn ta lần lượt đánh bại 4 chiến lược thống trị và xâm lược của 5 đời Tổng thống Mĩ. Chiến dịch Hồ Chí Minh thắng lợi đã kết thúc chiến tranh, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

5. Thời kì 1975 - 2000

- Cách mạng Việt Nam chuyển sang thời kì cách mạng xã hội chủ nghĩa từ sau khi đất nước độc lập, thống nhất. Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam từ 1976 đến nay qua hai thời kì, đó là thời kì trước đổi mới và thời kì đổi mới.

- Công cuộc đổi mới đất nước đã và đang giành được thắng lợi, đem lại nhiều thành tựu về chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục và quan hệ đối ngoại. Thắng lợi đó khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới là phù hợp.

6. Bài học kinh nghiệm chủ yếu của cách mạng Việt Nam

– Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, một bài học xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta.

– Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử.

– Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết : đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

– Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế.

– Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Phần hai

CÁC ĐỀ ÔN LUYỆN

ĐỀ SỐ 1

Câu 1. *(3,5 điểm)*
Nêu những quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta tháng 2–1945.

Câu 2. *(3,5 điểm)*
Những chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 3. *(3 điểm)*
Dưới tác động của chính sách khai thác thuộc địa của Pháp, các giai cấp ở Việt Nam có sự chuyển biến như thế nào ?

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Những quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta***

– Từ ngày 4 đến ngày 11–2–1945, nguyên thủ ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng I. Xtalin, Tổng thống Ph. Rudoven, Thủ tướng U. Sócsin đã họp tại thành phố Ianta (Liên Xô).

Hội nghị đã đưa ra những quyết định quan trọng :

– Thống nhất mục tiêu chung là tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản. Để nhanh chóng kết thúc chiến tranh, từ 2 đến
3 tháng sau khi đánh bại nước Đức phát xít, Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật ở châu Á.

– Thành lập tổ chức Liên hợp quốc nhằm duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

– Thoả thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

+ Ở Châu Âu : quân đội Liên Xô chiếm đóng miền Đông nước Đức, Đông Béclin và các nước Đông Âu ; quân đội Mĩ, Anh và Pháp chiếm đóng miền Tây nước Đức, Tây Béclin và các nước Tây Âu. Hai nước Áo và Phần Lan trở thành những nước trung lập.

+ Ở châu Á, Hội nghị chấp nhận những yêu sách của Liên Xô do việc tham chiến chống phát xít Nhật :

1. Giữ nguyên trạng Mông Cổ ;

2. Trả lại cho Liên Xô miền Nam đảo Xakhalin và các đảo xung quanh, quốc tế hoá thương cảng Đại Liên (Trung Quốc) và khôi phục việc Liên Xô thuê cảng Lữ Thuận làm căn cứ hải quân, Liên Xô cùng Trung Quốc khai thác đường sắt Nam Mãn Châu – Đại Liên ; Liên Xô chiếm 4 đảo thuộc quần đảo Crưm. Trung Quốc cần trở thành một quốc gia thống nhất và dân chủ, quân đội nước ngoài (Mĩ, Liên Xô) rút khỏi Trung Quốc, chính phủ Trung Hoa Dân quốc cần cải tổ với sự tham gia của Đảng Cộng sản và các đảng phái dân chủ, trả lại cho Trung

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Quốc vùng Mãn Châu, đảo Đài Loan và quần đảo Bành Hồ ; các vùng còn lại của châu Á (Đông Nam Á, Nam Á, Tây Á) vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây. Quân đội Mĩ chiếm đóng Nhật Bản, quân đội Liên Xô chiếm đóng miền Bắc đảo Triều Tiên, quân đội Mĩ chiếm đóng miền Nam, vĩ tuyến 38 là ranh giới.

Theo thoả thuận của Hội nghị Pốtxđam – Đức (từ ngày 17 - 7 đến 2 - 8 - 1945), việc giải giáp quân đội Nhật ở Đông Dương được giao cho quân đội Anh vào phía Nam vĩ tuyến 16 và quân đội Trung Hoa Dân quốc vào phía Bắc.

Toàn bộ những quyết định của Hội nghị Ianta cùng những thoả thuận sau đó của ba cường quốc đã trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới, thường được gọi là *trật tự hai cực Ianta*.

Câu 2. ***Những chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam.***

Về kinh tế

– Để bù đắp cho nền kinh tế bị tổn thất nặng trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, nhà cầm quyền Pháp tìm cách vừa thúc đẩy sản xuất trong nước, vừa tăng cường đầu tư khai thác thuộc địa.

– Ở Việt Nam, thực dân Pháp đề ra chương trình khai thác lần thứ hai, thực hiện trong những năm 1919 - 1929.

Trong cuộc khai thác này, thực dân Pháp tập trung đầu tư vốn vào các ngành kinh tế với tốc độ nhanh, quy mô lớn. Nông nghiệp là lĩnh vực được đầu tư nhiều nhất. Diện tích các đồn điền trồng lúa, cao su, cà phê được mở rộng.

Cùng với nông nghiệp, tư bản Pháp chú trọng đầu tư vào khai thác mỏ, trước hết là mỏ than. Nhiều công ti khai thác mỏ than mới được thành lập.

Ngoài ra, các cơ sở khai thác mỏ thiếc, kẽm, sắt, đều được bổ sung thêm vốn, đẩy mạnh tiến độ khai thác.

Một số cơ sở chế biến đã được nâng cấp và mở rộng về quy mô.

Thương nghiệp, trước hết là ngoại thương, tăng trưởng hơn trước.

Giao thông vận tải phát triển, phục vụ công cuộc khai thác và vận chuyển nguyên vật liệu, lưu thông hàng hoá trong và ngoài nước (đường sắt, đường thuỷ, bến cảng được xây dựng và mở rộng).

Ngân hàng Đông Dương nắm trọn quyền chỉ huy kinh tế Đông Dương, phát hành tiền giấy và cho vay lãi. Thực dân Pháp còn thi hành các biện pháp tăng thuế...

Về chính trị

Chính quyền thực dân thi hành chính sách chuyên chế, tập trung mọi quyền hành trong tay. Bộ máy cảnh sát, mật thám, nhà tù vẫn tiếp tục được củng cố và hoạt động ráo riết.

Một số tổ chức chính trị, an ninh, kinh tế được thành lập.

Thi hành một vài cải cách chính trị – hành chính, kiểm soát xuống các làng xã.

Về văn hoá

Cơ sở xuất bản, in ấn xuất hiện ngày càng nhiều với hàng chục tờ báo, tạp chí chữ Pháp và chữ Quốc ngữ. Thực dân Pháp sử dụng báo chí để phục vụ công cuộc khai thác và thống trị của chúng.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Các trào lưu tư tưởng, khoa học – kĩ thuật, văn hoá, nghệ thuật phương Tây có điều kiện tràn vào Việt Nam.

Văn học, nghệ thuật có những chuyển biến mới về nội dung, phương pháp sáng tác.

Các yếu tố văn hoá truyền thống, văn hoá mới tiến bộ và nô dịch cùng tồn tại, đan xen, đấu tranh với nhau.

Câu 3. ***Những chuyển biến của xã hội Việt Nam dưới tác động của chính sách khai thác thuộc địa của Pháp.***
Chính sách khai thác thuộc địa trên quy mô lớn và chính sách thống trị của thực dân Pháp đã làm biến chuyển cơ cấu giai cấp của xã hội Việt Nam.

– Giai cấp địa chủ phân hoá thành 3 bộ phận rõ rệt : tiểu địa chủ, trung địa chủ và đại địa chủ. Hình thành và phát triển trong một dân tộc có truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm, nên một bộ phận không ít trung và tiểu địa chủ có ý thức dân tộc chống thực dân Pháp và tay sai.

– Giai cấp nông dân bị thống trị, bị bần cùng hoá. Mâu thuẫn giữa nông dân với đế quốc và tay sai rất gay gắt. Do vậy, nông dân đã tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do.

– Tầng lớp tiểu tư sản phát triển nhanh chóng về số lượng. Họ có ý thức dân tộc, dân chủ, chống thực dân Pháp và tay sai, đặc biệt là bộ phận tiểu tư sản trí thức.

– Giai cấp tư sản ra đời sau Chiến tranh thế giới thứ nhất và phân hoá thành hai bộ phận là tư sản mại bản và tư sản dân tộc. Địa vị kinh tế của tư sản Việt Nam rất nhỏ bé. Tư sản dân tộc là lực lượng có khuynh hướng dân tộc và dân chủ.

– Giai cấp công nhân Việt Nam ngày càng đông đảo. Họ bị thực dân và tư sản bóc lột. Họ gắn bó với giai cấp nông dân, thừa hưởng truyền thống yêu nước của dân tộc, sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu cách mạng vô sản trên thế giới nên đã nhanh chóng vươn lên trở thành một động lực mạnh mẽ của phong trào dân tộc theo khuynh hướng cách mạng tiên tiến của thời đại.

ĐỀ SỐ 2

Câu 1. *(2,5 điểm)*
Trình bày mục đích, nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc.

Câu 2. *(2,5 điểm)*
Trình bày những hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh ở nước ngoài trong những năm 1919 - 1925.

Câu 3. *(3 điểm)*
Nêu những hoạt động yêu nước của tư sản, tiểu tư sản và công nhân Việt Nam trong những năm 1919 - 1925.

Câu 4. *(2,0 điểm)*
Nêu nhận xét về phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam trong những năm 1919 - 1925.

Gợi ý làm bài

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Câu 1. ***Mục đích, nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc :***

– Mục đích của tổ chức Liên hợp quốc là duy trì hoà bình và an ninh thế giới, phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc và tiến hành sự hợp tác quốc tế giữa các nước trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc.

– Những nguyên tắc hoạt động :

+ Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.

+ Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.

+ Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.

+ Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình.

+ Chung sống hoà bình và sự nhất trí giữa 5 nước lớn (Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc).

Câu 2. ***Những hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh ở nước ngoài trong những năm 1919 – 1925 :***

Hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, tình hình thế giới có nhiều thay đổi, Phan Bội Châu đang bế tắc trong phương hướng cứu nước, giữa lúc đó, ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và sự ra đời của nước Nga Xô viết đã tác động đến ông như một luồng ánh sáng mới.

Cuối năm 1920, Phan Bội Châu dịch ra chữ Hán cuốn *Điều tra chân tướng Nga La Tư* của một tác giả Nhật Bản, viết *Truyện Phạm Hồng Thái* ca ngợi tinh thần yêu nước, hi sinh anh dũng của người thanh niên họ Phạm.

Tháng 6–1925, Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt tại Thượng Hải (Trung Quốc) đưa về nước, kết án tù rồi đưa về an trí ở Huế. Từ đó trở đi, Phan Bội Châu không thể tiến theo nhịp bước đấu tranh mới của dân tộc.

Hoạt động yêu nước của Phan Châu Trinh

Sau khi ra khỏi nhà tù Côn Đảo, Phan Châu Trinh sang Pháp (1911) tiếp tục hoạt động yêu nước. Ông có quan hệ với Nguyễn Ái Quốc trong những năm tháng hoạt động ở Pháp.

Đầu năm 1922, Phan Châu Trinh đến Mácxây. Vào dịp vua Khải Định sang Pháp dự cuộc triển lãm thuộc địa, Phan Châu Trinh viết *Thất điều thư* vạch ra 7 tội đáng chém của Khải Định. Ông còn tổ chức diễn thuyết, lên án chế độ quân chủ và quan trường ở Việt Nam, tiếp tục hô hào *"Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh"*...

Tháng 6 1925, Phan Châu Trinh về nước. Ông tiếp tục hoạt động đả phá chế độ quân chủ, đề cao dân quyền. Nhiều tầng lớp nhân dân đã hưởng ứng hoạt động của ông.

Năm 1926, Phan Châu Trinh mất, chấm dứt 1/4 thế kỉ hoạt động yêu nước sôi nổi của nhà yêu nước nổi tiếng theo xu hướng dân tộc chủ nghĩa ở Việt Nam.

Câu 3. ***Những hoạt động yêu nước của tư sản, tiểu tư sản và công nhân Việt Nam trong những năm 1919 - 1925 :***

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Hoạt động của tư sản và tiểu tư sản

– Giai cấp tư sản Việt Nam vốn nhỏ yếu về kinh tế và thường xuyên bị tư sản nước ngoài cạnh tranh, chèn ép, nên họ đã đấu tranh để bảo vệ quyền lợi của mình.

Năm 1919, tư sản Việt Nam đã tổ chức cuộc tẩy chay tư sản Hoa kiều ở một số tỉnh và thành phố như Sài Gòn, Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định... Ở Hà Nội, có cuộc vận động người Việt Nam chỉ mua hàng của người Việt Nam.

Năm 1923, địa chủ và tư sản Việt Nam đấu tranh chống tư bản Pháp độc quyền cảng Sài Gòn, độc quyền xuất cảng lúa gạo ở Nam Kì. Giai cấp tư sản
Việt Nam đã dùng báo chí để đòi quyền lợi cho mình.

Một số tư sản và địa chủ lớn ở Nam Kì lập ra *Đảng lập hiến*, với cơ quan ngôn luận là báo *Diễn đàn Đông Dương* và báo *Tiếng dội An Nam*. Khi thực dân Pháp nhượng bộ cho ít quyền lợi, họ lại thoả hiệp với chúng.

Ở ngoài Bắc, có nhóm Nam Phong của Phạm Quỳnh và nhóm *Trung Bắc tân văn* của Nguyễn Văn Vĩnh. Phạm Quỳnh cổ vũ cho thuyết "quân chủ lập hiến", còn Nguyễn Văn Vĩnh đề cao tư tưởng "trực trị".

– Tầng lớp tiểu tư sản trí thức sôi nổi đấu tranh đòi quyền tự do dân chủ.

Vào đầu những năm 20 của thế kỉ XX, một số thanh niên yêu nước sang Quảng Châu (Trung Quốc) tìm đường cứu nước. Năm 1923, họ lập ra tổ chức
Tâm tâm xã.

Một số tổ chức chính trị như *Việt Nam nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Đảng thanh niên* đã được thành lập với nhiều hoạt động phong phú, sôi động. Nhiều tờ báo, nhiều xuất bản phẩm tiến bộ lần lượt ra đời.

Một số sự kiện nổi bật như cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu (1925), các cuộc truy điệu, đưa tang Phan Châu Trinh (1926).

b) Các cuộc đấu tranh của công nhân

Năm 1920, công nhân Sài Gòn – Chợ Lớn đã thành lập Công hội (bí mật) do Tôn Đức Thắng đứng đầu.

Năm 1922, công nhân, viên chức các cơ sở công thương của tư nhân ở Bắc Kì đòi chủ tư bản người Pháp cho nghỉ ngày chủ nhật và được hưởng lương. Cuộc bãi công của công nhân các nhà máy rượu, xay xát gạo ở Nam Định, Hà Nội, Hải Dương...

Tháng 8 1925, thợ máy xưởng đóng tàu Ba Son tại cảng Sài Gòn bãi công. Cuộc bãi công của công nhân Ba Son thắng lợi đánh dấu bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam.

Câu 4. ***Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam trong những năm 1919 - 1925 :***
– Lực lượng tham gia bao gồm giai cấp tư sản, giai cấp công nhân, tầng lớp tiểu tư sản và các tầng lớp nhân dân lao động khác.

– Mục tiêu đấu tranh là đòi quyền lợi kinh tế, đòi tự do dân chủ, sau đó đòi quyền lợi về chính trị.

– Đấu tranh diễn ra dưới nhiều hình thức mít tinh, biểu tình, bãi công, ra báo chí công khai...

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Kết quả : đều không giành được thắng lợi, vì chưa có đường lối lãnh đạo đúng đắn.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

ĐỀ SỐ 3

Câu 1. *(2 điểm)*
Nêu diễn biến chính ở nước Đức từ tháng 5–1945 đến tháng 10–1949.

Câu 2. *(2 điểm)*
Sự đối lập về chính trị và kinh tế giữa hai khối nước : Tây Âu TBCN và Đông Âu XHCN thể hiện như thế nào ?

Câu 3. *(3 điểm)*
Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên ra đời và hoạt động như thế nào ?

Câu 4. *(3 điểm)*

Phong trào yêu nước của các tầng lớp tư sản và tiểu tư sản từ năm 1919 đến năm 1925 đã diễn ra như thế nào ?

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Diễn biến chính ở nước Đức :***
Tương lai của nước Đức trở thành vấn đề trung tâm trong nhiều cuộc gặp giữa nguyên thủ ba cường quốc Liên Xô, Mĩ và Anh với những bất đồng sâu sắc. Tại Hội nghị Pốtxđam, ba cường quốc đã khẳng định về nguyên tắc nước Đức phải trở thành một quốc gia thống nhất, hoà bình, dân chủ và tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít ; thoả thuận việc phân chia các khu vực chiếm đóng và kiểm soát nước Đức sau chiến tranh : quân đội Liên Xô chiếm đóng vùng lãnh thổ phía Đông nước Đức, quân đội Anh chiếm vùng Tây Bắc, quân đội Mĩ chiếm vùng phía Nam, quân đội Pháp chiếm một phần lãnh thổ phía Tây nước Đức. Nhưng Mĩ, Anh và sau đó là Pháp đã tiến hành riêng rẽ việc hợp nhất các khu vực chiếm đóng của mình, nên tháng 9 1949 lập ra nhà nước *Cộng hoà Liên bang Đức*. Tháng 10 1949, được sự giúp đỡ của Liên Xô, các lực lượng dân chủ ở Đông Đức đã thành lập Nhà nước *Cộng hoà Dân chủ Đức*. Như thế, trên lãnh thổ nước Đức đã xuất hiện hai nhà nước với hai chế độ chính trị và con đường phát triển khác nhau.

Câu 2. ***Sự đối lập về chính trị và kinh tế giữa hai khối nước :*** Tây Âu TBCN và Đông Âu XHCN được thể hiện qua những vấn đề cơ bản sau :
– Ở châu Âu : Nước Đức bị chia thành hai nước là Cộng hoà Liên bang Đức (9 - 1949) và Cộng hoà Dân chủ Đức (10 - 1949). Thủ đô Béclin bị chia thành Đông Béclin và Tây Béclin.

– Các nước dân chủ nhân dân Đông Âu ra đời do các đảng cộng sản lãnh đạo, liên minh chặt chẽ với Liên Xô. Các nước Tây Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mĩ.

– Về kinh tế, Mĩ viện trợ cho các nước Tây Âu (kế hoạch Mácsan) ; Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV), tháng 1 - 1949.

– Ở châu Á : Triều Tiên chia thành hai miền thuộc ảnh hưởng của Liên Xô và Mĩ. Trung Quốc diễn ra cuộc nội chiến giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản. Cách mạng thắng lợi, đưa đến sự thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (1 10 1949), chính quyền Quốc dân đảng thua, chạy ra Đài Loan với sự bảo trợ của Mĩ. Ở Đông Nam Á, ba nước Inđônêxia, Việt Nam, Lào giành được độc lập, thành lập các chính quyền nhà nước của mình, nhưng sau đó đã phải tiến hành cuộc kháng chiến chống lại sự xâm lược trở lại của các nước thực dân Hà Lan và Pháp.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

– Như vậy, giữa hai khối nước Tây Âu và Đông Âu xuất hiện sự đối lập về chính trị và kinh tế của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội.

Câu 3. ***Sự ra đời và những hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên*** :

Hoàn cảnh ra đời

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến năm 1925, phong trào công nhân nước ta phát triển mạnh mẽ và có những bước tiến mới.

Sau thời gian ở Liên Xô học tập và nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng đảng kiểu mới, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc). Về đến Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc liên lạc với các nhà yêu nước Việt Nam tại Quảng Châu, tìm hiểu tình hình trong nước, lựa chọn, tập hợp thanh niên mở lớp huấn luyện, đào tạo thanh niên thành chiến sĩ cách mạng. Tại các lớp huấn luyện, họ được học làm cách mạng, học cách hoạt động bí mật. Phần lớn số học viên sau khi học xong đã bí mật về nước truyền bá lí luận giải phóng dân tộc và tổ chức nhân dân. Một số thanh niên được lựa chọn, gửi sang học Trường Đại học Phương Đông ở Mátxcơva (Liên Xô) hoặc Trường Quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc).

Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn, giác ngộ một số thanh niên tích cực trong tổ chức Tâm tâm xã, lập ra Cộng sản đoàn (2 - 1925) làm nòng cốt để chuẩn bị cho việc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

Tháng 6 - 1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên nhằm tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết, đấu tranh để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và tay sai.

Những hoạt động

Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Tổng bộ, trong đó có Nguyễn Ái Quốc, Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn. Trụ sở của Tổng bộ đặt tại Quảng Châu.

Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đã phát triển hội viên và tổ chức có hệ thống từ Tổng bộ đến các Kì bộ xuống cơ sở ở hầu khắp các trung tâm kinh tế – chính trị quan trọng ở trong nước. Hội cũng tham gia trong một số đoàn thể quần chúng như Công hội, Nông hội, Hội học sinh, Hội phụ nữ... và tổ chức quần chúng đấu tranh, nhất là từ khi có chủ trương "vô sản hoá".

Cuối năm 1928, thực hiện chủ trương "vô sản hoá", nhiều cán bộ của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đi vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, cùng sinh hoạt và lao động với công nhân để tự rèn luyện, truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin, tuyên truyền vận động cách mạng, nâng cao ý thức chính trị cho giai cấp công nhân. Phong trào công nhân vì thế cũng phát triển mạnh mẽ hơn và trở thành nòng cốt của phong trào dân tộc trong cả nước. Từ đó, nhiều cuộc đấu tranh của công nhân, viên chức, học sinh nổ ra... Trên đà đó, phong trào công nhân bùng nổ trong cả nước với 40 cuộc bãi công diễn ra ở các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền.

Câu 4. ***Phong trào yêu nước của các tầng lớp tư sản và tiểu tư sản từ năm 1919 đến năm 1925 :***

Hoạt động của tầng lớp tư sản :

– Trước tình trạng chèn ép của tư bản Pháp, tư sản dân tộc tổ chức phong trào chấn hưng nội hoá, bài trừ ngoại hoá. Năm 1919 bùng nổ phong trào tẩy chay các thương gia Hoa kiều, người Nam chỉ mua bán với người Nam. Năm 1923 lại có vụ đấu tranh chống độc quyền cảng Sài Gòn, độc quyền xuất cảng lúa gạo Nam Kì của tư bản Pháp.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

– Tư sản đã dùng báo chí để bênh vực quyền lợi cho mình. Sự việc này có tiếng vang sang tận Pháp.

Năm 1923, một số tư sản và địa chủ lớn trong Nam thành lập Đảng Lập hiến, đưa ra một số khẩu hiệu đòi tự do dân chủ để tranh thủ sự ủng hộ của quần chúng nhưng khi thực dân Pháp dành cho một số ít quyền lợi, họ lại thoả hiệp với Pháp.

Nhìn chung, các hoạt động của tầng lớp tư sản mang tính chất cải lương, nhanh chóng bị phong trào quần chúng vượt qua.

Hoạt động của tầng lớp tiểu tư sản

Tầng lớp tiểu tư sản thành lập những tổ chức chính trị như Việt Nam nghĩa đoàn, Phục Việt, Hưng Nam, đảng Thanh niên... và hoạt động với nhiều hình thức phong phú (mít tinh, biểu tình, bãi khoá, ra nhiều tờ báo tiến bộ "Chuông rè", "An Nam trẻ", "Người nhà quê", lập ra những nhà xuất bản Nam Đồng thư xã, Cường học thư xã, Quan hải tùng thư...).

Có hai sự kiện nổi bật là đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu mới bị bắt cóc từ Trung Quốc về (1925) và đám tang Phan Châu Trinh (1926).

Tháng 6 - 1924, tiếng bom Phạm Hồng Thái nổ tại Sa Diện (Quảng Châu – Trung Quốc) đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào yêu nước.

Nhận định chung

Đây là phong trào dân tộc và dân chủ theo xu hướng tư sản. Phong trào này đã lôi cuốn được một số quần chúng tham gia nhưng nhìn chung còn non yếu và thiếu cơ sở vững chắc trong mọi tầng lớp nhân dân nên không đáp ứng được yêu cầu khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân ta, không chống đỡ được các thủ đoạn khủng bố của kẻ thù.

ĐỀ SỐ 4

Câu 1. *(2,5 điểm)*
Nêu những thành tựu chính của Liên Xô trong công cuộc khôi phục kinh tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 2. *(3,5 điểm)*
Trình bày sự thành lập Việt Nam Quốc dân đảng và cuộc khởi nghĩa Yên Bái.

Câu 3. *(4 điểm)*
Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên và quá trình hình thành ba tổ chức Cộng sản ở Việt Nam.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Những thành tựu chính của Liên Xô trong công cuộc khôi phục kinh tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai :***

– Liên Xô chịu hậu quả nặng nề của Chiến tranh thế giới thứ hai : hơn 27 triệu người chết, 1710 thành phố, 70 000 làng mạc, 32 000 nhà máy, xí nghiệp bị tàn phá. Nền kinh tế bị chậm lại vài ba kế hoạch 5 năm.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

– Với niềm tự hào là người giữ vai trò chủ yếu trong công cuộc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, với tinh thần tự lực tự cường, nhân dân Liên Xô đã dốc sức khôi phục nền kinh tế. Kế hoạch 5 năm 1946 - 1950 được hoàn thành trước thời hạn
9 tháng.

Đến năm 1947, sản xuất công nghiệp về cơ bản đã được khôi phục, đạt mức trước chiến tranh. Đến năm 1950, sản lượng công nghiệp tăng 73% so với mức trước chiến tranh (kế hoạch dự kiến là 48%), hơn 6200 xí nghiệp được phục hồi hoặc xây dựng mới đi vào hoạt động.

Sản xuất nông nghiệp năm 1950 đã đạt mức trước chiến tranh.

Khoa học – kĩ thuật phát triển nhanh chóng. Năm 1949, Liên Xô thử thành công bom nguyên tử, phá vỡ thế độc quyền vũ khí nguyên tử của Mĩ.

Câu 2. ***Sự thành lập Việt Nam Quốc dân đảng và cuộc khởi nghĩa Yên Bái :***
Quá trình thành lập

Cơ sở hạt nhân là nhà xuất bản tiến bộ Nam Đồng thư xã của một nhóm thanh niên trí thức yêu nước chưa có đường lối chính trị rõ rệt. Sau đó Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính đã sáng lập ra Việt Nam quốc dân đảng (25 - 12 - 1927) theo xu hướng cách mạng dân chủ tư sản tiêu biểu cho tư sản dân tộc Việt Nam. Đảng viên gồm sinh viên, học sinh, công chức, tư sản dân tộc, tiểu chủ, thân hào, phú nông, địa chủ ở nông thôn và binh lính cùng hạ sĩ quan người Việt trong quân đội Pháp.

Chương trình hành động

Nguyên tắc của đảng là "Tự do – Bình đẳng – Bác ái". Mục đích là "Đẩy mạnh cách mạng dân tộc; xây dựng nền dân chủ trực tiếp; giúp đỡ các dân tộc bị áp bức. Chương trình hoạt động chia thành bốn thời kì. Thời kì cuối cùng là bất hợp tác với chính phủ Pháp và triều đình nhà Nguyễn, cổ động bãi công, đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.

Cuộc khởi nghĩa Yên Bái

Quốc dân đảng lấy binh lính người Việt làm lực lượng chủ lực nên tổ chức cơ sở trong quần chúng rất ít. Thành phần phức tạp, tổ chức lỏng lẻo, mật thám và tay sai chui được vào tổ chức Đảng. Hoạt động của Đảng bị lộ, thực dân Pháp khủng bố dữ dội.

Tháng 2 - 1929, Việt Nam Quốc dân đảng tổ chức ám sát tên trùm mộ phu Badanh. Thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng. Phần lớn cơ sở của Việt Nam quốc dân đảng bị tan rã, các lãnh tụ bị truy lùng ráo riết, đảng viên bị bắt gần 1000 người, vũ khí dự trữ bị khám phá. Đứng trước tình hình đó, những cán bộ lãnh đạo chủ chốt còn lại của Đảng quyết định thực hiện cuộc bạo động cuối cùng : "Không thành công cũng thành nhân".

– Cuộc khởi nghĩa nổ ra đêm 9 - 2 - 1930 ở Yên Bái. Tiếp sau là Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình... Tại Yên Bái, quân khởi nghĩa chiếm được trại lính, giết và làm bị thương một số sĩ quan và hạ sĩ quan Pháp, nhưng ngày hôm sau đã bị phản công lại. Các nơi khác, nghĩa quân chỉ làm chủ vài huyện lị nhỏ nhưng bị địch nhanh chóng chiếm lại.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

– Khởi nghĩa Yên Bái bị thất bại nhanh chóng, song đã cổ vũ lòng yêu nước và chí căm thù của nhân dân Việt Nam đối với thực dân Pháp và tay sai. Hành động yêu nước, tấm gương hi sinh của các chiến sĩ Yên Bái là sự nối tiếp truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc Việt Nam.

Sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái đã chứng minh phong trào dân tộc dân chủ theo khuynh hướng tư sản dưới ngọn cờ của Việt Nam quốc dân đảng đã không đáp ứng được yêu cầu khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Vai trò lịch sử của Việt Nam quốc dân đảng với tư cách là một chính đảng cách mạng trong phong trào dân tộc vừa mới xuất hiện đã tan rã cùng với sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái.

Câu 3. ***Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và quá trình hình thành ba tổ chức Cộng sản ở Việt Nam :***

Hội Việt Nam cách mạng thanh niên

– Ngày 11 - 11–1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu liên lạc với các nhà cách mạng Việt Nam đang hoạt động ở đây tích cực vận động tổ chức, huấn luyện đào tạo cán bộ cách mạng. Tháng 6 - 1925, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ra đời.

– Mục đích của Hội là : "Làm cuộc cách mệnh dân tộc (đập tan bọn Pháp và giành lại độc lập cho xứ sở) rồi sau làm cách mệnh thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế quốc và thực hiện chủ nghĩa cộng sản)".

Tuần báo *Thanh niên* là cơ quan ngôn luận trung ương của Hội. Đầu năm 1927, những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu được xuất bản thành sách *Đường kách mệnh*. Báo và sách đó đã vũ trang lí luận cách mạng cho cán bộ của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên tuyên truyền cách mạng cho công nhân và các tầng lớp nhân dân Việt Nam. Từ cuối năm 1928 sau khi có chủ trương "vô sản hoá", nhiều cán bộ đã đi sâu vào nhà máy, xí nghiệp, đồn điền, các cơ sở quần chúng để tuyên truyền cách mạng.

Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đã đảm nhận tốt việc tuyên truyền, tổ chức, chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản.

Quá trình hình thành ba tổ chức Cộng sản Việt Nam

– Cùng với sự ra đời và phát triển của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, Tân Việt cách mạng đảng cũng được thành lập. Đó là một tổ chức tập hợp những trí thức và thanh niên tiểu tư sản yêu nước. Địa bàn hoạt động chủ yếu ở Trung Kì. Đảng Tân Việt ra đời trong thời kì Hội Việt Nam cách mạng thanh niên phát triển mạnh nên tư tưởng cách mạng và đường lối của Hội cuốn hút nhiều đảng viên trẻ, tiên tiến của Tân Việt.

– Cuối tháng 3 - 1929 với sự nhạy cảm về chính trị, một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Bắc Kì đã họp tại 5D phố Hàm Long lập ra chi bộ cộng sản đầu tiên (7 đảng viên). Ngày 17–6–1929, đại biểu các tổ chức cơ sở cộng sản ở miền Bắc họp đại hội tại nhà số 312 phố Khâm Thiên – Hà Nội quyết định thành lập *Đông Dương Cộng sản đảng*.

Sau khi Đông Dương Cộng sản đảng ra đời, các cán bộ lãnh đạo tiên tiến trong Tổng Bộ và Kì bộ của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Nam Kì đã quyết định lập *An Nam Cộng sản đảng* tháng 8–1929.

Tháng 9–1929, những đảng viên tiên tiến trong Đảng Tân Việt công bố trước toàn thể đảng viên Tân Việt cùng toàn thể công nhân, nông dân và những người lao khổ biết *Đông Dương Cộng sản liên đoàn* đã chính thức thành lập.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

– Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản lúc đó là một xu thế khách quan của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Ba tổ chức đó đã nhanh chóng phát triển tổ chức cơ sở Đảng và quần chúng trong nhiều địa phương nhưng hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng của nhau, thậm chí công kích nhau làm cho phong trào cách mạng của cả nước có nguy cơ bị chia rẽ, nên yêu cầu cấp bách của cách mạng Việt Nam là phải có một Đảng thống nhất.

ĐỀ SỐ 5

Câu 1. *(1,5 điểm)*

Nêu những thành tựu trong công cuộc xây dựng CNXH ở Đông Âu.

Câu 2. *(1,5 điểm)*

Trình bày sự ra đời và vai trò của Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX.

Câu 3. *(4 điểm)*

Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với quá trình vận động chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 4. *(3 điểm)*

Quá trình vận động thành lập Đảng Cộng sản. Tại sao nói : "Sự ra đời của Đảng là bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam ?".

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Những thành tựu trong công cuộc xây dựng CNXH ở Đông Âu :***

Trong những năm 1950 – 1975, các nước Đông Âu đã thực hiện nhiều kế hoạch 5 năm nhằm xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội trong tình hình khó khăn phức tạp. Các nước này đều xuất phát từ trình độ phát triển thấp (trừ Tiệp Khắc, Cộng hoà Dân chủ Đức), lại bị các nước đế quốc bao vây về kinh tế và các thế lực phản động ở trong nước chống phá quyết liệt. Với sự giúp đỡ có hiệu quả của Liên Xô và sự nỗ lực vươn lên của nhân dân, các nước Đông Âu đã giành được nhiều thành tựu to lớn.

Các nước Đông Âu đã tiến hành xây dựng nền công nghiệp dân tộc, điện khí hoá toàn quốc, nâng cao sản lượng công nghiệp lên gấp hàng chục lần. Nông nghiệp phát triển nhanh chóng, đáp ứng nhu cầu lương thực và thực phẩm của nhân dân. Trình độ khoa học – kĩ thuật được nâng cao rõ rệt. Từ những nước nghèo, các nước XHCN Đông Âu đã trở thành các quốc gia công – nông nghiệp.

Câu 2. ***Sự ra đời và vai trò của Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX :***

Ngày 8–1–1949, *Hội đồng tương trợ kinh tế* (viết tắt là SEV) được thành lập với sự tham gia của các nước XHCN ở châu Âu là : Liên Xô, Anbani, Ba Lan, Bungari, Hunggari, Tiệp Khắc, Rumani ; sau thêm Cộng hoà Dân chủ Đức (1950). Mục tiêu của SEV là tăng cường sự hợp tác giữa các nước XHCN, thúc đẩy sự tiến bộ khoa học – kĩ thuật, thu hẹp dần sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế giữa các nước thành viên. Sau hơn 20 năm hoạt động, Hội đồng tương trợ kinh tế đã đạt được một số thành tựu trong việc giúp đỡ các nước thành viên, thúc đẩy sự tiến bộ về kinh tế và kĩ thuật, không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân.

Từ năm 1951 đến năm 1973, tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp hằng năm của các nước trong khối SEV là khoảng 10%, GDP của các nước thành viên năm 1973 tăng 5,7 lần so với năm 1950. Liên Xô giữ vai trò quan

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

trọng trong khối SEV. Từ năm 1949 đến năm 1970, Liên Xô đã viện trợ không hoàn lại cho các nước thành viên tới 20 tỉ rúp.

Câu 3. ***Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với quá trình vận động chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam :***

Năm 1920, ngay sau khi tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin và gia nhập Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã bắt đầu vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam để soạn thảo con đường cách mạng Việt Nam.

Song song với quá trình đó, Nguyễn Ái Quốc tiến hành những công việc chuẩn bị thành lập một chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam, để lãnh đạo nhân dân Việt Nam thực hiện con đường cứu nước mới.

Để có đủ yếu tố thành lập một đảng cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị về tư tưởng chính trị, đào tạo cán bộ, vận động để đưa phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam lên một tầm cao mới.

– Về tư tưởng – chính trị

Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc cùng với một số nhà yêu nước ở các thuộc địa Pháp đang sống ở Pari thành lập Hội liên hiệp thuộc địa. Hội có nhiệm vụ tuyên truyền tư tưởng cách mạng, truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin và sách báo cách mạng tới các thuộc địa Pháp.

Ở Đông Dương, các tài liệu cách mạng được thuỷ thủ yêu nước bí mật chuyển tới các nhà máy, xí nghiệp nhằm giác ngộ những người công nhân. Vì vậy phong trào công nhân Việt Nam được tiếp thu luồng tư tưởng mới.

Năm 1924 khi tới Quảng Châu (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện cho những người yêu nước Việt Nam về lí luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, về con đường cách mạng Việt Nam và phương pháp làm cách mạng. Những người yêu nước này về nước thực hiện chủ trương "vô sản hoá", đồng thời tuyên truyền, giác ngộ chủ nghĩa Mác – Lênin cho đông đảo công nhân. Phong trào công nhân vào những năm 1928 – 1929 có bước phát triển về chất : từ tự phát lên tự giác.

Các tổ chức cách mạng của tiểu tư sản ở trong nước cũng tiếp thu tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin và ngả theo lập trường vô sản. Lúc này, phong trào yêu nước Việt Nam cũng phát triển đến đỉnh cao.

– Về đào tạo cán bộ

Tại Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện đào tạo cán bộ cho những thanh niên, học sinh, trí thức Việt Nam đang hoạt động yêu nước ở Trung Quốc. Họ học làm cách mạng, học cách hoạt động bí mật.

Công việc đào tạo cán bộ tiếp theo bằng hai con đường. Phần lớn học viên về nước tự đào tạo trong thực tiễn cách mạng. Một số người được tiếp tục đào tạo trong nhà trường ở cấp cao như được gửi sang học tại Trường Đại học Phương Đông ở Mátxcơva (Liên Xô), hoặc Trường Quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc).

– Về tổ chức

Tháng 2–1925, Nguyễn Ái Quốc lựa chọn một số thanh niên tích cực trong tổ chức Tâm tâm xã để tổ chức thành lập nhóm Cộng sản đoàn.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Tháng 6–1925, Người thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên nhằm tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết đấu tranh đánh đổ đế quốc và tay sai.

Trong quá trình phát triển của phong trào công nhân và phong trào yêu nước những năm 1928 – 1929, các tổ chức cách mạng đã chuyển thành các tổ chức cộng sản : Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

Mặc dù cùng có lí tưởng cách mạng cứu nước, giải phóng dân tộc, nhưng trong hoạt động, ba tổ chức này tranh giành quần chúng, công kích lẫn nhau, nếu tình hình này kéo dài sẽ gây tổn thất cho sự nghiệp chung.

Trước tình hình đó, Nguyễn Ái Quốc đứng ra hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một Đảng Cộng sản duy nhất ở Việt Nam.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản được Nguyễn Ái Quốc triệu tập vào đầu năm 1930 tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc).

Do uy tín, kinh nghiệm hoạt động và tổ chức của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị đã thống nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam mang tầm vóc lịch sử của một Đại hội thành lập Đảng.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả của việc kết hợp chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam cuối những năm 20 của thế kỉ XX. Quá trình đó đã được Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị trong 10 năm, từ những năm 1920 đến năm 1930.

Câu 4. ***Quá trình vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam :***

Cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là một quá trình chuẩn bị lâu dài của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và những người cách mạng Việt Nam từ những năm 20 của thế kỉ XX.

Quá trình vận động thành lập Đảng

– Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam. Vì thế khi phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam phát triển mạnh, có ý thức chính trị rõ rệt, đòi hỏi phải có tổ chức đảng cách mạng tiên phong lãnh đạo phong trào.

– Phong trào công nhân từ tự phát đến tự giác đã diễn ra từ năm 1919 đến năm 1930.

Từ năm 1919 đến năm 1925, công nhân đã bãi công để đưa những yêu cầu và những quyền lợi cụ thể của mình đến giới chủ nhưng còn rời rạc.

Từ năm 1926 đến 1929, các cuộc bãi công đã vượt ra ngoài phạm vi một xưởng, một địa phương, một ngành, có sự liên kết thành phong trào chung.

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân, phong trào yêu nước của các tầng lớp nhân dân khác cũng diễn ra mạnh mẽ, chủ nghĩa Mác – Lênin được tuyên truyền ngày càng mạnh vào Việt Nam. Phong trào công nhân đã đủ sức tiếp thu sâu sắc lí luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, ý thức tự giác xuất hiện rõ rệt.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên được thành lập và phát triển tổ chức trên cả ba kì. Tân Việt cách mạng đảng hoạt động chủ yếu ở Trung Kì.

– Đầu năm 1929, hàng chục cuộc đấu tranh của công nhân đã nổ ra từ Bắc vào Nam. Các phong trào yêu nước khác cũng phát triển, kết thành một làn sóng dân tộc dân chủ ngày càng lan rộng. Trước tình hình đó, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên bộc lộ rõ hạn chế, không thể làm vai trò tiên phong, lãnh đạo phong trào được nữa.

Ngày 17–6–1929, đại biểu các tổ chức cộng sản ở Bắc Kì quyết định thành lập *Đông Dương Cộng sản đảng*, thông qua tuyên ngôn, Điều lệ của Đảng, ra báo *Búa liềm* làm cơ quan ngôn luận.

Tháng 8–1929, các cán bộ lãnh đạo tiên tiến trong Tổng bộ và Kì bộ của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Nam Kì quyết định thành lập *An Nam Cộng sản đảng*.

Tháng 9–1929, những người cộng sản trong Tân Việt tuyên bố thành lập *Đông Dương Cộng sản liên đoàn*.

– Với chức trách phái viên của Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập hội nghị hợp nhất các tổ chức Đảng thành một Đảng duy nhất lấy tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua Chính cương và Điều lệ vắn tắt ; định kế hoạch thực hiện việc thống nhất tổ chức Đảng ở trong nước và một Ban chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng.

b) Sự ra đời của Đảng là bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam :

– Đảng ra đời đã chấm dứt được tình trạng khủng hoảng lãnh đạo cách mạng của nước ta kéo dài hàng mấy chục năm. Từ đây, cách mạng Việt Nam đã có một chính đảng chân chính duy nhất lãnh đạo.

– Đảng Cộng sản Việt Nam theo học thuyết Mác – Lênin, có đường lối cách mạng khoa học và sáng tạo, có tổ chức chặt chẽ, có đội ngũ cán bộ đảng viên kiên trung, suốt đời hi sinh cho lí tưởng của chủ nghĩa cộng sản, cho độc lập của dân tộc, cho tự do của nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố đầu tiên quyết định mọi thắng lợi của cách mạng.

Cách mạng Việt Nam đã thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới.

Sự ra đời của Đảng là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính chất quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt mới trong lịch sử tiến hoá của dân tộc
Việt Nam. Chính vì thế, việc thành lập Đảng là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử Việt Nam.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

ĐỀ SỐ 6

Câu 1. *(3 điểm)*
Nêu những nét chính về tình hình Liên bang Nga trong những năm 1991 – 2000.

Câu 2. *(4 điểm)*
Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3–2–1930 là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam trong những năm hai mươi của thế kỉ XX. Hãy giải thích nhận định trên.

Câu 3. *(3 điểm)*
Nội dung cơ bản của Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Tình hình Liên bang Nga trong những năm 1991 – 2000 :***

– Từ sau khi Liên Xô tan rã, Liên bang Nga được kế thừa địa vị pháp lí của Liên Xô tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc cũng như tại các cơ quan ngoại giao của Liên Xô ở nước ngoài.

– Về kinh tế, Chính phủ Nga đề ra cương lĩnh tư nhân hoá nền kinh tế nhưng không thành công. Từ năm 1990 đến năm 1995, tốc độ tăng trưởng luôn là con số âm. Từ năm 1996, nền kinh tế dần phục hồi và đến năm 2000 tăng 9%.

–Về chính trị, tháng 12–1993 Hiến pháp mới được thông qua. Theo đó, Tổng thống do dân bầu trực tiếp có quyền hành to lớn, đứng đầu Nhà nước, Thủ tướng đứng đầu Chính phủ. Quốc hội gồm hai viện là Hội đồng Liên bang (Thượng viện) và Đuma quốc gia (Hạ viện).

– Dưới thời Tổng thống Enxin, tình hình chính trị thiếu ổn định do sự tranh chấp quyền lực và những cuộc xung đột sắc tộc, nổi bật là phong trào li khai ở vùng Trécxnia.

– Về đối ngoại, những năm 1992 – 1993, nước Nga theo đuổi chính sách "Định hướng Đại Tây Dương", ngả về các nước phương Tây ; từ năm 1994 chuyển sang "Định hướng Âu – Á", khôi phục và phát triển quan hệ với các nước SNG, Trung Quốc, Ấn Độ và các nước Đông Nam Á.

– Từ năm 2000, Chính phủ của Tổng thống V. Putin đã đưa Liên bang Nga bước vào thời kì ổn định và phát triển về mọi mặt, từng bước lấy lại vị thế quốc tế của nước Nga.

Câu 2. ***Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3–2–1930 là sản phẩm...***

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 3–2–1930 không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên, mà là kết quả của sự tác động, vận động và phát triển tất yếu, chín muồi của ba nhân tố kết hợp : chủ nghĩa Mác – Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

Chủ nghĩa Mác – Lênin trang bị lí luận, chỉ ra mục tiêu, lí tưởng, nhiệm vụ, phương pháp khoa học, soi đường dẫn lối cho giai cấp vô sản và quần chúng lao động tiến hành đấu tranh cách mạng xoá bỏ chế độ xã hội cũ, chế độ người áp bức bóc lột người và xây dựng xã hội mới, xã hội XHCN và cộng sản chủ nghĩa. Chủ nghĩa Mác – Lênin còn chỉ ra : Trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù giai cấp và trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới, giai cấp

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

công nhân cần phải lập ra Đảng vô sản của mình, Đảng đó phải là bộ tham mưu, đội tiên phong của giai cấp công nhân, trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân và dân tộc, Đảng đó phải là Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân.

– Chủ nghĩa Mác – Lênin được truyền bá, thâm nhập vào Việt Nam trở thành nhân tố quan trọng dẫn tới sự ra đời của Đảng.

+ Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam : cứu nước theo con đường cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin. Từ năm 1921 đến 1930, Người đã tích cực hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam. Nhờ những đóng góp thiết thực của Người : xuất bản báo chí, viết bài, báo cáo tham luận... đặc biệt là hai tác phẩm nổi tiếng *Bản án chế độ thực dân Pháp* và *Đường Kách mệnh* – những tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin đã ngày càng được thâm nhập rộng rãi vào Việt Nam.

Thông qua việc sáng lập tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và các hoạt động của nó, Nguyễn Ái Quốc đã thực hiện được việc truyền bá và giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin cho quần chúng lao động và giai cấp công nhân Việt Nam.

+ Qua đó, vai trò của chủ nghĩa Mác – Lênin đã được thể hiện : những tư tưởng về cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng XHCN đã thức tỉnh những người Việt Nam hướng theo con đường cách mạng đúng đắn, đó là con đường cách mạng vô sản ; Đảng Cộng sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng XHCN ; xác định đúng vấn đề động lực cách mạng, liên minh giai cấp ; vị trí của cách mạng thuộc địa, phương pháp cách mạng bạo lực... ; đó là cơ sở lí luận cho cương lĩnh cách mạng của Đảng sau này.

Nhờ có chủ nghĩa Mác – Lênin mà phong trào công nhân đã chuyển từ *tự phát* sang *tự giác*.

Sự lớn mạnh của phong trào công nhân đòi hỏi phải có một chính Đảng duy nhất và thống nhất lãnh đạo.

– Phong trào công nhân là điều kiện cơ bản, quyết định dẫn tới sự ra đời của Đảng. Đầu thế kỉ XX, giai cấp công nhân Việt Nam đã được hình thành và bước vào trận tuyến đấu tranh chống áp bức, bóc lột. Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào công nhân chưa trở thành lực lượng riêng biệt, còn hoà lẫn vào phong trào dân tộc.

– Từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến 1925, giai cấp công nhân được tăng cường về số lượng và chất lượng, phong trào công nhân đã trưởng thành, xuất hiện những cuộc bãi công lớn đòi các quyền lợi về kinh tế, chính trị, trở thành lực lượng riêng biệt và bước đầu xuất hiện những tổ chức sơ khai.

– Từ năm 1926 – 1930, do tiếp thu được chủ nghĩa Mác – Lênin, phong trào công nhân đã phát triển dần lên trình độ tự giác với sự xuất hiện của ba tổ chức cộng sản trong năm 1929 : Sự thống nhất ba tổ chức cộng sản được đặt ra thành một yêu cầu cấp bách của cách mạng nước ta ; đồng thời đánh dấu bước trưởng thành và chín muồi của một chính Đảng vô sản duy nhất.

Như vậy, phong trào công nhân ngày một trưởng thành, đi từ tự phát đến tự giác là một trong những điều kiện tất yếu dẫn tới sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là do nhu cầu đòi hỏi của phong trào yêu nước Việt Nam.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

– Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, nhân dân ta với tinh thần yêu nước nồng nàn đã liên tục vùng dậy đánh đuổi đế quốc Pháp để giành độc lập dân tộc. Từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, các phong trào yêu nước tiêu biểu đã xuất hiện : phong trào nông dân và phong trào Cần vương...

– Từ năm 1919 đến 1930, phong trào yêu nước Việt Nam phát triển theo hai khuynh hướng rõ rệt : khuynh hướng tư sản và khuynh hướng vô sản.

+ Khuynh hướng tư sản : bao gồm các phong trào của giai cấp tư sản và tiểu tư sản, tiêu biểu như : Phong trào chấn hưng nội hoá, bài trừ ngoại hoá, chống độc quyền cảng Sài Gòn... ; những phong trào mít tinh, biểu tình của tầng lớp tiểu tư sản : phong trào đòi thả Phan Bội Châu, phong trào truy điệu Phan Châu Trinh... và đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa Yên Bái do Việt Nam quốc dân đảng phát động... Các phong trào theo khuynh hướng tư sản diễn ra rất sôi nổi, anh dũng nhưng kết quả cuối cùng đều thất bại.

+ Khuynh hướng vô sản : Do ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga và những hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1920 – 1930, phong trào theo khuynh hướng vô sản ngày càng phát triển mạnh mẽ, điển hình nhất là các hoạt động của các tổ chức *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên* và *Tân Việt cách mạng đảng*, đã có nhiều thanh niên yêu nước được giác ngộ trở thành đảng viên cộng sản.

Như vậy, đến cuối năm 1929 đầu 1930, cả ba yếu tố : Chủ nghĩa Mác – Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã được kết hợp chặt chẽ với nhau. Sự kết hợp đó đã tạo điều kiện thuận lợi để Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

Câu 3. ***Nội dung cơ bản của Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam :***

Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam mang ý nghĩa lịch sử là Đại hội thành lập Đảng Cộng sản đã thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, xác định một cách ngắn gọn những nét chính về các vấn đề chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam.

– Đảng chủ trương làm cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng ruộng đất để đi tới xã hội cộng sản.

– Nhiệm vụ cách mạng :

+ Về chính trị : Đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và tư sản phản cách mạng làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, lập chính phủ công nông binh, tổ chức ra quân đội công nông.

+ Về kinh tế : Tịch thu hết sản nghiệp lớn của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho chính phủ công nông binh, thu hết ruộng đất của đế quốc và bọn phản cách mạng chia cho dân cày nghèo, tiến hành cách mạng ruộng đất, miễn thuế cho dân nghèo, mở mang công nghiệp và nông nghiệp, thi hành luật ngày làm việc 8 giờ.

– Lực lượng cách mạng là công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức. Đối với phú nông, trung tiểu địa chủ và tư sản thì lợi dụng hoặc trung lập.

Các nhiệm vụ cách mạng đề ra trên đây bao hàm cả hai nội dung : dân tộc và dân chủ, chống đế quốc và chống phong kiến trong đó nổi bật là nhiệm vụ chống đế quốc và tay sai phong kiến, giành độc lập tự do cho dân tộc.

– Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, giữ vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đảng có trách nhiệm thu phục đại bộ phận công nhân và nông dân, hết sức lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông, tập hợp hoặc trung lập phú nông, trung tiểu địa chủ và tư sản Việt Nam. Trong khi liên minh với các giai cấp phải giữ vững nguyên tắc cách mạng, không sa vào đường lối thoả hiệp giai cấp.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

– Đảng phải liên kết với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp.

Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt do Hồ Chí Minh soạn thảo là cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, đó là một cương lĩnh cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại mới, nhuần nhuyễn về quan điểm giai cấp, thấm đượm tính dân tộc. Độc lập và tự do là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh này.

ĐỀ SỐ 7

Câu 1. *(3 điểm)*

Nguyên nhân tan rã của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu.

Câu 2. *(4 điểm)*

Tại sao nói Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm lịch sử cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Việt Nam trong ba thập kỉ đầu thế kỉ XX ?

Câu 3. *(3 điểm)*

Trình bày phong trào cách mạng Việt Nam 1930 – 1931.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Nguyên nhân tan rã của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu :***

– Thiếu tôn trọng đầy đủ các quy luật phát triển khách quan về kinh tế – xã hội, chủ quan duy ý chí, thực hiện cơ chế tập trung quan liêu bao cấp thay cho cơ chế thị trường. Điều đó làm cho nền kinh tế đất nước thiếu tính năng động, sản xuất trì trệ, đời sống nhân dân không được cải thiện. Về mặt xã hội, thiếu dân chủ và công bằng, vi phạm pháp chế XHCN. Tình trạng đó kéo dài đã khơi sâu sự bất mãn trong quần chúng.

– Không bắt kịp sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại, đưa tới khủng hoảng về kinh tế – xã hội.

– Khi tiến hành cải tổ lại phạm những sai lầm nghiêm trọng trên nhiều mặt, làm cho khủng hoảng càng thêm nặng nề.

– Hoạt động chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

Trong bốn nguyên nhân trên thì ba nguyên nhân đầu là những nguyên nhân chủ quan có tính quyết định đưa đến sự tan rã của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu.

– Sự tan rã của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu là tổn thất to lớn của phong trào cách mạng thế giới. Hệ thống XHCN thế giới không còn tồn tại. Trật tự thế giới hai cực đã kết thúc. Chủ nghĩa xã hội đã và đang gặp nhiều khó khăn. Nhiều bài học quý báu đã được rút ra để các dân tộc tiếp tục đấu tranh vì một xã hội tiến bộ và phát triển.

Câu 2. ***Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm lịch sử cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Việt Nam trong ba thập kỉ đầu thế kỉ XX :***

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược nước ta. Với truyền thống yêu nước chống ngoại xâm, nhân dân ta đã tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Trải qua nửa thế kỉ đấu tranh, cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân ta dưới ngọn cờ phong kiến đã bị thất bại. Đất nước ta bị đặt dưới ách thống trị của thực dân Pháp.

Đầu thế kỉ XX, tư tưởng dân chủ tư sản tràn vào Việt Nam. Trong khi các giai cấp, tầng lớp xã hội mới chưa xuất hiện (giai cấp tư sản chưa hình thành để tiếp thu hệ tư tưởng của mình), tầng lớp sĩ phu yêu nước tiến bộ đã vượt qua giới hạn về tư tưởng và thành phần xuất thân của mình, tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản, tiếp tục khởi xướng phong trào dân tộc, đấu tranh giành độc lập dân tộc. Phong trào yêu nước Việt Nam đã đi theo tư tưởng mới – xu hướng bạo động của Phan Bội Châu và xu hướng cải lương của Phan Châu Trinh.

Do những hạn chế của trào lưu dân tộc chủ nghĩa, ngay từ những năm đầu của thế kỉ XX, nó đã bộc lộ những hạn chế và bế tắc. Ngay lúc đó đã xuất hiện một hướng đi mới cho con đường cứu nước Việt Nam.

Vào những năm đầu thế kỉ XX, Nguyễn Tất Thành sớm có lòng yêu nước, ý chí đánh đuổi giặc, giải phóng đồng bào. Người đã nhận xét những ưu điểm, hạn chế của các con đường cứu nước trước đó và đương thời ; quyết định ra nước ngoài tìm con đường cứu nước mới.

Năm 1920, khi đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin, Người nhận thức được rằng muốn cứu nước, giải phóng dân tộc phải đi theo con đường cách mạng vô sản.

Từ năm 1920 đến năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Phong trào công nhân Việt Nam sau khi có lí luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, phát triển từ tự phát lên tự giác. Phong trào yêu nước Việt Nam chỉ có thể thành công nhờ đi theo con đường cách mạng vô sản. Vì vậy, các tổ chức yêu nước Việt Nam vào nửa cuối những năm 20 của thế kỉ XX đã tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin và phát triển thành các tổ chức cộng sản.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời vào đầu năm 1930 là sản phẩm tất yếu của sự kết hợp chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, là sản phẩm lịch sử của cuộc đấu tranh yêu nước trong ba thập kỉ đầu thế kỉ XX.

Câu 3. ***Phong trào cách mạng Việt Nam 1930– 1931 :***

Bối cảnh lịch sử

– Khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933) tác động mạnh và sâu sắc trên nhiều lĩnh vực như công nghiệp, nông nghiệp, tài chính. Lượng than xuất khẩu giảm dần. Lúa gạo bị sụt giá. Đồng bạc Đông Dương bị phá giá. Đời sống nhân dân sa sút nghiêm trọng. Chỉ riêng Bắc Kì, 25000 công nhân bị sa thải.

– Từ sau khởi nghĩa Yên Bái (tháng 2–1930), khủng bố trắng lan rộng. Mâu thuẫn xã hội càng thêm sâu sắc.

– Đảng Cộng sản vừa mới ra đời đã kịp thời lãnh đạo phong trào đấu tranh của công nông.

Diễn biến

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

– Mở đầu là hàng loạt các cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền Phú Riềng (2–1930), Dầu Tiếng (2–1930), nhà máy sợi Nam Định (3–1930 đến 4–1930), nhà máy diêm Bến Thuỷ (4–1930)... Nông dân các tỉnh Thanh Hoá, Quảng Bình, Quảng Nam... cũng nổi dậy đấu tranh.

Ngày Quốc tế lao động 1–5–1930, Đảng đã phát động phong trào đấu tranh rộng lớn trong cả nước. Tại các thành phố lớn đều xuất hiện cờ đỏ búa liềm, truyền đơn đòi tăng lương, bớt giờ làm cho công nhân, hoãn sưu thuế cho nông dân.

Tháng 9–1930, những cuộc đấu tranh chính trị (có vũ trang tự vệ), quy mô tới vài nghìn người tham gia nổ ra ở các huyện Nam Đàn, Thanh Chương, Diễn Châu, Nghi Lộc, Hưng Nguyên (Nghệ An), Can Lộc, Thạch Hà, Cẩm Xuyên (Hà Tĩnh). Bộ máy chính quyền của đế quốc và phong kiến ở nhiều vùng nông thôn bị tan rã. Quần chúng đứng lên làm chủ thôn xã. Một hình thức tổ chức chính quyền cách mạng theo hình thức Xô viết đã ra đời.

Địch khủng bố ác liệt, ngày 12–9–1930, máy bay Pháp ném bom xuống các đoàn biểu tình của nông dân Hưng Nguyên, làm 217 người chết, 125 người bị thương.

– Các cuộc đấu tranh của nông dân và công nhân ở Bắc Kì (Thái Bình, Hà Nam, Nam Định, Hải Phòng) ; của nông dân Trung Kì (Quảng Ngãi), Nam Kì (Sài Gòn, Sa Đéc) diễn ra quyết liệt.

Nhận định chung

– Chưa bao giờ có đấu tranh mạnh mẽ như năm 1930, một số huyện, xã, chính quyền địch tan rã. Chính quyền cách mạng dưới hình thức Xô viết đã ra đời ở Nghệ – Tĩnh.

– Khối liên minh công nông đã hình thành trong thực tiễn đấu tranh ; vai trò lãnh đạo của Đảng đã được khẳng định trong thực tiễn cách mạng.

– Đây là một cuộc diễn tập cách mạng đầu tiên của cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, là một bước chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám năm 1945.

ĐỀ SỐ 8

Câu 1. *(3 điểm)*
Sau Chiến tranh thế giới thứ hai khu vực Đông Bắc Á có sự biến đổi như thế nào ?

Câu 2. *(4 điểm)*
Xô viết Nghệ – Tĩnh đã ra đời và hoạt động như thế nào ?

Câu 3. *(3 điểm)*
Trình bày nội dung cơ bản của Luận cương chính trị tháng 10–1930 của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Những biến đổi của khu vực Đông Bắc Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai :***

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Đông Bắc Á là khu vực rộng lớn (với tổng diện tích hơn 10 triệu km^2), đông dân nhất thế giới (khoảng 1 tỉ 500 triệu người) và có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Bắc Á (trừ Nhật Bản) đều bị chủ nghĩa thực dân nô dịch. Từ sau năm 1945, tình hình khu vực có nhiều biến chuyển.

Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc đã dẫn tới sự ra đời của nước *Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa* (10–1949). Chính quyền Tưởng Giới Thạch chạy ra Đài Loan và tồn tại ở đó nhờ sự giúp đỡ của Mĩ. Hồng Công và Ma Cao vẫn là thuộc địa của Anh và Bồ Đào Nha cho đến những năm cuối thập kỉ 90 của thế kỉ XX mới trở về thuộc chủ quyền của Trung Quốc.

Sau khi thoát khỏi ách quân phiệt Nhật Bản, trong bối cảnh của cuộc "Chiến tranh lạnh", bán đảo Triều Tiên đã bị chia cắt thành hai miền theo vĩ tuyến 38. Tháng 8–1948, ở phía Nam bán đảo Triều Tiên, Nhà nước *Đại Hàn Dân quốc* (Hàn Quốc) được thành lập. Tháng 9 năm đó, ở phía Bắc, Nhà nước *Cộng hoà Dân chủ nhân dân Triều Tiên* ra đời. Tháng 6–1950, đã nổ ra cuộc chiến tranh giữa hai miền, kéo dài đến tháng 7–1953. Chiến tranh kết thúc, vĩ tuyến 38 vẫn được coi là ranh giới giữa hai nhà nước trên bán đảo.

Từ năm 2000, hai nhà lãnh đạo cao nhất của hai miền đã kí hiệp định hoà hợp giữa hai nhà nước, mở ra một bước mới trong tiến trình hoà hợp, thống nhất bán đảo Triều Tiên.

Các nước và vùng lãnh thổ ở Đông Bắc Á bắt tay vào xây dựng và phát triển kinh tế, song gặp nhiều khó khăn. Từ nửa sau thế kỉ XX, khu vực Đông Bắc Á đã đạt được sự tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Trong bốn "con rồng" kinh tế châu Á thì ở Đông Bắc Á có ba (Hàn Quốc, Hồng Công và Đài Loan), còn Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Trong những năm 80 – 90 của thế kỉ XX và những năm đầu của thế kỉ XXI, nền kinh tế Trung Quốc có sự tăng trưởng nhanh và cao nhất thế giới.

Câu 2. ***Sự ra đời và những hoạt động của Xô viết Nghệ – Tĩnh :***

Sự ra đời

Trong phong trào cách mạng 1930 – 1931, hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh là nơi có phong trào phát triển mạnh mẽ nhất. Tháng 9–1930, phong trào đấu tranh dâng cao. Những cuộc biểu tình của nông dân (có vũ trang tự vệ) thu hút hàng nghìn người tham gia kéo đến huyện lị, tỉnh lị đòi giảm sưu thuế. Các cuộc đấu tranh diễn ra quyết liệt, quần chúng vũ trang tự vệ, biểu tình thị uy, tấn công vào chính quyền địch ở địa phương. Khẩu hiệu đấu tranh chính trị được kết hợp với khẩu hiệu đấu tranh kinh tế.

Các cuộc đấu tranh này được công nhân Vinh – Bến Thuỷ hưởng ứng.
Tiêu biểu là cuộc biểu tình của nông dân huyện Hưng Nguyên (Nghệ An) ngày 12–9–1930. Khoảng 8000 nông dân kéo đến huyện lị với khẩu hiệu "Đả đảo chủ nghĩa đế quốc !", "Đả đảo Nam Triều !", "Nhà máy về tay thợ thuyền !", "Ruộng đất về tay dân cày !". Đoàn biểu tình xếp thành hàng dài hơn 1 km tiến về thành phố Vinh... Khi đến gần Vinh, con số lên tới gần 3 vạn người và xếp thành hàng dài tới 4 km. Thực dân Pháp đã đàn áp dã man. Chúng cho máy bay ném bom xuống đoàn biểu tình làm 217 người chết, 126 người bị thương. Song, sự đàn áp dã man đó không ngăn được cuộc đấu tranh của nhân dân. Quần chúng kéo đến huyện lị, phá nhà lao, đốt huyện đường, vây đồn lính khố xanh... Tiếp đó là các cuộc đấu tranh của nông dân Thanh Chương, Diễn Châu (Nghệ An), Hương Sơn (Hà Tĩnh)... phá huyện lị, nhà giam, ga xe lửa, cắt dây điện tín, phá đồn điền của Pháp. Công nhân Vinh – Bến Thuỷ bãi công để ủng hộ phong trào của nông dân và phản đối chính sách khủng bố của địch.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Trước khí thế đấu tranh của quần chúng, hệ thống chính quyền của thực dân Pháp và phong kiến tay sai bị tê liệt, ở nhiều xã bị tan rã. Nhiều lí trưởng, chánh tổng bỏ trốn. Trong tình hình đó, nhiều cấp uỷ Đảng ở thôn, xã đã lãnh đạo nhân dân đứng lên tự quản lí đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội ở địa phương, làm chức năng của chính quyền theo hình thức "Xô viết".

Những hoạt động

Cuối năm 1930 – đầu năm 1931, các xô viết đã thực hiện quyền làm chủ của quần chúng, điều hành mọi mặt đời sống xã hội.

Về chính trị, quần chúng được tự do tham gia hoạt động trong các đoàn thể cách mạng, tự do hội họp. Các đội tự vệ đỏ và toà án được thành lập.

Về kinh tế, các xô viết thi hành nhiều biện pháp như : tịch thu ruộng đất công chia cho dân cày cấy ; bãi bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế đò, thuế muối ; xoá nợ cho người nghèo ; chú trọng đắp đê phòng lụt, tu sửa cầu cống, đường giao thông : lập các tổ chức để nông dân giúp đỡ nhau sản xuất.

Về văn hoá – xã hội, chính quyền cách mạng mở lớp dạy chữ Quốc ngữ cho các tầng lớp nhân dân. Việc tuyên truyền, giáo dục ý thức chính trị cho quần chúng thông qua các hội nghị, mít tinh, sách báo cách mạng được tổ chức rộng rãi. Mỗi làng đều tổ chức các đội tự vệ vũ trang... nhờ đó, các tệ nạn xã hội như mê tín, dị đoan, tệ rượu chè, cờ bạc... bị xoá bỏ. Trật tự trị an được giữ vững. Tinh thần đoàn kết giúp đỡ nhau được xây dựng.

Ý nghĩa

Xô viết Nghệ – Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931. Tuy chỉ tồn tại được 4 – 5 tháng, nhưng đó là nguồn cổ vũ mạnh mẽ đối với quần chúng nhân dân trong cả nước. Tất cả những việc mà chính quyền Xô viết ở
Nghệ An và Hà Tĩnh thực hiện về các mặt kinh tế, chính trị, văn hoá – xã hội đã chứng tỏ lần đầu tiên nhân dân ta thực sự nắm chính quyền ở các địa phương ; tỏ rõ bản chất cách mạng và tính ưu việt của chính quyền cách mạng. Đó thực sự là chính quyền của dân, do dân và vì dân.

Câu 3. ***Nội dung cơ bản của Luận cương chính trị tháng 10–1930 của Đảng Cộng sản Đông Dương :***
Tháng 10–1930, Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc). Hội nghị đã thông qua Luận cương chính trị của Đảng do Trần Phú khởi thảo.

* Nội dung cơ bản của Luận cương :

– Đường lối chiến lược của cách mạng Đông Dương : lúc đầu là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, sau đó tiếp tục phát triển, bỏ qua thời kì tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên con đường XHCN.

– Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là đánh đuổi đế quốc và phong kiến có quan hệ khăng khít với nhau.

– Động lực cách mạng là giai cấp vô sản và giai cấp nông dân.

– Lãnh đạo cách mạng là giai cấp vô sản với đội tiên phong là Đảng Cộng sản.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

– Luận cương chính trị cũng nêu rõ hình thức, phương pháp đấu tranh và mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

* Những ưu điểm và hạn chế của Luận cương :

– Ưu điểm : Luận cương đã xác định đúng đắn chiến lược của cách mạng Việt Nam ; nhiệm vụ, động lực, lãnh đạo của cách mạng Việt Nam ; nêu ra những sách lược đúng đắn như hình thức, phương pháp đấu tranh và mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

– Hạn chế :

Luận cương chưa nêu được mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Đông Dương, không đưa ngọn cờ giải phóng dân tộc lên hàng đầu mà nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất.

Luận cương đánh giá không đúng khả năng cách mạng của tầng lớp tiểu tư sản, khả năng chống đế quốc và phong kiến ở mức độ nhất định của giai cấp tư sản dân tộc ; khả năng lôi kéo một bộ phận trung, tiểu địa chủ tham gia mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc và tay sai.

ĐỀ SỐ 9

Câu 1. *(3 điểm)*
Nêu những sự kiện chính trong những năm 1946 – 1949 dẫn tới việc thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và ý nghĩa của sự thành lập nhà nước này.

Câu 2. *(3 điểm)*
Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930 – 1931.

Câu 3. *(2 điểm)*
Trong những năm 1932 – 1935, phong trào cách mạng nước ta được phục hồi như thế nào ?

Câu 4. *(2 điểm)*
Nội dung và ý nghĩa của Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng (3–1935).

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Những sự kiện chính trong những năm 1946 – 1949 dẫn tới việc thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa :***

Sau khi chiến tranh chống Nhật kết thúc, từ năm 1946 đến năm 1949 ở Trung Quốc đã diễn ra cuộc nội chiến giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản.

Ngày 20–7–1946, cuộc nội chiến bùng nổ. Do tương quan lực lượng bất lợi, trong khoảng 1 năm đầu, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chủ trương phòng ngự tích cực, tiêu diệt 1 112 000 quân địch và phát triển lực lượng cách mạng lên tới
2 triệu người.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Từ tháng 6–1947, Đảng Cộng sản Trung Quốc chuyển sang phản công, giải phóng nhiều vùng lãnh thổ rộng lớn. Từ tháng 9–1948 đến tháng 1–1949, Quân giải phóng đã mở ba chiến dịch lớn (Liêu – Thẩm, Hoài – Hải, Bình – Tân), tiêu diệt 1 540 000 quân địch, làm tan rã cơ bản lực lượng đối phương.

Ngày 21–4–1949, Quân giải phóng vượt sông Trường Giang tiến vào Nam Kinh. Ngày 23–4–1949, Nam Kinh – thủ phủ của chính quyền Tưởng Giới Thạch bị đánh chiếm. Cuối năm 1949, cuộc nội chiến kết thúc, toàn bộ lục địa Trung Hoa được giải phóng. Tập đoàn Tưởng Giới Thạch bỏ chạy ra đảo Đài Loan.

– Ngày 1–10–1949, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa tuyên bố thành lập do Mao Trạch Đông làm Chủ tịch, thủ đô là Bắc Kinh, chấm dứt hơn 100 năm bị đế quốc nô dịch, xâu xé, xoá bỏ tàn dư phong kiến, mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

– *Ý nghĩa* : Là một quốc gia rộng lớn, đông dân, thắng lợi của cách mạng Trung Quốc đã nối liền chủ nghĩa xã hội từ châu Âu sang châu Á, trở thành một hệ thống thế giới, làm thay đổi sâu sắc tương quan lực lượng có lợi cho hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Câu 2. ***Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930 – 1931 :***

Ý nghĩa lịch sử

– Phong trào khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng, vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với cách mạng các nước Đông Dương.

– Khối liên minh công – nông được hình thành, công nhân và nông dân đã đoàn kết với nhau trong đấu tranh cách mạng.

– Phong trào cách mạng (1930 – 1931) được đánh giá cao trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Quốc tế Cộng sản đã công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương là phân bộ độc lập, trực thuộc Quốc tế Cộng sản.

Phong trào cách mạng (1930 – 1931) có ý nghĩa như cuộc tập dượt đầu tiên của Đảng và quần chúng cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.

Bài học kinh nghiệm

Đảng ta thu được những kinh nghiệm quý báu về công tác tư tưởng, về xây dựng khối liên minh công nông và mặt trận dân tộc thống nhất, về tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh...

Câu 3. ***Sự phục hồi của phong trào cách mạng nước ta trong những năm 1932 – 1935 :***

Trong hoàn cảnh thực dân Pháp thi hành chính sách khủng bố, đàn áp dã man phong trào cách mạng, nhiều cơ quan lãnh đạo, cơ sở Đảng, cơ sở quần chúng bị tan vỡ, những người cộng sản vẫn kiên cường đấu tranh để phục hồi phong trào.

Năm 1932, Lê Hồng Phong và một số đồng chí nhận chỉ thị của Quốc tế Cộng sản tổ chức Ban lãnh đạo Trung ương của Đảng.

Tháng 6–1932, Ban lãnh đạo Trung ương thảo ra Chương trình hành động của Đảng. Chương trình hành động nêu lên chủ trương đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ cho nhân dân lao động, thả tù chính trị, củng cố và phát triển các đoàn thể cách mạng quần chúng.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Dựa vào Chương trình hành động, tổ chức quần chúng được nhen nhóm trở lại như Hội cấy, Hội cày, Hội hiếu hỉ, Hội đọc sách báo...

Phong trào đấu tranh của quần chúng công nông đã diễn ra trong phạm vi cả nước. Ngoài ra, một số hình thức đấu tranh mới đã xuất hiện như vận động bầu cử, hoạt động trên lĩnh vực báo chí.

Cuối năm 1933, các tổ chức của Đảng dần dần được phục hồi và củng cố. Đầu năm 1934, Ban lãnh đạo Hải ngoại được thành lập do Lê Hồng Phong đứng đầu. Cuối năm 1934, đầu năm 1935, các xứ uỷ Bắc Kì, Trung Kì và Nam Kì được lập lại.

Đến đầu năm 1935, các tổ chức Đảng và phong trào quần chúng được phục hồi.

Câu 4. ***Nội dung và ý nghĩa của Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng (3–1935) :***

Từ ngày 27 đến ngày 31–3–1935, Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng họp tại Ma Cao (Trung Quốc). Tham dự Đại hội có 13 đại biểu thay mặt cho hơn 500 đảng viên thuộc các đảng bộ trong nước và nước ngoài.

– Nội dung Đại hội :

+ Xác định nhiệm vụ chủ yếu của Đảng là củng cố và phát triển Đảng ; tranh thủ quần chúng rộng rãi ; chống chiến tranh đế quốc.

+ Thông qua Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết về vận động công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, phụ nữ ; về công tác dân tộc thiểu số, về đội tự vệ và cứu tế đỏ.

+ Bầu ra Ban Chấp hành Trung ương và bầu Lê Hồng Phong làm Tổng Bí thư của Đảng. Nguyễn Ái Quốc được cử làm đại diện của Đảng tại Quốc tế Cộng sản.

– Ý nghĩa : Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng đánh dấu mốc quan trọng : Đảng đã khôi phục được hệ thống tổ chức từ trung ương đến địa phương và các tổ chức quần chúng của Đảng.

ĐỀ SỐ 10

Câu 1. *(3 điểm)*

Nêu nội dung cơ bản của đường lối cải cách của Trung quốc và những thành tựu chính mà nhân dân Trung Quốc đạt được trong những năm 1978 – 2000.

Câu 2. *(3 điểm)*

Phong trào dân chủ 1936 – 1939 đã diễn ra trong bối cảnh lịch sử nào ?

Câu 3. *(2 điểm)*

Trình bày tóm tắt phong trào đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ trong những năm 1936 – 1939.

Câu 4. *(2 điểm)*

Phương pháp và hình thức đấu tranh cụ thể trong những năm 1936 – 1939 là gì ?

Gợi ý làm bài

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Câu 1. ***Nội dung cơ bản của đường lối cải cách của Trung Quốc và những thành tựu chính mà nhân dân Trung Quốc đạt được trong những năm 1978 – 2000 :***

Nội dung cơ bản

Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm ; kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản (con đường XHCN, chuyên chính dân chủ nhân dân, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông) ; tiến hành cải cách và mở cửa, chuyển nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường XHCN linh hoạt hơn nhằm hiện đại hoá và xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc với mục tiêu biến Trung quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ, văn minh.

Thành tựu

Sau 20 năm (1979 – 1998) nền kinh tế Trung Quốc có bước tiến nhanh chóng đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm trên 8%. Năm 2000, GDP của Trung Quốc đạt hơn 1000 tỉ USD. Cơ cấu kinh tế đã có những chuyển dịch căn bản, thu nhập công nghiệp và xây dựng chiếm 51%, dịch vụ 33%, nông nghiệp chỉ còn 16%. Thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn tăng cao.

Khoa học – kĩ thuật, quốc phòng, văn hoá, giáo dục, y tế không ngừng lớn mạnh (năm 1964 chế tạo thành công bom nguyên tử, năm 2003 đưa con người bay vào không gian vũ trụ).

Về đối ngoại, năm 1979, Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao với Mĩ ; từ những năm 80 cải thiện quan hệ với Liên Xô, sau này là Liên bang Nga và Cộng đồng các quốc gia độc lập, bình thường hoá quan hệ với Ấn Độ, Mông Cổ, Inđônêxia và các nước khác.

Tháng 11–1991, Trung Quốc và Việt Nam đã khôi phục quan hệ ngoại giao.

Tháng 7–1997, Hồng Công và tháng 12–1999, Ma Cao đã trở về thuộc chủ quyền của Trung Quốc. Quan hệ giữa hai bờ eo biển Đài Loan từng bước cải thiện.

Câu 2. ***Bối cảnh lịch sử diễn ra phong trào dân chủ 1936 – 1939 :***

– Tình hình thế giới

Từ đầu những năm 20 của thế kỉ XX, các thế lực phát xít cầm quyền ở một số nước Đức, Italia, Nhật Bản ráo riết chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh thế giới.

Tháng 7–1935, Quốc tế Cộng sản tiến hành Đại hội lần thứ VII tại Mátxcơva (Liên Xô). Đại hội đã quyết định nhiều vấn đề quan trọng như : xác định kẻ thù là chủ nghĩa phát xít và nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân là chống chủ nghĩa phát xít, mục tiêu đấu tranh là giành dân chủ, bảo vệ hoà bình, thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi để tập hợp các lực lượng dân chủ tiến bộ chống phát xít.

Tháng 6–1936, Chính phủ Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp. Chính phủ mới đã cho thi hành một số chính sách tiến bộ có thể áp dụng đối với các thuộc địa. Đối với Đông Dương, Chính phủ Pháp đã cử phái viên sang điều tra tình hình, cử toàn quyền mới, sửa đổi đôi chút luật bầu cử vào Viện Dân biểu, ân xá một số tù chính trị, nới rộng quyền tự do báo chí...

– Tình hình Việt Nam :

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Nhiều đảng phái chính trị hoạt động, trong đó có đảng cách mạng, đảng theo xu hướng cải lương, đảng phản động... Các đảng phái tận dụng cơ hội đẩy mạnh hoạt động, tranh giành ảnh hưởng trong quần chúng. Tuy nhiên, chỉ có Đảng Cộng sản Đông Dương là đảng mạnh nhất, có tổ chức chặt chẽ và có chủ trương rõ ràng.

Sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933), thực dân Pháp ở Đông Dương tập trung đầu tư khai thác thuộc địa để bù đắp sự thiếu hụt cho kinh tế "chính quốc".

Hậu quả kéo dài của cuộc khủng hoảng kinh tế làm cho đời sống của các tầng lớp nhân dân lao động và các giai cấp bị ảnh hưởng. Thêm vào đó, thực dân Pháp ở Đông Dương vẫn thi hành những chính sách bóc lột, vơ vét càng làm cho đời sống của nhân dân ta thêm cực khổ. Số công nhân thất nghiệp vẫn còn nhiều. Những người có việc làm được nhận mức lương chưa bằng thời kì trước khủng hoảng.

Nông dân không có đủ ruộng cày. Họ còn phải chịu mức địa tô cao và nhiều thủ đoạn bóc lột khác của địa chủ, cường hào...

Tư sản dân tộc có ít vốn nên chỉ lập được những công ti nhỏ, phải chịu thuế cao, bị tư bản Pháp chèn ép.

Nhiều người trong giới tiểu tư sản trí thức thất nghiệp. Công chức nhận được mức lương thấp. Các tầng lớp lao động khác phải chịu thuế khoá nặng nề, giá cả sinh hoạt đắt đỏ.

Đời sống của đa số nhân dân khó khăn, cực khổ. Chính vì thế, họ hăng hái tham gia phong trào đấu tranh đòi tự do, cơm áo, dân chủ và hoà bình dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 3. ***Tóm tắt phong trào đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ trong những năm 1936 – 1939 :***
Phong trào đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ trong thời kì này phát triển mạnh mẽ, rộng khắp, đặc biệt là cuộc vận động thành lập các uỷ ban trù bị Đông Dương Đại hội. Đây là cuộc đấu tranh công khai, rộng lớn đầu tiên của nhân dân ta, gồm các hoạt động tiêu biểu như :

– Cuộc đón tiếp phái viên của Chính phủ Pháp và Toàn quyền mới xứ
Đông Dương nhằm biểu dương lực lượng qua các cuộc mít tinh, biểu tình, đưa "dân nguyện" ; trong đó, công nhân và nông dân là lực lượng đông đảo và hăng hái nhất.

– Phong trào đấu tranh của quần chúng với những hình thức bãi công, bãi thị, bãi khoá, mít tinh... diễn ra mạnh mẽ ở các thành phố, khu mỏ và các đồn điền cao su. Đặc biệt, ngày 1–5–1938 tại Quảng trường Nhà Đấu xảo Hà Nội đã diễn ra cuộc mít tinh khổng lồ của 2,5 vạn người đòi tự do lập Hội ái hữu, nghiệp đoàn, thi hành luật lao động... Lần đầu tiên trong ngày Quốc tế Lao động, các cuộc mít tinh được tổ chức công khai ở Hà Nội và nhiều nơi khác, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia.

– Phong trào báo chí, đấu tranh nghị trường cũng diễn ra mạnh mẽ. Nhiều tờ báo công khai của Đảng, của Mặt trận Dân chủ Đông Dương và các đoàn thể quần chúng ra đời : Tiền phong, Dân chúng, Lao động, Tin tức, Nhành lúa...

Đảng Cộng sản Đông Dương còn lợi dụng khả năng hợp pháp để đưa người của Đảng và của Mặt trận Dân chủ Đông Dương vào Viện Dân biểu Bắc Kì, Viện Dân biểu Trung Kì, Hội đồng quản hạt Nam Kì...

Câu 4. ***Phương pháp và hình thức đấu tranh cụ thể trong những năm 1936 – 1939 :***

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Nhiệm vụ chiến lược trong thời kì 1936 – 1939 của Đảng là chống đế quốc và chống phong kiến ; nhiệm vụ trực tiếp trước mắt là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống nguy cơ chiến tranh, đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo và hoà bình.

– Phương pháp đấu tranh là kết hợp các hình thức công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.

– Hình thức đấu tranh cụ thể là bãi công của công nhân, biểu tình của nông dân, bãi thị của tiểu thương... Trong cuộc đấu tranh đòi tự do, dân chủ bên cạnh hình thức đấu tranh cũ, còn xuất hiện những hình thức đấu tranh mới, đó là phong trào Đông Dương Đại hội ; hoặc lợi dụng việc đón Toàn quyền mới Brêviê sang Đông Dương để vận động quần chúng đưa yêu sách tới nhà cầm quyền thực dân. Cũng trong thời kì này, lần đầu tiên Đảng sử dụng hình thức đấu tranh, nhưng đã đạt được kết quả to lớn ; đó là cuộc đấu tranh nghị trường, đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng – văn hoá thông qua việc xuất bản báo chí công khai.

ĐỀ SỐ 11

Câu 1. *(3 điểm)*
Nêu những mốc chính của cuộc đấu tranh chống đế quốc ở Lào từ năm 1945 đến năm 1947.

Câu 2. *(3 điểm)*
Trình bày quy mô, lực lượng tham gia, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào dân chủ 1936 – 1939 ở Việt Nam.

Câu 3. *(4 điểm)*
Phong trào dân chủ 1936 – 1939 so với phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh (1930 – 1931) có gì khác về chiến lược, sách lược cách mạng và hình thức đấu tranh ?

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Những mốc chính của cuộc đấu tranh chống đế quốc ở Lào từ năm 1945 đến năm 1975 :***

– Sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh, từ ngày 23–8–1945 nhân dân các bộ tộc Lào dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương đã nổi dậy giành chính quyền. Ngày 12–10–1945, Chính phủ lâm thời ở Lào ra mắt quốc dân và tuyên bố độc lập.

– Tháng 3–1946, Pháp trở lại xâm chiếm Lào. Cuộc kháng chiến bùng nổ, với sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, nhân dân Lào đã giành được những thắng lợi to lớn. Đầu năm 1947, các chiến khu lần lượt được thành lập. Ngày
20–1–1949, quân giải phóng nhân dân Lào Látxavông ra đời. Ngày 13–8–1950, Mặt trận Lào tự do và Chính phủ kháng chiến Lào được thành lập do Hoàng thân Xuphanuvông đứng đầu.

– Trong những năm 1953 – 1954, quân dân Lào cùng với quân tình nguyện Việt Nam đã mở các chiến dịch Trung Lào, Hạ Lào, Thượng Lào, giành thắng lợi to lớn, phối hợp với chiến trường Việt Nam, đặc biệt là chiến dịch Điện Biên Phủ, góp phần vào thắng lợi chung của ba nước Đông Dương, buộc Pháp kí Hiệp định Giơnevơ

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

về Đông Dương ngày 21–7–1954, công nhận độc lập, chủ quyền của nước Lào. Lực lượng kháng chiến tập kết ở tỉnh Sầm Nưa và Phongxalì.

– Sau Hiệp định Giơnevơ, Mĩ thay chân Pháp, biến Lào thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng Lào (thành lập 22–3–1955), quân dân Lào đã tiến hành cuộc đấu tranh kiên cường trên cả ba mặt trận : quân sự – chính trị – ngoại giao, đánh bại mọi âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù. Đến đầu những năm 60, quân dân Lào đã giải phóng 2/3 lãnh thổ và 1/3 dân số cả nước.

– Từ năm 1964, Mĩ chuyển sang chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" và đến năm 1969 thì nâng lên thành "Chiến tranh đặc biệt tăng cường" bằng việc đưa thêm cố vấn quân sự trực tiếp chỉ huy, sử dụng lính đánh thuê Thái Lan mở các cuộc hành quân đánh vào vùng giải phóng, nhưng Mĩ và các lực lượng tay sai đã thất bại nặng nề. Tháng 2–1973, *Hiệp định Viêng Chăn* về lập lại hoà bình và thực hiện hoà hợp dân tộc ở Lào được kí kết giữa Mặt trận Lào yêu nước và phái hữu Viêng Chăn. Chính phủ Liên hiệp dân tộc lâm thời và Hội đồng Quốc gia chính trị liên hiệp được thành lập.

– Từ tháng 5–1975, theo đà thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ ở Campuchia và Việt Nam, quân dân Lào đã tiến hành tổng tiến công và nổi dậy, giải phóng hoàn toàn đất nước. Ngày 2–12–1975, nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào tuyên bố thành lập, mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do và phát triển của xứ sở Triệu Voi.

Câu 2.

Quy mô, lực lượng tham gia phong trào dân chủ 1936 – 1939 ở Việt Nam :

– Tuy thời gian phong trào dân chủ diễn ra không dài, chỉ trong 3 năm (1936 – 1939 (nhưng phong trào diễn ra trên quy mô cả nước ở cả nông thôn và thành thị, nhưng tiêu biểu nhất là những hoạt động ở thành thị, ở những thành phố lớn : Hà Nội, Huế, Sài Gòn.

– Lực lượng tham gia phong trào bao gồm nhiều giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Trước hết phải kể đến tiểu tư sản trí thức, công nhân, nông dân, sau đó là dân nghèo thành thị, tiểu thương, tiểu chủ...

Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào dân chủ 1936 – 1939 :

– Ý nghĩa lịch sử

+ Phong trào dân chủ 1936 – 1939, bằng sức mạnh đoàn kết của quần chúng đã buộc chính quyền thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách cụ thể trước mắt về dân sinh, dân chủ.

+ Qua phong trào, quần chúng được giác ngộ về chính trị, đã tham gia Mặt trận dân tộc thống nhất, trở thành lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng.

+ Qua phong trào, cán bộ được tập hợp thành đội ngũ đông đảo và ngày càng trưởng thành.

+ Phong trào dân chủ 1936 – 1939 như một cuộc tập dượt chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.

– Những bài học kinh nghiệm

+ Đảng tích lũy được kinh nghiệm về xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

+ Kinh nghiệm tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp.

+ Kinh nghiệm đấu tranh tư tưởng trong nội bộ Đảng (đấu tranh chống những phần tử trốtxkít) và với các đảng phái chính trị phản động.

+ Đảng rút ra được những hạn chế trong công tác mặt trận, vấn đề dân tộc...

Câu 3. ***Những điểm khác nhau về chiến lược, sách lược cách mạng và hình thức đấu tranh giữa phong trào dân chủ 1936 – 1939 với phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh (1930 – 1931) là :***

Về chỉ đạo chiến lược, sách lược cách mạng

– Thời kì 1930 – 1931 chịu ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế, đế quốc Pháp đàn áp khủng bố khốc liệt nên nhân dân càng hiểu rõ : cách mạng thì sống, không có cách mạng thì chết. Phong trào cách mạng lớn mạnh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kịp thời lãnh đạo phong trào đấu tranh của công nông với khẩu hiệu "*Đánh đổ đế quốc Pháp* !".

Cương lĩnh đầu tiên của Đảng nêu rõ : "Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền ở nước ta là đánh đổ bọn đế quốc Pháp ; bọn phong kiến và giai cấp tư sản phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam được độc lập ; dựng lên chính phủ công nông binh ; tổ chức ra quân đội công nông ; tịch thu hết sản nghiệp lớn của bọn đế quốc ; tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và bọn phản cách mạng đem chia cho dân cày nghèo ; tiến hành cách mạng ruộng đất, đem lại ruộng đất cho nông dân". Chiến lược, sách lược đó được thực hiện trong thời kì 1930 – 1931.

– Thời kì 1936 – 1939, tình hình quốc tế và trong nước thay đổi nên Đảng đã chỉ đạo chiến lược, sách lược khác thời kì 1930 – 1931, thể hiện ở Hội nghị BCHTƯ Đảng (họp tháng 7–1936) đã xác định mục tiêu trực tiếp, trước mắt của cách mạng Đông Dương là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống nguy cơ chiến tranh, đòi tự do, dân sinh dân chủ, cơm áo và hoà bình.

Để thực hiện nhiệm vụ đó, Đảng quyết định thành lập Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương đổi thành Mặt trận dân chủ Đông Dương nhằm tập hợp tất cả các tầng lớp, giai cấp, đảng phái và cá nhân, thậm chí cả một bộ phận tầng lớp trên và những người Pháp ở Đông Dương có xu hướng dân chủ tham gia. Các tổ chức quần chúng được thành lập thời kì 1930 – 1931 như công hội, nông hội, được thay bằng các hội cứu tế, ái hữu, Đoàn thanh niên cộng sản được thay bằng Đoàn thanh niên dân chủ.

Về hình thức đấu tranh

– Thời kì 1930 – 1931, phong trào công nông phát triển tới đỉnh cao. Khẩu hiệu đấu tranh chính trị kết hợp với các khẩu hiệu kinh tế. Hình thức đấu tranh diễn ra quyết liệt, quần chúng vũ trang tự vệ, biểu tình thị uy vũ trang, tiến công vào cơ quan chính quyền địch ở địa phương. Chính quyền Xô viết Nghệ – Tĩnh thiết lập. Phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh đã giáng đòn quyết liệt vào bè lũ đế quốc và phong kiến tay sai. Giai cấp công nhân và nông dân đoàn kết với các tầng lớp nhân dân khác đã làm cho hệ thống chính quyền của đế quốc và phong kiến bị tê liệt, tan rã ở nhiều huyện, xã.

– Thời kì 1936 – 1939, hình thức đấu tranh phong phú hơn thời kì 1930 – 1931 :

+ Các tổ chức đoàn thể quần chúng, các hội quần chúng (thể thao, đọc sách, cứu tế...) được thành lập khắp nơi.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

+ Biểu tình, mít tinh, hội thảo, "đón rước", bãi công, hoạt động bí mật, công khai hợp pháp, đấu tranh kinh tế, chính trị.

+ Các hình thức đấu tranh nghị trường và tư tưởng văn hoá cũng được Đảng ta sử dụng triệt để. Trong các cuộc bầu cử vào "nghị viện" và các tổ chức khác, người của Mặt trận dân chủ đều giành được thắng lợi lớn.

ĐỀ SỐ 12

Câu 1. *(3 điểm)*
Hãy cho biết nội dung chính của các giai đoạn lịch sử Campuchia từ năm 1945 đến năm 1993.

Câu 2. *(3,5 điểm)*
Tình hình nước ta trong những năm 1939 – 1945 có biến chuyển như thế nào ?

Câu 3. *(3,5 điểm)*
Chủ trương của Đảng được đề ra tại các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11–1939 và lần thứ 8 (5–1941) như thế nào ?

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Nội dung chính của các giai đoạn lịch sử Campuchia từ năm 1945 đến năm 1993 :***
Đầu tháng 10–1945, thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Campuchia. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương (từ năm 1951 trở đi là Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia), nhân dân Campuchia tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Ngày 9–11–1953, do hoạt động ngoại giao của Quốc vương N. Xihanúc, Chính phủ Pháp kí hiệp ước trao trả độc lập cho Campuchia, nhưng quân Pháp vẫn chiếm đóng đất nước này.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đã công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia, Lào và Việt Nam.

Từ năm 1954 đến đầu năm 1970, chính phủ Xihanúc thực hiện đường lối hoà bình, trung lập, không tham gia bất cứ khối liên minh quân sự hoặc chính trị nào ; tiếp nhận viện trợ từ mọi phía, không có điều kiện ràng buộc.

Ngày 18–3–1970, Chính phủ Xihanúc bị lật đổ bởi các thế lực tay sai của Mĩ. Từ đây, nhân dân Campuchia sát cánh cùng nhân dân Việt Nam và Lào tiến hành cuộc kháng chiến chống Mĩ, từng bước giành thắng lợi. Ngày 17–7–1975, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng. Cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân Campuchia kết thúc.

Ngay sau đó, tập đoàn Khơme đỏ do Pôn Pốt cầm đầu đã phản bội cách mạng, thi hành chính sách diệt chủng, tàn sát hàng triệu người dân vô tội.

Nhân dân Campuchia, được sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, đã nổi dậy đánh đuổi tập đoàn Khơme đỏ. Ngày 7–1–1979, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng, nước Cộng hoà Nhân dân Campuchia được thành lập. Từ đây, Campuchia bước vào thời kì hồi sinh, xây dựng lại đất nước.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Tuy nhiên, từ năm 1979, ở Campuchia đã diễn ra cuộc nội chiến kéo dài hơn một thập kỉ giữa lực lượng của Đảng Nhân dân cách mạng với các phe phái đối lập, chủ yếu là lực lượng Khơme đỏ.

Với sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế, các bên Campuchia đã đi đến thoả thuận hoà giải và hoà hợp dân tộc. Ngày 23–10–1991, Hiệp định hoà bình về Campuchia được kí kết tại Pari. Sau cuộc tổng tuyển cử tháng 9–1993, Quốc hội mới đã thông qua Hiến pháp tuyên bố thành lập *Vương quốc Campuchia* do N. Xihanúc làm Quốc vương. Từ đó, đời sống chính trị và kinh tế của nhân dân Campuchia bước sang một thời kì phát triển mới.

Câu 2. ***Những biến chuyển của tình hình nước ta trong những năm 1939 – 1945 :***

– Tác động của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai đối với Việt Nam.

Đầu tháng 9–1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Ở châu Âu, quân đội phát xít Đức tấn công nước Pháp. Chính phủ Pháp đầu hàng phát xít Đức, thực hiện chính sách thù địch đối với các lực lượng tiến bộ trong nước và phong trào cách mạng các nước thuộc địa.

Ở Viễn Đông, cuối tháng 9–1940, quân phiệt Nhật vượt biên giới Việt – Trung tiến vào miền Bắc Việt Nam. Quân Pháp nhanh chóng đầu hàng. Nhật lấn dần từng bước để biến Đông Dương thành thuộc địa và căn cứ chiến tranh của chúng.

Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp ở Đông Dương đứng trước hai nguy cơ : *một là*, phong trào cách mạng của nhân dân Đông Dương đang ngày càng lớn mạnh ; *hai là*, phát xít Nhật đang lăm le hất cẳng Pháp.
Vì vậy, thực dân Pháp ở Đông Dương đã thi hành chính sách thời chiến, phát xít hoá bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp Đảng Cộng sản Đông Dương và phong trào cách mạng của nhân dân ta, thực hiện chính sách "Kinh tế chỉ huy", vơ vét của cải, huy động sức người phục vụ cho chiến tranh đế quốc. Thực dân Pháp đã nhanh chóng câu kết với phát xít Nhật để áp bức bóc lột nhân dân Đông Dương. Mâu thuẫn giữa các dân tộc ở Đông Dương với đế quốc phát xít Pháp – Nhật trở thành mâu thuẫn gay gắt chủ yếu nhất. Vì vậy, giải phóng các dân tộc Đông Dương khỏi ách thống trị của Pháp – Nhật trở thành nhiệm vụ hàng đầu và cấp bách nhất.

– Những biến chuyển của tình hình trong nước

+ Về kinh tế

Đầu tháng 9–1939, Toàn quyền Catơru ra lệnh tổng động viên để vơ vét sức người, sức của ở Đông Dương phục vụ cho cuộc chiến tranh ở nước Pháp.

Thực dân Pháp thực hiện chính sách "Kinh tế chỉ huy" ; tăng mức thuế cũ, đặt thêm thuế mới, sa thải bớt nhân viên, viên chức, kiểm soát gắt gao sản xuất và phân phối.

Khi quân Nhật vào Đông Dương, chúng sử dụng sân bay, bến cảng, phương tiện giao thông, tiến hành cướp ruộng đất của nông dân, bắt nhân dân nhổ lúa để trồng đay và thầu dầu phục vụ cho nhu cầu chiến tranh. Một số công ty của Nhật Bản đầu tư vào những ngành phục vụ cho nhu cầu quân sự.

+ Về xã hội

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Dưới ách thống trị, áp bức của Pháp – Nhật, tất cả các giai cấp, tầng lớp xã hội nước ta, trừ bọn tay sai đế quốc, tư sản mại bản, đại địa chủ đều bị tác động.

Công nhân bị bóc lột nặng nề, phải làm việc từ 10 đến 12 giờ một ngày, tiền lương giảm.

Nông dân chịu sưu cao, thuế nặng, phải đi lính, đi phu.

Tiểu tư sản trí thức bị mất việc làm hoặc bị giảm lương.

Tư sản dân tộc, nhiều người bị phá sản, hoặc bị thiệt hại vì sức mua của người dân giảm sút.

Nhiều địa chủ vừa và nhỏ bị phá sản vì chiến tranh do phải chịu thuế cao.

Câu 3. ***Chủ trương của Đảng được đề ra tại các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11 – 1939 và lần thứ 8 (5–1941) :***

Tháng 11–1939, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương được triệu tập tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì.

Hội nghị xác định nhiệm vụ, mục tiêu đấu tranh trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

Hội nghị chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của bọn thực dân đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc, chống tô cao, lãi nặng. Khẩu hiệu lập chính quyền Xô viết công nông binh được thay bằng khẩu hiệu lập Chính phủ dân chủ cộng hoà.

Về mục tiêu, phương pháp đấu tranh, Đảng quyết định chuyển từ đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ sang đấu tranh trực tiếp đánh đổ chính quyền đế quốc và tay sai ; từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật, bất hợp pháp. Đảng chủ trương thành lập Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương (5–1941) họp tại Pác Bó
(Hà Quảng – Cao Bằng) từ ngày 10 đến ngày 19–5–1941, do Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì.

Nghị quyết Hội nghị đã xác định :

– Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc, đưa vấn đề dân tộc lên hàng đầu.

– Tạm gác khẩu hiệu ruộng đất, nêu khẩu hiệu giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công, tiến tới thực hiện "người cày có ruộng".

– Thành lập Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

– Đổi tên các hội Phản đế thành hội Cứu quốc. Thành lập Việt Nam Độc lập đồng minh thay cho Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương ; giúp đỡ Lào, Campuchia thành lập mặt trận.

– Xác định hình thái cuộc khởi nghĩa ở nước ta là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa. Chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân trong giai đoạn hiện tại.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

– Hội nghị bầu ra Ban chấp hành Trung ương mới, bầu Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương (5–1941) đã hoàn chỉnh chủ trương được đề ra từ Hội nghị Trung ương tháng 11–1939, nhằm giải quyết mục tiêu số một của cách mạng là độc lập dân tộc và đề ra nhiều chủ trương sáng tạo nhằm thực hiện mục tiêu ấy.

ĐỀ SỐ 13

Câu 1. *(3 điểm)*
Hoàn cảnh ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và nội dung chính của Hiệp ước Bali (1976).

Câu 2. *(2,5 điểm)*
Hãy trình bày những nét chính về các cuộc khởi nghĩa vũ trang mở đầu thời kì từ sau Hội nghị BCHTƯ Đảng Cộng sản Đông Dương (11–1939) ở Việt Nam và nêu ý nghĩa lịch sử của các sự kiện này.

Câu 3. *(2,5 điểm)*
Công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa của Đảng từ sau Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5–1941) đã diễn ra như thế nào ?

Câu 4. *(2 điểm)*
Hoàn cảnh lịch sử và diễn biến cuộc khởi nghĩa từng phần từ tháng 3 đến giữa tháng 8–1945.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Hoàn cảnh ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và nội dung chính của Hiệp ước Bali (1976) :***

Hoàn cảnh ra đời

+ Sau khi giành lại được độc lập, nhiều nước Đông Nam Á bước vào thời kì phát triển kinh tế và văn hoá, đòi hỏi phải tăng cường hợp tác giữa các nước.

+ Các nước Đông Nam Á muốn hạn chế ảnh hưởng và sự can thiệp của các nước lớn ngoài khu vực, nhất là khi cuộc chiến tranh xâm lược của Mĩ ở Đông Dương ngày càng khó khăn và đứng trước nguy cơ thất bại.

+ Xu thế khu vực hoá mở rộng, cách mạng khoa học – kĩ thuật diễn ra mạnh mẽ.

Trong tình hình đó, các nước Đông Nam Á mong muốn liên kết với nhau để tăng cường sự hợp tác, phát triển, giữ gìn an ninh khu vực và hạn chế sức ép của các nước lớn cũng như ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội đối với khu vực.

+ Những tổ chức hợp tác mang tính khu vực xuất hiện như khối thị trường chung châu Âu (EEC) đã cổ vũ các nước Đông Nam Á.

Theo đề xuất của Thái Lan, Hội nghị 5 nước Thái Lan, Malaixia, Xingapo, Inđônêxia và Philíppin đã diễn ra tại Băng Cốc ngày 8–8–1967, kí tuyên bố Băng Cốc, đánh dấu sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Năm 1984, ASEAN kết nạp thêm Brunây.

Năm 1992, Việt Nam và Lào tham gia Hiệp ước Bali. Tháng 7–1995 Việt Nam gia nhập ASEAN. Ngày 28–7–1997, ASEAN kết nạp Lào và Mianma và đến 30–4–1999, Campuchia là thành viên thứ 10 của tổ chức này. Từ đây, ASEAN đẩy mạnh hoạt động hợp tác kinh tế, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, ổn định và hợp tác phát triển.

Nội dung chính của Hiệp ước Bali (1976)

Sự khởi sắc của ASEAN được đánh dấu từ Hội nghị cấp cao lần thứ nhất họp tại Bali (Inđônêxia) tháng 2–1976, với việc kí *Hiệp ước thân thiện và hợp tác* ở Đông Nam Á (gọi tắt là Hiệp ước Bali). Hiệp ước Bali xác định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước : tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ ; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau ; không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa bằng vũ lực đối với nhau ; giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hoà bình ; hợp tác phát triển có hiệu quả trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá và xã hội.

Câu 2. ***Những nét chính về các cuộc khởi nghĩa vũ trang mở đầu thời kì mới...***

Khởi nghĩa Bắc Sơn (27–9–1940)

Ngày 22–9–1940, quân đội Nhật tiến vào Lạng Sơn. Quân Pháp rút chạy qua đường Bắc Sơn về Thái Nguyên. Nhân đó, ngày 27–9–1940, nhân dân Bắc Sơn dưới sự lãnh đạo của đảng bộ địa phương đã khởi nghĩa thắng lợi. Đội du kích Bắc Sơn được thành lập. Nhưng sau đó, Pháp, Nhật câu kết với nhau khủng bố phong trào.

Khởi nghĩa Nam Kì (23–11–1940)

Tháng 11–1940, xung đột Pháp – Thái diễn ra ở vùng biên giới Lào, Campuchia, Thái Lan. Thực dân Pháp đã đẩy nhân dân ta làm bia đỡ đạn cho chúng. Trước tình hình đó, xứ uỷ Nam Kì đã nhiều lần họp bàn kế hoạch khởi nghĩa.

Nghị quyết Trung ương không đến kịp. Ngày 23–11–1940, khởi nghĩa đã nổ ra ở nhiều vùng thuộc Biên Hoà, Gia Định, Chợ Lớn... đặc biệt quyết liệt ở Hóc Môn (Gia Định), Cai Lậy (Mĩ Tho), Vũng Liêm (Vĩnh Long).

Chính quyền cách mạng được thành lập ở nhiều địa phương đã ban bố các quyền tự do dân chủ cho nhân dân, mở các phiên toà xét xử bọn phản cách mạng.

Kế hoạch khởi nghĩa bị bại lộ, địch kịp thời đối phó nên cuối cùng cuộc khởi nghĩa thất bại. Thực dân Pháp khủng bố rất dã man, nhiều cán bộ ưu tú của Đảng bị tù đày và sát hại (Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Thị Minh Khai, Hà Huy Tập, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần...).

Cuộc binh biến Đô Lương (13–1–1941)

Ngày 13–1–1941, Đội Cung (Nguyễn Văn Cung) chỉ huy binh lính Việt Nam yêu nước đánh chiếm các đồn Chợ Rạng, Đô Lương và tiến về định đánh chiếm thành phố Vinh. Nhưng cuộc binh biến đã bị thực dân Pháp nhanh chóng dập tắt. Đảng Cộng sản Đông Dương đã kêu gọi nhân dân ủng hộ và hoan nghênh tinh thần yêu nước của các binh lính khởi nghĩa.

Ý nghĩa lịch sử của ba sự kiện trên

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Tiếng súng của cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn đã thức tỉnh tinh thần cách mạng của nhân dân cả nước, báo hiệu thời kì đấu tranh mới, thời kì đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang đánh đổ chính quyền của đế quốc và tay sai. Cuộc khởi nghĩa của nhân dân Nam Kì, binh biến ở Đô Lương đã nêu cao tinh thần quật khởi của dân tộc, giáng cho kẻ thù những đòn choáng váng, báo hiệu thời kì cách mạng mới bắt đầu.

Câu 3. ***Những nét chính về công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa của Đảng từ sau Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5–1941) :***

Công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa của Đảng

– Xây dựng lực lượng chính trị :

Cao Bằng là nơi thí điểm cuộc vận động xây dựng các Hội cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh. Đến năm 1942, khắp các châu ở Cao Bằng đều có Hội Cứu quốc. Tiếp đó, Uỷ ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và Uỷ ban Việt Minh lâm thời liên tỉnh Cao – Bắc – Lạng được thành lập.

Ở nhiều tỉnh miền Bắc, hầu hết các "Hội Phản đế" chuyển thành các Hội Cứu quốc, nhiều hội cứu quốc mới được thành lập.

Năm 1943, Đảng đề ra bản *Đề cương văn hoá Việt Nam*, vận động thành lập Hội văn hoá cứu quốc Việt Nam và Đảng Dân chủ Việt Nam.

Đảng tăng cường công tác vận động binh lính người Việt trong quân đội Pháp, những ngoại kiều ở Đông Dương chống phát xít.

Báo chí của Đảng và Mặt trận Việt Minh đã góp phần vào việc tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, đấu tranh chống thủ đoạn chính trị, văn hoá của địch.

– Xây dựng lực lượng vũ trang :

Sau khởi nghĩa Bắc Sơn, một bộ phận lực lượng vũ trang khởi nghĩa chuyển sang xây dựng thành những đội du kích hoạt động ở căn cứ địa Bắc Sơn – Võ Nhai.

Năm 1941, các đội du kích thống nhất lại thành Trung đội Cứu quốc quân I (14–2–1941). Cứu quốc quân I phát động chiến tranh du kích trong 8 tháng để đối phó với sự vây quét của địch, gây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn. Ngày 15–9–1941, Trung đội Cứu quốc quân II ra đời.

– Xây dựng căn cứ địa cách mạng :

Vùng Bắc Sơn – Võ Nhai được xây dựng thành căn cứ địa cách mạng. Năm 1941, Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng để xây dựng căn cứ địa thứ hai.

Trong những vùng căn cứ cách mạng, hằng ngày diễn ra hoạt động sản xuất, xây dựng, chiến đấu, hoạt động của các đoàn thể cứu quốc, lực lượng vũ trang.

Gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

– Hội Nghị Ban Thường vụ Trung ương từ ngày 25 đến ngày 28–2–1943 tại Võng La (Đông Anh – Hà Nội) vạch ra kế hoạch cụ thể về công việc chuẩn bị toàn diện cho cuộc khởi nghĩa vũ trang.

– Ngày 25–2–1944, Trung đội Cứu quốc quân III ra đời.

– Ngày 7–5–1944, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị "Sửa soạn khởi nghĩa" và Trung ương Đảng kêu gọi nhân dân "Sắm vũ khí đuổi thù chung".

– Ngày 22–12–1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân được thành lập.

Công việc chuẩn bị vẫn tiếp tục cho đến trước ngày Tổng khởi nghĩa.

Câu 4. ***Hoàn cảnh lịch sử và diễn biến cuộc khởi nghĩa từng phần từ tháng 3 đến giữa tháng 8–1945 :***
Hoàn cảnh lịch sử

Đầu năm 1945, Hồng quân Liên Xô tiến đánh Béclin, sào huyệt cuối cùng của phát xít Đức.

Ở mặt trận châu Á – Thái Bình Dương, quân Đồng minh giáng cho phát xít Nhật những đòn nặng nề.

Ở Đông Dương, lực lượng Pháp theo phái Đờ Gôn ráo riết hoạt động, chờ thời cơ phản công quân Nhật, mâu thuẫn Nhật – Pháp trở nên gay gắt.

Trước tình hình đó, Nhật Bản ra tay trước. Vào lúc 20 giờ ngày 9–3–1945, Nhật tiến hành đảo chính Pháp. Sau đó, chúng dựng lên Chính phủ Trần Trọng Kim và đưa Bảo Đại lên làm "Quốc trưởng". Chúng hoàn toàn độc chiếm Đông Dương và đàn áp dã man những người cách mạng.

Giữa lúc Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại làng Đình Bảng (Từ Sơn – Bắc Ninh). Ngày 12–3–1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Bản chỉ thị nhận định : Cuộc đảo chính đã tạo nên sự khủng hoảng chính trị sâu sắc, nhưng những điều kiện tổng khởi nghĩa chưa chín muồi và quyết định phát động "cao trào kháng Nhật cứu nước" mạnh mẽ, làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa.

Diễn biến cuộc khởi nghĩa từng phần

Ở căn cứ địa Cao – Bắc – Lạng, Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân đã giải phóng hàng loạt xã, châu, huyện, thành lập chính quyền cách mạng.

Ở Bắc Kì, Đảng đề ra khẩu hiệu "Phá kho thóc để giải quyết nạn đói". Hàng triệu quần chúng kéo đi phá kho thóc, chống đói. Có nơi quần chúng đã giành được chính quyền. Phong trào diễn ra sôi nổi ở các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Ninh Bình, Quảng Yên, Nghệ An, Hà Tĩnh...

Làn sóng khởi nghĩa từng phần dâng lên tại nhiều nơi. Việt Minh lãnh đạo quần chúng nổi dậy ở Tiên Du (Bắc Ninh, 10–3), Bần Yên Nhân (Hưng Yên, 11–3).

Ở Quảng Ngãi, tù chính trị nhà lao Ba Tơ nổi dậy, lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa, thành lập chính quyền cách mạng (11–3), tổ chức đội du kích Ba Tơ.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Đảng viên, cán bộ cách mạng trong các nhà tù Nghĩa Lộ, Sơn La, Hoả Lò (Hà Nội), Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk)... đấu tranh đòi tự do hoặc vượt ngục ra ngoài hoạt động.

ĐỀ SỐ 14

Câu số 1. *(3 điểm)*
Trình bày cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Ấn Độ trong những năm 1945 – 1950.

Câu 2. *(3 điểm)*
Trình bày sơ lược quá trình xâm lược Đông Dương của phát xít Nhật và chính sách của Nhật thi hành ở nước ta sau cuộc đảo chính (9–3–1945).

Câu 3. *(4 điểm)*
Sự ra đời và hoạt động của lực lượng vũ trang cách mạng năm 1940 đến năm 1945.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Ấn Độ trong những năm 1945 – 1950 :***
Ấn Độ là thuộc địa rộng lớn của thực dân Anh. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc Ấn Độ phát triển mạnh mẽ.

Ngày 19–2–1946, hai vạn thuỷ binh trên 20 chiến hạm của thực dân Anh ở cảng Bombay (nay là Mumbai) đã nổi dậy khởi nghĩa. Thực dân Anh đưa binh lính đến đàn áp. Hai mươi vạn nhân dân Bombay đã xuống đường đấu tranh ủng hộ thuỷ binh rồi phát triển thành cuộc khởi nghĩa kéo dài 3 ngày liền.

Phong trào đấu tranh cũng lan rộng tới nhiều thành phố khác như Cancútta, Carasi, Mađrát. Ở nông thôn, nông dân nhiều bang đã nổi dậy, tiêu biểu là phong trào "Tebhaga", đòi chủ đất hạ mức tô xuống 1/3 thu hoạch.

Sang năm 1947, cuộc đấu tranh tiếp tục dâng cao, tiêu biểu là các cuộc bãi công của công nhân ở Cancútta (2–1947).

Trước tình hình đó, thực dân Anh đã thực hiện chính sách thâm độc "chia để trị". Phó vương Maobáttơn (người đứng đầu bộ máy thống trị của Anh ở Ấn Độ) đã đàm phán với Đảng Quốc đại và Liên đoàn Hồi giáo, chia Ấn Độ thành 2 nước : Ấn Độ của người Ấn Độ giáo và Pakixtan của người Hồi giáo. Ngày 15–8–1947, Ấn Độ tách thành hai quốc gia.

Không thoả mãn với quy chế tự trị, Đảng Quốc đại tiếp tục lãnh đạo nhân dân đấu tranh. Ngày 26–1–1950, Ấn Độ tuyên bố độc lập hoàn toàn và thành lập nước Cộng hoà Ấn Độ, xoá bỏ mọi sự lệ thuộc vào nước Anh.

Sự thành lập nước Cộng hoà Ấn Độ đánh dấu thắng lợi của nhân dân Ấn Độ, có ảnh hưởng quan trọng đến phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 2. ***Sơ lược quá trình xâm lược Đông Dương của phát xít Nhật và chính sách của Nhật thi hành ở nước ta sau cuộc đảo chính (9–3–1945) :***

Quá trình xâm lược Đông Dương của phát xít Nhật :

– Tháng 6–1940, Pháp đầu hàng Đức. Nhật đòi sử dụng sân bay, hải cảng ở Bắc Đông Dương...

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

– Cuối tháng 9–1940, Nhật Bản vượt biên giới Việt – Trung vào Bắc Việt Nam. Quân Pháp nhanh chóng đầu hàng. Phát xít Nhật giữ nguyên bộ máy thống trị của thực dân Pháp, dùng nó để bóc lột kinh tế phục vụ cho nhu cầu chiến tranh và đàn áp phong trào cách mạng.

– Nhật bắt Pháp cung cấp nguyên liệu, lương thực, thực phẩm và tiền. Hàng vạn hecta lúa phải nhổ để trồng đay, bông, thầu dầu nộp cho Nhật. Nông dân phải bán "thóc tạ" cho chúng.

– Phát xít Nhật ra sức tuyên truyền thuyết "Đồng văn, đồng chủng", "Đại Đông Á" mở trường đào tạo tay sai, tuyên truyền lừa bịp về văn minh và sức mạnh của Nhật Bản để dọn đường cho Nhật Bản hất cẳng Pháp.

– Đầu năm 1945, thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị chiếm lại Đông Dương. Trước tình hình đó, 20 giờ ngày 9–3–1945, Nhật nổ súng tiến công lật đổ Pháp trên toàn Đông Dương. Pháp đầu hàng.

Chính sách của Nhật ở nước ta sau cuộc đảo chính :

Phát xít Nhật tuyên bố "giúp các dân tộc Đông Dương xây dựng nền độc lập", dựng lên chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim, lập thêm nhiều tổ chức tay sai và đảng phái phản động : Đại Việt, Phục quốc... Thực chất, Nhật thay thế Pháp nắm mọi quyền hành ở Đông Dương. Về kinh tế, Nhật chiếm đoạt các cơ sở kinh tế của Pháp và tài sản của nhân dân ta, vơ vét nguyên liệu, hàng hoá, lương thực. Việc thu thóc tạ, bông, đay... được đẩy mạnh bằng biện pháp cưỡng bức và dùng vũ lực đàn áp.

Câu 3. ***Sự ra đời và hoạt động của lực lượng vũ trang cách mạng từ năm 1940 đến năm 1945 :***

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, công tác trực tiếp chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền cách mạng trở thành nhiệm vụ trung tâm của Đảng. Đảng chủ trương phát triển rộng khắp từ nông thôn, rừng núi đến đô thị lực lượng chính trị quần chúng mạnh mẽ. Trên cơ sở đó, từng bước xây dựng lực lượng vũ trang với các hình thức và quy mô thích hợp, thành lập và mở rộng các căn cứ địa cách mạng, chuẩn bị gấp rút để tiến lên khởi nghĩa trong cả nước theo hướng đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Từ năm 1940 đến 9–3–1945

– Tại căn cứ Bắc Sơn – Võ Nhai, sau khi cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn thất bại, một bộ phận lực lượng vũ trang của cuộc khởi nghĩa được chuyển sang xây dựng thành những đội du kích, hoạt động ở căn cứ địa Bắc Sơn – Võ Nhai. Năm 1941, những đội du kích ở đây lớn mạnh lên và thống nhất lại thành Trung đội Cứu quốc quân I. Cứu quốc quân chiến đấu suốt 8 tháng (từ tháng 7–1941 đến tháng 2–1942) đã tiêu hao sinh lực địch và sau đó rút khỏi vòng vây, phân tán thành nhiều bộ phận để hoạt động. Một bộ phận ở lại đã gây dựng cơ sở tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn. Trung đội Cứu quốc quân II ra đời tháng 9–1941.

Cứu quốc quân hoạt động mạnh ở căn cứ Bắc Sơn, Võ Nhai, tuyên truyền vũ trang, mở rộng căn cứ và Trung đội Cứu quốc quân III ra đời tháng 2–1944.

– Tại căn cứ Cao Bằng, Ban Việt Minh được thành lập, các đội tự vệ chiến đấu được xây dựng, công tác huấn luyện quân sự được đẩy mạnh.

– Tháng 5–1944, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị "Sửa soạn khởi nghĩa".

– Tháng 8–1944, Đảng kêu gọi "Sắm vũ khí, đuổi thù chung".

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

– Ngày 22–12–1944, thực hiện chỉ thị của Hồ Chí Minh, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân ra đời trong một khu rừng thuộc huyện Nguyên Bình (Cao Bằng). Vừa ra đời, đội quân đó đã đánh thắng hai trận liên tiếp ở Phay Khắt và Nà Ngần.

– Ở Thái Nguyên, đội cứu quốc quân đã hạ nhiều đồn địch, giải phóng một vùng rộng lớn.

Từ 9–3–1945 đến tháng 8–1945

– Ngày 12–3–1945, chỉ thị "Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" ra đời, cao trào "Kháng Nhật cứu nước" được phát động.

– Ngày 11–3–1945, khởi nghĩa Ba Tơ (Quảng Ngãi) bùng nổ, đội du kích Ba Tơ ra đời.

– Ngày 15–4–1945, Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kì được triệu tập. Ngày 15–5–1945, Cứu quốc quân và Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân thống nhất thành Việt Nam giải phóng quân.

– Ngày 4–6–1945, Khu giải phóng Việt Bắc ra đời, trở thành căn cứ địa chính của cả nước.

– Phong trào đấu tranh yêu nước lan rộng ở thành thị và nông thôn, các đội tự vệ chiến đấu phát triển rất mau lẹ.

Trong những ngày Tổng khởi nghĩa tháng Tám

– Ngày 16–8–1945, Đại hội quốc dân khai mạc tại Tân Trào, một đơn vị giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy xuất phát từ Tân Trào về thị xã Thái Nguyên. Quân giải phóng chiếm nhiều vị trí, bao vây và tiến công quân Nhật trong thị xã.

– Khắp nơi, các lực lượng vũ trang và đội tự vệ đã hỗ trợ quần chúng nổi dậy cướp chính quyền.

Nhận định chung

– Tổng Khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là đỉnh cao của 15 năm đấu tranh cách mạng của toàn dân ta. Đảng đã từng bước vũ trang quần chúng, xây dựng lực lượng vũ trang khi có điều kiện.

– Lực lượng vũ trang trong thời kì tiền khởi nghĩa có vai trò quyết định trong việc phát triển chiến tranh du kích, xây dựng căn cứ địa cách mạng, hỗ trợ mạnh mẽ cho lực lượng chính trị quần chúng trong thời gian Tổng khởi nghĩa, có vai trò rất quan trọng trong việc tiến công kẻ thù, trừng trị những phần tử phản động.

– Lực lượng vũ trang tuy còn hạn chế về số lượng, vũ khí nhưng đã hoạt động tích cực góp phần quan trọng vào thắng lợi của cách mạng.

ĐỀ SỐ 15

Câu 1. *(3 điểm)*

Hãy nêu những thành tựu chính mà nhân dân Ấn Độ đạt được trong quá trình xây dựng đất nước từ sau khi giành được độc lập.

Câu 2. *(4 điểm)*

Vấn đề tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất từ năm 1930 đến năm 1945.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Câu 3. *(3 điểm)*

Trình bày tóm tắt sự thành lập, quá trình phát triển và vai trò của Mặt trận Việt Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Những thành tựu chính mà nhân dân Ấn Độ đạt được trong quá trình xây dựng đất nước...***

Ấn Độ là quốc gia rộng lớn, đông dân thứ hai ở châu Á. Từ sau ngày độc lập, Ấn Độ trong suốt một thời kì dài do Đảng Quốc đại nắm chính quyền, tình hình chính trị ổn định, kinh tế, văn hoá phát triển mạnh mẽ. Ấn Độ đứng thứ 10 trong số những nước có nền công nghiệp phát triển cao, nhất là công nghiệp nặng.

Cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp những năm 50 – 70 đã giải quyết được vấn đề lương thực cho một nước gần 1 tỉ dân và bắt đầu xuất khẩu gạo.

Cũng trong những năm 70, Ấn Độ đã sử dụng năng lượng hạt nhân vào sản xuất điện. Trong những năm 80, Ấn Độ đứng hàng thứ 10 trong những nước sản xuất công nghiệp lớn nhất thế giới. Ấn Độ đã chế tạo được máy móc, thiết bị ngành dệt, hoá chất, máy bay, tàu thuỷ, đầu máy xe lửa, ti vi màu... ; tốc độ tăng trưởng GDP năm 1995 là 7,4%, năm 2000 là 3,9%.

Khoa học – kĩ thuật ở Ấn Độ cũng phát triển nhanh chóng. Năm 1974, thử thành công bom nguyên tử, năm 1975 đưa được vệ tinh nhân tạo lên quỹ đạo Trái Đất. Cuộc "cách mạng chất xám" đã đưa Ấn Độ thành một trong những nước sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới. Đến năm 2002, Ấn Độ đã có 7 vệ tinh nhân tạo hoạt động trong vũ trụ.

Về đối ngoại, Ấn Độ theo đuổi chính sách hoà bình, trung lập tích cực, luôn luôn ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc, là một trong 5 nước khởi xướng Phong trào không liên kết.

Câu 2. ***Vấn đề tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất từ năm 1930 đến 1945 :***

Thời kì 1930 – 1931

– Ngày 18–1–1930, giữa lúc cao trào cách mạng của quần chúng lên đỉnh cao, Ban thường vụ trung ương Đảng đã ra bản chị thị về vấn đề *Hội phản đế đồng minh*, trong đó nêu rõ tư tưởng chiến lược cách mạng đúng đắn của bản Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt là coi việc đoàn kết toàn dân thành một lực lượng rộng rãi, lấy công nông làm động lực chính là điều kiện quyết định thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc.

Thời kì này, hoạt động của Mặt trận thiếu một tổ chức thật quảng đại quần chúng để thu hút tầng lớp trí thức, tư sản dân tộc, những địa chủ ghét đế quốc Pháp mong muốn quốc gia độc lập ; nặng về các tổ chức đơn thuần công hội đỏ, nông hội đỏ, thanh niên đỏ, phụ nữ đỏ.

Thời kì 1936 – 1939

Đảng quyết định tạm gác, không nêu khẩu hiệu "Đánh đổ đế quốc Pháp !" và khẩu hiệu "Tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày", chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương (sau này, đến tháng 3–1938 được đổi thành Mặt trận dân chủ thống nhất Đông Dương, gọi tắt là *Mặt trận dân chủ Đông Dương*) bao gồm các giai cấp, đảng phái, dân tộc, tổ chức chính trị, xã hội và tôn giáo khác nhau để đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và bọn phản động Pháp, giành tự do dân chủ, cải thiện dân sinh và bảo vệ hoà bình thế giới.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Download tài liệu học tập tại : http://aotrangtb.com

Đây là sự vận dụng sáng tạo kết hợp giữa đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp vào hoàn cảnh cụ thể một nước thuộc địa, nửa phong kiến như nước ta. Đảng Cộng sản không những phải thu phục thợ thuyền mà còn phải thu phục quảng đại quần chúng nông dân và tiểu tư sản ở thành thị. Đồng thời trong lúc lập mặt trận rộng rãi, lại phải thu phục cả các tầng lớp khác trong nhân dân.

Thời kì 1939 – 1945

– Tháng 11–1939, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng họp nhận định : Lúc này ở Việt Nam và Đông Dương, sự thống trị của đế quốc Pháp đã trở thành một chế độ phát xít thuộc địa rõ rệt và những kẻ cầm đầu chế độ đó đang mưu toan thoả hiệp, đầu hàng phát xít Nhật. Do đó, giải phóng dân tộc khỏi ách đế quốc trở thành nhiệm vụ cấp bách nhất và mục tiêu chiến lược trước mắt của cách mạng Việt Nam. Hội nghị chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất và đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc, chống tô cao, lãi nặng.

Để tập trung mọi lực lượng của dân tộc vào nhiệm vụ chủ yếu là chống chiến tranh đế quốc và ách thống trị của phát xít thuộc địa, Đảng chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận dân chủ Đông Dương không còn thích hợp.

– Tháng 5–1941, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 họp quyết định tiếp tục thực hiện việc chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, nêu khẩu hiệu giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công, tiến tới thực hiện người cày có ruộng. Đối với vấn đề nội dung và tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất, Đảng quyết định thành lập Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh, thay thế cho Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

Ngày 19–5–1941, Mặt trận Việt Minh chính thức thành lập, bao gồm các tổ chức quần chúng yêu nước, chống đế quốc, lấy tên là "Hội cứu quốc" (Hội công nhân cứu quốc, Hội nông dân cứu quốc, Hội quân nhân cứu quốc, Hội văn hoá cứu quốc, Hội phụ nữ cứu quốc, Hội thanh niên cứu quốc...). Tuyên ngôn của Mặt trận Việt Minh ngày 25–10–1941 nêu rõ : "Coi quyền lợi dân tộc cao hơn hết thảy, Việt Minh sẵn sàng giơ tay đón tiếp những cá nhân hay đoàn thể, không cứ theo chủ nghĩa quốc tế hay quốc gia, thành thật muốn đánh đuổi Nhật, Pháp để dựng lên một nước Việt Nam tự do và độc lập". Chương trình cứu nước của Việt Minh kiên quyết thực hiện hai điều mà toàn thể đồng bào mong ước :

1. Làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập.

2. Làm cho nhân dân Việt Nam được sung sướng, tự do.

Nhận định chung

– Đoàn kết là truyền thống lịch sử quý báu của dân tộc ta trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, được Đảng ta kế thừa và phát huy trên đỉnh cao mới.

– Khả năng thực hiện đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc bắt nguồn từ đường lối chiến lược giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc. Trên cơ sở khối liên minh công nông, Đảng ta mở rộng đội ngũ cách mạng đến các giai cấp và tầng lớp khác có xu hướng dân tộc và dân chủ. Với các hình thức tổ chức thích hợp, khối đại đoàn kết dân tộc rộng lớn hình thành. Đó là một nhân tố cơ bản quyết định thắng lợi của cách mạng.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Thắng lợi của thời kì 1930 – 1931, 1936 – 1939, 1939 – 1945 gắn liền với thắng lợi của các Mặt trận của Đảng đề ra trong từng thời kì. Đặc biệt thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 gắn liền với sự nghiệp của Mặt trận Việt Minh.

Câu 3. ***Tóm tắt sự thành lập, quá trình phát triển và vai trò của Mặt trận Việt Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 :***

Sự thành lập

Mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Dương với đế quốc phát xít xâm lược trở thành mâu thuẫn chủ yếu nhất, đặc biệt từ khi nhân dân Đông Dương chịu hai tầng áp bức Pháp – Nhật. Giải phóng dân tộc là nhiệm vụ bức thiết nhất của cách mạng Đông Dương lúc này.

Để phát huy sức mạnh, mỗi dân tộc Đông Dương cần phải giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ mỗi nước ở Đông Dương. Mỗi nước cần phải có mặt trận riêng. Ở Việt Nam, mặt trận đó là Việt Nam Độc lập đồng minh (Việt Minh).

Mặt trận Việt Minh có nhiệm vụ động viên mạnh mẽ hơn nữa tinh thần của nhân dân ta trên trận tuyến đấu tranh vì độc lập, tự do. Đồng thời có trách nhiệm giúp đỡ, đoàn kết với các dân tộc Miên (Campuchia) và Lào.

Tình hình thế giới có những biến chuyển mới. Tháng 6–1941, phát xít Đức tấn công Liên Xô, tính chất của cuộc chiến tranh thế giới thay đổi : một bên là lực lượng dân chủ hoà bình (phe Đồng minh), một bên là phe phát xít.

Cuộc đấu tranh của mỗi dân tộc Đông Dương là một bộ phận của mặt trận dân chủ chống phát xít, tích cực góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Quá trình phát triển

Mặt trận Việt Minh ra đời ngày 19–5–1941.

Cao Bằng là nơi thí điểm xây dựng các hội cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh. Uỷ ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và Uỷ ban Việt Minh lâm thời liên tỉnh Cao – Bắc – Lạng được thành lập.

Chương trình Việt Minh đáp ứng đúng nguyện vọng giành độc lập, tự do của nhân dân, nên thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.

Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp ở Võng La (Đông Anh – Hà Nội). Tháng 2–1943 đã đề ra những biện pháp cụ thể nhằm phát triển Việt Minh và phong trào ở thành thị. Năm 1943, Đảng đưa ra bản *Đề cương văn hoá Việt Nam*, xúc tiến thành lập Hội Văn hoá cứu quốc Việt Nam và Đảng Dân chủ Việt Nam. Đảng vận động binh lính người Việt trong quân đội Pháp và Việt kiều ở Trung Quốc tham gia phong trào Việt Minh.

Vai trò của Mặt trận Việt Minh

Mặt trận Việt Minh tập hợp đông đảo quần chúng hình thành nên một lực lượng chính trị hùng hậu.

Trên cơ sở phát triển các đoàn thể cứu quốc, lực lượng vũ trang cách mạng từng bước hình thành và phát triển, cùng với lực lượng chính trị, tạo nên sức mạnh tổng hợp để nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Việc thành lập Mặt trận Việt Minh là một sáng tạo của Đảng và Hồ Chí Minh, là một điển hình thành công trong công tác mặt trận của Đảng ta.

ĐỀ SỐ 16

Câu 1. *(3 điểm)*
Hãy nêu những thành quả chính trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Những khó khăn mà châu lục này phải đối mặt là gì ?

Câu 2. *(3 điểm)*
Vì sao nói : Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi là kết quả của 15 năm (1930 – 1945) chuẩn bị lực lượng và lãnh đạo đấu tranh của Đảng.

Câu 3. *(4 điểm)*
Hãy trình bày quá trình chuẩn bị Tổng khởi nghĩa và chứng minh Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một biến cố lịch sử vĩ đại của dân tộc Việt Nam.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Những thành quả chính trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Những khó khăn...***
– Chiến tranh thế giới thứ hai chấm dứt cũng là thời điểm bùng nổ cuộc đấu tranh giành độc lập của các nước châu Phi. Phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở châu Phi đặc biệt phát triển từ những năm 50 của thế kỉ XX, trước hết là khu vực Bắc Phi, sau đó lan ra các khu vực khác.

Mở đầu là cuộc binh biến của sĩ quan và binh lính yêu nước Ai Cập (3–7–1952) lật đổ Vương triều Pharúc, chỗ dựa của thực dân Anh, lập nên nước Cộng hoà Ai Cập (18–6–1953). Cùng năm 1952, nhân dân Libi giành được độc lập. Sau 8 năm đấu tranh chống Pháp (1954 – 1962), nhân dân Angiêri đã giành được thắng lợi.

Tuynidi, Marốc và Xuđăng được trao trả độc lập năm 1956, Gana – năm 1957, Ghinê – năm 1958...

Đặc biệt, lịch sử ghi nhận năm 1960 là *Năm châu Phi* với 17 nước tuyên bố độc lập. Năm 1975, với thắng lợi của nhân dân Môdămbích và Ănggôla trong cuộc đấu tranh chống thực dân Bồ Đào Nha, chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi cùng hệ thống thuộc địa của nó cơ bản bị tan rã.

Từ sau năm 1975, nhân dân các thuộc địa còn lại ở châu Phi hoàn thành cuộc đấu tranh đánh đổ nền thống trị thực dân cũ, giành độc lập dân tộc và quyền sống của con người. Sau nhiều thập niên đấu tranh, nhân dân Nam Rôđêdia tuyên bố thành lập nước Cộng hoà Dimbabuê (18–4–1980). Ngày 21–3–1900, Namibia tuyên bố độc lập sau khi thoát khỏi sự thống trị của Nam Phi.

Ngay chính tại Nam Phi, trước áp lực đấu tranh của người da màu, tháng
2–1990, chế độ phân biệt chủng tộc "Apácthai" bị xoá bỏ. Sau đó, với cuộc bầu cử dân chủ đa chủng tộc đầu tiên của Nam Phi (4–1994), Nenxơn Manđêla trở thành Tổng thống người da đen đầu tiên của Cộng hoà Nam Phi. Sự kiện này đánh dấu sự chấm dứt chế độ phân biệt chủng tộc dã man, đầy bất công, một biểu hiện của chủ nghĩa thực dân.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Những khó khăn mà các nước châu Phi đang phải đối mặt là : Nhiều nước châu Phi vẫn còn trong tình trạng lạc hậu, không ổn định và đầy khó khăn : xung đột sắc tộc và tôn giáo, đảo chính, nội chiến diễn ra liên miên ; bệnh tật và mũ chữ ; sự bùng nổ về dân số ; đói nghèo, nợ nần và phụ thuộc nước ngoài...

Câu 2. ***Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi là kết quả của 15 năm (1930 – 1945) chuẩn bị lực lượng và lãnh đạo đấu tranh của Đảng :***

Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 chỉ diễn ra trong 15 ngày và đã giành được thắng lợi to lớn. Đó là kết quả của quá trình chuẩn bị suốt 15 năm của Đảng về lực lượng và lãnh đạo đấu tranh.

Về lực lượng chính trị

Cách mạng là sự nghiệp quần chúng. Cách mạng muốn thắng lợi phải có đông đảo các giai cấp, tầng lớp xã hội tham gia. Ngay trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã nêu rõ phải tập hợp, tranh thủ, lôi kéo các tầng lớp nhân dân trong một tổ chức quần chúng. Tổ chức đó lúc đầu đơn giản, sau phát triển thành những tổ chức cao hơn, rộng hơn, chặt chẽ hơn ; tạo thành đội quân chính trị hùng hậu của Đảng.

Về lực lượng vũ trang

– Để đánh đổ kẻ thù, cách mạng phải chuẩn bị lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, phải tiến hành đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

– Khi thành lập, Đảng ta đã xây dựng lực lượng vũ trang, nhưng phải đến sau Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (5–1941), việc xây dựng lực lượng vũ trang mới bắt đầu : từ xây dựng những đội tự vệ, đội du kích đầu tiên đến việc thành lập các Trung đội Cứu quốc quân, tiến đến thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân ; Việt Nam Giải phóng quân.

– Từ chỗ không có một khẩu súng, một viên đạn, Đảng kêu gọi toàn dân sắm vũ khí, tự trang bị vũ khí.

– Đảng cũng tiến hành công tác tuyên truyền, vận động binh lính người Việt trong quân đội Pháp trở về với nhân dân, cầm súng chống lại thực dân Pháp.

Đẩy mạnh công tác xây dựng lực lượng để chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền

– Xây dựng lực lượng chính trị với nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng Mặt trận Việt Minh ở cả miền núi, nông thôn và thành thị.

– Xây dựng lực lượng vũ trang : tiến lên mức cao hơn là xây dựng các đơn vị vũ trang : đội tự vệ, du kích, rồi các đội Cứu quốc quân...

– Xây dựng căn cứ địa của Trung ương và địa phương. Căn cứ địa Trung ương bao gồm 6 tỉnh phía Bắc (Cao – Bắc – Lạng – Hà – Tuyên – Thái). Các tỉnh trong phạm vi cả nước cũng xây dựng các khu an toàn và căn cứ địa của tỉnh, hoặc liên tỉnh.

Đến giữa tháng 8 năm 1945, công tác chuẩn bị đã cơ bản hoàn thành, Đảng sẵn sàng chớp thời cơ lãnh đạo toàn dân khởi nghĩa.

Đảng lãnh đạo đấu tranh :

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Trong khi thực dân Pháp đàn áp khốc liệt cuộc khởi nghĩa Yên Bái, Đảng không lùi bước, dũng cảm phát động phong trào cách mạng rộng lớn những năm 1930 – 1931.

Khi phong trào cách mạng ở vào thời kì thoái trào, Ban Chấp hành Trung ương, Xứ uỷ Bắc Kì, Trung Kì, Nam Kì và nhiều tổ chức cơ sở Đảng, quần chúng bị tan vỡ, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kiên cường đấu tranh để phục hồi phong trào.

Trong phong trào dân chủ 1936 – 1939, Đảng đã lãnh đạo phong trào đấu tranh công khai, hợp pháp. Nhiều hình thức đấu tranh sáng tạo, chưa từng có trong quá trình đấu tranh của Đảng được tiến hành và đã thu được thắng lợi to lớn.

Trong suốt 15 năm, Đảng ta đã xây dựng lực lượng, tích lũy kinh nghiệm, rèn luyện trong công tác lãnh đạo và được phát huy trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Câu 3. ***Quá trình chuẩn bị Tổng khởi nghĩa và chứng minh Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một biến cố lịch sử vĩ đại của dân tộc Việt Nam :***

Công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa từ tháng 5–1941 đến 9–3–1945 :

– Ngay từ tháng 1–1941, trước tình hình mới Nguyễn Ái Quốc đã từ Trung Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam.

– Ngày 10–5–1941, Người đã chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng tại Pác Bó. Hội nghị đã xác định :

+ Kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương là phát xít Pháp, Nhật và các lực lượng phản cách mạng tay sai của chúng ;

+ Giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, đánh đuổi Pháp – Nhật, giành độc lập hoàn toàn ;

+ Tiếp tục gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, nêu khẩu hiệu giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công, tiến tới thực hiện người cày có ruộng ;

+ Chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trọng tâm của Đảng và nhân dân ta ;

+ Phát huy cao độ tinh thần cách mạng của từng nước Việt Nam, Lào, Campuchia. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh với các hội cứu quốc xuất hiện.

– Từ năm 1941 đến tháng 8–1943, hai căn cứ Bắc Sơn – Võ Nhai và Cao Bằng đã phát triển và nối liền với nhau. Lực lượng vũ trang tiếp tục phát triển mạnh.

– Ngày 22–12–1944, đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân ra đời, ngay sau đó đánh thắng hai trận ở Phay Khắt (25–12–1944) và Nà Ngần (26–12–1944).

Cao trào kháng Nhật cứu nước và Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

– Ngay trong đêm Nhật đảo chính Pháp, Hội nghị của Ban thường vụ Trung ương Đảng đã họp ở Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) và ngày 12–3–1945 ra bản chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Khẩu hiệu : "Đánh đuổi Pháp – Nhật" được thay bằng khẩu hiệu : "Đánh đuổi phát xít Nhật". Hội nghị quyết định phát động cao trào : "Kháng Nhật cứu nước" làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa.

Tháng 3–1945, Mặt trận Việt Minh ra lời kêu gọi đồng bào cả nước.

– Ngày 15–4–1945, Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kì họp ở Hiệp Hoà (Bắc Giang) chuẩn bị tích cực cho Tổng khởi nghĩa.

– Ngày 15–5–1945, Cứu quốc quân và Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân thống nhất thành Việt Nam Giải phóng quân.

Ngày 4–6–1945, Khu giải phóng Việt Bắc ra đời.

– Hội nghị toàn quốc của Đảng họp từ ngày 14 đến 15 tháng 8–1945 ở Tân Trào (Tuyên Quang).

– Ngày 16–8–1945, Đại hội quốc dân khai mạc tại Tân Trào, Đại hội tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng Cộng sản Đông Dương và 10 chính sách của Việt Minh. Đại hội quyết định thành lập Uỷ ban dân tộc giải phóng
Việt Nam tức Chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Từ ngày 14–8 đến 18–8, nhiều xã, huyện thuộc phần lớn các tỉnh ở Bắc Kì, một số tỉnh ở Trung Kì và Nam Kì đã chớp thời cơ đứng lên giành chính quyền.

Ngày 16–8–1945, một đơn vị giải phóng quân tiến về thị xã Thái Nguyên. Quân giải phóng chiếm nhiều vị trí, bao vây và tiến công quân Nhật trong thị xã.

Ngày 18–8, lực lượng khởi nghĩa của Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam đã giành được chính quyền ở tỉnh lị.

Ngày 19–8, hàng chục vạn nhân dân nội, ngoại thành Hà Nội xuống đường biểu tình rồi nhanh chóng biến thành khởi nghĩa giành chính quyền. Quần chúng lần lượt chiếm Phủ Khâm sai Bắc Kì, Sở mật thám, Sở cảnh sát trung ương... Cuộc khởi nghĩa ở *Hà Nội* thắng lợi đã cổ vũ các địa phương trong cả nước.

Ở *Huế*, khởi nghĩa nổ ra ngày 23–8. Chiều 30–8, Bảo Đại nộp ấn kiếm cho phái đoàn Chính phủ trung ương lâm thời.

Tại *Sài Gòn*, sáng 25–8, quần chúng tràn xuống đường phố chiếm Sở mật thám, Sở cảnh sát...

Tiếp sau, các tỉnh khác cũng liên tiếp giành được chính quyền.

Cách mạng tháng Tám 1945 là biến cố lịch sử vĩ đại của dân tộc Việt Nam

Cách mạng tháng Tám đã đập tan ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước ta gần một thế kỉ và chế độ phong kiến ở nước ta hàng nghìn năm, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà – nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Việt Nam từ một nước thuộc địa trở thành nước độc lập tự do, nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã mở ra kỉ nguyên mới của đất nước : kỉ nguyên độc lập, tự do.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai, cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc thuộc địa đang đấu tranh tự giải phóng, nhất là đối với hai dân tộc Campuchia và Lào.

ĐỀ SỐ 17

Câu 1. *(2 điểm)*

Trình bày khái quát những thắng lợi của cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập của nhân dân Mĩ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 2. *(5 điểm)*

Đảng ta đã giải quyết mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là chống đế quốc và chống phong kiến như thế nào trong thời kì 1939 – 1945 ?

Câu 3. *(3 điểm)*

Hoàn cảnh ra đời, nội dung và ý nghĩa lịch sử của bản "Tuyên ngôn Độc lập" của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Khái quát những thắng lợi của cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập của nhân dân Mĩ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai :***

Mĩ Latinh gồm 33 nước, chỉ có Mêhicô ở Bắc Mĩ, còn lại ở Trung và Nam Mĩ và vùng biển Caribê.

Sau khi thoát khỏi ách thống trị Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha trong nửa đầu thế kỉ XIX, các nước Mĩ Latinh lại lệ thuộc vào Mĩ. Trên danh nghĩa là độc lập, thực tế các nước Mĩ Latinh trở thành "sân sau" của Mĩ.

– Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh chống Mĩ diễn ra mạnh mẽ. Mĩ Latinh trở thành "Lục địa bùng cháy", với nhiều hình thức đấu tranh phong phú, đặc biệt là đấu tranh vũ trang, tiêu biểu là sự thành công của cách mạng Cuba (1–1–1959). Dưới ảnh hưởng của cách mạng Cuba, trong những năm 60 – 70 hầu hết các nước Mĩ Latinh đều đã đánh đổ được các chính quyền độc tài thân Mĩ, khôi phục độc lập chủ quyền, các chính phủ dân chủ được thiết lập, tiêu biểu là thắng lợi của Liên minh đoàn kết nhân dân Chilê lên nắm chính quyền từ năm 1970 đến năm 1973, đứng đầu là Xanvađo Agiendê, tiếp đó là thắng lợi của nhân dân Nicaragoa, Grênađa, Haiti, Vênêxuêla...

Câu 2. ***Việc giải quyết mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là chống đế quốc và chống phong kiến của Đảng ta trong thời kì 1939 – 1945 :***

Ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta đã đề ra nhiệm vụ cho cách mạng tư sản dân quyền của nước ta là : đánh đổ bọn đế quốc Pháp và bọn phong kiến cùng giai cấp tư sản phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam độc lập, dân giàu nước mạnh.

Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là chống đế quốc và chống phong kiến quan hệ khăng khít với nhau và luôn được Đảng ta kết hợp đồng thời. Nhưng tùy từng thời kì cách mạng mà nhiệm vụ chống đế quốc được nhấn mạnh và đưa lên hàng đầu, còn nhiệm vụ chống phong kiến được Đảng ta giải quyết dần dần, từng bước.

Tháng 9–1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp thi hành một loạt các biện pháp đàn áp lực lượng tiến bộ. Tháng 6–1940, Pháp đầu hàng Đức. Cuối tháng 9–1940, quân đội Nhật vào Bắc Việt Nam. Đế

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

quốc Pháp và phát xít Nhật câu kết với nhau bóc lột, vơ vét của cải của nhân dân ta. Việt Nam bị đặt dưới ách thống trị của Pháp, Nhật.

– Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay, bông, thầu dầu ; nông dân ta phải bán thóc tạ cho chúng.

– Pháp cải cách lừa phỉnh trí thức, công chức với khẩu hiệu "cần lao", "nhân vị", "quốc gia". Nhật đưa ra thuyết "đồng văn, đồng chủng", "Đại Đông Á", mở trường đào tạo tay sai.

– Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc, địa chủ nhỏ đều có tinh thần chống phát xít Nhật – Pháp ở mức độ khác nhau.

– Trước tình hình đó, ngày 6–11–1939, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng họp, phân tích tình hình kinh tế, xã hội, thái độ của các giai cấp, xác định giải phóng dân tộc, đánh đuổi đế quốc là nhiệm vụ hàng đầu và cấp bách của cách mạng, tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, chỉ đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc chia cho nông dân nghèo.

– Đảng chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận dân chủ Đông Dương. Chuyển từ đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ sang đấu tranh trực tiếp đánh đuổi chính quyền của đế quốc, tay sai ; từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật không hợp pháp, chuẩn bị điều kiện để tiến tới khởi nghĩa vũ trang.

Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11–1939, đánh dấu sự chuyển hướng cơ bản về chỉ đạo giải quyết mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược chống đế quốc và chống phong kiến của Đảng ta trong thời kì đầu của giai đoạn 1939 – 1945.

b) Ngày 10–5–1941, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 họp tại Pác Bó, Cao Bằng. Hội nghị đã phân tích tình hình thế giới và trong nước và đi đến những quyết định :

– Xác định kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương là đế quốc Pháp – Nhật và các lực lượng phản cách mạng, tay sai của chúng.

– Phải giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, đánh đuổi Pháp, Nhật, giành độc lập hoàn toàn.

– Tiếp tục thực hiện chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, chỉ nêu khẩu hiệu chia lại ruộng công, giảm địa tô.

– Chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân ta.

– Thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) thay thế cho Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Mặt trận Việt Minh ra đời đã động viên mạnh mẽ tinh thần đấu tranh cách mạng của toàn dân, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc và triệt để phân hoá cô lập kẻ thù. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 đánh dấu sự hoàn chỉnh chủ trương được đề ra tại Hội nghị Trung ương tháng 11–1939.

c) Từ năm 1941 đến 1945, Đảng tiếp tục xây dựng lực lượng để tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám. Ngay sau khi Nhật đảo chính Pháp, đêm 9–3, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp ở Đình Bảng (Bắc Ninh) và ngày 12–3–1945, ra bản chị thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Đảng chủ trương thay khẩu hiệu

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

"Đánh đuổi Pháp – Nhật" bằng "Đánh đuổi phát xít Nhật", phát động cao trào "Kháng Nhật cứu nước" làm tiền đề cho cuộc khởi nghĩa.

– Từ ngày 14 đến 15–8–1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) đề ra chủ trương Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân và cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 đã thắng lợi, nước ta được độc lập, tự do.

d) Cách mạng tháng Tám thắng lợi là do Đảng ta đã giải quyết một cách đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược chống đế quốc và chống phong kiến, thể hiện sự nhạy bén chính trị và năng lực sáng tạo của Đảng trong quá trình lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam.

– Trên cơ sở nắm vững tư tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng đã chỉ đạo chiến lược cách mạng một cách sáng tạo, biết giương cao ngọn cờ độc lập, dân tộc, đưa nhiệm vụ chống đế quốc và tay sai lên hàng đầu, nhằm tập trung mọi lực lượng để thực hiện cho kì được yêu cầu nóng bỏng của cách mạng là giải phóng dân tộc, giành lấy chính quyền về tay nhân dân lao động.

Câu 3. ***Hoàn cảnh ra đời, nội dung và ý nghĩa lịch sử của bản "Tuyên ngôn độc lập"...***

– Cách mạng tháng Tám đã thành công. Chính quyền cách mạng được thành lập trong toàn quốc. Việt Nam đã thành một nước độc lập tự do. Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã ra đời. Chủ tịch Hồ chí Minh đã trực tiếp soạn thảo bản "Tuyên ngôn Độc lập" và thông qua Chính phủ lâm thời. Ngày 2–9–1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trịnh trọng công bố bản "Tuyên ngôn Độc lập" của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

– Nội dung cơ bản "Tuyên ngôn Độc lập" gồm mấy điểm sau :

+ Nêu lên những quyền thiêng liêng không ai có thể xâm phạm được ‘Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được ; trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".

+ Tố cáo thực dân Pháp đã hơn 80 năm cướp nước ta, áp bức đồng bào ta, thi hành những luật pháp dã man, lập ra nhà tù nhiều hơn trường học, tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong bể máu, đặt ra hàng trăm thứ thuế khiến dân ta bần cùng, nước ta xơ xác, tiêu điều.

+ Tố cáo thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng Nhật. Từ mùa thu năm 1940, nước ta lại chịu sự thống trị của Pháp – Nhật. Từ 9–3–1945, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Khi Nhật đầu hàng Đồng minh, nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

+ Khẳng định Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ xiềng xích thực dân gần 100 năm, đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

+ Khẳng định nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

– Bản "Tuyên ngôn Độc lập" là một văn kiện lịch sử có giá trị tư tưởng và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Độc lập tự do là tư tưởng trung tâm của bản "Tuyên ngôn Độc lập" của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đó là lí tưởng,

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

là mục tiêu trước hết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng và của dân tộc Việt Nam, cũng như của mọi dân tộc trên thế giới.

Đó là bản anh hùng ca chiến đấu và chiến thắng, tràn đầy sức mạnh niềm tin của nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh và bảo vệ nền độc lập tự do của dân tộc. Đó là sự kết tinh những giá trị tinh thần và văn hoá của dân tộc ta qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, mở ra một kỉ nguyên mới cho lịch sử dân tộc.

ĐỀ SỐ 18

Câu 1. *(3 điểm)*
Trình bày những thành tựu và khó khăn về kinh tế – xã hội của các nước Mĩ Latinh trong thời kì xây dựng đất nước.

Câu 2. *(4 điểm)*
Vai trò của Hồ Chí Minh với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1941 – 1945).

Câu 3. *(3 điểm)*
Trình bày nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Những thành tựu và khó khăn về kinh tế – xã hội của các nước Mĩ Latinh...***
Các nước Mĩ Latinh đã có nhiều cố gắng trong công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế – xã hội. Ở Chilê, Tổng thống Xanvađo Agiendê đã tiến hành các chính sách tiến bộ như cải cách ruộng đất, quốc hữu hoá các công ti tư bản nước ngoài, thực hiện các quyền tự do dân chủ. Ở Nicaragoa, sau khi lật đổ chế độ độc tài Xômôxa, Mặt trận dân tộc giải phóng Xanđinô đã lựa chọn con đường phát triển dân chủ, tiến bộ xã hội.

Năm 1961, Cuba tuyên bố bắt đầu tiến hành cách mạng XHCN, kinh tế đã có sự phát triển mạnh mẽ. Từ một nền nông nghiệp độc canh cây mía, công nghiệp đơn nhất khai mỏ, Cuba đã có nền kinh tế cân đối, với cơ cấu ngành nghề hợp lí.

Từ thập kỉ 50 đến cuối thập kỉ 70 của thế kỉ XX, tỉ lệ tăng trưởng kinh tế bình quân của các nước Mĩ Latinh là 5,5%. GDP năm 1960 là 69,4 tỉ USD ; đến năm 1979, con số này tăng lên 599,3 tỉ USD.

Trong thập kỉ 80, nhiều nước Mĩ Latinh lâm vào tình trạng suy thoái kinh tế, lạm phát tăng nhanh, chính trị mất ổn định. Tốc độ tăng trưởng giảm liên tiếp : Năm 1986 là 3,9%, 1987 là 2,7%, 1988 là 0,3%, 1989 là 0,5%, 1990 là 1,2%. Lạm phát 1200%/năm, riêng Áchentina 4900%/năm. Nợ nước ngoài 410 tỉ USD (1989).

Bước sang thập kỉ 90, nền kinh tế Mĩ Latinh có chuyển biến tích cực hơn. Tỉ lệ lạm phát được hạ xuống còn dưới 30%/năm, một số nước đạt mức lí tưởng như Mêhicô : 4,4%, Bôlivia : 4,45%, Chilê : 4,6%... Đầu tư nước ngoài vào Mĩ Latinh với khối lượng lớn: 68 tỉ USD (1993) và trên 70 tỉ USD (1994), đứng hàng thứ hai sau Đông Á. Một số nước trở thành nước công nghiệp mới như Braxin, Áchentina, Mêhicô. Tuy nhiên, tình hình kinh tế của nhiều nước Mĩ Latinh còn gặp không ít khó khăn, mâu thuẫn xã hội, tham nhũng là vấn đề nổi cộm.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Câu 2. ***Vai trò của Hồ Chí Minh với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1941 – 1945) :***

Ngày 28–1–1941, Nguyễn Ái Quốc từ Trung Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam. Sau một thời gian chuẩn bị và nắm tình hình, Người triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng tại Pác Bó, Cao Bằng (10–5–1941). Hội nghị đã quyết định những vấn đề quan trọng như :

– Xác định kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương là đế quốc Pháp – Nhật và các lực lượng phản cách mạng tay sai của chúng.

– Giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, đánh đuổi Pháp – Nhật, giành độc lập hoàn toàn.

– Tiếp tục thực hiện chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, chỉ đề ra khẩu hiệu chia lại ruộng công, giảm tô, giảm tức.

– Chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân ta.

Sau Hội nghị, Nguyễn Ái Quốc đã gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp – Nhật. Người viết : "Trong lúc quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy, chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa bỏng".

Sau khi Mặt trận Việt Minh ra đời (5–1941), lực lượng cách mạng phát triển, nhiều cuộc khởi nghĩa vũ trang diễn ra.

Tháng 5–1944, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị "Sửa soạn khởi nghĩa".

Tháng 8–1944, Đảng kêu gọi "Sắm vũ khí đuổi thù chung".

Hồ Chí Minh ra chỉ thị thành lập đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân (22–12–1944) do Võ Nguyên Giáp tổ chức.

Tình hình thời cuộc diễn ra rất khẩn trương, như lời dự đoán của Hồ Chí Minh : "Phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt. Các Đồng minh quốc sắp tranh được sự thắng lợi cuối cùng. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh".

Nhật đảo chính Pháp, Trung ương Đảng đã ra bản chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" (12–3–1945) ; đồng thời nhận định : Cuộc đảo chính đã tạo nên sự khủng hoảng chính trị sâu sắc, làm cho những điều kiện của cuộc khởi nghĩa nhanh chóng chín muồi. Kẻ thù chính, cụ thể trước mắt của nhân dân Đông Dương lúc này là phát xít Nhật. Khẩu hiệu "Đánh đuổi Pháp – Nhật " được thay bằng khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Nhật", phát động cao trào "Kháng Nhật cứu nước".

Ngày 14–8–1945, Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) quyết định phát động Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc giành lấy chính quyền trước khi quân Đồng minh vào và đề ra đường lối đối nội, đối ngoại sau khi Tổng khởi nghĩa thắng lợi.

Đại hội quốc dân Tân Trào họp ngày 16–8–1945 bầu ra Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam – tức Chính phủ lâm thời, do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước : "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên ! Tiến lên ! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên".

Ngày 19–8, khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội.

Ngày 25–8, khởi nghĩa thắng lợi ở Sài Gòn và một số tỉnh thành phố khác. Đến ngày 28–8, khởi nghĩa thắng lợi trong toàn quốc.

Theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam được cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước VNDCCH.

Ngày 2–9–1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, tuyên bố trước quốc dân và thế giới nước VNDCCH thành lập. Người nêu rõ : "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".

Chủ tịch Hồ Chí Minh có một vai trò rất to lớn trong việc chỉ đạo chiến lược thời kì chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám và thành lập nước VNDCCH. Khi thời cơ sắp đến, Người cùng với BCHTƯ Đảng triệu tập Hội nghị Trung ương tháng
5–1941. Hội nghị này, Người đã hoàn chỉnh chủ trương của Đảng đã đề ra tại Hội nghị Trung ương tháng 11–1939. Đây là đường lối đúng đắn có tính chất quyết định trong việc vận động toàn Đảng, toàn dân chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám.

Người đã phán đoán một cách chính xác tình hình diễn biến của cách mạng nước ta giai đoạn 1941 – 1945, chỉ đạo chiến lược cách mạng đúng đắn và sáng tạo, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, đưa nhiệm vụ chống đế quốc và tay sai lên hàng đầu, nhằm tập trung mọi lực lượng để thực hiện cho kì được việc giành chính quyền về tay nhân dân lao động.

Hồ Chí Minh đã đánh giá đúng vị trí và thái độ chính trị của các giai cấp và tầng lớp nhân dân nên đã tập hợp rộng rãi mọi lực lượng yêu nước tiến bộ trong mặt trận Việt Minh, cô lập cao độ kẻ thù chủ yếu và tiến lên đánh đổ chúng.

Người đã nắm vững và vận dụng sáng tạo các quan điểm bạo lực cách mạng và khởi nghĩa vũ trang, kết hợp xây dựng lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, kết hợp phong trào nông thôn với đô thị, đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa, bắt mạch thời cuộc, chớp lấy thời cơ thuận lợi, giành chính quyền trong cả nước, lập nên nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà, mở ra một trang sử mới cho dân tộc.

Câu 3. ***Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945 :***

Nguyên nhân thắng lợi

– Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, đã từng trải qua nhiều cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất cho độc lập, tự do. Vì vậy, khi Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh phất cao ngọn cờ cứu nước thì toàn dân đã nhiệt tình ủng hộ, đứng lên cứu nước, cứu nhà.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã đề ra đường lối cách mạng đúng đắn dựa trên cơ sở lí luận Mác – Lênin được vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta.

– Để có được thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, Đảng ta đã có quá trình chuẩn bị trong suốt 15 năm (từ năm 1930), đã đúc rút được những bài học kinh nghiệm qua các phong trào cách mạng 1930 – 1931, 1932 – 1935, 1936 – 1939 và 1939 – 1945.

– Toàn Đảng, toàn dân đoàn kết, nhất trí, không sợ hi sinh gian khổ, quyết tâm chiến đấu giành độc lập, tự do. Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh đã linh hoạt, sáng tạo trong chỉ đạo khởi nghĩa, chớp thời cơ phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền.

– Chiến thắng của Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống phát xít đã cổ vũ tinh thần, củng cố niềm tin cho nhân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, tạo thời cơ để nhân dân ta đứng lên tổng khởi nghĩa.

Ý nghĩa lịch sử

Cách mạng tháng Tám là một sự kiện vĩ đại, mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Nó đã phá tan hai xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp hơn 80 năm và ách thống trị của phát xít Nhật gần 5 năm, lật nhào ngai vàng phong kiến ngự trị gần chục thế kỉ ở nước ta, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà – nhà nước do nhân dân lao động làm chủ.

– Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam, mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc : kỉ nguyên độc lập, tự do, kỉ nguyên nhân dân lao động nắm quyền làm chủ đất nước, kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội...

– Từ đây Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành một Đảng cầm quyền, chuẩn bị những điều kiện tiên quyết cho những thắng lợi tiếp theo.

– Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai..., cổ vũ các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng.

ĐỀ SỐ 19

Câu 1. *(3 điểm)*
Những nhân tố thúc đẩy kinh tế Mĩ phát triển nhanh trong giai đoạn 1945 – 1973.

Câu 2. *(3 điểm)*
Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng ta đã vận dụng những bài học kinh nghiệm gì từ trong phong trào cách mạng 1930 – 1931 và phong trào dân chủ 1936 – 1939 ?

Câu 3. *(2 điểm)*
Tại sao Trung Hoa Dân quốc và Pháp thoả hiệp với nhau trong âm mưu xâm lược nước ta.

Câu 4. *(2 điểm)*

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Đảng và Chính phủ ta đã có biện pháp gì để phá tan âm mưu của chúng ?

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Những nhân tố thúc đẩy kinh tế Mĩ phát triển nhanh trong giai đoạn 1945 – 1973 :***

Mĩ là nước thắng trận, lợi nhuận thu được nhiều, lại không bị chiến tranh tàn phá. Nhờ đó, những năm đầu sau chiến tranh, kinh tế Mĩ phát triển mạnh mẽ, trở thành trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới.

Sở dĩ kinh tế Mĩ có được sự phát triển và sức mạnh to lớn như vậy là do những yếu tố sau :

1. Lãnh thổ Mĩ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn nhân lực dồi dào, trình độ kĩ thuật cao, năng động, sáng tạo ;

2. Mĩ lợi dụng chiến tranh để làm giàu : thu lợi nhuận từ việc buôn bán vũ khí ;

3. Mĩ đã áp dụng thành công những thành tựu của các cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại để nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, điều chỉnh hợp lí cơ cấu sản xuất ;

4. Các tổ hợp công nghiệp – quân sự, các công ti, tập đoàn tư bản lũng đoạn Mĩ có sức sản xuất, cạnh tranh lớn và có hiệu quả ở cả trong và ngoài nước ;

5. Các chính sách và biện pháp điều tiết của Nhà nước đóng vai trò quan trọng thúc đẩy kinh tế Mĩ phát triển.

Câu 2. ***Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng ta đã vận dụng những bài học kinh nghiệm...***

Những bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930 – 1931 được Đảng ta phát huy.

Công tác tư tưởng được Đảng coi trọng. Đường lối cách mạng đúng đắn, sát với thực tiễn cách mạng đất nước sẽ dẫn dắt phong trào đi đúng hướng, tránh được tả khuynh và hữu khuynh. Đường lối đó phải được quán triệt trong toàn Đảng, toàn dân, phải thông suốt về tư tưởng.

Từ kinh nghiệm đó, công tác tư tưởng được đẩy mạnh trong phong trào Việt Minh. Khi thời cơ Tổng khởi nghĩa đến, Trung ương Đảng quyết định Tổng khởi nghĩa. Quyết định của Trung ương được quán triệt trong Hội nghị toàn quốc của Đảng ngày 14 và 15–8–1845. Đại hội Quốc dân ở Tân Trào ngày 16 và 17–8–1945 nhằm thực hiện tinh thần nêu trên.

Bài học về xây dựng khối liên minh công nông và Mặt trận dân tộc thống nhất thời kì 1930 – 1931 đã được Đảng ta phát huy trong Cách mạng tháng Tám. Công –
nông đã trở thành động lực trong khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Bài học về tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh : Những kinh nghiệm tổ chức bãi công của công nhân, biểu tình của nông dân thời kì 1930 – 1931, Đảng ta đã phát huy trong thời kì khởi nghĩa từng phần và Tổng khởi nghĩa. Lực lượng chính trị và đấu tranh chính trị trong Cách mạng tháng Tám là lực lượng cơ bản đưa cách mạng đến thành công.

Kinh nghiệm của phong trào dân chủ 1936 – 1939

Xây dựng mặt trận thống nhất rộng rãi trong Mặt trận Dân chủ Đông Dương được Đảng ta phát huy trong việc thành lập Mặt trận Việt Minh. Đây là một tổ chức chính trị, quần chúng rộng rãi nhất, bao gồm các giai cấp,

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

tầng lớp, các đảng phái chính trị, các tôn giáo và các cá nhân yêu nước. Đó là một tổ chức chặt chẽ từ Trung ương đến địa phương và hoạt động có hiệu quả to lớn.

Kinh nghiệm về tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai được Đảng ta vận dụng trong những ngày Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Đảng ta đã huy động, tổ chức quần chúng công nông ở thành thị và nông thôn tiến hành biểu tình thị uy, giành chính quyền. Chỉ ở những nơi nào kẻ địch dùng vũ lực chống lại, Đảng ta mới dùng hình thức đấu tranh vũ trang.

Về vấn đề dân tộc, qua phong trào dân chủ 1936 – 1939, vấn đề dân tộc thời kì 1939 – 1945 được đưa lên hàng đầu. Hình thức mặt trận đã được thành lập riêng cho Việt Nam để phát huy cao nhất tinh thần dân tộc của quần chúng nhân dân.

Câu 3. ***Trung Hoa Dân quốc và Pháp thoả hiệp với nhau trong âm mưu xâm lược nước ta...***

Bọn tay sai của Trung Hoa Dân quốc ở nước ta không có cơ sở chính trị, xã hội trong nước, lại đã lộ bộ mặt phản dân, hại nước, không có khả năng thực hiện âm mưu bành trướng của chúng. Thêm vào đó, chúng cũng thấy rằng chúng không thể nào bóp chết được lực lượng cách mạng của Việt Nam và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

– Về phía Pháp : Sau một thời gian dài xâm lược miền Nam đã không mang lại được kết quả như ý muốn theo chiến lược đánh nhanh thắng nhanh. Với lực lượng hiện có, quân Pháp khó có thể mở rộng chiến tranh để đánh ra miền Bắc.

Trước tình hình đó, Pháp và Chính phủ Trung Hoa Dân quốc đã dàn xếp với nhau và ngày 28–2–1946, Hiệp ước Hoa – Pháp được kí kết. Theo Hiệp ước, Pháp nhường cho Trung Hoa Dân quốc một số quyền lợi về kinh tế, chính trị (Pháp trả lại cho Trung Hoa Dân quốc các tô giới của Pháp trên đất Trung Quốc, và đường xe lửa Côn Minh – Hồ Kiều, nhường cho Trung Hoa Dân quốc được vận chuyển hàng hoá qua cảng Hải Phòng vào Vân Nam không phải đóng thuế).

+ Đổi lại, quân đội Pháp vào thay thế quân Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật ở phía Bắc.

Hiệp ước Hoa – Pháp buộc Chính phủ và nhân dân Việt Nam phải chọn một trong hai giải pháp : hoặc là cầm vũ khí chống thực dân Pháp không cho chúng đổ bộ lên miền Bắc ; như vậy chắc chắn cùng một lúc ta phải đối phó với hai kẻ thù ; hai là tạm hoà hoãn với Pháp để đẩy nhanh 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc về nước, đồng thời tranh thủ thời gian để chuẩn bị lực lượng đối phó với âm mưu xâm lược của thực dân Pháp.

Câu 4. ***Những giải pháp của Đảng và Chính phủ ta nhằm phá tan âm mưu của Trung Hoa Dân quốc và Pháp :***

Trên cơ sở phân tích một cách khách quan, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch
Hồ Chí Minh đã chọn giải pháp kí bản Hiệp định sơ bộ với nội dung sau :

– Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do nằm trong khối Liên hiệp Pháp, có chính phủ riêng, quân đội riêng...

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Chính phủ Việt Nam đồng ý để cho 15.000 quân Pháp được vào miền Bắc thay chân quân Trung Hoa Dân quốc. Mỗi năm sẽ rút 1/5 số quân về Pháp và sau
5 năm rút hết.

– Hai bên ngừng xung đột và giữ nguyên vị trí đóng quân để đi đến bàn về các vấn đề ngoại giao của Việt Nam, chế độ tương lai của Đông Dương và những quyền lợi kinh tế và văn hoá của Pháp ở Việt Nam.

Hội nghị đàm phán chính thức của hai phái đoàn chính phủ tại Phôngtennơblô kéo dài 2 tháng vẫn không mang lại kết quả do Pháp ngoan cố. Trong khi đó quân Pháp ở nước ta tăng cường hoạt động khiêu khích. Để tranh thủ thêm thời gian hoà hoãn, Hồ Chí Minh đã kí với Chính phủ Pháp Tạm ước 14–9, nhân nhượng thêm một số quyền lợi kinh tế và văn hoá cho Pháp ở Việt Nam.

– Chủ trương nhân nhượng với Pháp là rất sáng suốt. Nhờ chủ trương đó, ta đã loại trừ được một kẻ thù nguy hiểm do Mĩ điều khiển là quân Trung Hoa Dân quốc và tay sai, tranh thủ được thời gian quý báu để chuẩn bị lực lượng cho một cuộc chiến đấu lâu dài mà ta biết là không thể nào tránh khỏi.

Đứng trước tình thế hiểm nghèo trong năm đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hết sức bình tĩnh khôn khéo để đưa con thuyền cách mạng Việt Nam lướt qua thác ghềnh nguy hiểm.

Đối sách của Đảng và Chính phủ ta là sự nhân nhượng có nguyên tắc, thể hiện nguyện vọng hoà bình của dân tộc ta, tránh cho nước Việt Nam mới một cuộc chiến tranh quá sớm, tạo điều kiện chuẩn bị lực lượng để đi vào kháng chiến.

ĐỀ SỐ 20

Câu 1. *(3 điểm)*
Những nét chính trong quan hệ đối ngoại của Mĩ giai đoạn 1973 – 1991.

Câu 2. *(3,5 điểm)*
Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 có những thuận lợi và khó khăn gì ?

Câu 3. *(3,5 điểm)*
Anh hay chị hãy trình bày nội dung Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến
(19–12–1946) của Chủ tịch Hồ Chí Minh và bản Chị thị toàn dân kháng chiến (22–12–1946) của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Những nét chính trong quan hệ đối ngoại của Mĩ giai đoạn 1973 – 1991 :***
Sau thất bại ở Việt Nam, chính quyền Mĩ vẫn tiếp tục thực hiện "chiến lược toàn cầu", tăng cường chạy đua vũ trang, tiến hành "Chiến tranh lạnh" đối với Liên Xô. Sự đối đầu Xô – Mĩ chưa giúp Mĩ thoả mãn tham vọng bá chủ thế giới mà còn làm suy giảm vị trí kinh tế, chính trị của Mĩ, trong khi Tây Âu, Nhật Bản lại đang vươn lên mạnh mẽ, cạnh tranh quyết liệt với Mĩ. Mĩ tăng cường chạy đua vũ trang can thiệp vào các công việc quốc tế ở hầu hết các địa bàn chiếm lược và điểm nóng trên thế giới.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Từ giữa những năm 80, xu thế đối thoại, hoà hoãn ngày càng chiếm ưu thế trên thế giới : Các tổng thống Mĩ đã chuyển từ "đối đầu trực tiếp" (thời Rigân) sang hoà hoãn với Liên Xô, Trung Quốc, kí các hiệp ước hợp tác với Liên Xô, bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc. Trong bối cảnh đó, tháng 12–1989 Mĩ và Liên Xô đã chính thức tuyên bố chấm dứt "Chiến tranh lạnh". Tình hình thế giới bớt căng thẳng, nhiều cuộc xung đột trên thế giới được giải quyết theo xu hướng hoà dịu. Cùng với điều đó, Mĩ và các nước phương Tây cũng ra sức tác động vào quá trình khủng hoảng, dẫn đến sự tan rã của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu và Liên Xô (1989 – 1991). Mĩ cũng giành được thắng lợi trong cuộc chiến tranh chống Irắc (1990 – 1991).

Câu 2. ***Những thuận lợi và khó khăn của nước ta sau Cách mạng tháng Tám :***

Thuận lợi : Thuận lợi của chúng ta lúc bấy giờ là căn bản.

– Nhân dân ta đã giành quyền làm chủ, bước đầu được hưởng quyền lợi do chính quyền cách mạng đưa lại nên rất phấn khởi, gắn bó với chế độ.

– Cách mạng nước ta có Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng suốt lãnh đạo.

– Trên thế giới, hệ thống XHCN đang hình thành, phong trào giải phóng dân tộc dâng cao ở nhiều nước thuộc địa và phụ thuộc, phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ phát triển ở nhiều nước tư bản.

Khó khăn : Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vừa ra đời đã phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, thử thách.

– Quân đội các nước Đồng minh dưới danh nghĩa giải giáp quân Nhật đã lũ lượt kéo vào nước ta :

+ Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, gần 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc kéo vào đóng ở Hà Nội và hầu hết các tỉnh. Theo sau chúng là bọn tay sai phản động của tổ chức Việt Quốc, Việt Cách về nước hòng cướp chính quyền của ta.

+ Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam, quân Anh tạo điều kiện cho thực dân Pháp trở lại xâm lược. Lợi dụng tình hình đó, bọn phản động trong nước ngóc đầu dậy làm tay sai cho Pháp chống phá cách mạng.

+ Chính quyền cách mạng vừa mới thành lập, chưa được củng cố, lực lượng vũ trang còn non yếu. Nền kinh tế nông nghiệp nước ta vốn đã lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, hậu quả của nạn đói cuối năm 1944 – đầu năm 1945 chưa khắc phục được. Tiếp đó là nạn lũ lụt, hạn hán liên tiếp xảy ra khiến cho ruộng đất không canh tác được. Nhiều xí nghiệp còn nằm trong tay tư bản Pháp. Các cơ sở công nghiệp của ta chưa kịp phục hồi sản xuất. Hàng hoá khan hiếm, giá cả tăng vọt, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn.

– Ngân sách Nhà nước trống rỗng. Chính quyền cách mạng chưa quản lí được ngân hàng Đông Dương. Trong khi đó, quân Trung Hoa Dân quốc lại tung ra thị trường các loại tiền Trung Quốc đã mất giá làm cho nền tài chính nước ta thêm rối loạn.

– Tàn dư văn hoá lạc hậu do chế độ thực dân phong kiến để lại còn hết sức nặng nề, hơn 90% số dân không biết chữ.

Tất cả những khó khăn trên đặt đất nước ta vào tình trạng hết sức hiểm nghèo như "ngàn cân treo sợi tóc", trong đó nguy hiểm nhất là những khó khăn do kẻ thù của cách mạng gây ra nhằm thủ tiêu thành quả của Cách mạng tháng Tám.

Câu 3. ***Nội dung Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (19–12–1946) của Chủ tịch Hồ Chí Minh và bản Chị thị toàn dân kháng chiến (22–12–1946)...***

Trước hành động phản bội của thực dân Pháp, ngay trong đêm 19–12–1946,
Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi cả nước kháng chiến. Sáng ngày 20–12–1946, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* được truyền đi khắp cả nước. Nội dung cơ bản của Lời kêu gọi là :

– Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa. Không ! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Bất kì đàn ông, đàn bà, già, trẻ, không phân chia tôn giáo, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp bằng bất cứ thứ vũ khí gì có sẵn trong tay để đánh đế quốc, cứu đất nước.

– Ta phải hi sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước.

Tóm lại *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* đã nêu lên một cách khái quát mục tiêu cơ bản của cuộc kháng chiến, tư tưởng quyết chiến, quyết thắng của dân tộc Việt Nam và quan điểm chiến tranh nhân dân toàn dân đánh giặc.

Ngày 22–12–1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra bản *Chỉ thị toàn dân kháng chiến*, nêu lên một cách toàn diện những tư tưởng và đường lối, phương châm chiến lược của cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chí Minh và *Chỉ thị toàn dân kháng chiến* của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của Trường Chinh là những văn kiện lịch sử quan trọng vạch ra mục đích, tính chất, nội dung, triển vọng tất thắng của cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

Với đường lối đó, quân và dân ta đã có được vũ khí sắc bén, có được niềm tin vững chắc để chống lại cuộc xâm lược của thực dân Pháp, đưa cuộc kháng chiến của dân tộc đi đến thắng lợi hoàn toàn.

ĐỀ SỐ 21

Câu 1. *(2 điểm)*
Mục tiêu cơ bản của chiến lược "Cam kết và mở rộng" dưới thời Tổng thống Mĩ B. Clintơn là gì ?

Câu 2. *(3 điểm)*
Những kết quả đạt được trong năm đầu xây dựng chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn của nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Câu 3. *(2 điểm)*
Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng và Chính phủ cách mạng đã thực hiện chủ trương, sách lược như thế nào đối với quân Trung Hoa Dân quốc và bọn phản cách mạng ở phía Bắc Việt Nam.

Câu 4. *(3 điểm)*
Hiệp định sơ bộ Việt – Pháp ngày 6–3–1946 được kí kết trong hoàn cảnh như thế nào ? Nêu nội dung, ý nghĩa của Hiệp định.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Mục tiêu cơ bản của chiến lược "Cam kết và mở rộng" dưới thời Tổng thống Mĩ B. Clintơn :***
Đầu thập kỉ 90 thế kỉ XX, sau khi Liên Xô tan rã (12–1991), "trật tự hai cực" không còn nữa, tình hình thế giới có nhiều thay đổi. Tổng thống B. Clintơn đã đề ra chiến lược "Cam kết và mở rộng" với 3 trụ cột chính là :

1. Bảo đảm an ninh nước Mĩ với một lực lượng quân sự mạnh và sẵn sàng chiến đấu cao nhất.

2. Khôi phục và phát triển tính năng động và sức mạnh nền kinh tế Mĩ.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

3. Sử dụng khẩu hiệu "dân chủ" như một công cụ để can thiệp vào các nước khác, loại bỏ các chế độ chính trị đối lập với Mĩ, buộc các nước phải tuân thủ các "giá trị kiểu Mĩ".

Thực chất, chiến lược "Cam kết và mở rộng" vẫn là sự tiếp tục triển khai "chiến lược toàn cầu" trong bối cảnh lịch sử mới. Mĩ vẫn lãnh đạo và chi phối khối quân sự NATO, duy trì các căn cứ quân sự, quân đội ở Nhật Bản, Hàn Quốc và nhiều nơi khác trên thế giới.

Câu 2. ***Những kết quả đạt được trong năm đầu xây dựng chính quyền cách mạng...***

– *Xây dựng chính quyền cách mạng* : Chỉ một tuần sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, Chính phủ lâm thời công bố lệnh tổng tuyển cử trong cả nước.

Ngày 6–1–1946, vượt qua sự chống phá của kẻ thù, hơn 90% cử tri trong cả nước đi bỏ phiếu, bầu Quốc hội, tượng trưng cho khối đoàn kết toàn dân tộc. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, nhân dân ta được thực hiện quyền công dân, bầu những đại biểu của mình vào cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước.

Sau cuộc bầu cử Quốc hội, các nơi ở Bắc Bộ và Trung Bộ tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp (tỉnh, xã) theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu. Uỷ ban hành chính các cấp được thành lập. Bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân được củng cố và kiện toàn.

Tại cuộc họp đầu tiên, Quốc hội đã thông qua bản *Hiến pháp* đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vào ngày 9–11–1946.

Lực lượng vũ trang được chú trọng xây dựng. Ngày 22–5–1946, Vệ quốc đoàn được đổi tên thành *Quân đội Quốc gia Việt Nam*. Cuối năm 1945, lực lượng dân quân tự vệ trong khắp cả nước đã tăng lên hàng chục vạn người.

– *Giải quyết nạn đói* : Chính phủ đề ra nhiều biện pháp cấp thời như tổ chức quyên góp, điều hoà thóc gạo giữa các địa phương trong cả nước. Nhân dân cả nước hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh lập "Hũ gạo cứu đói", tổ chức "Ngày đồng tâm"...

Nhân dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất, coi đây là biện pháp hàng đầu có tính chất lâu dài để giải quyết nạn đói.

Chính quyền cách mạng ra lệnh bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lí khác của chế độ cũ, giảm tô 25%, giảm thuế ruộng đất 20%, tạm cấp ruộng đất bỏ hoang cho nông dân thiếu ruộng, chia lại ruộng đất theo nguyên tắc công bằng, dân chủ.

Nhờ những biện pháp tích cực trên, sản xuất nông nghiệp nhanh chóng được phục hồi, nạn đói từng bước được đẩy lùi.

– *Giải quyết nạn dốt* : Ngày 8–9–1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ và kêu gọi toàn dân tham gia phong trào xoá nạn mù chữ. Chỉ trong vòng một năm, từ tháng 9–1945 đến tháng 9–1946, toàn quốc đã xoá nạn mù chữ cho hơn 2,5 triệu người. Trường học các cấp phổ thông sớm được khai giảng nhằm đào tạo những công dân và cán bộ trung thành, có năng lực phụng sự Tổ quốc. Nội dung và phương pháp giáo dục bước đầu đổi mới theo tinh thần dân tộc, dân chủ.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– *Giải quyết khó khăn về tài chính* : Chính phủ kêu gọi nhân dân đóng góp vào việc xây dựng "Quỹ độc lập", phong trào "Tuần lễ vàng". Chỉ một thời gian ngắn đã thu được 370 kg vàng và 20 triệu đồng. Quốc hội còn quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước.

Câu 3. ***Những chủ trương, sách lược của Đảng và Chính phủ cách mạng đối với quân Trung Hoa Dân quốc và bọn phản cách mạng ở phía Bắc...***

– Với danh nghĩa quân Đồng minh vào miền Bắc nước ta làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật, 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc cùng bọn tay sai Việt Quốc và Việt Cách đã chống phá cách mạng nước ta từ bên trong.

– Trong hoàn cảnh phải đối phó với cuộc xâm lược trở lại của thực dân Pháp ở Nam Bộ, sự uy hiếp của quân Trung Hoa Dân quốc ở Bắc Bộ nhằm lật đổ chính quyền cách mạng, Đảng và Chính phủ đã chủ trương tránh trường hợp một mình phải đối phó với nhiều kẻ thù cùng một lúc, từ đó chủ trương tạm hoà hoãn, tránh xung đột với quân Trung Hoa Dân quốc.

– Sách lược của Đảng : Nhằm hạn chế sự phá hoại của quân Trung Hoa Dân quốc và tay sai, tại kì họp của Quốc hội khoá I (2–3–1946), ta đồng ý nhường cho tay sai 70 ghế trong Quốc hội cùng 4 ghế trong Chính phủ liên hiệp, cho Nguyễn Hải Thần (lãnh tụ Việt Cách) giữ chức Phó Chủ tịch nước, cho Trung Hoa Dân quốc một số quyền lợi về kinh tế như cung cấp lương thực, thực phẩm, phương tiện giao thông vận tải, nhận tiêu tiền Trung Quốc đã mất giá.

– Đối với các tổ chức phản cách mạng, tay sai của quân Trung Hoa Dân quốc, chính quyền cách mạng kiên quyết vạch trần âm mưu và những hành động chia rẽ, phá hoại của chúng. Những kẻ phá hoại nếu có đủ bằng chứng thì kiên quyết trừng trị theo pháp luật. Chính phủ còn ban hành một số sắc lệnh nhằm trấn áp bọn phản cách mạng.

Câu 4. ***Hoàn cảnh kí kết Hiệp định sơ bộ Việt – Pháp ngày 6–3–1946. Nội dung và ý nghĩa của Hiệp định :***

– *Hoàn cảnh* : Pháp kí với Trung Hoa Dân quốc bản Hiệp ước Hoa – Pháp (28–2–1946) với nội dung : quân Pháp ra Bắc thay quân Trung Hoa Dân quốc rút về nước. Trong tình hình đó, nếu ta đánh Pháp ở miền Bắc khi quân Trung Hoa Dân quốc chưa rút thì chúng sẽ câu kết với Pháp đánh lại ta. Nhưng hoà hoãn với Pháp thì tránh được cuộc chiến đấu bất lợi và thực hiện được việc đuổi quân Trung Hoa Dân quốc ra khỏi nước ta. Vì vậy, ngày 3–3–1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ tọa, chọn giải pháp "hoà để tiến".

Ngày 6–3–1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí với đại diện Chính phủ Pháp bản *Hiệp định sơ bộ* tại Hà Nội.

– *Nội dung Hiệp định* :

+ Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do, có Chính phủ riêng, nghị viện riêng, quân đội riêng, tài chính riêng và là thành viên của Liên bang Đông Dương, nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

+ Chính phủ Việt Nam thoả thuận cho 15000 quân Pháp ra Bắc thay quân Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật. Số quân này sẽ đóng tại những địa điểm quy định và rút dần trong thời hạn 5 năm.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

+ Hai bên ngừng mọi xung đột ở phía Nam và giữ nguyên quân đội của mình tại vị trí cũ, tạo không khí thuận lợi đi đến cuộc đàm phán chính thức bàn về các vấn đề ngoại giao của Việt Nam, chế độ tương lai của Đông Dương, quyền lợi kinh tế, văn hoá của người Pháp ở Việt Nam.

– *Ý nghĩa của việc kí kết Hiệp định Sơ bộ* :

Ta tránh được cuộc chiến đấu bất lợi vì phải chống lại nhiều kẻ thù cùng một lúc, đẩy được 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc cùng bọn tay sai khỏi nước ta, có thêm thời gian hoà bình quý báu để củng cố chính quyền cách mạng, chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho cuộc kháng chiến chống Pháp lâu dài.

ĐỀ SỐ 22

Câu 1. *(3 điểm)*
Nêu những nét chính trong chính sách đối ngoại của Mĩ từ năm 1945 đến năm 2000.

Câu 2. *(2điểm)*
Đảng và Chính phủ cách mạng đã thực hiện chủ trương, sách lược nào đối với Pháp trong thời gian trước ngày 6–3 và từ ngày 6–3–1946 ?

Câu 3.*(2 điểm)*
Vì sao cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ ngày 19–12–1946 ?

Câu 4. *(3 điểm)*
Phân tích nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Chính sách đối ngoại của Mĩ từ năm 1945 đến năm 2000.***
– Giai đoạn 1945 – 1973 : Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ triển khai "chiến lược toàn cầu" với tham vọng làm bá chủ thế giới. Chiến lược toàn cầu được thực hiện và điều chỉnh qua nhiều chiến lược cụ thể, dưới những tên gọi khác nhau, nhằm 3 mục tiêu quan trọng :

Một là, ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới tiêu diệt hoàn toàn các nước XHCN.

Hai là, đàn áp, đẩy lùi phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân, phong trào hoà bình dân chủ, tiến bộ thế giới.

Ba là, khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh (nhất là các nước tư bản phát triển Tây Âu, Nhật Bản).

Để thực hiện chính sách đối ngoại đó, Mĩ chủ yếu dựa vào sức mạnh, trước hết là sức mạnh quân sự và kinh tế, như gây ra cuộc Chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang, thành lập các khối quân sự (NATO, SEATO, CENTO, ANZUS,...), xây dựng hàng nghìn căn cứ quân sự ở nhiều nơi trên thế giới, tiến hành hàng chục cuộc chiến tranh cục bộ, gây bạo loạn lật đổ, bao vây cấm vận kinh tế, tiến hành chiến tranh tâm lí, diễn biến hoà bình... tiêu biểu là tiến hành chiến tranh xâm lược
Việt Nam (1954 – 1975), dính líu vào các cuộc chiến tranh ở Trung Đông.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Giai đoạn 1973 – 1991 : Sau thất bại ở Việt Nam, chính quyền Mĩ vẫn tiếp tục thực hiện "chiến lược toàn cầu", tăng cường chạy đua vũ trang, đối đầu với Liên Xô. Chính vì vậy, tiềm lực và vị trí kinh tế của Mĩ bị suy giảm mạnh trên thế giới. Từ giữa những năm 80, xu thế đối thoại, hoà hoãn ngày càng chiếm ưu thế trên thế giới. Các tổng thống Mĩ đã chuyển từ "đối đầu trực tiếp" (thời Rigân) sang hoà hoãn với Liên Xô, Trung Quốc, kí các hiệp ước hợp tác với Liên Xô, bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc (1979). Trong bối cảnh đó, tháng 12–1989,
Mĩ và Liên Xô đã tuyên bố chấm dứt "Chiến tranh lạnh". Tình hình thế giới bớt căng thẳng, nhiều cuộc xung đột trên thế giới được giải quyết theo xu hướng hoà dịu.

– Giai đoạn 1991 – 2000 : Sau khi trật tự hai cực Ianta tan rã (1991), Mĩ càng thể hiện tham vọng vươn lên chi phối, lãnh đạo thế giới, thông qua việc xúc tiến một trật tự thế giới "đơn cực" do Mĩ đứng đầu. Tuy nhiên, thế giới không chấp nhận một trật tự do Mĩ đơn phương sắp đặt và chi phối. Vụ khủng bố ngày 11–9–2001 cho thấy, bản thân nước Mĩ cũng rất dễ bị tổn thương và chủ nghĩa khủng bố sẽ là một trong những nhân tố dẫn đến sự thay đổi quan trọng trong chính sách đối nội và đối ngoại của Mĩ khi bước vào thế kỉ XXI.

Câu 2. ***Chủ trương, sách lược mà Đảng và Chính phủ cách mạng thực hiện...***

– Hiệp ước Hoa – Pháp kí ngày 28–2–1946 đã đặt nhân dân ta trước sự lựa chọn một trong hai con đường : hoặc cầm súng chiến đấu chống thực dân Pháp, không cho chúng đổ bộ lên miền Bắc ; hoặc hoà hoãn nhân nhượng Pháp để tránh tình trạng phải đối phó cùng một lúc với nhiều kẻ thù. Cuối cùng, Đảng và Chính phủ đã chọn sách lược hoà hoãn với Pháp bằng việc kí Hiệp định Sơ bộ.

– Sau khi kí Hiệp định sơ bộ ngày 6–3–1946, thực dân Pháp vẫn tiếp tục gây xung đột vũ trang ở Nam Bộ, lập Chính phủ Nam Kì tự trị, âm mưu tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam.

Do ta đấu tranh kiên quyết nên Pháp đồng ý tổ chức cuộc đàm phán giữa ta và Pháp ở Phôngtennơblô, nhưng do Pháp ngoan cố không chịu công nhận nền độc lập và thống nhất của nước ta nên cuộc đàm phán thất bại. Quân Pháp tăng cường khiêu khích nước ta nên quan hệ Việt – Pháp ngày càng căng thẳng, có nguy cơ nổ ra chiến tranh. Trước tình hình đó, ta phải kí với Pháp bản *Tạm ước* ngày 14–9–1946, tiếp tục nhân nhượng Pháp một số quyền lợi về kinh tế và văn hoá ở Việt Nam. Bản Tạm ước đã tạo điều kiện cho ta kéo dài thời gian hoà hoãn để xây dựng, củng cố lực lượng, chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp mà ta không thể tránh khỏi.

Câu 3. ***Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ ngày 19–12–1946 là vì :***

Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ ngày 6–3–1946 và Tạm ước ngày 14–9–1946, thực dân Pháp vẫn đẩy mạnh việc xâm lược nước ta một lần nữa, tìm cách phá hoại những điều đã cam kết : Tấn công các cơ quan cách mạng, vùng tự do của ta ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, đánh chiếm một số vị trí quan trọng ở Hải Phòng, nổ súng vào bộ đội ta ở Lạng Sơn, gây nhiều cuộc xung đột vũ trang, tàn sát đồng bào ta ở Hà Nội ; gửi *Tối hậu thư* đòi Chính phủ ta phải giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu để quân Pháp làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự ở Hà Nội. Nếu yêu cầu đó không được chấp nhận thì muộn nhất là vào sáng 20–12–1946, quân Pháp sẽ hành động.

Trước những hành động ngang ngược đó của quân Pháp, Trung ương Đảng đã quyết định phát động cả nước kháng chiến để bảo vệ nền độc lập của đất nước.

Tối 19–12–1946, công nhân Nhà máy điện Yên Phụ phá máy, cả thành phố mất điện, đó là tín hiệu tấn công, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*. Đó là tiếng gọi của non sông, đất nước, là mệnh lệnh tiến công kẻ thù, giục giã, soi đường chỉ lối cho mọi người dân Việt Nam đứng lên cứu nước.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Câu 4. ***Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng :***

Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng ta là toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

– Kháng chiến toàn dân là việc toàn dân tham gia chiến đấu, chủ yếu là lực lượng vũ trang ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích). Đường lối này xuất phát từ truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc ta, từ mục đích của cuộc kháng chiến, từ quan điểm "cách mạng là sự nghiệp của quần chúng" của chủ nghĩa Mác – Lênin, từ tư tưởng "Chiến tranh nhân dân" của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Muốn phát huy sức mạnh của toàn dân kháng chiến phải đánh lâu dài, muốn có lực lượng đánh lâu dài phải huy động lực lượng toàn dân.

– Kháng chiến toàn diện là cuộc kháng chiến diễn ra trên mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, ngoại giao, nhưng chủ yếu và quyết định là mặt trận quân sự. Vì thực dân Pháp không chỉ đánh ta về quân sự mà còn phá ta về kinh tế, văn hoá..., cho nên cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của ta không chỉ diễn ra trên mặt trận quân sự mà còn phải đánh bại mọi âm mưu phá hoại về kinh tế, chính trị, văn hoá... của chúng.

– Kháng chiến trường kì là cuộc kháng chiến lâu dài vì so sánh lực lượng lúc đầu giữa ta và địch còn chênh lệch, địch mạnh hơn ta về quân sự và kinh tế, ta chỉ hơn địch về tinh thần và có chính nghĩa. Do đó, ta phải chiến đấu lâu dài để có thời gian chuyển hoá lực lượng, làm cho địch yếu dần, ta càng đánh càng mạnh, đến một lúc nào đó ta mạnh hơn địch, tiến lên đánh bại địch.

– Tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế : Ta rất coi trọng những thuận lợi và sự giúp đỡ của bên ngoài, nhưng bao giờ cũng theo đúng phương châm kháng chiến của ta là tự lực cánh sinh, vì bất cứ cuộc chiến tranh nào cũng phải do sự nghiệp của bản thân quần chúng, sự giúp đỡ bên ngoài chỉ là điều kiện hỗ trợ thêm.

Đường lối kháng chiến trên nhằm phát huy sức mạnh toàn dân, toàn diện của dân tộc, khắc phục những nhược điểm của ta về vật chất, kĩ thuật, vừa đánh vừa bồi dưỡng sức dân, làm cho ta càng đánh càng mạnh để cuối cùng giành thắng lợi hoàn toàn. Đường lối kháng chiến của Đảng được hoàn chỉnh hơn trong quá trình kháng chiến, đặc biệt là tại Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (1951).

ĐỀ SỐ 22

Câu 1. *(3 điểm)*

Trình bày khái quát về tình hình chính trị ở Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 – 1950).

Câu 2. *(2 điểm)*

Cuộc chiến đấu của quân dân ta trong những tháng đầu kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp diễn ra như thế nào ?

Câu 3. *(2 điểm)*

Quân và dân ta đã làm gì để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài ?

Câu 4. *(3 điểm)*

Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947 đã diễn ra như thế nào ? Nêu kết quả và ý nghĩa của chiến dịch.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Tình hình chính trị ở Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai***

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Các nước Tây Âu về hình thức là những nước cộng hoà (Pháp, Đức, Italia) hoặc quân chủ lập hiến (Anh, Tây Ban Nha, Hà Lan...) nhưng đều theo chế độ dân chủ đại nghị, đại diện cho quyền lợi của giai cấp tư sản, liên minh chặt chẽ với
Mĩ trong các mục tiêu chống chủ nghĩa xã hội, chống phong trào giải phóng dân tộc và phong trào hoà bình dân chủ.

Ưu tiên hàng đầu của các nước Tây Âu sau chiến tranh là củng cố chính quyền của giai cấp tư sản, ổn định tình hình chính trị – xã hội, hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi nền kinh tế, liên minh chặt chẽ với Mĩ, đồng thời tìm cách trở lại các thuộc địa của mình.

Trong thời gian từ năm 1945 đến năm 1947, khi ảnh hưởng của các đảng cộng sản lên cao, giai cấp tư sản Pháp, Anh, Italia... đã tìm mọi cách loại bỏ những người cộng sản ra khỏi chính phủ.

Hầu hết các nước Tây Âu như Anh, Pháp, Italia, Bồ Đào Nha, Bỉ, Hà Lan... đã gia nhập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (khối quân sự NATO) do Mĩ đứng đầu. Pháp tiến hành xâm lược trở lại Đông Dương ; Anh trở lại Miến Điện, Mã Lai ; Hà Lan trở lại Inđônêxia... Cộng hoà Liên bang Đức thành lập tháng 9–1949 ở phía Tây nước Đức ; ở phía Đông nước Cộng hoà Dân chủ Đức thành lập đã trở thành một tâm điểm của sự đối đầu ở châu Âu giữa hai cực Liên Xô và Mĩ.

Như vậy, từ năm 1945 đến năm 1950, các nước tư bản Tây Âu với sự viện trợ của Mĩ đã cơ bản ổn định và phục hồi về mọi mặt, trở thành đối trọng với khối XHCN Đông Âu vừa mới hình thành.

Câu 2. ***Những nét chính về cuộc chiến đấu của quân dân ta trong những tháng đầu kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp :***

– *Cuộc chiến đấu ở Hà Nội* : Tối 19–12–1946, cuộc chiến đấu bắt đầu. Nhân dân đã khiêng bàn ghế, giường tủ... làm chướng ngại vật trên đường phố để chống giặc. Trung đoàn Thủ đô được thành lập, đánh địch ở Bắc Bộ Phủ, chợ Đồng Xuân, nhà bưu điện... Đến ngày 17–2–1947, quân ta rút khỏi vòng vây của địch ra căn cứ an toàn.

– Sau 60 ngày đêm, quân dân Hà Nội đã chiến đấu gần 200 trận, giết và làm bị thương hàng ngàn tên địch, phá huỷ hàng chục xe cơ giới, 5 máy bay, hoàn thành nhiệm vụ giam chân địch trong thành phố một thời gian để hậu phương kịp thời huy động lực lượng kháng chiến, di chuyển kho tàng, công xưởng về căn cứ, bảo vệ Trung ương Đảng và Chính phủ về căn cứ lãnh đạo kháng chiến.

– Quân dân ở các đô thị như Bắc Giang, Bắc Ninh, Nam Định, Vinh, Huế,
Đà Nẵng đã chủ động bao vây, tiến công địch, loại khỏi vòng chiến đấu một phần lực lượng quân Pháp.

– Quân dân ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ đẩy mạnh chiến tranh du kích, chặn đánh địch trên các tuyến giao thông, phá cơ sở hậu cần của địch như kho xăng, kho vũ khí ngay trong lòng địch, góp phần làm tiêu hao sinh lực địch.

Câu 3. ***Quân và dân ta đã chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài :***

– Các cơ quan Trung ương Đảng và Chính phủ, các cơ quan đoàn thể chuyển lên căn cứ địa Việt Bắc.

– Ngay trong 3 tháng đầu của cuộc kháng chiến, ta tiến hành di chuyển ba vạn tấn máy móc, thiết bị, vật liệu, hàng hoá đến căn cứ an toàn để tiếp tục sản xuất, phục vụ nhu cầu kháng chiến. Riêng ở Bắc Bộ, gần 2/3 số máy móc được chuyển lên căn cứ Việt Bắc.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Với khẩu hiệu "Vườn không nhà trống", "Tản cư là kháng chiến", "Phá hoại để kháng chiến"..., nhân dân các đô thị nhanh chóng tản cư ra các vùng hậu phương, tiến hành phá huỷ nhà cửa, đường sá, cầu cống..., không cho địch sử dụng, khẩn trương chuyển mọi hoạt động sang thời chiến.

– Đảng và Chính phủ khẩn trương tiến hành lãnh đạo và tổ chức nhân dân cả nước xây dựng lực lượng kháng chiến về mọi mặt (chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, giáo dục) để bước vào cuộc kháng chiến lâu dài.

+ *Về chính trị* : Các Uỷ ban hành chính chuyển thành Uỷ ban kháng chiến hành chính, thực hiện nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc ; mở rộng mặt trận, thành lập Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt).

+ *Về kinh tế* : Chính phủ đã đề ra các chính sách để duy trì và phát triển sản xuất, trước hết là sản xuất lương thực.

+ *Về quân sự* : Chính phủ quy định mọi người dân từ 18 đến 45 tuổi được tuyển chọn tham gia vào lực lượng chiến đấu.

+ *Về văn hoá – giáo dục* : Phong trào bình dân học vụ phát triển. Các trường học phổ thông vẫn tiếp tục học tập trong hoàn cảnh chiến tranh.

Câu 4. ***Diễn biến chính của Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947 :***

– Khi địch vừa tiến công Việt Bắc, Đảng đã có chỉ thị "Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp". Trên khắp các mặt trận, quân ta đã từng bước đẩy lùi cuộc tiến công của địch.

– Tại Chợ Mới, Chợ Đồn, Chợ Rã, Ngân Sơn, Bạch Thông (Bắc Kạn), quân ta đã chủ động bao vây, chia cắt, cô lập và tiến công địch ; buộc Pháp phải rút khỏi Chợ Đồn, Chợ Rã vào cuối tháng 11–1947.

– Ở mặt trận hướng đông : Quân ta phục kích chặn đánh địch trên Đường số 4 tại đèo Bông Lau (30–10–1947), đánh tan đoàn xe cơ giới của địch, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng của chúng.

– Ở mặt trận hướng tây : Quân dân ta phục kích đánh địch nhiều trận trên sông Lô ở đoạn Đoan Hùng, Khe Lau, đánh chìm nhiều tàu chiến của địch.

– *Kết quả* : Đại bộ phận quân Pháp rút chạy khỏi Việt Bắc sau hơn hai tháng giao tranh quyết liệt. Ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6 000 tên địch, bắn rơi 16 máy bay, bắn chìm 11 tàu chiến, ca nô, phá huỷ nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

– *Ý nghĩa* : Cơ quan đầu não kháng chiến được an toàn, bộ đội chủ lực của ta ngày càng trưởng thành.

Cuộc kháng chiến chống Pháp chuyển sang một giai đoạn mới. Sau thất bại ở Việt Bắc, Pháp phải thay đổi chiến lược chiến tranh từ "đánh nhanh, thắng nhanh" sang "đánh lâu dài", thực hiện chính sách "dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh".

ĐỀ SỐ 24

Câu 1. *(3 điểm)*

Hãy nêu những nhân tố thúc đẩy sự phát triển của các nước Tây Âu (1950 – 1973).

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Câu 2. *(2 điểm)*
Cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện của ta được đẩy mạnh như thế nào sau Chiến thắng Việt Bắc thu – đông năm 1947 ?

Câu 3. *(3 điểm)*
Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950 của ta được mở trong hoàn cảnh nào ? Nêu diễn biến, kết quả và ý nghĩa của chiến dịch.

Câu 4. *(2 điểm)*
Trình bày tính chất chính nghĩa và tính nhân dân của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của ta.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Những nhân tố thúc đẩy sự phát triển của các nước Tây Âu (1950 – 1973) :***

Các nước Tây Âu trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới. Các nước tư bản chủ yếu của Tây Âu đều có trình độ khoa học – kĩ thuật hiện đại.

Nguyên nhân phát triển nhanh chóng chủ yếu là do áp dụng các tiến bộ khoa học – kĩ thuật, sự điều hành có hiệu quả và các chính sách của Nhà nước, thu hút đầu tư nước ngoài và viện trợ của Mĩ, lao động, nhân công và giá nguyên vật liệu thấp nhập từ "thế giới thứ ba".

– Về chính trị – xã hội, một mặt các nước Tây Âu mở rộng các quyền dân chủ tư sản trong khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản, mặt khác tiến hành ngăn chặn, đẩy lùi phong trào bãi công, phong trào dân chủ của nhân dân. Ở Đức, chủ nghĩa phát xít mới hoạt động ráo riết. Nhìn chung đời sống chính trị Tây Âu đã diễn ra nhiều biến động như cuộc đấu tranh của 80 vạn sinh viên, học sinh, công nhân, viên chức Pari (5–1968), phong trào bãi công và sự thay đổi liên tục chính phủ ở Italia...

Trong chính sách đối ngoại, các nước Tây Âu hình thành hai khuynh hướng : một mặt liên minh chặt chẽ với Mĩ chống chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới (tiêu biểu là Anh, Tây Đức) ; mặt khác tìm cách độc lập với Mĩ, cải thiện quan hệ với Liên Xô và các nước XHCN, đi đầu là nước Pháp (thời kì Tổng thống Đờ Gôn). Năm 1972, hai nước Đức đã bình thường hoá quan hệ, sang năm 1973 gia nhập Liên hợp quốc.

Cũng trong giai đoạn này, các nước Tây Âu lần lượt chấm dứt sự chiếm đóng ở các thuộc địa.

Câu 2. ***Sau chiến thắng Việt Bắc thu – đông năm 1947, cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện của nước ta được đẩy mạnh về mọi mặt :***
– Để đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Pháp, Đảng và Chính phủ chủ trương củng cố chính quyền dân chủ nhân dân từ trung ương đến cơ sở, tăng cường lực lượng vũ trang nhân dân.

– *Trên mặt trận chính trị* : Đầu năm 1949, Chính phủ quyết định bầu cử Hội đồng nhân dân và Uỷ ban kháng chiến hành chính các cấp. Tháng 6–1949, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thống nhất thành *Mặt trận Liên Việt*.

– *Trên mặt trận quân sự* : Bộ đội chủ lực phân tán, đi sâu vào vùng sau lưng địch gây cơ sở kháng chiến, phát triển chiến tranh du kích.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– *Trên mặt trận kinh tế* : Chính phủ ra sắc lệnh giảm tô 25% (7–1949), hoãn nợ, xoá nợ (5–1950), chia lại ruộng công, tạm cấp ruộng đất vắng chủ, hoặc lấy ruộng đất từ tay đế quốc, phản động (7–1950) chia cho nông dân nghèo.

Công nghiệp và thủ công nghiệp phát triển theo quy mô nhỏ và phân tán, chú trọng công nghiệp địa phương và công nghiệp quốc phòng.

– *Trên mặt trận văn hoá – giáo dục* : Chính phủ đề ra chủ trương cải cách giáo dục phổ thông (7–1950) – thay hệ thống giáo dục cũ bằng hệ thống giáo dục mới – 9 năm. Các trường đại học và trung học chuyên nghiệp bắt đầu được xây dựng.

Câu 3. ***Hoàn cảnh mở Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950 của ta. Diễn biến, kết quả và ý nghĩa của chiến dịch :***

Hoàn cảnh mở Chiến dịch Biên giới :

+ Cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời.

+ Lời tuyên bố của Chủ tịch Hồ Chí Minh sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với các nước Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN khác lần lượt đặt quan hệ ngoại giao với nước ta.

+ Mĩ từng bước can thiệp sâu và dính líu trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương, Pháp thực hiện kế hoạch Rơve (tăng cường hệ thống phòng ngự trên Đường số 4, thiết lập "Hành lang Đông – Tây". Pháp chuẩn bị một kế hoạch quy mô lớn tiến công Việt Bắc lần thứ hai, mong giành thắng lợi, kết thúc chiến tranh.

+ Ta quyết định mở chiến dịch Biên giới vì : Pháp thực hiện kế hoạch Rơve đã làm cho khu vực tự do của ta bị thu hẹp lại, căn cứ địa Việt Bắc bị bao vây. Ta chủ động mở chiến dịch nhằm tiêu diệt sinh lực địch, mở đường liên lạc với Trung Quốc và thế giới, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

Diễn biến : Ngày 16–9–1950, ta đánh và chiếm được Đông Khê sau hai ngày chiến đấu, đẩy quân Pháp ở Thất Khê và Cao Bằng vào thế bị cô lập. Quân Pháp ở Cao Bằng phải rút lui theo Đường số 4. Pháp cho quân từ Thất Khê lên để chiếm lại Đông Khê và đón cánh quân từ Cao Bằng về. Quân ta mai phục, chặn đánh địch ở nhiều nơi, khiến hai cánh quân này không gặp được nhau. Thất Khê bị uy hiếp, quân Pháp phải rút về Na Sầm, sau đó rút khỏi Na Sầm về Lạng Sơn. Cánh quân địch hành quân lên Thái Nguyên cũng bị quân ta chặn đánh. Quân Pháp hỗn loạn, phải rút chạy. Ngày 22–10–1950, Đường số 4 được giải phóng.

– *Kết quả* : Sau hơn 1 tháng chiến đấu, chiến dịch Biên giới kết thúc thắng lợi. Ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8 000 địch, giải phóng một vùng biên giới rộng lớn từ Cao Bằng đến Đình Lập với 35 vạn dân, chọc thủng "Hành lang Đông – Tây" của Pháp. Kế hoạch Rơve bị phá vỡ.

– *Ý nghĩa* : Con đường liên lạc của ta với thế giới được khai thông ; quân đội ta trưởng thành, giành được thế chủ động trên chiến trường chính ở Bắc Bộ, mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

Câu 4. ***Tính chất chính nghĩa và tính nhân dân của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng ta :***

– *Tính chất chính nghĩa* : Trong *Tuyên ngôn Độc lập* do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc có câu : "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập". Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 – 1954) của nhân dân ta là cuộc đấu tranh của một quốc gia độc lập có chủ quyền chống lại sự xâm lược của thực dân, nên nó là cuộc chiến tranh chính nghĩa.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– *Tính chất nhân dân* : Trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh có câu : "Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc". Hưởng ứng lời kêu gọi thiêng liêng đó, toàn thể dân tộc Việt Nam đã đứng lên chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc và cuộc kháng chiến chống Pháp do toàn thể nhân dân Việt Nam tiến hành.

ĐỀ SỐ 25

Câu 1. *(3 điểm)*
Những thách thức đặt ra đối với các nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu về kinh tế – xã hội trong những năm 1973 – 1991 là gì ?

Câu 2. *(2 điểm)*
Hãy nêu hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2–1951).

Câu 3. *(2 điểm)*
Âm mưu và hành động của Pháp – Mĩ từ sau thất bại ở chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950 như thế nào ?

Câu 4. *(3 điểm)*
Từ sau chiến thắng Biên giới thu – đông 1950 đến trước đông – xuân 1953 – 1954, hậu phương kháng chiến đã phát triển như thế nào về chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế ?

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Những thách thức đặt ra đối với các nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu về kinh tế – xã hội trong những năm 1973 – 1991 là :***

Về kinh tế, do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới, cũng như Mĩ và Nhật Bản, từ năm 1973 nhiều nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu lâm vào tình trạng suy thoái, khủng hoảng, phát triển không ổn định, kéo dài đến đầu thập kỉ 90.

Từ năm 1973 đến năm 1992, mức tăng trưởng kinh tế của Pháp thực tế giảm xuống còn 2,4% đến 2,2% ; năm 1991, kinh tế Anh tăng trưởng âm 1,8%. Năm 1983, số người thất nghiệp ở Italia là 2,5 triệu người (chiếm hơn 10% lực lượng lao động) và ở Cộng hoà Liên bang Đức là 3 triệu người (1989).

Nền kinh tế các nước Tây Âu gặp không ít khó khăn và thách thức. Sự phát triển thường diễn ra xen kẽ với suy thoái, khủng hoảng, lạm phát và thất nghiệp. Tây Âu luôn vấp phải sự cạnh tranh quyết liệt từ phía Mĩ, Nhật Bản và các nước công nghiệp mới (NICs). Quá trình "nhất thể hoá" Tây Âu trong khuôn khổ Cộng đồng châu Âu (EC) vẫn còn nhiều trở ngại.

Về chính trị – xã hội, bên cạnh sự phát triển, nền dân chủ tư sản ở Tây Âu vẫn tiếp tục bộc lộ những mặt trái của nó. Tình trạng phân hoá giàu nghèo ngày càng lớn.

Ở Anh, tầng lớp giàu chiếm chưa đầy 1% dân số nhưng lại nắm trong tay gần 50% số tư bản. Ở Cộng hoà Liên bang Đức, nhóm các nhà tư bản giàu có chỉ chiếm 1,7% dân số, nhưng chiếm hữu tới 70% tư liệu sản xuất.

Các tệ nạn xã hội vẫn xảy ra, trong đó tội phạm mafia là rất điển hình ở Italia...

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Ở CHLB Đức, tinh thần bài ngoại, bài Do Thái và các tổ chức phát xít mới vẫn hoạt động. Vấn đề sắc tộc và tôn giáo nảy sinh phức tạp ở Anh.

Câu 2. ***Hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng :***

Hoàn cảnh tiến hành Đại hội Đảng lần thứ II

– Sau chiến thắng Biên giới 1950, cuộc kháng chiến của ta bước sang thời kì mới : ta giữ vững quyền chủ động trên chiến trường chính, Pháp được Mĩ giúp sức tiếp tục kéo dài chiến tranh, cố gắng giành lại quyền chủ động trên chiến trường, cách mạng và kháng chiến của ba nước trên bán đảo Đông Dương có bước phát triển mới khác nhau. Vì vậy Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng đã họp ở Chiêm Hoá (Tuyên Quang) từ ngày 11 đến 19–2–1951 để định ra đường lối, chủ trương cho phù hợp với tình hình mới.

Nội dung đại hội

– Đại hội thảo luận và thông qua báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày. Báo cáo tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của Đảng qua các chặng đường lịch sử ; phê phán những tư tưởng sai lầm đã nảy nở trong kháng chiến ; nêu rõ nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Việt Nam lúc này là "Tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn đế quốc Mĩ, giành độc lập, bảo vệ hoà bình thế giới".

– Đại hội thảo luận và thông qua báo cáo *Bàn về cách mạng Việt Nam* do Trường Chinh trình bày. Báo cáo nêu rõ đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

– Thảo luận và quyết định nhiều chính sách cơ bản trên mọi lĩnh vực củng cố chính quyền, xây dựng quân đội, củng cố mặt trận.

– Đổi tên Đảng là Đảng Lao động Việt Nam (hai nước Lào, Campuchia xây dựng đảng cách mạng riêng cho thích hợp).

– Đại hội thông qua Tuyên ngôn, chính cương và Điều lệ mới ; quyết định xuất bản báo *Nhân dân*, cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng.

– Đại hội bầu ra Ban chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

c) Ý nghĩa của Đại hội :

– Đánh dấu bước trưởng thành của Đảng.

– Mối quan hệ của Đảng – quần chúng được tăng cường.

– Thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên giành thắng lợi ngày càng to lớn.

Câu 3. ***Âm mưu và hành động của Pháp – Mĩ từ sau thất bại ở chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950 :***

– Mĩ từng bước can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương bằng việc kí với Pháp *Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương* (12–1950) nhằm viện trợ quân sự, tài chính – kinh tế cho Pháp và tay sai, qua đó Mĩ từng bước thay chân Pháp ở Đông Dương.

– Tháng 9–1951. Mĩ kí với Bảo Đại *Hiệp ước hợp tác kinh tế* nhằm trực tiếp ràng buộc Chính phủ Bảo Đại vào Mĩ.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Dựa vào viện trợ Mĩ, cuối năm 1950, Pháp đề ra kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi nhằm kết thúc nhanh chiến tranh.

– Kế hoạch gồm 4 điểm :

+ Gấp rút tập trung quân Âu – Phi nhằm xây dựng một hệ thống cơ động chiến lược mạnh, đồng thời ra sức phát triển ngụy quân.

+ Xây dựng phòng tuyến xi măng cốt sắt, lập "vành đai trắng" bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ để ngăn chặn chủ lực của ta, kiểm soát việc ta đưa nhân tài vật lực ra vùng tự do.

+ Tiến hành chiến tranh tổng lực, bình định vùng tạm chiếm, vơ vét của cải của nhân dân ta.

+ Đánh phá hậu phương ta bằng biệt kích, thổ phỉ, gián điệp, phi pháo...

Kế hoạch này đã đưa cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp lên quy mô lớn làm cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta gặp nhiều khó khăn, phức tạp.

Câu 4. ***Từ sau chiến thắng Biên giới thu – đông 1950 đến trước đông – xuân 1953 – 1954, hậu phương kháng chiến đã phát triển về chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế như sau :***

– *Về chính trị* :

+ Đại hội đại biểu lần thứ hai của Đảng thành công rực rỡ (2–1951).

+ Hoàn thành thống nhất hai mặt trận Việt Minh và Liên Việt.

+ Thành lập *Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào*.

+ Phong trào thi đua yêu nước ngày càng lan rộng, Đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc đã chọn được 7 anh hùng (5–1952).

+ Trung Quốc, Liên Xô và các nước XHCN lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước ta.

– *Về kinh tế* :

+ Cuộc vận động sản xuất và tiết kiệm đã đạt được những thành tựu như năm 1953, vùng tự do và vùng căn cứ du kích từ Liên khu IV trở ra sản xuất được hơn 2,7 triệu tấn thóc và 65 vạn tấn hoa màu.

+ Thủ công nghiệp và công nghiệp cung cấp công cụ sản xuất và những mặt hàng thiết yếu của đời sống. Năm 1953, ta sản xuất được 3.500 tấn vũ khí, đạn dược.

+ Đề ra những chính sách chấn chỉnh thuế khoá, xây dựng nền tài chính, ngân hàng.

+ Đầu năm 1953, phát động quần chúng triệt để giảm tô, cải cách ruộng đất.

– *Về văn hoá, giáo dục và y tế* :

+ Tiếp tục công cuộc cải cách giáo dục theo ba phương châm : phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất ; nhà trường gắn với đời sống xã hội. Đến năm 1952, có 1 triệu học sinh phổ thông, phong trào bình dân học vụ đã giúp 14 triệu người thoát nạn mù chữ.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

+ Công tác chăm lo sức khỏe cho nhân dân được coi trọng. Bệnh viện, bệnh xá, phòng y tế, trạm cứu thương được xây dựng.

Những thắng lợi trên chứng tỏ cuộc kháng chiến có bước phát triển mới, tạo điều kiện để ta giành thắng lợi quyết định trong đông – xuân 1953 – 1954, đi đến kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1954).

ĐỀ SỐ 26

Câu 1. *(2 điểm)*
Nêu những nét chính về tình hình kinh tế và chính trị của Tây Âu trong thập kỉ 90 của thế kỉ XX.

Câu 2. *(2 điểm)*
Kế hoạch quân sự Nava

Câu 3. *(3 điểm)*
Sự phá sản của kế hoạch Nava trong Đông Xuân 1953 – 1954.

Câu 4. *(3 điểm)*
Hãy trình bày ý nghĩa của chiến thắng Điện Biên Phủ và diễn biến của Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Những nét chính về tình hình kinh tế và chính trị của Tây Âu trong thập kỉ 90...***

Về kinh tế, bước vào thập kỉ 90, sau khi trải qua một đợt suy thoái ngắn, từ năm 1994 trở đi, kinh tế Tây Âu đã có sự phục hồi và phát triển.

Tây Âu vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới. Đến giữa thập kỉ 90, chỉ riêng 15 nước thành viên EU đã có dân số tổng cộng là 375 triệu người, GDP hơn 7 000 tỉ USD, chiếm khoảng 1/3 tổng sản phẩm công nghiệp của thế giới.

Về chính trị : Trong thập kỉ cuối cùng của thế kỉ XX, tình hình các nước Tây Âu cơ bản là ổn định. Nhưng chính sách đối ngoại của các nước này lại có sự điều chỉnh quan trọng trong bối cảnh Chiến tranh lạnh đã kết thúc. Tất cả các nước Tây Âu đều chú ý mở rộng quan hệ quốc tế, không chỉ với các nước tư bản phát triển khác mà còn cả với các nước đang phát triển ở Á, Phi, Mĩ, Latinh cũng như với các nước Đông Âu và SNG.

Trong năm 1991, các nước thành viên EC đã kí Hiệp ước Maxtrích, đánh dấu bước chuyển từ *Cộng đồng châu Âu* (EC) sang *Liên minh châu Âu* (EU). Quá trình liên kết EU trở nên chặt chẽ hơn.

Câu 2. ***Kế hoạch quân sự Nava :***

– Sau 8 năm kháng chiến, lực lượng của ta ngày càng lớn mạnh, thu được nhiều thắng lợi trên các mặt trận chính trị, kinh tế, xã hội và ngoại giao. Trên mặt trận quân sự, ta đã giành được quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ ; mở một loạt chiến dịch Trung du, Đường số 18, Tây Bắc, đẩy sâu địch vào thế đối phó bị động, lúng túng.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

+ Thực dân Pháp càng tiếp tục chiến tranh càng suy yếu và thất bại nặng nề. Đến năm 1953, số quân địch bị loại khỏi vòng chiến đấu 39 vạn tên. Vùng chiếm đóng bị thu hẹp, kinh tế tài chính gặp nhiều khó khăn, chi phí ngày càng cao. Nhân dân thế giới và nhân dân Pháp lên án cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương.

+ Mĩ lợi dụng khó khăn của Pháp ngày càng can thiệp sâu hơn vào Đông Dương.

+ Trước tình thế đó, Pháp đã phải dựa vào sự viện trợ của Mĩ để kéo dài chiến tranh, tìm "thắng lợi" trong quân sự. Vì vậy, tháng 5–1953, Pháp đã quyết định cử tướng Nava sang làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương, Nava đã đề ra kế hoạch quân sự mới.

– *Mục tiêu của kế hoạch Nava* : phải thực hiện trong 18 tháng và chia làm hai bước :

+ *Bước một* (từ thu đông 1953 đến xuân 1954) : chủ yếu là phòng ngự về chiến lược ở chiến trường miền Bắc, thực hiện tấn công chiến lược trên chiến trường miền Nam, đồng thời ra sức mở rộng ngụy quân, tập trung binh lực, xây dựng lực lượng cơ động mạnh.

+ *Bước hai* (từ thu đông 1954) : chuyển lực lượng ra chiến trường Bắc Bộ, thực hiện tiến công chiến lược, cố giành thắng lợi quyết định, buộc Việt Nam phải đàm phán theo những điều kiện có lợi cho chúng.

Để thực hiện mục tiêu trên, thực dân Pháp tập trung quân cơ động ở chiến trường Đông Dương 84 tiểu đoàn, trong đó ở đồng bằng Bắc Bộ 44 tiểu đoàn, hành động theo khẩu hiệu luôn luôn chủ động, luôn luôn tiến công, mở nhiều cuộc hành quân càn quét lớn ở Bắc Bộ, Bình Trị Thiên, Nam Bộ, bình định, bắt lính, phá hoại vùng tự do của ta, tập kích Lạng Sơn ; tấn công vùng giáp giới Ninh Bình, Thanh Hoá.

Câu 3. ***Sự phá sản của kế hoạch quân sự Nava :***

– Phương hướng chiến lược của ta : Từ tháng 9–1953, ta tập trung lực lượng mở những cuộc tấn công vào những hướng quan trọng về mặt chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực của địch, giải phóng đất đai, buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó với ta trên những điểm xung yếu mà chúng không thể bỏ do phải phân tán binh lực mà tạo điều kiện thuận lợi mới cho ta tiêu diệt thêm từng bộ phận của chúng. Phương châm chiến lược của ta là tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt, đánh ăn chắc, tiến ăn chắc.

– Kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản :

+ 10–3–1953, quân ta tấn công địch ở thị xã Lai Châu, bao vây Điện Biên Phủ. Sau 10 ngày, ta giải phóng toàn bộ Lai Châu, tiêu diệt 24 đại đội địch. Nava buộc phải điều 6 tiểu đoàn cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ lên tăng cường cho Điện Biên Phủ, làm cho Điện Biên Phủ trở thành nơi tập trung binh lực thứ hai của địch, sau đồng bằng Bắc Bộ.

+ Đầu tháng 12–1953, cùng với bộ đội Pathét Lào, ta tấn công ở Trung Lào, giải phóng thị xã Thà Khẹt, tỉnh Khăm Muộn, uy hiếp Sênô. Địch phải điều quân từ Bắc Bộ sang Sênô, biến Sênô thành nơi tập trung binh lực thứ ba.

+ Cuối tháng 1–1954, ta tấn công sang Thượng Lào, giải phóng Phongxalì, uy hiếp Luông Phabang, địch phải tăng cường lực lượng cho Luông Phabang và Mường Sài, biến nơi này trở thành nơi tập trung binh lực thứ tư của địch.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

+ Đầu tháng 2–1954, ta tấn công địch ở Bắc Tây Nguyên, giải phóng Kontum, uy hiếp Plâyku, buộc địch phải điều quân lên Nam Tây Nguyên – Plâyku. Plâyku trở thành nơi tập trung binh lực thứ năm của địch.

+ Ta đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch, đánh phá đường giao thông, sân bay, kho tàng của địch, buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó với ta.

Tóm lại, kế hoạch định tập trung quân cơ động lớn của Nava không thực hiện được do ta tiến công ở nhiều hướng chiến lược khác nhau, địch buộc phải chia quân để đối phó. Vì vậy, có thể nói kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản.

– *Chiến thắng Điện Biên Phủ*. Kế hoạch Nava bị phá sản hoàn toàn.

+ Trong tình thế bị động, Nava quyết định xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, một pháo đài bất khả xâm phạm. Điện Biên Phủ trở thành trọng tâm của kế hoạch Nava.

+ Phía ta, kiên quyết tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, đập tan kế hoạch Nava.

+ Đêm 13–3–1954, quân ta được lệnh tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ với ba đợt.

Đợt 1 (từ 13–3 đến 17–3–1954), quân ta tiêu diệt đồi Him Lam và phân khu phía bắc.

Đợt 2 (từ 30–3 đến 26–4–1954), quân ta tấn công cứ điểm ở phía đông trung tâm Mường Thanh.

Đợt 3 (từ 1–5 đến 7–5–1954), ta tấn công các cứ điểm còn lại và trung khu Mường Thanh. Chiều 7–5–1954, quân ta tổng công kích vào sở chỉ huy chiến dịch, gần một vạn quân địch ra hàng.

Kết quả ở Chiến dịch Điện Biên Phủ, ta tiêu diệt và bắt 16.200 tên địch, 1 tướng, 62 sĩ quan cấp tá, thu hồi toàn bộ cơ sở vật chất phục vụ chiến tranh của địch, mưu đồ của đế quốc Pháp – Mĩ bị thất bại hoàn toàn.

Các cuộc tấn công quân sự của ta trong Đông Xuân 1953 – 1954, mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ đã làm cho kế hoạch Nava bị phá sản hoàn toàn, đè bẹp ý chí xâm lược của chúng, trực tiếp kết thúc cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc.

Câu 4. ***Ý nghĩa của chiến thắng Điện Biên Phủ và diễn biến của Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương...***

Ý nghĩa của chiến thắng Điện Biên Phủ :

+ Điện Biên Phủ là chiến dịch lớn nhất của ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Thắng lợi của ta trong chiến dịch này đã dẫn đến kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp.

+ Chiến thắng Điện Biên Phủ đã làm cho kế hoạch Nava bị phá sản hoàn toàn, tạo thực lực để đi đến kí kết Hiệp định Giơnevơ về việc lập lại hoà bình ở Đông Dương. Miền Bắc nước ta được giải phóng.

+ Chủ nghĩa thực dân cũ của Pháp bị sụp đổ ở Việt Nam, đồng thời cũng là thất bại của Mĩ trong âm mưu can thiệp vào Đông Dương.

+ Chiến thắng Điện Biên Phủ đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Đó là thắng lợi chung của các dân tộc nhỏ yếu trong đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới giành độc lập tự do.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

+ Chiến thắng Điện Biên Phủ đã chứng minh một chân lí của thời đại ngày nay là : một dân tộc đất không rộng, người không đông, nhưng nếu quyết tâm và biết đoàn kết chiến đấu theo đường lối cách mạng đúng đắn có thể chiến thắng bất kì tên đế quốc to lớn nào.

+ Chiến thắng Điện Biên Phủ đã ghi thêm nét son vàng trong lịch sử đấu tranh bất khuất của dân tộc, làm rạng rỡ thêm truyền thống kiên cường, anh dũng của dân tộc ta.

Diễn biến của Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương :

+ Tháng 1–1954, Hội nghị Ngoại trưởng bốn nước Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp họp tại Béclin đã thoả thuận về việc triệu tập một hội nghị quốc tế ở Giơnevơ để giải quyết việc lập lại hoà bình ở Đông Dương.

+ Ngày 8–5–1954, phái đoàn của Chính phủ ta do Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu tới Hội nghị (tin Pháp thất bại hoàn toàn ở Điện Biên Phủ cũng đã bay đến hội nghị).

+ Cuộc đấu tranh trong hội nghị rất căng thẳng, do lập trường thiếu thiện chí và ngoan cố của Pháp – Mĩ. Ta cương quyết trên lập trường độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước ở Đông Dương, được nhân dân yêu chuộng hoà bình thế giới nhiệt liệt hoan nghênh.

– Ngày 21–7–1954, Hiệp định Giơnevơ được kí kết.

ĐỀ SỐ 27

Câu 1. *(3,5 điểm)*
Hãy nêu những sự kiện chính trong quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU).

Câu 2. *(3 điểm)*
Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta.

Câu 3. *(3,5 điểm)*
Hãy nêu những nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Những sự kiện chính trong quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU) :***
Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, trước sự phát triển của khoa học – kĩ thuật và công nghệ, cùng với xu thế khu vực hoá, quốc tế hoá, quá trình liên kết giữa các nước được đẩy mạnh, tiêu biểu là Liên minh châu Âu (EU).

Ngày 18–4–1951, theo đề xuất của Cộng hoà Pháp, sáu nước là Pháp, Đức, Italia, Hà Lan, Lúcxămbua và Bỉ đã thành lập Cộng đồng than – thép châu Âu (ECSC).

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Ngày 25–3–1957, sáu nước trên lại kí Hiệp ước Rôma, thành lập Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) (còn gọi là Khối thị trường chung châu Âu) và Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu (EURATOM).

Đến ngày 1–7–1967, ba tổ chức trên hợp nhất thành Cộng đồng châu Âu (EC).

Tháng 12–1991 các nước thành viên EC đã kí tại Hà Lan bản *Hiệp ước Maxtrích*, có hiệu lực từ ngày 1–1–1993, đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU).

Từ sáu thành viên ban đầu, đến năm 2007, EU bao gồm 27 nước. Cụ thể : năm 1973 kết nạp Anh, Đan Mạch, Ailen, năm 1981 – Hi Lạp, năm 1986 –
Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, năm 1995 – Áo, Phần Lan, Thụy Điển, năm 2004 – Látvia, Lítva, Extônia, Ba Lan, Tiệp Khắc, Hungari, Séc, Slôvakia, Anbani, Síp, năm 2007 – Rumani và Bungari, nâng số thành viên lên 27 quốc gia.

EU ra đời không chỉ nhằm hợp tác giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ mà còn liên minh trong lĩnh vực chính trị (như xác định luật công dân châu Âu, chính sách đối ngoại và an ninh chung, Hiến pháp chung...).
Cơ cấu tổ chức của EU gồm 5 cơ quan chính là Hội đồng châu Âu, Hội đồng
Bộ trưởng, Uỷ ban châu Âu, Nghị viện châu Âu, Toà án châu Âu. Ngoài ra còn có một số uỷ ban chuyên môn khác.

Liên minh châu Âu đang soạn thảo Hiến pháp chung cho cả Liên minh nhưng một số nước phản đối chưa thông qua được.

Đây là tổ chức liên kết khu vực vào hàng lớn nhất hành tinh, có tổ chức chặt chẽ nhất thế giới, gồm những nước có chế độ chính trị, thể chế kinh tế giống nhau, tuy nhiên cũng có những khác biệt về trình độ phát triển cũng như về văn hoá, dân tộc, lịch sử. Liên minh châu Âu chiếm 1/4 GDP của thế giới, có trình độ khoa học – kĩ thuật tiên tiến, là một trung tâm chính trị, kinh tế và tài chính của thế giới. Tuy nhiên, con đường đi tới một châu Âu thống nhất của Liên minh vẫn còn nhiều khó khăn, trở ngại.

Câu 2. ***Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta :***

a) Nguyên nhân thắng lợi

– Có sự lãnh đạo của Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, có đường lối kháng chiến được xác định đúng đắn : Toàn dân, toàn diện, trường kì và tự lực cánh sinh. Đó là sự vận dụng sáng tạo của chủ nghĩa Mác – Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta (kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản) nên đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của dân tộc.

– Ý chí đoàn kết, gắn bó và sẵn sàng hi sinh của toàn dân, toàn quân vì sự nghiệp độc lập, tự do.

– Có lực lượng vũ trang thuỷ, lục, không quân lớn mạnh, có hậu phương vững chắc.

– Tình đoàn kết gắn bó giữa ba dân tộc Đông Dương và sự ủng hộ của nhân dân thế giới.

b) Ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến...

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Buộc thực dân Pháp phải công nhận độc lập chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương, phá tan âm mưu của đế quốc Mĩ định "quốc tế hoá" chiến tranh Đông Dương. Kết thúc cuộc chiến tranh kéo dài 9 năm (1946 – 1954) của thực dân Pháp có Mĩ giúp sức, chấm dứt ách thực dân cũ của Pháp gần một thế kỉ trên đất nước ta.

– Giải phóng hoàn toàn nhân dân nửa nước ta ở miền Bắc khỏi ách đế quốc và phong kiến, giành lại quyền tự do dân chủ. Chính quyền giành được trong Cách mạng tháng Tám được củng cố và bảo vệ vững chắc. Miền Bắc được giải phóng, và đi vào thời kì quá độ tiến lên CNXH, trở thành căn cứ địa của cách mạng cả nước, hậu phương của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

– Giáng một đòn mạnh vào hệ thống chủ nghĩa thực dân cũ, cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc thế giới : một dân tộc dù đất không rộng, người không đông, nếu quyết tâm chiến đấu vì độc lập tự do, có đường lối quân sự, chính trị đúng đắn, được sự ủng hộ của quốc tế, thì hoàn toàn có khả năng giành thắng lợi.

Câu 3. ***Những nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương :***
Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương bao gồm các văn bản : Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, Lào và Campuchia ; bản tuyên bố cuối cùng của Hội nghị và các phụ bản.

Nội dung cơ bản của Hiệp định :

– Tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia, cam kết không can thiệp vào công việc nội bộ của ba nước.

– Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hoà bình trên toàn Đông Dương.

– Các bên tham chiến thực hiện các cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực :

+ Ở Việt Nam, quân đội nhân dân Việt Nam và quân viễn chinh Pháp tập kết ở hai miền Bắc – Nam, lấy vĩ tuyến 17 (dọc theo sông Bến Hải – Quảng Trị) làm giới tuyến quân sự tạm thời cùng với một khu phi quân sự ở hai bên giới tuyến.

+ Ở Lào, lực lượng kháng chiến tập kết ở hai tỉnh Sầm Nưa và Phongxalì.

+ Ở Campuchia, lực lượng kháng chiến phục viên tại chỗ, không có vùng tập kết.

– Các nước ngoài không được đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí và không được đặt căn cứ quân sự ở Đông Dương. Các nước Đông Dương không được tham gia bất cứ một khối quân sự nào, không để cho nước khác dùng lãnh thổ của nước mình để gây chiến tranh hoặc phục vụ cho việc đi xâm lược.

– Việt Nam thống nhất đất nước bằng cuộc Tổng tuyển cử tự do trong cả nước sẽ được tổ chức vào tháng 7–1956 dưới sự giám sát của Uỷ ban quốc tế
(Ấn Độ, Ba Lan và Canađa).

– Trách nhiệm thi hành Hiệp định Giơnevơ thuộc về những người kí Hiệp định và những người kế tục họ.

Ý nghĩa :

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Hiệp định Giơnevơ là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương và được các cường quốc cùng các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng. Nó đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta, nhưng chưa trọn vẹn vì miền Nam chưa được giải phóng, nhân dân ta còn phải đấu tranh để giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

– Pháp buộc phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân đội về nước. Mĩ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng, quốc tế hoá cuộc chiến tranh xâm lược.

ĐỀ SỐ 28

Câu 1. *(3,5 điểm)*

Vì sao nói : Tây Âu là một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất của thế giới sau thế kỉ XX ?

Câu 2. *(3,5 điểm)*

Phong trào đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm của nhân dân ta ở miền Nam đã diễn ra như thế nào trong những năm đầu sau Hiệp định Giơnevơ ?

Câu 3. *(3 điểm)*

Đặc điểm tình hình Việt Nam sau khi kí Hiệp định Giơnevơ. Những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong thời kì mới.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Tây Âu là một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới nửa sau thế kỉ XX là vì :***

Các giai đoạn phát triển :

– *Giai đoạn 1945 – 1950* : Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Tây Âu bước vào giai đoạn phục hồi kinh tế. Với sự cố gắng của từng nước và viện trợ của Mĩ trong khuôn khổ "Kế hoạch Mácsan". Đến khoảng năm 1950, hầu hết các nước tư bản Tây Âu đã cơ bản phục hồi, kinh tế đạt mức trước chiến tranh.

– *Giai đoạn 1950 – 1973* : Về kinh tế, sau giai đoạn phục hồi, từ thập kỉ 50 đến đầu thập kỉ 70, nền kinh tế của các nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu đều có sự phát triển nhanh.

Đến đầu thập kỉ 70, Cộng hoà Liên bang Đức là cường quốc công nghiệp thứ ba, Anh đứng thứ tư và Pháp đứng thứ năm trong thế giới tư bản.

Tâu Âu đã trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới (cùng với Mĩ và Nhật Bản). Các nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu đều có trình độ khoa học – kĩ thuật phát triển cao, hiện đại.

– *Giai đoạn 1973 – 1991* : Do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới, cũng như Mĩ và Nhật Bản, từ năm 1973 nhiều nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu lâm vào tình trạng suy thoái, khủng hoảng, phát triển không ổn định, kéo dài đến đầu thập kỉ 90.

Tuy vậy, Tây Âu vẫn giữ được vị trí là một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới.

– *Giai đoạn 1991 – 2000* : Bước vào thập kỉ 90, sau khi trải qua một đợt suy thoái ngắn, từ năm 1994 trở đi, kinh tế Tây Âu đã có sự phục hồi và phát triển.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Năm 2000, mức tăng trưởng của kinh tế Pháp là 3,8%, Anh : 3,8%, Đức : 2,9% và Italia : 3%.

Tây Âu vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới. Đến giữa thập kỉ 90, chỉ riêng 15 nước thành viên EU đã có dân số tổng cộng là 375 triệu người, GDP hơn 7 000 tỉ USD, chiếm khoảng 1/3 tổng sản phẩm công nghiệp của thế giới.

Tóm lại, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhìn chung nền kinh tế các nước Tâu Âu đã có bước phát triển năng động. Nhờ đó, kinh tế Tây Âu đã thoát dần khỏi sự phụ thuộc vào kinh tế Mĩ, khẳng định vị trí là một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới sau nửa thế kỉ XX.

Câu 2. ***Những nét chính về phong trào đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm của nhân dân ta ở miền Nam trong những năm đầu sau Hiệp định Giơnevơ 1954 :***

– Phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam từ giữa năm 1954, chuyển từ đấu tranh chống Pháp sang đấu tranh chính trị chống Mĩ – Diệm, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, bảo vệ hoà bình, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.

– Nhân dân Việt Nam vừa đòi Mĩ – Diệm thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước, đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ, vừa chống khủng bố, đàn áp, chống chiến dịch "tố cộng, diệt cộng", chống trò hề "trưng cầu dân ý", bầu cử Quốc hội của Ngô Đình Diệm.

– Mở đầu là "phong trào hoà bình" tháng 8–1954 của trí thức và các tầng lớp nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn, tiến hành nhiều cuộc mít tinh, đưa yêu sách đòi chính quyền Mĩ – Diệm thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ.

– Mĩ – Diệm tăng cường khủng bố, đàn áp nhưng chúng vẫn không ngăn chặn được phong trào đấu tranh vì mục tiêu hoà bình của các tầng lớp nhân dân. Phong trào tiếp tục dâng cao, lan rộng tới các thành phố khác như Huế, Đà Nẵng, và cả vùng nông thôn. Phong trào lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân tham gia, hình thành mặt trận chống Mĩ – Diệm, từ đấu tranh chính trị, hoà bình chuyển sang tiến hành đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, chuẩn bị cho cao trào cách mạng mới.

Câu 3. ***Đặc điểm tình hình Việt Nam sau khi kí Hiệp định Giơnevơ...***

Đặc điểm tình hình...

– Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ của nhân dân ta đã giành được thắng lợi. Hiệp định Giơnevơ được kí kết, hoà bình được lập lại ở Đông Dương. Đất nước Việt Nam tạm thời chia làm hai miền với hai chế độ khác nhau.

+ Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ về ngừng bắn, tập kết chuyển quân và chuyển giao khu vực. Miền Bắc đã hoàn toàn được giải phóng, đã hoàn thành căn bản cuộc cách mạng dân tộc dân chủ.

– Miền Nam vẫn bị đế quốc Mĩ và tay sai Ngô Đình Diệm thống trị. Chúng không ngừng phá hoại Hiệp định Giơnevơ, âm mưu chia cắt lâu dài nước ta, biến miền Nam thành thuộc địa và căn cứ quân sự của Mĩ.

Những nhiệm vụ chiến lược...

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Trong tình hình đất nước bị Mĩ – Diệm chia cắt làm hai miền với hai chế độ khác nhau nên nhiệm vụ chung của cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ là : Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hoà bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc ; đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, thiết thực góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới.

– Miền Bắc sau khi kháng chiến chống Pháp kết thúc, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân căn bản hoàn thành nên phải chuyển sang làm nhiệm vụ của cách mạng XHCN. Cách mạng XHCN còn nhằm xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa cách mạng của cả nước.

– Miền Nam vẫn còn dưới ách thống trị của đế quốc Mĩ và chính quyền tay sai, cho nên phải tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Trong việc thực hiện những nhiệm vụ, mục tiêu chung, cách mạng mỗi miền có vị trí và vai trò khác nhau : cách mạng miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển toàn bộ cách mạng Việt Nam, với sự nghiệp thống nhất đất nước. Cách mạng miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Cách mạng hai miền Nam – Bắc có quan hệ gắn bó với nhau, tác động qua lại và thúc đẩy lẫn nhau, tạo điều kiện cho nhau phát triển. Thắng lợi giành được ở mỗi miền là thắng lợi chung của cách mạng hai miền.

ĐỀ SỐ 29

Câu 1. *(3 điểm)*
Nêu nội dung cơ bản của những cải cách dân chủ ở Nhật Bản trong thời kì bị chiếm đóng.

Câu 2. *(4 điểm)*
Từ năm 1954 đến năm 1960, nhân dân ta trên cả hai miền đất nước đã đấu tranh giành được những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược như thế nào ?

Câu 3. *(3 điểm)*
Nguyên nhân dẫn đến bùng nổ phong trào "Đồng khởi" ở miền Nam. Kết quả và ý nghĩa của phong trào.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Nội dung cơ bản của những cải cách dân chủ ở Nhật Bản trong thời kì bị chiếm đóng :***
Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản đã bị quân đội Mĩ, với danh nghĩa lực lượng Đồng minh, chiếm đóng từ năm 1945 đến năm 1952, nhưng Chính phủ Nhật Bản vẫn được phép tồn tại và quản lí đất nước.

– *Về chính trị.* Bộ Chỉ huy tối cao lực lượng Đồng minh (viết tắt theo tiếng Anh là SCAP) đã loại bỏ chủ nghĩa quân phiệt và bộ máy chiến tranh của Nhật Bản. Toà án quân sự Viễn Đông đã xét xử tội phạm chiến tranh Nhật Bản (kết án tử hình 7 tên, tù chung thân 16 tên). Hiến pháp mới do SCAP tổ chức soạn thảo (có hiệu lực từ ngày 3̃51947), quy định Nhật Bản là nước quân chủ lập hiến, nhưng thực tế là theo chế độ dân chủ đại nghị tư sản. Hiến pháp mới vẫn duy trì ngôi vị Thiên hoàng mang tính tượng trưng, không còn quyền lực đối với Nhà nước và xác định Nghị viện gồm hai viện, do nhân dân bầu ra, là cơ quan quyền lực tối cao giữ quyền lập pháp ;

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Chính phủ nắm quyền hành pháp, do Thủ tướng đứng đầu, Nhật Bản cam kết từ bỏ việc tiến hành chiến tranh, không dùng hoặc đe doạ sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế ; không duy trì quân đội thường trực, chỉ có lực lượng Phòng vệ dân sự bảo đảm an ninh, trật tự trong nước.

– *Về kinh tế*, SCAP thực hiện ba cuộc cải cách lớn : *một là*, thủ tiêu chế độ tập trung kinh tế, trước hết là giải tán các "Daibátxư" (tức là các tập đoàn, công ti tư bản độc quyền còn mang nhiều tính chất dòng tộc) ; *hai là*, cải cách ruộng đất, quy định địa chủ chỉ được sở hữu không quá 3 hécta ruộng, số còn lại Chính phủ đem bán cho nông dân ; *ba là*, dân chủ hoá lao động (thông qua và thực hiện các đạo luật về lao động). Dựa vào nỗ lực của bản thân và viện trợ của Mĩ, đến khoảng năm 1950 – 1951, Nhật Bản đã khôi phục kinh tế, đạt mức trước chiến tranh.

Những cải cách này đã phá vỡ những cơ sở kinh tế, chính trị, xã hội của nước Nhật quân chủ chuyên chế và trở thành nước quân chủ lập hiến, thực chất là nước dân chủ đại nghị tư sản. Những cải cách đó đã trở thành một nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của Nhật Bản sau chiến tranh.

Câu 2. ***Từ năm 1954 đến năm 1960, nhân dân ta trên cả hai miền đất nước đã đấu tranh giành được những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược như sau :***

a) Miền Bắc

– Hoàn thành cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế.

Trong hơn 2 năm (1954 –1956), miền Bắc tiến hành tiếp 4 đợt cải cách ruộng đất. Tính chung cải cách ruộng đất đã trưng thu 81 vạn hecta ruộng đất, 10 vạn trâu bò, gần 2 triệu nông cụ đem chia cho nông dân nghèo. Trong cải cách ruộng đất chúng ta có phạm một số sai lầm. Nhưng những sai lầm đó đã được Đảng, Chính phủ phát hiện kịp thời và sửa sai trong năm 1957. Khẩu hiệu "người cày có ruộng" đã được thực hiện triệt để. Nhiệm vụ chiến lược của cuộc cách mạng ruộng đất đã hoàn thành.

– Khôi phục kinh tế được triển khai trong tất cả các ngành.

+ *Nông nghiệp* : khai khẩn đất hoang, tăng thêm đàn trâu bò, sắm thêm nông cụ. Sửa chữa, củng cố đê điều. Cuối năm 1957, sản lượng nông nghiệp tăng vượt mức trước chiến tranh. Nạn đói kinh niên của miền Bắc được căn bản giải quyết.

+ *Công nghiệp* : Khôi phục và mở rộng hầu hết các cơ sở nông nghiệp, xây dựng thêm một số nhà máy mới. Cuối năm 1957, miền Bắc có 97 nhà máy, xí nghiệp do nhà nước quản lí.

+ *Giao thông vận tải :* Khôi phục gần 700 km đường sắt, sửa chữa và làm mới hàng nghìn kilômét đường ôtô, xây dựng lại và làm thêm nhiều bến cảng. Đường hàng không dân dụng quốc tế được khai thông.

+ *Thủ công nghiệp và thương nghiệp* được nhanh chóng khôi phục.

+ Củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, tăng cường quốc phòng, mở rộng quan hệ ngoại giao.

˜ Cải tạo XHCN và bước đầu phát triển kinh tế và văn hoá.

+ Cải tạo XHCN (1958 – 1960) : Đảng, Chính phủ đề ra chủ trương cải tạo XHCN đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ, công thương nghiệp, tư bản tư doanh.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

+ Hợp tác hoá nông nghiệp : Đến cuối năm 1960, miền Bắc có hơn 85% số hộ nông dân vào HTX nông nghiệp, 87,9% thợ thủ công và 45% người buôn bán nhỏ vào hợp tác xã, 95% số hộ tư sản vào công tư hợp doanh.

+ Kết quả cải tạo có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển, nhất là trong điều kiện chiến tranh, bảo đảm được yêu cầu về vật chất và tinh thần để tham gia và phục vụ chiến đấu. Kết quả, đến năm 1960, tổng sản lượng công nghiệp quốc doanh từ 10,8% (1955) tăng lên 52,4% (1960).

+ Văn hoá, giáo dục, y tế phát triển. Hệ thống giáo dục phổ thông hoàn chỉnh và mở rộng với số học sinh năm 1960 tăng 80% (so với 1957). Miền Bắc có 9 trường đại học với hơn 11.000 sinh viên. Cơ sở y tế năm 1960 tăng hơn 11 lần so với 1955. Đời sống văn hoá và trình độ hiểu biết của các tầng lớp nhân dân được nâng lên.

b) Miền Nam

Đấu tranh chống chế độ Mĩ Diệm, củng cố hoà bình.

˜ Đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước, chống "trưng cầu dân ý", "bầu cử quốc hội" của Diệm ; vừa chống khủng bố, đàn áp, chống chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng", đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ.

˜ Phong trào Đồng khởi (1959 – 1960)

+ Chính sách đàn áp của Mĩ – Diệm gây cho nhân dân miền Nam nhiều tổn thất, nhiều cơ sở cách mạng bị vỡ, nhiều cán bộ đảng viên bị bắt và bị giết hại
đã đẩy nhân dân miền Nam vào một tình thế phải vùng lên chống Mĩ – Diệm để cứu nước, cứu mình. Do đó phong trào cách mạng vẫn phát triển và trở thành cao trào cách mạng.

+ Phong trào nổi dậy của quần chúng từ lẻ tẻ ở từng địa phương như Bác Ái, Trà Bồng, Quảng Ngãi và lan rộng ra cả miền Nam thành phong trào Đồng khởi với cuộc nổi dậy ở Bến Tre là một trong những điển hình của "Đồng khởi".

Ngày 20–12–1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời nhằm tập hợp quần chúng đấu tranh chống Mĩ – Diệm.

Cuộc "Đồng khởi" (cuối 1959 đầu 1960) đã giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ ở miền Nam, làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

Câu 3. ***Nguyên nhân dẫn đến bùng nổ phong trào "Đồng khởi" ở miền Nam. Kết quả và ý nghĩa của phong trào :***

Nguyên nhân...

˜ Sau khi Pháp rút hết quân về nước, Mĩ nhảy vào miền Nam Việt Nam, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, thực hiện ý đồ biến miền Nam nước ta thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ, dùng miền Nam làm căn cứ quân sự, bàn đạp tấn công miền Bắc và ngăn chặn ảnh hưởng cách mạng lan xuống vùng Đông Nam Á.

– Mĩ – Diệm mở rộng chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng", ban bố sắc lệnh đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật, thông qua đạo luật 10–59, lê máy chém khắp miền Nam giết hại những người vô tội.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Chính sách tăng cường đàn áp khủng bố của Mĩ – Diệm gây cho cách mạng miền Nam những tổn thất nặng nề, nhiều cơ sở cách mạng bị vỡ, nhiều cán bộ đảng viên bị bắt giam và giết hại... làm cho nhân dân vô cùng căm phẫn và ngọn lửa cách mạng ngày càng bốc cao.

– Trước tình hình đó, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 của Đảng họp đầu năm 1959 ; xác định con đường phát triển của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang của nhân dân.

– Từ đó, phong trào nổi dậy của quần chúng từ lẻ tẻ ở từng địa phương như ở Bác Ái (2–1959), Trà Bồng (8–1959) đã lan ra khắp miền Nam thành cao trào cách mạng bằng cuộc "Đồng khởi". Cuộc "Đồng khởi" ở Bến Tre (17–1–1960) là tiêu biểu trong phong trào "Đồng khởi". Phong trào "Đồng khởi" như nước vỡ bờ lan ra khắp Nam Bộ, Tây Nguyên và một số nơi ở miền Trung Trung Bộ.

Kết quả :

Tính đến cuối năm 1960, tại các tỉnh Nam Bộ, cách mạng đã làm chủ được 600 xã trong tổng số 1298 xã, trong đó có 116 xã được giải phóng hoàn toàn.
Ở các tỉnh miền núi Trung Bộ có 904 trong tổng số 3829 thôn được giải phóng. Còn ở Tây Nguyên có 3200 trong tổng số 5721 thôn được giải phóng.

Từ trong phong trào này, lực lượng vũ trang nhân dân được hình thành và phát triển. Lực lượng chính trị được tập hợp chưa từng có. Ngày 20–12–1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, đoàn kết toàn dân, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và tay sai Ngô Đình Diệm.

– Ở những nơi được giải phóng, Uỷ ban nhân dân tự quản được thành lập, ruộng đất của bọn địa chủ cường hào bị tịch thu đem chia cho dân cày nghèo.

Ý nghĩa...

– Phong trào "Đồng khởi" đã giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ ở miền Nam, đã làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

– Đối với nhân dân ta, "Đồng khởi" thắng lợi đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, chấm dứt thời kì ổn định tạm thời của chế độ thực dân mới của Mĩ ở miền Nam, tạo tiền đề hết sức quan trọng cho sự phát triển của lực lượng cách mạng trong những giai đoạn tiếp theo.

ĐỀ SỐ 30

Câu 1. *(3 điểm)*
Liên minh Nhật – Mĩ được biểu hiện như thế nào ?

Câu 2. *(3 điểm)*
Hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Câu 3. *(2 điểm)*
Tại sao đế quốc Mĩ thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam ?

Câu 4. *(2 điểm)*
Cuộc chiến đấu của quân dân ta chống "Chiến tranh đặc biệt" đã diễn ra như thế nào ?

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Liên minh Nhật – Mĩ được biểu hiện qua những vấn đề sau :***
Sau chiến tranh, quân Đồng minh, thực tế là quân Mĩ chiếm đóng Nhật Bản. Chính quyền chiếm đóng đã thực hiện những chính sách tiến bộ như xét xử tội phạm chiến tranh, xoá bỏ các tổ chức quân phiệt, loại bỏ những phần tử liên quan đến chủ nghĩa quân phiệt ra khỏi bộ máy nhà nước...

Liên minh Nhật – Mĩ ra đời đáp ứng nhu cầu của cả hai nước. Trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, Nhật Bản cần dựa vào sự bảo trợ của Mĩ để đảm bảo an ninh và tập trung phát triển kinh tế. Mĩ muốn độc chiếm ảnh hưởng ở Nhật Bản, biến Nhật Bản thành đồng minh trong việc thực hiện tham vọng bá chủ ở châu Á và chống lại phe XHCN.

Nhật Bản chủ trương liên minh chặt chẽ với Mĩ. Nhờ vậy, nước Nhật sớm kí kết được *Hiệp ước hoà bình Xan Phranxixcô* (8–9–1951) và chấm dứt chế độ chiếm đóng của Đồng minh vào năm 1952. Cùng ngày, *Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật* được kí kết, có giá trị trong 10 năm (sau đó được kéo dài vĩnh viễn) đặt nền tảng mới cho quan hệ giữa hai nước. Theo đó, Nhật Bản chấp nhận đứng dưới "chiếc ô" bảo hộ hạt nhân của Mĩ, để cho Mĩ đóng quân và xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ Nhật Bản.

Câu 2. ***Hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng :***
Hoàn cảnh lịch sử

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 5 đến 10–9–1960. Về dự đại hội có 525 đại biểu chính thức và 51 đại biểu dự khuyết thay mặt cho hơn 50 vạn đảng viên trong cả nước. Dự đại hội còn có 17 đoàn đại biểu quốc tế.

Nội dung của Đại hội

Đại hội đã nghe và thảo luận về Báo cáo chính trị, Báo cáo sửa đổi điều lệ Đảng, ra Nghị quyết về đường lối nhiệm vụ của Đảng trong giai đoạn mới.

+ Về nhiệm vụ chung trong giai đoạn mới, Đại hội xác định : nhiệm vụ chung của cách mạng Việt Nam là "Tăng cường đoàn kết các dân tộc, kiên quyết đấu tranh giữ vững hoà bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, thiết thực góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới".

+ Về nhiệm vụ cụ thể của mỗi miền và mối quan hệ giữa cách mạng hai miền : cách mạng miền Nam có tác dụng quyết định trực tiếp đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mĩ và bè lũ tay sai để giải phóng miền Nam, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, đồng thời có tác dụng tích cực góp phần bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có tác dụng quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng cả nước.

+ Đại hội thông qua kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965) nhằm xây dựng bước đầu cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hoá XHCN nước nhà.

+ Đại hội đã bầu Ban chấp hành Trung ương Đảng, bầu Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng và Lê Duẩn làm Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng.

Ý nghĩa của Đại hội

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng là nguồn ánh sáng mới, lực lượng mới cho toàn Đảng, toàn dân ta xây dựng thắng lợi XHCN miền Bắc, đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

Câu 3. ***Đế quốc Mĩ đã thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam :***

Ý đồ chiến lược của đế quốc Mĩ

– Để tránh thất bại hoàn toàn ở miền Nam Việt Nam sau khi chiến lược, "Chiến tranh đơn phương" (1954 – 1960) bị phá sản, đế quốc Mĩ đã chuyển sang chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (1961 – 1965).

– "Chiến tranh đặc biệt" là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mĩ được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống "cố vấn" quân sự Mĩ và dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ để chống lại các lực lượng cách mạng của ta. Âm mưu cơ bản của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" là dùng người Việt trị người Việt.

– Để thực hiện chiến lược trên, Mĩ viện trợ quân sự ồ ạt cho Diệm, đưa vào miền Nam nhiều cố vấn quân sự Mĩ, tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn. Trang bị phương tiện hiện đại của Mĩ cho quân đội Sài Gòn, sử dụng phổ biến các chiến thuật mới như " trực thăng vận, thiết xa vận".

Quá trình triển khai chiến lược "Chiến tranh đặc biệt".

– Được sự hỗ trợ của Mĩ, quân đội Sài Gòn liên tiếp mở nhiều cuộc hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng, tiến hành hoạt động phá hoại miền Bắc, phong toả biên giới, vùng biển nhằm ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc vào miền Nam.

– Mĩ – quân đội Sài Gòn tăng cường hành quân càn quét, ráo riết dồn dân, lập "ấp chiến lược". Ấp chiến lược được Mĩ và chính quyền Sài Gòn coi như "xương sống" của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" và nâng lên thành "quốc sách". Ấp lập đến đâu, giăng đồn bốt, bảo an, dân vệ, chính quyền đến đó để kìm kẹp nhân dân.

– Mĩ – quân đội Sài Gòn dự định thực hiện mục tiêu "bình định" miền Nam trong vòng 18 tháng bằng kế hoạch Stalây - Taylo. Viện trợ quân sự của Mĩ cho chính quyền Sài Gòn tăng gấp đôi. Bộ chỉ huy quân sự Mĩ (MACV) được thành lập ở Sài Gòn để trực tiếp chỉ huy cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

Câu 4. ***Cuộc chiến đấu chống "Chiến tranh đặc biệt" của quân dân miền Nam :***

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Đáp ứng yêu cầu của cách mạng, Trung ương cục miền Nam được thành lập (1–1961) ngày 15–2–1961, các lực lượng vũ trang cách mạng thống nhất thành Quân giải phóng miền Nam. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam đã phát triển rộng rãi, có cơ sở ở khắp các địa phương.

– Dưới ngọn cờ của Mặt trận dân tộc giải phóng, quân và dân miền Nam đẩy mạnh đấu tranh chống Mĩ và tay sai, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, nổi dậy với tiến công trên cả ba vùng chiến lược, tiến công địch trên cả ba mũi chính trị, quân sự, binh vận.

– Trên mặt trân quân sự, quân dân ta giành thắng lợi mở đầu vang dội trong trận Ấp Bắc (Mĩ Tho) ngày 2–1–1963, đánh bại cuộc hành quân càn quét của trên 2000 quân Sài Gòn có cố vấn Mĩ chỉ huy, được pháo binh, máy bay, xe tăng, xe bọc thép yểm trợ.

– Cuộc đấu tranh và phá "ấp chiến lược" diễn ra gay go quyết liệt giữa ta và địch, có hàng chục triệu lượt người tham gia phá "ấp chiến lược" đi đôi với xây dựng làng chiến đấu. Mĩ và chính quyền Sài Gòn tập trung dồn dân lập "ấp chiến lược" nhưng cũng chỉ thực hiện được gần nửa kế hoạch (trong tổng số 16 000 ấp).

– Phong trào đấu tranh chính trị lên cao ở các đô thị và nhiều vùng nông thôn rộng lớn. Đặc biệt ở Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, phong trào đã thu hút đông đảo quần chúng tham gia ; nổi bật là các cuộc đấu tranh của các tín đồ Phật giáo, của "đội quân tóc dài" chống lại sự đàn áp của Chính quyền Diệm. Phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị cùng với phong trào phá "ấp chiến lược" và những đòn tiến công liên tiếp của lực lượng vũ trang cách mạng đã đẩy nhanh quá trình suy sụp của chính quyền Diệm. Ngày 1–11–1963, Mĩ giật dây các tướng lĩnh trong quân đội Sài Gòn làm đảo chính giết anh em Diệm – Nhu. Chính quyền Sài Gòn lâm vào khủng hoảng triền miên.

– Đông Xuân 1964 – 1965, quân dân ta mở chiến dịch tiến công địch ở miền Đông Nam Bộ với trận mở màn chiến thắng Bình Giã (2–12–1964) đã đánh thắng nguỵ quân với quy mô lớn, trên 1700 tên địch bị loại khỏi vòng chiến đấu, phá huỷ hàng chục máy bay và xe bọc thép, đánh thắng các chiến thuật "trực thăng vận", "thiết xa vận". Tiếp đó là nhiều chiến thắng khác ở An Lão (Bình Định), Đồng Xoài (Bình Phước), Ba Gia (Quảng Ngãi) làm cho quân đội Sài Gòn bị thiệt hại nặng, có nguy cơ tan rã. Chiến lược chiến tranh đặc biệt thất bại hoàn toàn.

ĐỀ SỐ 31

Câu 1. *(2,5 điểm)*
Những nhân tố nào thúc đẩy sự phát triển "thần kì" của kinh tế Nhật Bản ?

Câu 2. *(2,5 điểm)*
Những thắng lợi của quân dân ta trong chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ tiếp sau chiến thắng Vạn Tường (8–1965). Ý nghĩa của chiến thắng Vạn Trường.

Câu 3. *(2,5 điểm)*
Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 ở miền Nam đã diễn ra trong hoàn cảnh nào ? Nêu diễn biến, kết quả và ý nghĩa.

Câu 4. *(2,5 điểm)*

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc từ năm 1965 đến năm 1968 như thế nào ?

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Những nhân tố thúc đẩy sự phát triển "thần kì" của kinh tế Nhật Bản :***

Từ năm 1952 đến năm 1960, kinh tế Nhật Bản có bước phát triển nhanh, nhất là từ năm 1960 đến năm 1973, thường được gọi là giai đoạn phát triển "thần kì". Năm 1968, Nhật đã vượt các nước Anh, Pháp, CHLB Đức, trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trong thế giới tư bản (sau Mĩ), trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới. Thu nhập bình quân đầu người đứng thứ hai thế giới (sau Thuỵ Sĩ).

Nhật Bản nhanh chóng vươn lên thành một siêu cường kinh tế (sau Mĩ) là do một số yếu tố sau : 1. Ở Nhật Bản, con người được coi là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định hàng đầu ; 2. Vai trò điều hành, quản lí của Nhà nước ; 3. Chế độ làm việc suốt đời, chế độ hưởng lương theo thâm niên và chủ nghĩa nghiệp đoàn xí nghiệp được coi là ba "kho báu thiêng liêng" làm cho các công ti của Nhật Bản có sức mạnh và tính cạnh tranh cao ; 4. Nhật Bản luôn áp dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học – kĩ thuật hiện đại để nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm ; 5. Chi phí cho quốc phòng của Nhật Bản thấp (không vượt quá 1% GDP), nên có điều kiện tập trung vốn đầu tư cho kinh tế ; 6. Nhật Bản đã tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài để phát triển, như nguồn viện trợ của Mĩ, lợi dụng các cuộc chiến tranh ở Triều Tiên (1950 – 1953) và ở Việt Nam (1954 – 1975) để làm giàu...

Từ một nước bại trận, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, sự phát triển nhanh chóng của Nhật Bản đã cung cấp nhiều kinh nghiệm tham khảo quý báu cho các nước, nhất là các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

Câu 2. ***Những thắng lợi của quân dân ta trong chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ tiếp sau chiến thắng Vạn Tường (8–1965) :***

– Sau chiến thắng Vạn Tường, quân dân miền Nam tiếp tục giành được thắng lợi trong hai mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967, đập tan các cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" của địch.

+ Trong mùa khô thứ nhất (từ tháng 1 đến tháng 4–1966), trên toàn miền Nam, quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 104 000 tên địch, trong đó có
42 000 quân Mĩ, 3500 quân đồng minh, bắn rơi 1430 máy bay.

+ Trong mùa khô thứ hai, trên toàn miền Nam, quân dân ta loại khỏi vòng chiến đấu 151000 tên địch, trong đó có 68000 quân Mĩ, 55 000 quân đồng minh, bắn rơi 1231 máy bay.

– Trên mặt trận chính trị, quân dân miền Nam đã đứng lên đấu tranh chống ách kìm kẹp của địch, phá tan từng mảng "ấp chiến lược". Trong hầu hết các đô thị, các tầng lớp nhân dân, Phật tử và một số binh lính quân đội Sài Gòn đấu tranh đòi Mĩ rút về nước, đòi tự do dân chủ. Vùng giải phóng được mở rộng, uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế. Đến cuối năm 1967, Mặt trận có cơ quan thường trực ở hầu hết các nước XHCN và một số nước khác. Cương lĩnh của Mặt trận được 41 nước, 12 tổ chức quốc tế, 5 tổ chức khu vực lên tiếng ủng hộ.

– *Ý nghĩa của chiến thắng Vạn Tường :* Chiến thắng Vạn Tường được coi là Ấp Bắc đối với quân Mĩ, mở đầu cao trào "Tìm Mĩ mà đánh, lùng nguỵ mà diệt" trên khắp miền Nam.

Câu 3. ***Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 ở miền Nam...***

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Hoàn cảnh diễn ra cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968

Bước vào Xuân 1968, xuất phát từ nhận định so sánh lực lượng đã thay đổi có lợi cho ta sau hai mùa khô, đồng thời lợi dụng mâu thuẫn ở Mĩ trong năm bầu cử Tổng thống, ta chủ trương mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, trọng tâm là các đô thị, nhằm tiêu diệt một bộ phận lực lượng quân Mĩ và quân đồng minh, đánh đòn mạnh vào chính quyền và quân đội Sài Gòn, giành chính quyền về tay nhân dân, buộc Mĩ phải đàm phán, rút quân về nước.

Diễn biến chính

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy được mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược của quân chủ lực vào hầu khắp các đô thị miền Nam đêm 30 rạng sáng
31–1–1968 và diễn ra qua ba đợt : từ đêm 30–1 đến 25–2 ; tháng 5 và 6 ; tháng 8 và 9–1968.

Quân dân ta ở miền Nam đã đồng loạt tiến công và nổi dậy ở 37 trong tổng số 44 tỉnh, 4 trong 6 đô thị lớn, 64 trong số 242 quận lị, ở hầu khắp các "ấp chiến lược", các vùng nông thôn.

Tại Sài Gòn, Quân Giải phóng tiến công các vị trí đầu não của địch như Toà Đại sứ Mĩ, Dinh Độc lập, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn, Bộ Tư lệnh biệt khu Thủ đô, Tổng nha cảnh sát, Đài phát thanh, sân bay Tân Sơn Nhất.

Kết quả cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968

Trong đợt 1, quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 147 000 tên địch, trong đó có 43 000 lính Mĩ, phá huỷ một khối lượng lớn vật chất và phương tiện chiến tranh của chúng.

Do lực lượng địch còn đông (hơn nửa triệu quân Mĩ và đồng minh, gần
1 triệu quân Sài Gòn), cơ sở ở thành thị mạnh nên chúng đã nhanh chóng tổ chức lại lực lượng, phản công quân ta ở cả thành thị và nông thôn. Vì vậy, trong đợt
2 và đợt 3, lực lượng của ta gặp không ít khó khăn và tổn thất.

Ý nghĩa

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 đã đánh đòn bất ngờ làm cho địch choáng váng, làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố "phi Mĩ hoá" chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của "Chiến tranh cục bộ"), chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận đến đàm phán ở Pari, bàn về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Câu 4. ***Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc từ năm 1965 đến năm 1968 :***

Cuối năm 1964 – đầu năm 1965, Mĩ mở rộng chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc.

– Âm mưu của Mĩ :

Mĩ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc nhằm phá tiềm lực kinh tế, quốc phòng, phá công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc, ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam, uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân ta ở cả hai miền đất nước.

– Thủ đoạn của Mĩ :

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Để hỗ trợ cho chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam, Mĩ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc.

Ngày 5–8–1964, sau khi dựng lên "Sự kiện vịnh Bắc Bộ", Mĩ mở rộng chiến tranh phá hoạt ra miền Bắc.

Ngày 7–2–1965, lấy cớ trả đũa việc Quân Giải phóng miền Nam tiến công doanh trại lính Mĩ ở Plâyku, Mĩ cho máy bay bắn phá thị xã Đồng Hới (Quảng Bình), đảo Cồn Cỏ (Vĩnh Linh)... chính thức gây ra cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.

ĐỀ SỐ 32

Câu 1. *(1,5 điểm)*
Hãy nêu những khó khăn đối với sự phát triển kinh tế ở Nhật Bản.

Câu 2. *(1,5 điểm)*
Chính sách đối ngoại của Nhật Bản trong những năm 1973 – 1991 như thế nào ?

Câu 3. *(2 điểm)*
Miền Bắc đã lập được những thành tích gì trong sản xuất và chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mĩ từ năm 1965 đến năm 1968 ?

Câu 4. *(5 điểm)*
Những thắng lợi về quân sự, chính trị và kinh tế của quân và dân hai miền Nam – Bắc trong thời kì chống "Việt Nam hoá chiến tranh" từ năm 1969 đến năm 1973.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Những khó khăn đối với sự phát triển kinh tế ở Nhật Bản :***

– Lãnh thổ Nhật Bản không rộng, tài nguyên khoáng sản rất nghèo nàn, nền công nghiệp của Nhật Bản hầu như phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu, nhiên liệu nhập khẩu từ bên ngoài.

– Cơ cấu vùng kinh tế của Nhật Bản thiếu cân đối, tập trung chủ yếu vào ba trung tâm là Tôkiô, Ôxaka và Nagôia, giữa công nghiệp và nông nghiệp cũng có sự mất cân đối.

– Nhật Bản luôn gặp phải sự cạnh tranh quyết liệt của Mĩ, Tây Âu, các nước công nghiệp mới, Trung Quốc...

Câu 2. ***Chính sách đối ngoại của Nhật Bản trong những năm 1973 – 1991 :***

– Trong chính sách đối ngoại, Nhật Bản một mặt liên minh chặt chẽ với Mĩ và Tây Âu, mặt khác tìm cách trở về châu Á và cố gắng có sự tự chủ trong một số vấn đề quốc tế, khu vực. Tháng 8–1977, Thủ tướng Nhật Phucưđa đi thăm một loạt nước Đông Nam Á, đánh dấu sự "trở về châu Á" (học thuyết Phucưđa), được Thủ tướng Kaiphu (1991) tiếp tục phát triển trong điều kiện lịch sử mới (học thuyết Kaiphu).

Năm 1978, Hiệp ước hoà bình, hữu nghị Nhật – Trung được kí kết. Nhật Bản cũng có thái độ xây dựng và đóng góp tích cực trong việc giải quyết "vấn đề Campuchia".

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Tháng 9–1973, Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Từ đó mối quan hệ giữa hai nước không ngừng được củng cố tốt đẹp và hợp tác có hiệu quả.

Câu 3. ***Những thành tích trong sản xuất và chiến đấu của quân dân miền Bắc chống chiến tranh phá hoại của Mĩ từ năm 1965 đến năm 1968 :***

Về sản xuất, miền Bắc đã lập được những thành tích quan trọng :

– Nông nghiệp : Diện tích canh tác được mở rộng, năng suất lao động không ngừng tăng lên, ngày càng có nhiều hợp tác xã, nhiều địa phương đạt "ba mục tiêu" (5 tấn thóc, 2 đầu lợn, 1 lao động trên 1 ha gieo trồng trong 1 năm).

Năm 1965, miền Bắc có 7 huyện, 640 hợp tác xã đạt mục tiêu 5 tấn thóc/1 ha trong 2 vụ, đến năm 1967 tăng lên 30 huyện và 2485 hợp tác xã.

– Công nghiệp : Năng lực sản xuất ở một số ngành được giữ vững. Các cơ sở công nghiệp lớn đã kịp thời sơ tán, phân tán, sớm đi vào sản xuất, đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho chiến đấu, sản xuất và đời sống. Công nghiệp địa phương, công nghiệp quốc phòng phát triển. Mỗi tỉnh trở thành một đơn vị kinh tế tương đối hoàn chỉnh.

– Giao thông vận tải được quân và dân ta bảo đảm thường xuyên thông suốt.

Về chiến đấu : Trong hơn 4 năm chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, miền Bắc đã bắn rơi, phá huỷ 3243 máy bay, trong đó có 6 máy bay B52, 3 máy bay F111, bắn chìm và bắn cháy 143 tàu chiến. Ngày 1–11–1968, Mĩ phải tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc.

Câu 4. ***Những thắng lợi về quân sự, chính trị và kinh tế của quân và dân hai miền Nam – Bắc trong thời kì chống "Việt Nam hoá chiến tranh"...***

"Việt Nam hoá" chiến tranh là hình thức chiến tranh thực dân mới của Mĩ được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hoả lực, không quân, hậu cần của Mĩ và vẫn do Mĩ chỉ huy bằng cố vấn quân sự.

Ở miền Nam :

– Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh của Mĩ là chống lại cuộc chiến tranh xâm lược toàn diện được tăng cường và mở rộng ra toàn Đông Dương, vừa chiến đấu chống địch trên chiến trường, vừa đấu tranh trên bàn đàm phán.

– Thắng lợi mở đầu giai đoạn chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" là Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời
(6–6 –1969). Đó là chính phủ hợp pháp của nhân dân miền Nam Việt Nam đã được 23 nước công nhận, trong đó có 21 nước đặt quan hệ ngoại giao.

– Trong hai năm 1970 – 1971, quân dân ta ở miền Nam cùng phối hợp với quân dân Lào và Campuchia đánh tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia của 10 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến đấu 17000 địch, giải phóng nhiều vùng đất đai với 4,5 triệu dân. Từ 12–2 đến 23–3–1971, quân dân ta, có sự hỗ trợ và phối hợp chiến đấu của quân dân Lào, đã đập tan cuộc hành quân chiếm giữ đường 9 Nam Lào của 4,5 vạn

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

quân Mĩ và quân Sài Gòn mang tên "Lam Sơn – 719", loại khỏi vòng chiến đấu 22 000 địch, buộc Mĩ và quân Sài Gòn rút khỏi Đường 9 – Nam Lào, giữ vững hành lang chiến lược của cách mạng Đông Dương.

– Ở khắp đô thị miền Nam, phong trào của các tầng lớp nhân dân nổ ra liên tục. Đặc biệt ở Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn... phong trào học sinh, sinh viên rầm rộ đã thu hút đông đảo giới trẻ tham gia, "châm ngòi nổ" cho phong trào chung của các tầng lớp nhân dân thành thị.

– Tại các vùng nông thôn, đồng bằng, rừng núi, ven thị, nơi nơi đều có phong trào quần chúng nổi dậy phá "ấp chiến lược", chống chương trình "bình định" nông thôn của địch. Đến đầu năm 1971, cách mạng giành được quyền làm chủ thêm 3600 ấp với 3 triệu dân.

** Cuộc tiến công chiến lược năm 1972*

– Phát huy thắng lợi trên mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao trong hai năm 1970–1971, quân ta mở cuộc tiến công chiến lược từ 30–3–1972 với việc mở đầu đánh vào Quảng Trị, rồi từ đó phát triển ra khắp chiến trường miền Nam và kéo dài trong năm 1972.

– Quân ta tiến công địch với cường độ mạnh, quy mô rộng lớn, trên hầu hết các địa bàn chiến lược quan trọng và trong thời gian ngắn chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của địch là Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ. Kết quả sau gần 3 tháng chiến đấu (đến cuối tháng 6–1972), ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 20 vạn tên địch, giải phóng một số vùng đất đai rộng lớn với hơn
1 triệu dân.

– Sau đòn mở đầu bất ngờ, choáng váng của quân ta, quân đội Sài Gòn có sự yểm trợ hoả lực, không quân và hải quân Mĩ, đã phản công mạnh quân ta, gây cho ta nhiều thiệt hại. Mĩ gây trở lại chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Cuộc tấn công chiến lược năm 1972 đã mở ra một bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ, giáng đòn mạnh mẽ vào quân đội Sài Gòn (công cụ chủ yếu) và quốc sách "bình định" (xương sống) của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", buộc Mĩ phải tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược (tức là thừa nhận thất bại của chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh).

Miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ, tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội và chi viện cho miền Nam (1969 – 1973) :

Miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế.

– Sau chiến tranh phá hoại lần thứ nhất chấm dứt (1–11–1968), Đảng và Chính phủ chủ trương khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, ra sức chi viện cho tiền tuyến, chăm lo đời sống nhân dân.

– Cuối năm 1969, hưởng ứng ba cuộc vận động chính trị lớn của Đảng và Chính phủ (lao động sản xuất, phát huy dân chủ và tăng cường quyền làm chủ của quần chúng xã viên ở nông thôn, nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh).

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Trong nông nghiệp, có nhiều hợp tác xã áp dụng tiến bộ khoa học – kĩ thuật, thâm canh, tăng vụ – chăn nuôi được đưa lên thành ngành chính. Nhờ đó, nhiều hợp tác xã đạt được mục tiêu 5 tấn thóc trên 1 héc ta, một số hợp tác xã đạt 6 – 7 tấn. Sản lượng lương thực năm 1970 tăng hơn 60 vạn tấn so với năm 1968.

– Hệ thống giao thông vận tải bị phá hoại nặng nề được khẩn trương khôi phục. Văn hoá, giáo dục, y tế phát triển đáng kể. Đời sống nhân dân ổn định. Một số khó khăn do sai lầm khuyết điểm của ta trong chỉ đạo quản lí kinh tế – xã hội bước đầu được khắc phục.

Miền Bắc chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai, vừa chiến đấu vừa sản xuất.

– Ngày 16–4–1972, Nichxơn tuyên bố chính thức tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai. Đến 9–5–1972, Nichxơn lại tuyên bố mở rộng quy mô đánh phá và phong toả cảng Hải Phòng cùng các cửa sông, vùng biển miền Bắc.

– Cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Nichxơn đã vượt xa cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Giônxơn cả về quy mô, tốc độ, cường độ đánh phá, nhất là đã sử dụng một cách phổ biến, tập trung các loại máy bay hiện đại nhất như B52, F111 với ý đồ cứu vãn thất bại của chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh và tạo thế mạnh trên bàn đàm phán ở Pari.

– Nhờ chuẩn bị trước, quân dân ta ở miền Bắc đã giành thế chủ động, kịp thời chống trả địch và thắng lợi giòn giã từ trận đầu.

– Kinh tế miền Bắc một lần nữa phải chuyển hướng, giao thông vận tải bảo đảm thông suốt, kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế vẫn được duy trì và phát triển. Nhân dân phải sơ tán, nhưng đời sống vẫn đảm bảo để tiếp tục sản xuất và chiến đấu.

– Không đạt được mục đích đề ra, cuối năm 1972, Mĩ tăng cường hơn nữa hoạt động chiến tranh chống phá miền Bắc. Ngày 14–12–1972, Nichxơn phê chuẩn kế hoạch mở cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược B52 lớn chưa từng có vào Hà Nội và Hải Phòng, với âm mưu gây cho nhân dân ta những thiệt hại về người và của đến mức không chịu đựng nổi phải khuất phục.

– Cuộc tập kích bắt đầu từ chiều tối 18–12–1972 đến hết ngay 29–12–1972. Quân dân miền Bắc đánh trả địch những đòn đích đáng từ trận đầu và đã đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích chiến lược, làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không". Trong 12 ngày đêm, ta đã bắn rơi 81 máy bay (trong đó có 34 máy bay B52, 5 máy bay F111) bắt sống 43 phi công Mĩ.

– Ngày 30–12–1972, Chính phủ Mĩ tuyên bố ngừng mọi hoạt động chống phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, và đến ngày 15–1–1973 thì tuyên bố ngừng hoàn toàn các hoạt động chống phá miền Bắc để kí với Chính phủ ta Hiệp định Pari.

Miền Bắc chi viện cho miền Nam

– Trong thời kì chống "Việt Nam hoá" chiến tranh và "Đông Dương hoá" chiến tranh (1969 – 1973) miền Bắc ngoài nghĩa vụ hậu phương đối với tiền tuyến miền Nam, còn làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Campuchia.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Miền Bắc đã tập trung lớn khả năng về lực lượng, phương tiện để khắc phục tại chỗ và kịp thời hậu quả của những cuộc đánh phá ác liệt của địch, vượt qua vòng vây phong toả của địch để tiếp nhận tốt hàng viện trợ của bên ngoài và tiếp viện theo yêu cầu của tiền tuyến miền Nam. Trong năm 1972, miền Bắc đã động viên trên 22 vạn thanh niên bổ sung cho lực lượng vũ trang và đưa vào chiến trường ba nước Đông Dương nhiều đơn vị bộ đội được huấn luyện và trang bị đầy đủ.

ĐỀ SỐ 33

Câu 1. *(3 điểm)*
Khái quát chính sách đối ngoại của Nhật Bản trong thời kì chiến tranh lạnh.

Câu 2. *(4 điểm)*
Trình bày hoàn cảnh và diễn biến Hội nghị Pari về việc chấm dứt cuộc chiến tranh ở Việt Nam giữa ta và Mĩ (từ tháng 5–1968 đến tháng 1–1973).

Câu 3. *(3 điểm)*
Hãy nêu nội dung cơ bản, ý nghĩa của Hiệp định Pari về việc chấm dứt cuộc chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam năm1973.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Chính sách đối ngoại của Nhật Bản trong thời kì Chiến tranh lạnh :***
Sau chiến tranh, Nhật Bản đã bị quân đội Mĩ, với danh nghĩa lực lượng Đồng minh, chiếm đóng từ năm 1945 đến năm 1952, nhưng Chính phủ Nhật Bản vẫn được phép tồn tại và quản lí đất nước.

Nhật Bản chủ trương liên minh chặt chẽ với Mĩ. Nhờ đó, nước Nhật sớm kí kết được *Hiệp ước hoà bình Xan Phranxixcô* (8–9–1951) và chấm dứt chế độ chiếm đóng của Đồng minh vào năm 1952. Cùng ngày, *Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật*
được kí kết, đặt nền tảng mới cho quan hệ giữa hai nước. Theo đó, Nhật Bản chấp nhận đứng dưới "chiếc ô" bảo hộ hạt nhân của Mĩ, để cho Mĩ đóng quân và xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ Nhật Bản.

Trong những năm 1952 – 1973 :

Nền tảng căn bản trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản vẫn là liên minh chặt chẽ với Mĩ. Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật được gia hạn thêm 10 năm nữa vào năm 1960, và đến năm 1970 thì được kéo dài vĩnh viễn. Tuy vậy, phong trào đấu tranh của nhân dân Nhật Bản chống Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật, chống chiến tranh của Mĩ ở Việt Nam, cũng như các cuộc đấu tranh theo mùa (mùa xuân và mùa thu) kể từ năm 1954 trở đi đòi tăng lương, cải thiện đời sống luôn diễn ra mạnh mẽ.

Năm 1956, Nhật Bản bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Liên Xô. Cùng năm đó, Nhật Bản là thành viên của Liên hợp quốc.

Trong những năm 1973 – 1991 : Nhật Bản vẫn duy trì sự liên minh chặt chẽ với Mĩ. Mặt khác, với tiềm lực kinh tế – tài chính ngày càng lớn mạnh, từ nửa sau những năm 70, Nhật Bản bắt đầu đưa ra chính sách đối ngoại mới, thể hiện trong "học thuyết Phucuđa" (1977) và "học thuyết Kaiphu" (1991). Nội dung chủ yếu của

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

các học thuyết trên là tăng cường quan hệ kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội với các nước Đông Nam Á và tổ chức ASEAN.

Trong những năm 1991 – 2000 :

Nhật Bản tiếp tục duy trì sự liên minh chặt chẽ với Mĩ. Tháng 4–1996, hai nước ra tuyên bố khẳng định lại việc kéo dài vĩnh viễn Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật. Mặt khác, với "học thuyết Miydaoa" (1–1993) và "học thuyết Hasimôtô" (1–1997), Nhật Bản vẫn coi trọng quan hệ với Tây Âu, mở rộng hoạt động đối ngoại với các đối tác khác đến phạm vi toàn cầu và chú trọng phát triển quan hệ với các nước Đông Nam Á.

Tóm lại, suốt thời kì Chiến tranh lạnh, Nhật Bản đã thi hành chính sách đối ngoại mềm mỏng, tập trung vào phát triển các quan hệ kinh tế đối ngoại. Từ đầu những năm 90, Nhật Bản nỗ lực vươn lên thành một cường quốc chính trị để tương xứng với vị thế siêu cường kinh tế của mình.

Câu 2. ***Hoàn cảnh và diễn biến Hội nghị Pari về việc chấm dứt cuộc chiến tranh ở Việt Nam giữa ta và Mĩ (từ tháng 5–1968 đến tháng 1–1973) :***

Hoàn cảnh dẫn đến Hội nghị Pari...

– Đầu năm 1967, sau thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trong hai mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967, ta chủ trương mở thêm mặt trận tiến công ngoại giao nhằm tố cáo tội ác của đế quốc Mĩ, vạch trần luận điệu hoà bình bịp bợm của chúng, nêu tính chất chính nghĩa, lập trường đúng đắn của ta, tranh thủ rộng rãi sự đồng tình ủng hộ của dư luận quốc tế.

– Do thất bại ở hai miền nước ta, Mĩ buộc phải chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra (31–3–1968) đến toàn lãnh thổ miền Bắc (1–11–1968) rồi đến bàn hội nghị đàm phán với đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (Hội nghị hai bên) từ 13–5–1968 ; sau đó đàm phán với cả đại diện Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và cùng với đại diện Việt Nam Cộng hoà (Hội nghị bốn bên) từ ngày 25–1–1969.

Diễn biến Hội nghị

– Từ phiên họp đầu tiên (13–5–1968) đến khi đạt được dự thảo Hiệp định Pari về Việt Nam (10–1972), Hội nghị hai bên, rồi Hội nghị bốn bên ở Pari trải qua nhiều phiên họp chung công khai và nhiều cuộc tiếp xúc riêng. Lập trường bốn bên, mà thực chất là hai bên Việt Nam và Mĩ rất xa nhau, mâu thuẫn, khiến cho cuộc đấu tranh diễn ra gay gắt đến mức nhiều lúc phải gián đoạn cuộc thương lượng.

– Trong các phiên họp, phía Việt Nam tập trung vào hai vấn đề mấu chốt nhất là đòi Mĩ rút hết quân viễn chinh cùng quân đồng minh khỏi miền Nam và đòi họ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam. Phía Mĩ trước sau nêu quan điểm đòi hai bên (cả quân miền Bắc có mặt ở miền Nam) "cùng rút quân" và từ chối kí dự thảo Hiệp định do phía Việt Nam đưa ra (10–1972) để rồi mở cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 với ý đồ buộc Việt Nam kí dự thảo Hiệp định do Mĩ đưa ra.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Nhưng Mĩ đã thất bại. Quân dân ta đã đập tan cuộc tập kích chiến lược đường không của Mĩ, làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không", buộc Mĩ phải kí dự thảo Hiệp định Pari do Việt Nam đưa ra trước đó.

Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được kí tắt ngày 23–1–1973 giữa đại diện hai chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Hoa Kì, và kí chính thức ngày 27–1–1973 giữa bốn ngoại trưởng, đại diện cho các chính phủ tham dự Hội nghị Pari. Hiệp định Pari bắt đầu có hiệu lực từ ngày kí chính thức.

Câu 3. ***Nội dung cơ bản, ý nghĩa của Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam năm 1973 :***

Nội dung cơ bản

– Hoa Kì buộc phải cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam là độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ

– Ngừng bắn ở miền Nam Việt Nam vào 24 giờ ngày 27–1–1973. Hoa Kì chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền Bắc Việt Nam.

– Hoa Kì buộc phải rút hết quân đội của mình và quân đồng minh trong thời hạn 60 ngày kể từ khi kí Hiệp định, phá huỷ các căn cứ quân sự, cam kết không dính líu quân sự hoặc can thiệp vào nội bộ của miền Nam.

– Nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử không có sự can thiệp của nước ngoài. Hai miền Nam – Bắc sẽ thương lượng về việc thống nhất đất nước không có sự can thiệp của nước ngoài.

Các bên công nhận thực tế là ở miền Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát, ba lực lượng chính trị.

– Hai bên tiến hành trao trả cho nhau tù binh và dân thường bị bắt. Hoa Kì cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương.

Ý nghĩa

– Hiệp định Pari về Việt Nam là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của quân và dân ở cả hai miền đất nước, buộc Mĩ phải thừa nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta. Mĩ đã rút hết quân về nước. Đó là thắng lợi lịch sử quan trọng, tạo ra thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

ĐỀ SỐ 34

Câu 1. *(3 điểm)*

Từ ba cuộc chiến tranh ở Đông Dương (1945 – 1954), Triều Tiên (1950 – 1953), Việt Nam (1954 – 1975), em có nhận xét gì về chính sách đối ngoại của Mĩ ?

Câu 2. (*3 điểm)*

Đế quốc Mĩ đã dùng những thủ đoạn gì nhằm phá vỡ liên minh đoàn kết chiến đấu của ba dân tộc Việt Nam – Lào – Campuchia ? Kết quả ra sao ?

Câu 3. *(4 điểm)*

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Miền Bắc đã thực hiện những nhiệm vụ gì sau Hiệp định Pari 1973 về Việt Nam ? Kết quả và ý nghĩa.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Từ ba cuộc chiến tranh ở Đông Dương (1945 – 1954), Triều Tiên (1950 – 1953), Việt Nam (1954 – 1975)...***

– Cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân pháp (1945 – 1954). Cuối năm 1949 đến năm 1950, Mĩ ngày càng can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

Trải qua 9 năm, với sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương dưới sự lãnh đạo của những người cộng sản đã kết thúc thắng lợi. Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương được kí kết vào ngày 21–7–1954. Hiệp định Giơnevơ đánh dấu thắng lợi của Việt Nam, Lào, Campuchia và là sự thể hiện cuộc đấu tranh gay gắt giữa hai phe.

– Chiến tranh Triều Tiên 1950 – 1953

Sau hơn 3 năm chiến tranh với những tổn thất nặng nề, các bên đã kí Hiệp định đình chiến (27–7–1953), theo đó, vĩ tuyến 38 vẫn là ranh giới quân sự giữa hai miền Bắc, Nam Triều Tiên. Cuộc chiến tranh Triều Tiên là sự đụng đầu trực tiếp giữa hai phe, không phân thắng bại.

– Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mĩ (1954 – 1975)

Sau Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương (7–1954), Mĩ thay Pháp chiếm đóng miền Nam Việt Nam, âm mưu biến các nước Đông Dương thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ. Đây là cuộc chiến tranh kéo dài nhất, khốc liệt nhất kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai với việc Mĩ áp dụng nhiều chiến lược chiến tranh. Chiến tranh Việt Nam 1954 – 1975 là cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất, phản ánh mâu thuẫn giữa hai phe, với sự thất bại của đế quốc Mĩ.

Nhận xét : Trong thời kì Chiến tranh lạnh, hầu như mọi cuộc chiến tranh hoặc xung đột quân sự ở các khu vực trên thế giới, với những hình thức và mức độ khác nhau, đều liên quan đến sự đối đầu giữa hai cực Xô – Mĩ.

Cả ba cuộc chiến tranh trên đều phản ánh tình trạng chiến tranh lạnh, nhằm triển khai "chiến lược toàn cầu" thực hiện tham vọng làm bá chủ thế giới của Mĩ với mục tiêu chủ yếu như : ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới tiêu diệt hoàn toàn các nước xã hội chủ nghĩa, đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân, phong trào hoà bình dân chủ, tiến bộ thế giới,...

Câu 2. ***Những thủ đoạn của đế quốc Mĩ nhằm phá vỡ liên minh đoàn kết chiến đấu của ba dân tộc Việt Nam – Lào – Campuchia :***

– Đế quốc Mĩ sử dụng quân đội Sài Gòn như lực lượng xung kích ở Đông Dương vào các cuộc hành quân mở rộng xâm lược Campuchia (1970), tăng cường chiến tranh ở Lào (1971), thực hiện âm mưu "dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương".

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– *Kết quả :* Nhân dân ta cùng với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia đã giành được những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trên mặt trận chính trị và quân sự, đập tan âm mưu của Mĩ "dùng người Đông Dương, đánh người Đông Dương".

+ Về chính trị : Ngày 24 và 25–4–1970, Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia họp nhằm đối phó với việc Mĩ chỉ đạo tay sai đảo chính lật đổ Chính phủ trung lập của Xihanúc ở Campuchia và biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước đoàn kết chiến đấu chống Mĩ.

+ Về quân sự : Từ ngày 30–4 đến ngày 30–6–1970, quân đội Việt Nam và quân đội Campuchia đã đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia của 10 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến đấu 17 000 tên địch, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn với 4,5 triệu dân.

Từ ngày 12–2 đến ngày 23–3–1971, quân đội Việt Nam và quân đội Lào đã đập tan cuộc hành quân "Lam Sơn – 719" của 4,5 vạn quân Mĩ và quân Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến đấu 22 000 tên địch, buộc chúng phải rút khỏi Đường 9 – Nam Lào, giữ vững hành lang chiến lược của cách mạng Đông Dương.

Câu 3. ***Sau Hiệp định Pari 1973 về Việt Nam, miền Bắc đã thực hiện những nhiệm vụ cơ bản :***

Nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc sau Hiệp định Pari năm 1973

Sau Hiệp định Pari 1973, miền Bắc trở lại hoà bình, chuyển sang thực hiện nhiệm vụ khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội.

Tiếp tục là hậu phương lớn, ra sức chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

Kết quả và ý nghĩa

– Kết quả đạt được trong việc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội :

Đến cuối tháng 6–1973, miền Bắc căn bản hoàn thành việc tháo gỡ thuỷ lôi, bom mìn do Mĩ thả trên biển, trên sông, bảo đảm đi lại bình thường.

Sau 2 năm (1973 – 1974), về cơ bản miền Bắc khôi phục xong các cơ sở kinh tế, các hệ thống thuỷ nông, mạng lưới giao thông, các công trình văn hoá, giáo dục, y tế. Kinh tế có bước phát triển.

Đến cuối năm 1974, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp trên một số mặt quan trọng đã đạt và vượt mức năm 1964 và năm 1971 là hai năm đạt mức cao nhất trong 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Tổng sản phẩm xã hội năm 1973 cao hơn năm 1965, năm 1974 cao hơn năm 1973 là 12,4%. Sản lượng lúa năm 1973 là 5 triệu tấn. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp năm 1974 tăng 15% so với năm 1973.

– Kết quả và ý nghĩa đạt được :

Trong hai năm 1973 – 1974, miền Bắc đưa vào các chiến trường miền Nam, Campuchia, Lào gần 20 vạn bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phong, cán bộ chuyên môn, nhân viên kĩ thuật. Đột xuất trong 2 tháng đầu năm 1975, miền Bắc gấp rút đưa vào miền Nam 57 000 bộ đội (trong tổng số 108 000 bộ đội của kế hoạch động viên năm 1975).

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Về vật chất – kĩ thuật, miền Bắc đã đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu to lớn và cấp bách của cuộc Tổng tiến công chiến lược ở miền Nam.

Từ đầu mùa khô 1973 – 1974 đến đầu mùa khô 1974 – 1975, miền Bắc đã đưa vào chiến trường hơn 26 vạn tấn vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, xăng dầu, thuốc men, lương thực, thực phẩm, trong đó có 4,6 vạn tấn vũ khí, đạn dược, 12,4 vạn tấn gạo, 3,2 vạn tấn xăng dầu.

Chi viện cho miền Nam thời kì này, ngoài yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chiến đấu, tiến tới Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, còn phải phục vụ nhiệm vụ xây dựng vùng giải phóng và chuẩn bị cho nhiệm vụ tiếp quản vùng giải phóng sau khi chiến tranh kết thúc.

ĐỀ SỐ 35

Câu 1. *(3 điểm)*
Hãy nêu và phân tích những sự kiện dẫn tới tình trạng chiến tranh lạnh giữa hai phe – tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

Câu 2. *(3 điểm)*
Trình bày những nội dung cơ bản của tác phẩm "Đường kách mệnh".

Câu 3. *(4 điểm)*
Từ sự chuyển hoá của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, sự phân hoá của Tân Việt, sự thất bại và tan rã của Việt Nam quốc dân đảng, hãy tìm ra nguyên nhân chung dẫn đến quá trình đó.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Những sự kiện dẫn tới tình trạng Chiến tranh lạnh giữa hai phe – tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa :***

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, mâu thuẫn Đông – Tây xuất hiện, đưa tới Chiến tranh lạnh với những biểu hiện sau đây :

Một là, sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc Liên Xô và Mĩ. Liên Xô chủ trương duy trì hoà bình, ủng hộ các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào giải phóng dân tộc, hoà bình dân chủ. Trái lại, Mĩ ra sức ủng hộ các lực lượng phản động, chống giai cấp công nhân, nhân dân lao động các nước, chạy đua vũ trang gây chiến tranh xâm lược nhằm chống phá các nước xã hội chủ nghĩa.

Hai là, chủ nghĩa xã hội từ một nước trở thành hệ thống thế giới, đặc biệt là sự ra đời của nước CHND Trung Hoa, sự lớn mạnh của các đảng cộng sản và phong trào giải phóng dân tộc. Hệ thống XHCN với không gian địa lí trải dài từ Đông Âu qua châu Á tới Mĩ Latinh cùng với lực lượng hùng mạnh của mình đã trở thành một đối trọng lớn đối với Mĩ và các nước phương Tây hầu như trong suốt nửa sau thế kỉ XX.

Ba là, Mĩ và các nước phương Tây đã thi hành một chính sách thù địch, gây căng thẳng đối với Liên Xô và các nước XHCN, từng bước đi tới tình trạng chiến tranh lạnh đối đầu gay gắt.

Ba "khúc dạo đầu" đưa tới Chiến tranh lạnh là :

1– Học thuyết Truman (1947) với 400 triệu USD viện trợ cho Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kì, tạo nên mối đe doạ từ sườn phía Nam đối với Liên Xô và các nước Đông Âu.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

2– Kế hoạch Mácsan : Mĩ viện trợ khoảng 17 tỉ USD cho 16 nước Tây Âu, tạo nên sự phân chia và đối lập về kinh tế – chính trị giữa hai khối nước Tây Âu TBCN và Đông Âu XHCN.

3– Sự thành lập khối quân sự NATO (1949) – khối quân sự lớn nhất và quan trọng nhất của các nước phương Tây, tạo nên sự đối đầu về chính trị và quân sự giữa hai phe TBCN và XHCN ở châu Âu và cả thế giới.

Để chống lại các chính sách thù địch của Mĩ và các nước phương Tây, Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu đã thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV, 1–1949) về kinh tế và Tổ chức Hiệp ước Vácsava (5–1955) về chính trị – quân sự.

Như thế, một cục diện thế giới đã hình thành với hai phe TBCN và XHCN với tình trạng Chiến tranh lạnh căng thẳng bao trùm cả thế giới.

Câu 2. ***Những nội dung cơ bản của tác phẩm "Đường kách mệnh" :***

– Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã về tới Quảng Châu (Trung Quốc). Người liên lạc với các nhà cách mạng Việt Nam đang hoạt động ở đây và tích cực vận động tổ chức, huấn luyện đào tạo cán bộ cách mạng. Phần lớn học viên là những thanh niên, học sinh, trí thức Việt Nam yêu nước. Từ 1924 đến 1927, Nguyễn Ái Quốc đã đưa được 75 thanh niên yêu nước Việt Nam vào các lớp học ở Quảng Châu.

Đầu năm 1927, những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu được xuất bản thành sách *Đường kách mệnh*.

– Mục đích của sách là để nói cho đồng bào ta biết rõ : "Vì sao chúng ta muốn sống thì phải cách mệnh. Vì sao cách mệnh là việc chung của cả dân chúng chứ không phải việc của một hai người. Đem lịch sử cách mệnh các nước làm gương cho chúng ta soi. Đem phong trào thế giới nói cho đồng bào ta rõ. Ai là bạn ta ? Ai là thù ta ? Cách mệnh thì phải làm thế nào ?"

Như vậy sách đã nêu lên và trả lời rất mộc mạc dễ hiểu, dễ nhớ những vấn đề cơ bản nhất của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

– Sách nêu rõ ba loại hình cách mạng : cách mạng tư sản, cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản. Cách mạng của nhân dân các nước thuộc địa chống lại các nước đế quốc là cách mạng giải phóng dân tộc.

– Cách mạng là sự nghiệp của đông đảo quần chúng gồm sĩ, nông, công, thương trong đó công nông là gốc cách mạng còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ là bầu bạn của công nông.

– Cách mạng phải có đảng theo chủ nghĩa Mác – Lênin lãnh đạo. Đảng có vững mạnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững, thuyền mới chạy.

– Cách mạng của mỗi nước là một bộ phận của cách mạng quốc tế. Cần phải đoàn kết và tranh thủ sự giúp đỡ của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên thế giới, song trước hết phải dựa vào sức mạnh của chính mình.

– Cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận cách mạng của thời đại cách mạng vô sản. Giải phóng dân tộc phải gắn liền với giải phóng nhân dân lao động, giải phóng giai cấp công nhân. Đó là sự nghiệp to lớn, lâu dài. Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản mới giải phóng được dân tộc. Cả hai cuộc giải phóng này là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và cách mạng thế giới.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Tác phẩm *Đường kách mệnh* đã vũ trang lí luận cách mạng cho cán bộ của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên tuyên truyền vào giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân Việt Nam, chuẩn bị kĩ về tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản sau này.

Câu 3. ***Nguyên nhân chung dẫn đến quá trình chuyển hoá của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, sự phân hoá của Tân Việt, sự thất bại và tan rã của Việt Nam quốc dân đảng :***

– Sự phát triển của phong trào yêu nước sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, đặc biệt là từ nửa sau những năm hai mươi, là kết quả của quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin và những quan điểm của Nguyễn Ái Quốc về đường lối cách mạng trên lập trường vô sản ở Việt Nam do Hội Việt Nam cách mạng thanh niên tiến hành. Nhưng chính sự phát triển đó lại vượt quá tầm lãnh đạo của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Để đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn,
Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đã chuyển hoá thành hai tổ chức cộng sản : Đông Dương Cộng sản đảng (6–1929) và An Nam Cộng sản đảng (tháng 7–1929).

– Cũng chính ảnh hưởng ngày càng sâu sắc của con đường cách mạng trên lập trường vô sản trong phong trào cách mạng Việt Nam đã dẫn tới sự phân hoá ngày càng gay gắt trong Tân Việt. Bộ phận tiên tiến của tổ chức này đã gia nhập các tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản (gia nhập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, hoặc thành lập ra tổ chức Đông Dương Cộng sản liên đoàn tháng 9–1929) ; bộ phận còn lại thì công khai đứng trên lập trường tư sản.

– Việt Nam Quốc dân đảng là một tổ chức yêu nước, theo xu hướng cách mạng dân chủ tư sản, tiêu biểu cho bộ phận tư sản dân tộc Việt Nam. Đường lối cách mạng của tổ chức này không đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu cơ bản của dân tộc, của nhân dân Việt Nam. Do vậy, Việt Nam Quốc dân đảng không xây dựng được cơ sở của mình trong các giai cấp cơ bản, đông đảo, không được quần chúng nhân dân làm hậu thuẫn. Chính vì vậy, khởi nghĩa Yên Bái thất bại đã kéo theo sự tan rã hoàn toàn của Việt Nam quốc dân đảng.

– Từ những thực tế trên, ta có thể rút ra nguyên nhân chung dẫn đến sự chuyển hoá của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, sự phân hoá của Tân Việt và sự thất bại rồi tan rã của Việt Nam quốc dân đảng là : quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam, cũng là quá trình tuyên truyền những quan điểm của Nguyễn Ái Quốc về con đường giải phóng dân tộc trên lập trường vô sản ở Việt Nam. Con đường cách mạng trên lập trường vô sản đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của dân tộc và của nhân dân Việt Nam. Vì vậy, con đường cách mạng vô sản, các tổ chức cách mạng trên lập trường vô sản được quần chúng nhân dân làm hậu thuẫn ngày càng chiếm ưu thế và đã giữ vai trò chủ đạo trong phong trào cách mạng Việt Nam.

ĐỀ SỐ 36

Câu 1. *(3 điểm)*
Hãy nêu và phân tích những sự kiện chứng tỏ xu thế hoà hoãn giữa hai phe – tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

Câu 2. *(3 điểm)*
Trong những năm đầu từ sau Hiệp định Pari 1973 đến trước Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam chống âm mưu hành động mới của Mĩ và chính quyền Sài Gòn đã diễn ra như thế nào ? Nêu ý nghĩa của chiến thắng Phước Long (6–1–1975).

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Câu 3. *(4 điểm)*
Trình bày tóm tắt các chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế – Đà Nẵng và chiến dịch Hồ Chí Minh.

Gợi ý làm bài

Câu 1. Những sự kiện chứng tỏ xu thế hoà hoãn giữa hai phe – TBCN và XHCN :
Mâu thuẫn Đông – Tây và cuộc Chiến tranh lạnh đã gây hậu quả nặng nề cho cả Mĩ và Liên Xô, cho cả hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Không thể kéo dài mãi tình hình đó, vì vậy từ đầu thập kỉ 70, trong quan hệ quốc tế đã xuất hiện xu thế hoà hoãn, chuyển từ căng thẳng đối đầu sang hoà dịu đối thoại.

– *Trước hết* là quan hệ giữa hai nước Đức, ngày 9–11–1972, CHDC Đức và CHLB Đức đã kí hiệp ước công nhận lẫn nhau, thừa nhận đường biên giới sau chiến tranh, thiết lập quan hệ láng giềng thân thiện.

– Cũng trong năm 1972, hai siêu cường Liên Xô, Mĩ đã kí Hiệp ước về việc hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM), sau đó là Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược (gọi tắt là SALT – 1), đưa tới sự cân bằng Xô – Mĩ về lực lượng quân sự nói chung và vũ khí hạt nhân nói riêng.

– Trải qua cuộc đàm phán nhiều ngày, tháng 8–1975, 33 nước ở châu Âu (cả Đông và Tây Âu) cùng Mĩ và Canađa đã kí Định ước Henxinki về an ninh, hợp tác châu Âu. Tình hình châu Âu giảm bớt căng thẳng rõ rệt.

– Từ nửa sau những năm 80, hai nước Xô – Mĩ đã tăng cường các cuộc tiếp xúc cấp cao (Goócbachốp – Rigân, Goócbachốp – Busơ (cha)), kí kết các hiệp ước về kinh tế, khoa học – kĩ thuật, đặc biệt là Hiệp ước thủ tiêu tên lửa tầm trung ở châu Âu (1987), cắt giảm vũ khí chiến lược (1991).

– Cuối tháng 12–1989, tại cuộc gặp cấp cao không chính thức trên đảo Manta, hai nước Xô – Mĩ tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh kéo dài hơn 40 năm.

Sở dĩ hai siêu cường Xô – Mĩ tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh vì : *Một là*, cuộc chạy đua vũ trang kéo dài hơn bốn thập kỉ đã làm cho cả hai nước quá tốn kém và suy giảm thế mạnh của họ trên nhiều mặt so với các cường quốc khác.

Hai là, sự vươn lên mạnh mẽ của Đức, Nhật Bản và Tây Âu... đã gây ra nhiều khó khăn và thách thức to lớn. Các nước này đã trở thành những đối thủ cạnh tranh đáng gờm đối với Mĩ. Còn Liên Xô, lúc này nền kinh tế ngày càng lâm vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng.

Do vậy, hai cường quốc Liên Xô và Mĩ đều cần phải thoát khỏi thế đối đầu để ổn định và củng cố vị thế của mình.

Chiến tranh lạnh chấm dứt đã mở ra chiều hướng và những điều kiện giải quyết hoà bình các vụ tranh chấp, xung đột đang diễn ra ở nhiều khu vực trên thế giới.

Câu 2. ***Diễn biến chính về cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam chống âm mưu, hành động mới của Mĩ và chính quyền Sài Gòn...***
Âm mưu, hành động của Mĩ và chính quyền Sài Gòn sau Hiệp định Pari

Được cố vấn Mĩ chỉ huy và nhận viện trợ của Mĩ, chính quyền Sài Gòn ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pari. Chúng huy động gần như toàn bộ lực lượng tiến hành chiến dịch "tràn ngập lãnh thổ", liên tiếp mở những cuộc

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

hành quân "bình định – lấn chiếm" vùng giải phóng của ta. Đây thực chất là hành động phá hoại Hiệp định Pari, tiếp tục chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".

Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chống âm mưu và thủ đoạn mới của Mĩ và chính quyền Sài Gòn.

– Những tháng đầu sau khi kí Hiệp định Pari, trong cuộc đấu tranh chống "bình định – lấn chiếm", chống âm mưu "tràn ngập lãnh thổ" của địch, ta có đạt được một số kết quả nhất định. Nhưng do không đánh giá hết âm mưu phá hoại Hiệp định của địch, quá nhấn mạnh đến hoà bình, hoà hợp dân tộc... nên trên một số địa bàn quan trọng, ta bị mất đất, mất dân.

– Buộc phải rút quân về nước (29–3–1973), Mĩ vẫn giữ lại 2 vạn cố vấn quân sự, lập Bộ chỉ huy quân sự, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho chính quyền Sài Gòn.

– Từ sau khi có Nghị quyết 21 của Trung ương Đảng (7–1973) :

Nắm bắt tình hình trên, tháng 7–1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21. Trên cơ sở nhận định kẻ thù vẫn là đế quốc Mĩ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu, Hội nghị nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn hiện tại là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Hội nghị nhấn mạnh, trong bất cứ tình hình nào cũng phải tiếp tục con đường cách mạng bạo lực, phải nắm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng, từ cuối năm 1973, quân dân ta ở miền Nam vừa kiên quyết đánh trả địch, bảo vệ vùng giải phóng, vừa chủ động mở những cuộc tiến công địch, mở rộng vùng giải phóng.

Cuối năm 1974 – đầu năm 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự, trọng tâm là đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ. Quân ta đã giành thắng lợi trong chiến dịch Đường 14 – Phước Long. Trong chiến dịch này (từ ngày 22–12–1974 đến 6–1–1975), ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 3 000 địch, giải phóng Đường 14, thị xã và toàn tỉnh Phước Long với 50 000 dân.

Sau chiến thắng này của ta, chính quyền Sài Gòn phản ứng mạnh và đưa quân chiếm lại, nhưng chúng đã thất bại. Còn Mĩ chỉ phản ứng yếu ớt, chủ yếu dùng áp lực đe doạ từ xa.

Phối hợp với đấu tranh quân sự, nhân dân ta ở miền Nam đẩy mạnh đấu tranh chính trị, ngoại giao, nhằm tố cáo hành động của Mĩ và chính quyền Sài Gòn vi phạm Hiệp định, phá hoại hoà bình, hoà hợp dân tộc ; nêu cao tính chất chính nghĩa cuộc đấu tranh của nhân dân ta ; đòi lật đổ chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, thực hiện các quyền tự do, dân chủ.

Tại các vùng giải phóng, đồng thời với cuộc đấu tranh bảo vệ quê hương, nhân dân ta ra sức khôi phục và đẩy mạnh sản xuất, tăng nguồn dự trữ chiến lược cho cuộc chiến đấu hoàn thành giải phóng miền Nam.

Ý nghĩa của chiến thắng Phước Long (6–1–1975)

Thắng lợi của quân dân ta ở Phước Long và phản ứng của Mĩ và chính quyền Sài Gòn sau đó, cho thấy rõ về sự lớn mạnh và khả năng thắng lợi của quân ta, sự suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn ; về khả năng can thiệp trở lại bằng quân sự rất hạn chế của Mĩ.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Câu 3. ***Tóm tắt các chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế – Đà Nẵng và chiến dịch Hồ Chí Minh :***

Chiến dịch Tây Nguyên

– Tây Nguyên có vị trí chiến lược rất quan trọng đối với chiến trường miền Nam. Nhưng do nhận định sai hướng tiến công của quân ta, địch chốt giữ ở đây một lực lượng mỏng, bố phòng có nhiều sơ hở. Vì vậy, tháng 10–1974, Bộ Chính trị đã chọn Tây Nguyên đánh trận mở đầu và là hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975. Thực hiện kế hoạch, ta tập trung lực lượng chủ lực mạnh với binh khí kĩ thuật hiện đại, mở chiến dịch quy mô lớn ở Tây Nguyên với trận then chốt đánh vào thị xã Buôn Ma Thuột (10–3–1975).

Chiến thắng Buôn Ma Thuột làm rung chuyển toàn bộ chiến trường Tây Nguyên và đảo lộn thế chiến lược trên chiến trường của địch, mở đầu cho sự sụp đổ dây chuyền của quân đội Sài Gòn ở Tây Nguyên.

– Địch dồn quân tái chiếm lại Buôn Ma Thuột, nhưng bị ta đánh bại. Trên đường rút khỏi Tây Nguyên bị quân ta truy kích, tiêu diệt. Đến ngày 24–3, ta đã giải phóng được toàn bộ vùng Tây Nguyên rộng lớn với 60 vạn dân.

– Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sang một giai đoạn mới : từ cuộc tiến công chiến lược phát triển thành cuộc tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam.

Chiến dịch Huế – Đà Nẵng. Thấy thời cơ chiến lược đến nhanh, hết sức thuận lợi ngay khi chiến dịch Tây Nguyên đang tiếp diễn, Bộ Chính trị kịp thời quyết định kế hoạch giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam, trước tiên là chiến dịch giải phóng Huế – Đà Nẵng.

– Phát hiện địch co cụm ở Huế, ngày 21–3, quân ta thọc sâu vào căn cứ địch, chặn các đường rút chạy của chúng, hình thành thế bao vây chúng trong thành phố. Ngày 25–3, quân ta tiến vào giải phóng cố đô Huế và hôm sau, giải phóng toàn tỉnh Thừa Thiên. Trong cùng thời gian, quân ta giải phóng Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Chu Lai... tạo thêm một hướng uy hiếp Đà Nẵng từ phía nam.

Đà Nẵng – thành phố lớn thứ hai ở miền Nam, một căn cứ quân sự liên hợp lớn nhất của Mĩ và quân đội Sài Gòn, rơi vào thế cô lập. Hơn 10 vạn địch bị dồn ứ vào đây, trở nên hỗn loạn, mất hết khả năng chiến đấu. Chiều ngày 29–3, quân ta giải phóng toàn bộ thành phố Đà Nẵng.

– Trong cùng thời gian với chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế – Đà Nẵng, các tỉnh còn lại ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên, một số tỉnh Nam Bộ và các đảo biển miền Trung lần lượt được giải phóng.

Chiến dịch Hồ Chí Minh

Sài Gòn là trung tâm đầu não của chính quyền tay sai. Nắm vững thời cơ chiến lược, Bộ Chính trị quyết tâm mở chiến dịch Hồ Chí Minh, tập trung toàn bộ lực lượng để đánh vào Sài Gòn. Cả nước ra quân với phương châm "thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng".

– Sau khi phá vỡ hệ thống phòng ngự của địch từ xa ở Phan Rang, quân ta bằng nhiều mũi tấn công nhanh chóng áp sát Sài Gòn, hình thành thế bao vây tiến công Sài Gòn, mở cuộc tiến công vào Xuân Lộc ngày 9–4, một căn cứ trọng yếu của địch bảo vệ Sài Gòn từ phía đông.

– Trước tình hình đó, nội bộ Mĩ và chính quyền Sài Gòn càng thêm hoảng loạn. Ngày 18–4, Tổng thống Mĩ ra lệnh di tản hết người Mĩ khỏi Sài Gòn. Ngày 21–4, Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức Tổng thống.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Ngày 26–4, quân ta được lệnh nổ súng mở đầu chiến dịch. Tất cả 5 cánh quân vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch tiến vào Sài Gòn.

– 9 giờ 30 phút ngày 30–4, Dương Văn Minh vừa lên chức Tổng thống chính quyền Sài Gòn ngày 28–4, kêu gọi "ngừng bắn để điều đình bàn giao chính quyền" nhằm cứu quân đội Sài Gòn khỏi sụp đổ.

– 10 giờ 45 phút ngày 30–4, xe tăng của quân ta tiến thẳng vào dinh Độc lập, bắt sống toàn bộ nội các Sài Gòn. Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện lúc 11 giờ 30 cùng ngày. Chiến dịch Hồ Chí Minh đã toàn thắng.

– Thừa thắng, lực lượng vũ trang và nhân dân các tỉnh còn lại nhất tề đứng lên tiến công và nổi dậy theo phương thức xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh. Đến 2–5–1975, miền Nam nước ta hoàn toàn được giải phóng.

ĐỀ SỐ 37

Câu 1. *(3 điểm)*
Trình bày diễn biến chính về cuộc đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập của nhân dân Inđônêxia từ tháng 8–1945.

Câu 2. *(2 điểm)*
Trình bày sự ra đời và hoạt động của Tân Việt Cách mạng đảng.

Câu 3. *(3 điểm)*
Hãy nêu những thành tựu trong công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh ở miền Bắc từ năm 1954 đến 1957.

Câu 4. *(2 điểm)*
Trình bày những thành tựu trong công cuộc cải tạo XHCN ở miền Bắc (1958 – 1960).

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Diễn biến chính về cuộc đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập của nhân dân Inđônêxia :***
Ngày 17–8–1945, sau khi quân phiệt Nhật Bản đầu hàng, Xucácnô đã đọc Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố thành lập nước Cộng hoà Inđônêxia.

Hưởng ứng Tuyên ngôn độc lập, nhân dân cả nước đã nổi dậy chiếm công sở, Đài Phát thanh và giành chính quyền từ tay Nhật Bản. Ngày 18–8–1945, lãnh tụ các chính đảng và các đoàn thể mở hội nghị của Uỷ ban trù bị độc lập Inđônêxia, thông qua bản Hiến pháp, bầu Xucácnô làm Tổng thống nước Cộng hoà Inđônêxia.

Tháng 11–1945, với sự giúp đỡ của quân Anh, Hà Lan quay trở lại xâm lược Inđônêxia. Cuộc kháng chiến chống thực dân Hà Lan, bảo vệ độc lập của nhân dân Inđônêxia bùng nổ. Tháng 5–1949, Hà Lan và Inđônêxia kí Hiệp định đình chiến tại Giacácta. Tháng 11–1949, hai bên kí Hiệp ước La Hay, theo đó nước Cộng hoà liên bang Inđônêxia nằm trong khối Liên hiệp Hà Lan – Inđônêxia, bị phụ thuộc nhiều mặt vào Hà Lan. Do cuộc đấu tranh của nhân dân đòi độc lập thật sự và thống nhất, ngày 15–8–1950, nước Cộng hoà Inđônêxia thống nhất được thành lập. Cuộc kháng chiến của nhân dân Inđônêxia giành được thắng lợi.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Từ năm 1953, Chính phủ của Đảng Quốc dân do Xucácnô đứng đầu đã thực hiện nhiều biện pháp củng cố nền độc lập của đất nước : phế bỏ phái đoàn cố vấn quân sự của Hà Lan ở Inđônêxia (1953), huỷ bỏ Hiệp ước La Hay, thu hồi miền Tây Irian (1963), thực hiện rộng rãi các quyền tự do, dân chủ.

Ngày 30–9–1965, đơn vị quân đội bảo vệ Phủ Tổng thống tiến hành cuộc đảo chính quân sự. Cuộc đảo chính thất bại. Chính phủ mới được thành lập. Năm 1967, tướng Xuhácto lên làm Tổng thống. Tình hình dần ổn định, Inđônêxia bước vào thời kì xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá, giáo dục. Cuộc khủng khoảng kinh tế – tài chính năm 1997 ở Đông Nam Á làm cho Inđônêxia rơi vào tình trạng rối loạn : Xuhácto bị lật đổ, mâu thuẫn sắc tộc gay gắt, kinh tế suy sụp.

Đến năm 2001 – 2002, đất nước Inđônêxia mới dần dần được phục hồi nhưng những vụ khủng bố cùng với thiên tai như động đất, sóng thần khiến cho đất nước này vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức.

Câu 2. ***Sự ra đời và hoạt động của Tân Việt Cách mạng đảng :***

– Sự ra đời

Ngày 14–7–1925, một số tù chính trị cũ ở Trung Kì cùng một nhóm sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội lập ra Hội Phục Việt, sau đó đổi thành Hội Hưng Nam. Tháng 7–1926, Hội đổi tên là Việt Nam Cách mạng đảng ; tháng 7–1927 lại đổi tên là Việt Nam Cách mạng đồng chí hội. Ngày 14–7–1928, Hội họp Đại hội, quyết định đổi tên thành Tân Việt Cách mạng đảng (Đảng Tân Việt).

– Hoạt động

Đảng Tân Việt chủ trương đánh đổ chủ nghĩa đế quốc nhằm thiết lập một xã hội bình đẳng và bác ái. Đảng tập hợp những trí thức, thanh niên tiểu tư sản yêu nước. Địa bàn hoạt động chủ yếu ở Trung Kì.

Một số đảng viên tiên tiến của Tân Việt đã chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên. Số đảng viên tiên tiến còn lại tích cực chuẩn bị để tiến tới thành lập một chính đảng theo tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, của học thuyết Mác – Lênin.

Câu 3. ***Những thành tựu trong công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh ở miền Bắc...***

Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh là nhiệm vụ tất yếu trong thời kì đầu sau chiến tranh. Công cuộc khôi phục kinh tế được toàn dân tích cực hưởng ứng và triển khai trong tất cả các ngành.

– Trong nông nghiệp : Nông dân hăng hái khai khẩn ruộng đất bỏ hoang, bảo đảm cày cấy hết ruộng đất vắng chủ, tăng thêm đàn trâu bò, sắm thêm nông cụ. Nhiều đập nước được sửa chữa. Nhiều công trình thuỷ nông mới được xây dựng, có tác dụng mở rộng diện tích tưới và tiêu nước. Đến cuối năm 1957, sản lượng lương thực đạt gần 4 triệu tấn, tăng hơn 1,5 triệu tấn so với năm 1939. Nạn đói kinh niên ở miền Bắc căn bản được giải quyết.

– Trong công nghiệp : Nhanh chóng khôi phục và mở rộng hầu hết các nhà máy, xí nghiệp bị phá hỏng, xây dựng thêm một số nhà máy mới như nhà máy cơ khí Hà Nội, diêm Thống nhất, gỗ Cầu Đuống, thuốc lá Thăng Long, cá hộp Hải Phòng, chè Phú Thọ... Đến cuối năm 1957, miền Bắc có 97 nhà máy, xí nghiệp do Nhà nước quản lí.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– *Các ngành thủ công nghiệp, thương nghiệp :* Đảm bảo cung cấp nhiều mặt hàng tiêu dùng thiết yếu cho nhân dân và giải quyết phần nào việc làm cho người lao động. Ngoại thương dần tập trung vào tay Nhà nước. Đến cuối năm 1957, miền Bắc đã đặt quan hệ buôn bán với 27 nước.

– *Giao thông vận tải :* Khôi phục 700 km đường sắt, sửa chữa và làm mới hàng nghìn km đường ô tô, xây dựng lại và mở rộng thêm nhiều bến cảng như Hải Phòng, Hòn Gai, Bến Thuỷ. Đường hàng không dân dụng quốc tế được khai thông.

– *Văn hoá, giáo dục, y tế* được đẩy mạnh. Hệ thống giáo dục phổ thông theo chương trình 10 năm được khẳng định, một số trường đại học được thành lập ; hơn 1 triệu người được xoá mù chữ. Nhà nước quan tâm xây dựng hệ thống y tế, chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân.

– *Chính quyền dân chủ nhân dân* được củng cố, tăng cường khả năng phòng thủ đất nước, mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, quan hệ ngoại giao với nhiều nước trên thế giới.

Câu 4. ***Những thành tựu trong công cuộc cải tạo quan hệ sản xuất XHCN ở miền Bắc (1958 – 1960) :***

Từ năm 1958 đến năm 1960, miền Bắc lấy cải tạo XHCN làm trọng tâm : cải tạo nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ, công thương nghiệp tư bản tư doanh, khâu chính là hợp tác hoá nông nghiệp.

– *Những thành tựu :*

+ Đến cuối năm 1960, miền Bắc có trên 85% hộ nông dân với 70% ruộng đất vào hợp tác xã nông nghiệp, hơn 87% số thợ thủ công và 45% số người buôn bán nhỏ vào hợp tác xã.

+ Đối với tư sản dân tộc, Đảng và Nhà nước chủ trương cải tạo bằng phương pháp hoà bình, sử dụng mặt tích cực của họ phục vụ công cuộc xây dựng đất nước. Đến cuối năm 1960, có hơn 95% số hộ tư sản vào công tư hợp doanh.

Đồng thời với cải tạo là nhiệm vụ xây dựng kinh tế – xã hội, trọng tâm là phát triển thành phần kinh tế quốc doanh. Đến năm 1960, đã có 172 xí nghiệp lớn do trung ương quản lí và trên 500 xí nghiệp do địa phương quản lí.

+ Văn hoá, giáo dục, y tế phát triển. So với năm 1957, năm 1960, số học sinh tăng 80%, số sinh viên tăng gấp đôi. Các cơ sở y tế tăng 11 lần so với năm 1955.

ĐỀ SỐ 38

Câu 1. *(2,5 điểm)*

Hãy nêu những biến đổi chính của tình hình thế giới sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt.

Câu 2. *(2 điểm)*

Trình bày nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975).

Câu 3. *(2,5 điểm)*

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Những thành tựu chủ yếu của miền Bắc trong sản xuất, xây dựng kinh tế, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại và trong thực hiện nghĩa vụ hậu phương kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975).

Câu 4 *(3 điểm)*
Chiến lược giải phóng miền Nam đã được các Hội nghị của Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra như thế nào ?

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Những biến đổi chính của tình hình thế giới sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt :***
Sau nhiều năm trì trệ và khủng hoảng kéo dài, tới những năm 1989 – 1991 chế độ xã hội chủ nghĩa đã bị tan rã ở các nước Đông Âu và Liên bang Xô viết. Ngày 28–6–1991, Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) tuyên bố giải thể và sau đó, ngày 1–7–1991 Tổ chức Hiệp ước Vácsava chấm dứt hoạt động. Với "cực" Liên Xô tan rã, hệ thống thế giới của các nước xã hội chủ nghĩa không còn tồn tại, Trật tự thế giới hai cực Ianta đã sụp đổ. Thế "hai cực" của hai siêu cường không còn nữa, Mĩ là "cực" duy nhất còn lại. Phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô ở châu Âu và châu Á đã bị mất, ảnh hưởng của Mĩ cũng bị thu hẹp ở nhiều nơi.

Trong khi đó, khối NATO vẫn tiếp tục duy trì, có ý đồ mở rộng sang phía đông châu Âu.

Sự hợp tác Xô – Mĩ cũng dẫn đến xu thế đối thoại, hợp tác nhằm giải quyết từng bước các vụ tranh chấp hoặc xungđột khu vực như : vấn đề Ápganixtan, vấn đề Campuchia, vấn đề hoà bình và ổn định ở Trung Đông...

Câu 2. ***Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975) :***
Nguyên nhân thắng lợi

– Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo, đường lối tiến hành đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, với phương pháp đấu tranh linh hoạt, kết hợp với đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao.

– Tinh thần yêu nước, đoàn kết nhất trí, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm của nhân dân. Hậu phương vững mạnh, đáp ứng kịp thời yêu cầu của cuộc kháng chiến.

– Tinh thần đoàn kết, phối hợp chiến đấu chống kẻ thù chung của ba dân tộc Đông Dương. Sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ to lớn của các lực lượng cách mạng, hoà bình, dân chủ trên thế giới...

Ý nghĩa lịch sử

– Cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước thắng lợi đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mĩ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, chấm dứt ách thống trị của thực dân, đế quốc trên đất nước ta, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất đất nước.

– Mở ra kỉ nguyên mới của lịch sử dân tộc – kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội.

– Tác động mạnh đến tình hình nước Mĩ và thế giới, là nguồn cổ vũ to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhất là đối với phong trào giải phóng dân tộc.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Câu 3. ***Những thành tựu chủ yếu của miền Bắc trong sản xuất...***

Trong những năm kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975) miền Bắc đã thực hiện các nhiệm vụ sản xuất, xây dựng kinh tế, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, làm nghĩa vụ hậu phương và đã đạt được những thành tựu quan trọng.

– Khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh sau 3 lần kháng chiến : chống Pháp, chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, chiến tranh phá hoại lần thứ hai.

– Xoá bỏ về cơ bản chế độ người bóc lột người (sau hoàn thành cải cách ruộng đất và sửa sai 1954 – 1957 và sau những lần thực hiện các kế hoạch cải tạo quan hệ sản xuất).

– Củng cố vững chắc chính quyền dân chủ nhân dân, mở rộng mặt trận đoàn kết dân tộc, tăng cường lực lượng phòng thủ đất nước.

– Thiết lập bước đầu quan hệ sản xuất mới, xây dựng những cơ sở đầu tiên về vật chất và kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

– Đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mĩ, làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không" – trận thắng quyết định buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pari 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam, quyết định "đánh cho Mĩ cút" và ngày 29–3–1973, toán lính Mĩ cuối cùng rút khỏi nước ta.

– Làm tròn nghĩa vụ của hậu phương lớn, chi viện về người và của cho tiền tuyến và nghĩa vụ quốc tế đối với Lào, Campuchia trong chống Mĩ, cứu nước.

Thành tựu của miền Bắc từ năm 1954 đến năm 1975 là sự thể hiện sức mạnh của miền Bắc. Với sức mạnh đó, miền Bắc có đủ khả năng tự bảo vệ và đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của Mĩ, đáp ứng cao nhất yêu cầu chi viện cho tiền tuyến.

Sức mạnh của miền Bắc được tạo ra bởi chế độ mới, bởi lao động xây dựng miền Bắc theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trở thành căn cứ địa cách mạng của cả nước, hậu phương của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. Sức mạnh của miền Bắc, trước hết là sức mạnh vật chất (kinh tế và quân sự) còn được tạo ra nhờ có sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của Liên Xô, Trung Quốc, của các nước dân chủ nhân dân khác và của loài người tiến bộ, trong đó có nhân dân Mĩ.

Câu 4. ***Chủ trương của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về chiến lược giải phóng miền Nam :***

Cuối năm 1974 đầu 1975, trong tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng, Đảng họp Hội nghị Bộ Chính trị (từ 30–9 đến 7–10–1974) và Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng (từ 18–12–1974 đến 8–1–1975) để bàn kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng đang họp bàn thì nhận được tin quân dân ta giải phóng đường 14 và toàn tỉnh Phước Long (6–1–1975).

– Thắng lợi Phước Long và tình hình chiến sự sau Phước Long giúp Bộ Chính trị củng cố thêm quyết tâm chiến lược, bổ sung và hoàn chỉnh kế hoạch 2 năm (1975 – 1976) hoàn thành giải phóng miền Nam đề ra từ Hội nghị tháng 10–1974, cụ thể là năm 1975,

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

tranh thủ thời cơ bất ngờ tiến công địch trên quy mô lớn, rộng khắp, tạo điều kiện đến năm 1976 tiến hành tổng công kích – tổng khởi nghĩa giải phóng hoàn toàn miền Nam.

– Bộ Chính trị tuy đề ra kế hoạch 2 năm giải phóng miền Nam , nhưng lại nhận định cả năm 1975 là thời cơ và chỉ rõ : "Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975". Bộ Chính trị cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải tranh thủ thời cơ thực hiện cuộc Tổng công kích – Tổng khởi nghĩa, phải đánh nhanh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hoá, giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

– Ngày 25–3–1975, Bộ Chính trị đã ra nghị quyết nêu rõ : "Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam. Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kĩ thuật và vật chất giải phóng miền Nam trước mùa mưa" (trước tháng 5–1975). Chiến dịch giải phóng Sài Gòn cũng được Bộ Chính trị quyết định mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh".

Ngày 26–4–1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu và kết thúc thắng lợi ngày 30–4–1975.

ĐỀ SỐ 39

Câu 1. *(3 điểm)*
Hãy chọn những sự kiện tiêu biểu của thời kì Chiến tranh lạnh.

Câu 2. *(2 điểm)*
Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, cách mạng ở hai miền Bắc–Nam có những thuận lợi và khó khăn gì ?

Câu 3. *(2 điểm)*
Việc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội ở hai miền Bắc – Nam sau năm 1975 có gì giống và khác nhau ?

Câu 4. *(3 điểm)*
Những thành tựu đạt được trong việc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế, ổn định tình hình miền Nam sau giải phóng năm 1975.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Những sự kiện tiêu biểu của thời kì Chiến tranh lạnh :***
1. Tháng 3–1947, Tổng thống Mĩ Truman phát động cuộc Chiến tranh lạnh để bao vây, tiêu diệt Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

2. Mĩ thực hiện "Kế hoạch Mácsan", viện trợ khoảng 17 tỉ USD cho các nước Tây Âu, vừa giúp các nước Tây Âu phục hồi nền kinh tế sau chiến tranh, vừa nhằm tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh quân sự chống Liên Xô và các nước Đông Âu.

"Kế hoạch Mácsan" đã tạo nên sự phân chia, đối lập về kinh tế và chính trị giữa các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa và các nước Đông Âu xã hội chủ nghĩa.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

3. Nước Đức, Mĩ, Anh và sau đó là Pháp đã tiến hành riêng rẽ việc hợp nhất các khu vực chiếm đóng của mình, tháng 9–1949 lập ra Nhà nước Cộng hoà Liên bang Đức. Tháng 10–1949, được sự giúp đỡ của Liên Xô, các lực lượng dân chủ ở Đông Đức đã thành lập Nhà nước Cộng hoà Dân chủ Đức. Như thế, trên lãnh thổ Đức đã xuất hiện hai nhà nước với hai chế độ chính trị và con đường phát triển khác nhau. Nước Đức đã trở thành tâm điểm của sự đối đầu giữa hai cực Xỗ Mĩ và hai khối Đông – Tây ở châu Âu.

4. Thành lập tổ chức quân sự Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO)

Đây là liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây do Mĩ cầm đầu nhằm chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

5. Tháng 1–1949, Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế để hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa. Tháng 5–1955, Liên Xô và các nước Đông Âu (Anbani, Ba Lan, Hunggari, Bungari, Cộng hoà Dân chủ Đức, Tiệp Khắc, Rumani) đã thành lập Tổ chức Hiệp ước Vácsava, một liên minh chính trị – quân sự mang tính chất phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu.

6. Sự đối đầu Đông – Tây căng thẳng đã dẫn tới nhiều cuộc chiến tranh cục bộ ác liệt. Hầu như mọi cuộc chiến tranh, xung đột trên thế giới đều liên quan đến sự đối đầu giữa hai cực Xỗ Mĩ trong Chiến tranh lạnh.

7. Trên cơ sở những thoả thuận Xỗ Mĩ, ngày 9–11–1972 hai nước Đức–Cộng hoà Dân chủ và Cộng hoà Liên bang̃ đã kí kết tại Bon Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức.

Cũng trong năm 1972, hai siêu cường Liên Xô và Mĩ đã thoả thuận về việc hạn chế vũ khí chiến lược và kí Hiệp ước về việc hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM) ngày 26–5, sau đó là Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược (gọi tắt là SALT̃1).

8. Tháng 8–1975, 33 nước châu Âu cùng hai nước Mĩ, Canađa đã kí kết Định ước Henxinki, tạo nên một cơ chế giải quyết các vấn đề liên quan đến hoà bình, an ninh ở châu lục này.

9. Tháng 12–1989, trong cuộc gặp không chính thức tại đảo Manta (Địa Trung Hải), hai nhà lãnh đạo Goócbachốp và Busơ (cha) đã chính thức cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

Câu 2. ***Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, cách mạng ở hai miền Bắc – Nam có những thuận lợi và khó khăn :***

Tình hình miền Bắc

– Thuận lợi : Trải qua hơn 20 năm (1954 – 1975) tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Bắc đạt được những thành tựu to lớn và toàn diện, đã xây dựng được những cơ sở vật chất – kĩ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội.

– Khó khăn : Cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân (2 lần) của Mĩ đã tàn phá nặng nề, gây hậu quả lâu dài đối với miền Bắc.

Tình hình miền Nam

– Thuận lợi : Miền Nam đã hoàn toàn giải phóng, chế độ thực dân mới của Mĩ cùng bộ máy chính quyền Sài Gòn ở trung ương và địa phương bị sụp đổ. Kinh tế miền Nam trong chừng mực nhất định phát triển theo hướng tư bản.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Khó khăn :

+ Cơ sở của chính quyền Sài Gòn ở địa phương cùng bao di hại xã hội vẫn tồn tại.

+ Cuộc chiến tranh xâm lược của Mĩ đã gây ra hậu quả nặng nề. Nhiều làng mạc, đồng ruộng bị tàn phá. Nửa triệu hécta rừng bị chất độc hoá học và bom đạn cày xới. Vô số bom mìn còn vùi lấp trên các cánh đồng, ruộng vườn, nơi cư trú của nhân dân. Đội ngũ thất nghiệp có tới hàng triệu người. Số người mù chữ chiếm tỉ lệ lớn trong cư dân.

+ Kinh tế miền Nam về cơ bản vẫn mang tính chất của nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ và phân tán, phát triển mất cân đối, lệ thuộc nặng nề vào viện trợ từ bên ngoài.

Câu 3. ***Những điểm giống và khác nhau trong việc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội ở hai miền Nam – Bắc sau năm 1975 :***

– *Giống nhau :* đều phải khắc phục những hậu quả do chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ gây ra (tháo gỡ bom mìn, xây dựng lại cơ sở vật chất...).

– *Khác nhau :*

+ Miền Bắc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội. Những nhiệm vụ này được thực hiện ngay từ sau Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam ; miền Bắc còn làm nhiệm vụ là căn cứ địa cách mạng của cả nước và làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Campuchia trong thời kì mới.

+ Miền Nam vừa thực hiện nhiệm vụ trọng tâm như miền Bắc là khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội vừa ổn định tình hình những vùng mới giải phóng.

Câu 4. ***Những thành tựu đạt được trong việc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế, ổn định tình hình miền Nam sau giải phóng năm 1975 :***

– Thực hiện tốt công tác tiếp quản vùng giải phóng.

– Chính quyền cách mạng và đoàn thể quần chúng các cấp ở những vùng mới giải phóng được thành lập.

– Nhân dân ở các thành thị, các "ấp chiến lược" được hồi hương hoặc chuyển về vùng nông thôn tham gia sản xuất hoặc đi xây dựng vùng kinh tế mới.

– Tịch thu toàn bộ tài sản và ruộng đất của bọn phản động trốn ra nước ngoài, tuyên bố xoá bỏ bóc lột phong kiến, tiến hành điều chỉnh ruộng đất trong nội bộ nông dân, quốc hữu hoá ngân hàng, thay đồng tiền của chính quyền Sài Gòn bằng đồng tiền cách mạng.

– Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp được khôi phục.

– Các hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế được tiến hành khôi phục khẩn trương từ những ngày đầu mới giải phóng.

ĐỀ SỐ 40

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Câu 1. *(2 điểm)*
Hãy nêu các xu thế phát triển của thế giới sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt.

Câu 2. *(2 điểm)*
Trình bày tóm tắt nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của hai kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 – 1980 và 1981 – 1985.

Câu 3. *(3 điểm)*
Trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 – 1980, nước ta đã đạt được những thành tựu và ưu điểm, đồng thời gặp những khó khăn và yếu kém gì ?

Câu 4. *(3 điểm)*
Trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1981 – 1985 nước ta đã đạt được những thành tựu và ưu điểm, đồng thời gặp những khó khăn và hạn chế gì ?

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Các xu thế phát triển của thế giới sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt :***
Từ sau năm 1991, tình hình thế giới đã diễn ra những thay đổi to lớn và phức tạp, phát triển theo các xu thế chính sau đây :

– Trật tự thế giới "hai cực" đã sụp đổ, nhưng trật tự thế giới mới lại đang trong quá trình hình thành ngày càng theo xu hướng "đa cực", với sự vươn lên cạnh tranh mạnh mẽ của các cường quốc như Mĩ, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Nga, Trung Quốc.

– Sau Chiến tranh lạnh, hầu như các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào phát triển kinh tế để xây dựng sức mạnh thực sự của mỗi quốc gia.

– Sự tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô đã tạo ra cho Mĩ một lợi thế tạm thời, giới cầm quyền Mĩ ra sức thiết lập trật tự thế giới "một cực" để Mĩ làm bá chủ thế giới. Nhưng trong tương quan lực lượng giữa các cường quốc, Mĩ không dễ gì có thể thực hiện được tham vọng đó.

– Sau Chiến tranh lạnh, hoà bình thế giới được củng cố, nhưng ở nhiều khu vực tình hình lại không ổn định với những cuộc nội chiến, xung đột quân sự đẫm máu kéo dài như ở bán đảo Bancăng, ở một số nước châu Phi và Trung Á.

Bước sang thế kỉ XXI, với sự tiến triển của xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển, các dân tộc hi vọng về một tương lai tốt đẹp của loài người. Nhưng cuộc tấn công khủng bố bất ngờ vào nước Mĩ ngày 11–9–2001 lại báo trước những nguy cơ mới đầy tệ hại của chủ nghĩa khủng bố quốc tế đối với mọi quốc gia –dân tộc trên hành tinh.

Với xu thế phát triển của thế giới, ngày nay các quốc gia – dân tộc vừa đứng trước những thời cơ phát triển thuận lợi ; vừa phải đối mặt với những thách thức vô cùng gay gắt.

Câu 2. ***Tóm tắt nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của hai kế hoạch Nhà nước 5 năm –1976 – 1980 và 1981 –1985 :***
– Đại hội IV của Đảng (12–1976) đã đề ra nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 – 1980 là :

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

+ Xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải tạo quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

+ Xây dựng một bước cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

+ Bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước mà bộ phận chủ yếu là cơ cấu công – nông nghiệp.

+ Cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân lao động.

– Đại hội Đảng V của Đảng (3–1982) đã đề ra nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của kế hoạch 5 năm 1981 – 1985 là :

+ Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ chiến lược đó quan hệ mật thiết với nhau.

+ Phát triển thêm một bước, sắp xếp lại cơ cấu và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nền kinh tế quốc dân.

+ Cơ bản ổn định tình hình kinh tế – xã hội, đáp ứng những yêu cầu cấp bách và thiết yếu của đời sống nhân dân.

+ Giảm nhẹ sự mất cân đối nghiêm trọng của nền kinh tế.

Câu 3. ***Những thành tựu và ưu điểm, những khó khăn và yếu kém của nước ta trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 – 1980 :***

Những thành tựu và ưu điểm đạt được

– Trong việc khôi phục và phát triển kinh tế

Các cơ sở nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải bị chiến tranh tàn phá được phục hồi và bước đầu phát triển.

+ Nông nghiệp : Nhờ tăng cường biện pháp khai hoang, thâm canh, tăng vụ, diện tích gieo trồng tăng thêm gần 2 triệu hécta ; trang bị thêm 18000 máy kéo các loại, đưa tỉ lệ cơ giới hoá làm đất tăng lên 25% diện tích gieo trồng.

+ Công nghiệp : Nhiều nhà máy được gấp rút xây dựng như xi măng, điện, cơ khí động lực...

+ Giao thông vận tải : Khôi phục và xây dựng mới 1700 kilômét đường sắt, 3800 kilômét đường bộ, 30000 mét cầu, 4000 mét bến cảng, bổ sung thêm nhiều phương tiện vận tải. Tuyến đường sắt thống nhất Hà Nội đi Thành phố Hồ Chí Minh, sau 30 năm bị gián đoạn, đã hoạt động trở lại.

– Trong cải tạo quan hệ sản xuất.

+ Công cuộc cải tạo được đẩy mạnh trong các vùng mới giải phóng ở miền Nam.

+ Giai cấp tư sản mại bản bị xoá bỏ, khoảng 1500 xí nghiệp tư bản hạng lớn và vừa được cải tạo, chuyển thành xí nghiệp quốc doanh hoặc công tư hợp doanh.

+ Thủ công nghiệp và thương nghiệp được sắp xếp và tổ chức lại.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

+ Đại bộ phận nông dân miền Nam đi vào con đường làm ăn tập thể, tham gia các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp như tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất, hợp tác xã sản xuất.

– Trong lĩnh vực văn hoá, giáo dục, y tế

+ Ngành giáo dục mẫu giáo, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp phát triển mạnh. Tính chung số người đi học thuộc các
đối tượng trong cả nước năm học 1979 – 1980 là 15 triệu, tăng hơn năm học 1976 – 1977 là 2 triệu. Đặc biệt, trong những vùng mới giải phóng ở miền Nam, phong trào bình dân học vụ đã thu hút được nhiều người tham gia.

+ Mạng lưới các bệnh viện, phòng khám chữa bệnh, trạm y tế, nhà hộ sinh, cơ sở điều dưỡng được mở rộng. Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao đã tạo thành phong trào quần chúng trong các địa phương, xí nghiệp, trường học.

Những khó khăn và yếu kém

Trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 – 1980, chúng ta gặp không ít khó khăn, yếu kém, nhất là trong lĩnh vực kinh tế – xã hội.

Kinh tế của ta mất cân đối lớn. Kinh tế quốc doanh và tập thể luôn bị thua lỗ, không phát huy được tác dụng. Kinh tế tư nhân và cá thể bị ngăn cấm.

Sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc dân, năng suất lao động thấp, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Trong xã hội nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực.

Câu 4. ***Những thành tựu và ưu điểm, những khó khăn và hạn chế của nước ta trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1981 – 1985 :***

Những thành tựu và ưu điểm đạt được

Sản xuất nông nghiệp và công nghiệp

Sản xuất nông nghiệp tăng bình quân hằng năm 4,9% so với 1,9% của thời
kì 1976 – 1980. Sản xuất lương thực từ 13,4 triệu tấn (1976 – 1980) tăng lên
17 triệu tấn (1981 – 1985).

Sản xuất công nghiệp tăng bình quân hằng năm 9,5% so với 0,6% trong thời kì 1976 – 1980. Thu nhập quốc dân tăng bình quân hằng năm 6,4% so với 0,4% trong 5 năm trước.

– Trong việc xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật :

Trong 5 năm đã hoàn thành hàng trăm công trình tương đối lớn, hàng nghìn công trình vừa và nhỏ, trong đó có những cơ sở quan trọng về điện, dầu khí, xi măng, cơ khí, giao thông, thuỷ lợi, dệt...

Các hoạt động khoa học – kĩ thuật được triển khai, góp phần thúc đẩy sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp. Dầu mỏ bắt đầu được khai thác, các công trình thuỷ điện Hoà Bình, Trị An được xây dựng, chuẩn bị đưa vào hoạt động.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Trong cải tạo quan hệ sản xuất :

Đại bộ phận nông dân miền Nam đi vào con đường làm ăn tập thể. Nhân dân các dân tộc Tây Nguyên có nhiều chuyển biến tiến bộ trong xây dựng cuộc sống mới.

Cùng với việc áp dụng những thành tựu về khoa học – kĩ thuật, việc thực hiện rộng rãi phương thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động theo Chỉ thị 100 (năm 1981) của Ban Bí thư Trung ương Đảng (thường gọi là Khoán 100). Tuy chưa hoàn thiện và còn nhiều thiếu sót nhưng chính sách Khoán 100 đã góp phần quan trọng, tạo nên bước phát triển sản xuất nông nghiệp, mở ra phương hướng đúng cho việc củng cố quan hệ kinh tế mới ở nông thôn.

– Chăm lo đời sống của nhân dân là nhiệm vụ thường xuyên và hết sức khó khăn của Đảng và Nhà nước ta trong hoàn cảnh nền kinh tế còn yếu kém, thiên tai dồn dập, dân số tăng nhanh. Các ngành kinh tế quốc dân đã thu hút thêm 4 triệu lao động. Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, văn học, nghệ thuật phát triển và có những đóng góp nhất định vào việc xây dựng nền văn hoá mới, con người mới.

Những khó khăn và yếu kém

Khó khăn, hạn chế của ta, trước hết về kinh tế – xã hội, vẫn là những khó khăn, hạn chế của thời kì chưa được khắc phục, thậm chí có mặt trầm trọng thêm. Mục tiêu do Đại hội V đề ra là "về cơ bản ổn định tình hình kinh tế – xã hội, ổn định đời sống nhân dân" vẫn chưa thực hiện được.

ĐỀ SỐ 41

Câu 1. *(3 điểm)*
Hãy nêu nguyên nhân dẫn đến tình trạng căng thẳng ở Trung Đông.

Câu 2. *(2 điểm)*
Miền Bắc đã đạt được những thành tựu gì trong việc thực hiện kế hoạch kinh tế – xã hội 5 năm (1960 – 1965).

Câu 3. *(2,5 điểm)*
Vì sao Việt Nam thực hiện đường lối đổi mới ?

Câu 4. *(2,5 điểm)*
Nội dung đường lối đổi mới của Đảng ta ?

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Nguyên nhân dẫn đến tình trạng căng thẳng ở Trung Đông :***
Khu vực Trung Đông hay còn gọi là Tây Á, có diện tích 4,7 triệu km^2 và dân số là 189 triệu người (năm 2000), bao gồm phần lớn các nước Arập. Đây là khu vực có nguồn dầu mỏ chiếm 2/5 trữ lượng toàn thế giới và là nơi tiếp giáp với ba châu lục (Á, Phi, Âu). Có kênh đào Xuyê, khu vực này trở thành đầu mối giao thông quan trọng của thế giới. Do đó, Trung Đông luôn là mục tiêu nhòm ngó, tranh giành của các đế quốc phương Tây.

Theo nghị quyết 181 của Liên hợp quốc năm 1947, sự đô hộ của Anh bị huỷ bỏ và lãnh thổ Palextin bị chia làm hai quốc gia : một của người Palextin, một của người Do Thái. Ngày 14–5–1948, Nhà nước Do Thái thành lập,

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

lấy tên là Ixraen. Không tán thành nghị quyết 181, ngày 15–5–1948, 7 nước Arập đã tấn công Ixraen. Từ đó, xung đột giữa Ixraen và Palextin diễn ra liên miên.

Tháng 5–1964, tại Giêruxalem, Tổ chức giải phóng Palextin (PLO) thành lập nhằm đoàn kết rộng rãi các lực lượng yêu nước đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng Palextin. Năm 1975, Liên hợp quốc công nhận quyền bất khả xâm phạm của nhân dân Palextin. Tháng 11 năm 1988, Nhà nước Palextin ra đời. Tháng 3–1989, Y.Araphat được bầu làm Tổng thống đầu tiên của Nhà nước này.

Tháng 8–1993, Ixraen chấp nhận đàm phán với PLO trên nguyên tắc "đổi đất lấy hoà bình". Tháng 9–1993, sau 45 năm chiến tranh, lần đầu tiên một hiệp định hoà bình được kí kết giữa Ixraen và PLO, còn gọi là Hiệp định Gada–Giêricô.

Thoả thuận này là một bước đột phá tích cực trong tiến trình dàn xếp hoà bình ở Trung Đông.

Ngày 28–9–1995, dưới sự chứng kiến của Tổng thống Mĩ B.Clin-tơn, tại Nhà trắng (Mĩ), Chủ tịch PLO, Y.Araphat và Thủ tướng Ixraen I.Rabin đã chính thức kí hiệp định mở rộng quyền tự trị của người Palextin ở bờ Tây sông Gioócđan.

Ngày 23–9–1995, hai bên kí bản ghi nhớ Oai Rivơ, theo đó Ixraen sẽ chuyển giao 27,2% lãnh thổ bờ Tây sông Gioócđan cho Palextin trong vòng 12 tuần... Nhưng tiến trình hoà bình ở Trung Đông tiến triển chậm. Cuộc xung đột giữa hai bên diễn ra liên tiếp.

Sau cuộc chiến tranh Irắc (3–2003) một kế hoạch hoà bình được đưa ra để giải quyết xung đột giữa Ixraen và Palextin, nhưng hai bên chưa đạt được thoả thuận trong nhiều vấn đề cơ bản. Sau khi Araphat qua đời, Tổng thống mới của Palextin tiếp tục cuộc đấu tranh, tìm kiếm giải pháp thương lượng với Ixraen.

Câu 2. ***Những thành tựu của miền Bắc trong việc thực hiện kế hoạch kinh tế – xã hội 5 năm (1960 – 1965) :***

Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm (1961 – 1965) là ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp, tiếp tục cải tạo XHCN, củng cố và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân lao động, củng cố quốc phòng, tăng cường trật tự và an ninh xã hội.

– Ngành công nghiệp được ưu tiên hàng đầu là xây dựng. Từ năm 1961 đến năm 1964, vốn xây dựng cơ bản dành cho công nghiệp là 48%, trong đó công nghiệp nặng chiếm gần 80%. Giá trị sản lượng ngành công nghiệp nặng năm 1965 tăng 3 lần so với năm 1960.

– Nông nghiệp : Các địa phương thực hiện chủ trương hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc cao, áp dụng khoa học – kĩ thuật vào sản xuất. Hệ thống thuỷ nông phát triển, xây dựng nhiều công trình mới, tiêu biểu như Bắc Hưng Hải. Nhiều hợp tác xã đạt và vượt năng suất 5 tấn thóc trên 1 ha gieo trồng.

– Thương nghiệp quốc doanh chiếm lĩnh thị trường, góp phần củng cố quan hệ sản xuất mới, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.

– Hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường liên tỉnh, liên huyện, đường sông, đường hàng không được củng cố. Việc đi lại trong nước và quốc tế thuận lợi hơn trước.

Câu 3. ***Việt Nam thực hiện đường lối đổi mới vì :***

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Hoàn cảnh Việt Nam

Trong một thập kỉ thực hiện hai kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1985), bên cạnh thành tựu đạt được đáng kể, cách mạng gặp không ít khó khăn, đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng về kinh tế – xã hội. Nguyên nhân cơ bản là do ta mắc phải sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện.

Để khắc phục sai lầm, khuyết điểm, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng, đẩy mạnh cách mạng XHCN tiến lên, phải tiến hành đổi mới.

Hoàn cảnh thế giới

– Những thay đổi của tình hình thế giới và trong quan hệ giữa các nước do tác động của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật trở thành xu thế thế giới.

– Cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng ở Liên Xô và các nước XHCN khác.

Trong hoàn cảnh đó, đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải đổi mới.

Như vậy, đổi mới là vấn đề cấp bách, có ý nghĩa sống còn đối với chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đồng thời là vấn đề phù hợp với xu thế chung của thời đại.

Câu 4. ***Nội dung đường lối đổi mới của Đảng :***
Đổi mới về kinh tế

– Xây dựng nền kinh tế quốc dân với cơ cấu nhiều ngành nghề ; nhiều quy mô, trình độ công nghệ, với hai bộ phận chủ yếu là công nghiệp và nông nghiệp kết hợp chặt chẽ với nhau.

– Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế và tạo ra sức mạnh tổng hợp của nền kinh tế nhiều thành phần.

– Cải tạo quan hệ sản xuất, các thành phần kinh tế lạc hậu, kìm hãm sự phát triển. Cải tạo đi đôi với sử dụng và thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Cải tạo phải được coi là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kì quá độ.

– Xoá bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước. Quản lí kinh tế không bằng mệnh lệnh hành chính, mà bằng biện pháp kinh tế, bằng khuyến khích lợi ích vật chất.

– Thực hiện chính sách mở cửa, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, mở rộng sự phân công lao động và hợp tác kinh tế quốc tế, tích cực khai thác nguồn vốn, khai thác công nghệ, khai thác thị trường.

Đổi mới về chính trị

– Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của dân, do dân và vì dân, lấy liên minh giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân, coi dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới.

– Thực hiện quyền dân chủ của nhân dân, chuyên chính đối với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân.

– Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, tập hợp mọi lực lượng của dân tộc, phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

– Thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, hữu nghị, hợp tác với tinh thần : Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước.

– Đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội không phải là thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả, bằng những quan điểm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.

– Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ từ kinh tế và chính trị đến tổ chức, tư tưởng, văn hoá. Đổi mới kinh tế gắn liền với đổi mới chính trị nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế.

ĐỀ SỐ 42

Câu 1. *(2 điểm)*
Nêu đặc điểm của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ.

Câu 2. *(2 điểm)*
Thành tựu chính của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ nửa sau thế kỉ XX.

Câu 3. *(3 điểm)*
Cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc của quân dân ta diễn ra thế nào ?

Câu 4. *(3 điểm)*
Sau năm 1975, Việt Nam chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa trong hoàn cảnh thế giới và trong nước như thế nào ?

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Đặc điểm của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ nửa sau thế kỉ XX :***

– Đặc điểm lớn nhất của cách mạng khoa học – công nghệ hiện nay là khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Ngày nay, mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học. Khoa học gắn liền với kĩ thuật, khoa học đi trước mở đường cho kĩ thuật. Đến lượt mình, kĩ thuật lại đi trước mở đường cho sản xuất. Như vậy, khoa học đã tham gia trực tiếp vào sản xuất trở thành nguồn gốc chính của những tiến bộ kĩ thuật và công nghệ. Đầu tư vào khoa học mang lại hiệu quả ngày càng cao. Thời gian từ nghiên cứu khoa học đến ứng dụng vào sản xuất được rút ngắn lại.

Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ có quy mô rộng lớn, nội dung sâu sắc và toàn diện, nhịp điệu vô cùng nhanh chóng. Cách mạng khoa học – công nghệ đã thu được những tiến bộ phi thường và những thành tựu to lớn trên nhiều lĩnh vực.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Câu 2. ***Những thành tựu...***

– Các ngành khoa học cơ bản như Toán học, Vật lí học, Hoá học, Sinh học có nhiều phát minh được công bố, đặc biệt gần đây là phương pháp sinh sản vô tính (cừu Đôli, 1997), bản đồ gen người (6–2000).

– Trong lĩnh vực công nghệ đã xuất hiện những phát minh quan trọng, những thành tựu to lớn. Đó là những công cụ sản xuất mới (máy tính điện tử, máy tự động và hệ thống máy tự động, người máy rôbốt...) ; những nguồn năng lượng mới (năng lượng Mặt Trời, năng lượng gió và nhất là năng lượng nguyên tử...) ; những vật liệu mới (như pôlime – chất dẻo với nhiều loại hình khác nhau, các loại vật liệu siêu sạch, siêu cứng, siêu bền, siêu dẫn...) ; công nghệ sinh học với những đột phá phi thường trong công nghệ di truyền, công nghệ tế bào, công nghệ vi sinh, công nghệ enzim và dẫn tới cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp với những giống lúa mới có năng suất cao, thân cây chịu bệnh tốt... ; những tiến bộ thần kì trong thông tin liên lạc và giao thông vận tải (cáp sợi thuỷ tinh quang dẫn, máy bay siêu âm khổng lồ, tàu hoả tốc độ cao...) ; chinh phục vũ trụ (vệ tinh nhân tạo, du hành vũ trụ...).

Trong những thập kỉ gần đây, công nghệ thông tin đã phát triển mạnh mẽ với việc sử dụng rộng rãi máy vi tính, sự hình thành mạng thông tin của máy tính toàn cầu (Internet).

– Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai, nay là cách mạng khoa học – công nghệ có tác động to lớn đến tình hình chính trị và kinh tế của thế giới.

Thứ nhất, nó thay đổi cơ bản các nhân tố sản xuất, nhất là sự thay đổi về công nghệ, công cụ.

Thứ hai, tăng năng suất lao động, tạo ra khối lượng của cải vật chất ngày càng nhiều, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và chất lượng cuộc sống của con người.

Thứ ba, đặt ra những yêu cầu mới về giáo dục và đào tạo, đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao. Sự thay đổi về cơ cấu dân cư và tỉ lệ lao động trong nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

Thứ tư, thúc đẩy sự hình thành một thị trường thế giới với sự tăng nhanh quá trình khu vực hoá, toàn cầu hoá, đưa loài người sang nền văn minh mới, nhất là "văn minh thông tin", "văn minh trí tuệ".

Tuy nhiên, cuộc cách mạng khoa học – công nghệ cũng đang tạo ra những hậu quả tiêu cực như sản xuất các loại vũ khí huỷ diệt khủng khiếp, sự gia tăng thất nghiệp, tai nạn lao động và giao thông, sự phân hoá giàu nghèo, ô nhiễm môi trường sinh thái, các loại dịch bệnh mới...

Câu 3. ***Diễn biến chính về cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc :***

Đấu tranh bảo vệ biên giới Tây Nam

– Do có âm mưu từ trước, tập đoàn Pôn Pốt đại diện cho phái "Khơme đỏ" ở Campuchia – lên nắm chính quyền trong thời kì kháng chiến chống Mĩ
(17–4–1975), đã quay súng bắn vào nhân dân ta.

– Quân Pôn Pốt mở những cuộc hành quân khiêu khích, xâm phạm nhiều vùng lãnh thổ của ta dọc biên giới từ Hà Tiên đến Tây Ninh : Ngày 30–5–1975 chúng đánh chiếm đảo Phú Quốc ; ngày 10–5–1975 đánh chiếm đảo Thổ Chu.

– Ngày 22–12–1978, tập đoàn Pôn Pốt huy động 19 sư đoàn (trong tổng số 23 sư đoàn) tiến vào khu vực Bến Sỏi (Tây Ninh) với ý đồ đánh chiếm thị xã Tây Ninh, mở đường tiến sâu vào lãnh thổ nước ta.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Thực hiện quyền tự vệ chính đáng của mình, quân dân ta phản công tiêu diệt toàn bộ cánh quân xâm lược vào đất nước ta. Tiếp đó, quân ta thừa thắng phát triển cuộc tiến công tiêu diệt, làm tan rã đại bộ phận quân chủ lực của địch tại nơi xuất phát.

– Cuộc tiến công quy mô lớn của tập đoàn Pôn Pốt hoàn toàn bị đập tan. Toàn bộ quân xâm lược bị đánh đuổi khỏi bờ cõi, hoà bình lập lại trên biên giới Tây Nam Tổ quốc.

Đấu tranh bảo vệ biên giới phía Bắc

– Trong quá trình đấu tranh cách mạng, nhân dân hai nước Việt Nam – Trung Quốc đã từng gắn bó mật thiết, đoàn kết giúp đỡ nhau.

– Trong việc tập đoàn Pôn Pốt có hành động thù địch chống Việt Nam, một số nhà lãnh đạo Trung Quốc lại đồng tình, ủng hộ như cho quân khiêu khích quân sự dọc biên giới, dựng lên sự kiện "nạn kiều", cắt viện trợ, rút chuyên gia, nhằm gây khó khăn cho Việt Nam.

– Nghiêm trọng hơn, từ sáng ngày 17–2–1979, Trung Quốc cho quân đội, với lực lượng 32 sư đoàn, mở cuộc tiến công dọc biên giới phía Bắc nước ta từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).

– Để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, quân dân ta, trực tiếp là quân dân sáu tỉnh biên giới phía Bắc, đã đứng lên chiến đấu. Đến ngày 18–3–1979, quân Trung Quốc rút khỏi nước ta.

Câu 4. ***Hoàn cảnh thế giới và trong nước sau năm 1975 khi Việt Nam chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa :***

Hoàn cảnh thế giới

– Trên thế giới, đang diễn ra cuộc cách mạng về khoa học – kĩ thuật : quan hệ kinh tế và khoa học – kĩ thuật giữa các nước ngày càng mở rộng.

– Cuộc đấu tranh để giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa một bên là chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc, dân chủ và hoà bình với một bên là chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động, hiếu chiến đang diễn ra quyết liệt và phức tạp.

– Đế quốc Mĩ thực hiện chính sách "cấm vận" đối với nước ta. Chủ nghĩa xã hội trên thế giới bộc lộ những hạn chế, yếu kém, khủng hoảng.

Tình hình trong nước

– Nước ta đã được hoà bình, độc lập, thống nhất ; nhân dân ta giàu lòng yêu nước, lao động cần cù, sáng tạo ; có Đảng tiên phong lãnh đạo ; có Nhà nước vững mạnh đã qua thử thách ; có lực lượng lao động dồi dào và có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú.

– Kinh tế nước ta vốn lạc hậu lại bị 30 năm chiến tranh tàn phá, để lại nhiều hậu quả nặng nề ; cơ cấu kinh tế ở hai miền có những mặt chưa đồng nhất ; âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch mới.

– Nước ta vẫn trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

ĐỀ SỐ 43

Câu 1. *(2 điểm)*
Xu thế toàn cầu hoá được thể hiện trên những lĩnh vực nào ?

Câu 2. *(2 điểm)*
Vì sao nói : Toàn cầu hoá vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các nước đang phát triển ?

Câu 3. *(3 điểm)*
Trình bày những nhiệm vụ và mục tiêu của từng kế hoạch Nhà nước 5 năm : 1986 – 1990, 1991 – 1995, 1996 – 2000.

Câu 4. *(3 điểm)*
Trình bày những thành tựu và tiến bộ, những khó khăn và yếu kém của nước ta trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm 1986 – 1990.

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Xu thế toàn cầu hoá được thể hiện trên những lĩnh vực :***

– Toàn cầu hoá là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động và phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước trên thế giới, là sự hình thành thị trường thế giới và phân công lao động quốc tế.

– Toàn cầu hoá được biểu hiện trên các mặt sau :

+ Sự phát triển nhanh chóng của các quan hệ thương mại quốc tế.

+ Sự phát triển và tác động của các công ti xuyên quốc gia. Hiện nay, 500 công ty xuyên quốc gia trên thế giới đã kiểm soát 3/4 giá trị thương mại toàn cầu.

+ Sự sáp nhập và hợp nhất các công ti thành những tập đoàn sản xuất lớn nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh.

+ Sự ra đời các tổ chức liên kết kinh tế, tài chính quốc tế và khu vực như Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Liên minh châu Âu (EU), Khu vực thương mại tự do Bắc Mĩ (NAFTA), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á Thái Bình Dương (APEC)...

– Toàn cầu hoá là xu thế khách quan, là một thực tế không thể đảo ngược, thúc đẩy sản xuất phát triển, hợp tác cùng phát triển giữa các nước.

Câu 2. ***Toàn cầu hoá vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các nước đang phát triển vì :***

– Về thời cơ :

+ Từ sau Chiến tranh lạnh, hoà bình thế giới được củng cố, nguy cơ chiến tranh thế giới bị đẩy lùi. Xu thế chung của thế giới là hoà bình, ổn định và hợp tác phát triển.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

+ Các quốc gia đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển và lấy kinh tế làm trọng điểm, cùng sự tăng cường hợp tác và tham gia các liên minh kinh tế khu vực và quốc tế.

+ Các nước đang phát triển có thể khai thác các nguồn vốn đầu tư, kĩ thuật công nghệ và kinh nghiệm quản lí từ bên ngoài, nhất là các tiến bộ khoa học – kĩ thuật để có thể "đi tắt đón đầu" rút ngắn thời gian xây dựng và phát triển đất nước...

Như thế, bối cảnh chung của thế giới là có nhiều cơ hội và thuận lợi cho các nước trong công cuộc phát triển đất nước. Vấn đề là có tầm nhìn và nắm bắt kịp thời, không bỏ lỡ thời cơ.

– *Về thách thức :*

+ Các nước đang phát triển cần nhận thức đầy đủ sự cần thiết tất yếu và tìm kiếm con đường, cách thức hợp lí nhất trong quá trình hội nhập quốc tế – phát huy thế mạnh ; hạn chế tới mức thấp nhất những rủi ro, bất lợi và cả sai lầm ; và có những bước đi thích hợp, kịp thời.

+ Phần lớn các nước đang phát triển đều từ điểm xuất phát thấp về kinh tế, trình độ dân trí thấp, nguồn nhân lực đào tạo có chất lượng còn nhiều hạn chế.

+ Sự cạnh tranh quyết liệt của thị trường thế giới và các quan hệ kinh tế quốc tế còn nhiều bất bình đẳng, gây nhiều thiệt hại đối với các nước đang phát triển.

+ Vấn đề sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn vay.

+ Vấn đề giữ gìn, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc, kết hợp hài hoà truyền thống và hiện đại...

Câu 3. ***Những nhiệm vụ và mục tiêu của từng kế hoạch Nhà nước 5 năm 1986 – 1990, 1991 – 1995, 1996 – 2000 :***

Nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm 1986 – 1990

– Trong kế hoạch 5 năm 1986 – 1990, cả nước tập trung sức người, sức của thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của Ba chương trình kinh tế về lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

– Muốn thực hiện những mục tiêu của Ba chương trình kinh tế, thì nông nghiệp, kể cả lâm nghiệp, ngư nghiệp, phải được đặt đúng vị trí là mặt trận hàng đầu và được ưu tiên đáp ứng về vốn, đầu tư, về năng lực, vật tư, lao động, kĩ thuật...

Nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm 1991 – 1995

– Đẩy lùi và kiểm soát được lạm phát.

– Ổn định, phát triển và nâng cao hiệu quả nền sản xuất xã hội.

– Ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân.

– Bắt đầu có tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế.

Nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm 1996 – 2000

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ.

– Tiếp tục phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần.

– Phấn đấu đạt và vượt mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội.

– Cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế.

Câu 4. ***Những thành tựu và tiến bộ, những khó khăn và yếu kém của nước ta trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm 1986 – 1990 :***

Những thành tựu và ưu điểm

Công cuộc đổi mới ở nước ta bước đầu đạt được thành tựu, trước tiên là trong việc thực hiện các mục tiêu của Ba chương trình kinh tế : lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

– Về lương thực – thực phẩm, từ chỗ thiếu ăn triền miên, đến năm 1989, chúng ta đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu. Sản lượng lương thực năm 1988 đạt 19,5 triệu tấn, đến năm 1989 đạt 21,4 triệu tấn.

– Hàng hoá trên thị trường nhất là hàng tiêu dùng, dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi, trong đó nguồn hàng sản xuất trong nước tăng hơn trước. Các cơ sở sản xuất gắn chặt với nhu cầu thị trường. Phần bao cấp của Nhà nước giảm đáng kể.

– Kinh tế đối ngoại phát triển mạnh, mở rộng hơn trước về quy mô, hình thức. Từ năm 1986 đến năm 1990, hàng xuất khẩu tăng gấp 3 lần. Từ năm 1989, nước ta tăng thêm các mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn như gạo, dầu thô... Năm 1989, ta xuất khẩu 1,5 triệu tấn gạo. Nhập khẩu giảm đáng kể, tiến gần đến mức cân bằng với xuất khẩu.

– Đã kiềm chế được một bước đà lạm phát. Nếu chỉ số tăng giá bình quân hằng tháng năm 1986 là 20% thì năm 1990 là 4,4%. Nhờ đó, các cơ sở kinh tế có điều kiện thuận lợi để hạch toán kinh doanh.

– Bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước. Chủ trương này thực sự phát huy quyền làm chủ kinh tế của nhân dân... tạo thêm việc làm cho người lao động, tăng sản phẩm cho xã hội.

Những hạn chế và yếu kém

– Nền kinh tế còn mất cân đối lớn, lạm phát vẫn ở mức cao, lao động thiếu việc làm tăng, hiệu quả kinh tế thấp, nhiều cơ sở sản xuất đình đốn kéo dài.

– Chế độ tiền lương bất hợp lí, đời sống của những người sống chủ yếu bằng tiền lượng hoặc trợ cấp xã hội và của một bộ phận nông dân bị giảm sút.

– Sự nghiệp văn hoá có những mặt tiếp tục xuống cấp. Tình trạng tham nhũng, nhận hối lộ, mất dân chủ, bất công xã hội và nhiều hiện tượng tiêu cực khác còn nặng nề và phổ biến.

ĐỀ SỐ 44

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Câu 1. *(3 điểm)*

Trình bày các xu thế phát triển của thế giới hiện nay. Từ đó, cho biết thế nào là những thời cơ và những thách thức đối với các dân tộc.

Câu 2. *(7 điểm)*

Nêu những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của quân dân ta ở hai miền Nam – Bắc giành được trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975).

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Các xu thế phát triển của thế giới hiện nay...***

Chiến tranh lạnh chấm dứt năm 1989 và sự sụp đổ của trật tự hai cực Ianta (1991) có ảnh hưởng to lớn đến xu thế phát triển của thế giới với những biểu hiện chủ yếu sau đây :

– Một là, sau Chiến tranh lạnh, các nước đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển, lấy kinh tế làm trọng điểm. Ngày nay, sức mạnh của một quốc gia là dựa trên một nền sản xuất phồn vinh, một nền tài chính vững chắc, một nền công nghệ có trình độ cao cùng với lực lượng quân sự hùng mạnh.

– Hai là, quan hệ giữa các nước lớn được điều chỉnh theo chiều hướng đối thoại, thoả hiệp, tránh xung đột trực tiếp, nhằm tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho sự phát triển của đất nước. Đó là mối quan hệ có tính hai mặt, vừa mâu thuẫn và hài hoà, vừa cạnh tranh và hợp tác, vừa tiếp xúc và kiềm chế.

– Ba là, tuy hoà bình và ổn định là xu thế chủ đạo, nhưng nhiều cuộc xung đột, chiến tranh cục bộ vẫn nổ ra như chiến tranh vùng Vịnh (1991), chiến tranh Apganixtan (2001), Irắc (2003). Tại nhiều khu vực, những mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo và tranh chấp lãnh thổ vẫn tồn tại và không dễ giải quyết.

– Bốn là, toàn cầu hoá diễn ra ngày càng mạnh mẽ như một xu thế khách quan không thể đảo ngược.

Toàn cầu hoá tạo ra thời cơ đối với các quốc gia vì nó thúc đẩy rất mạnh, rất nhanh sự phát triển và xã hội hoá của lực lượng sản xuất, đưa lại sự tăng trưởng cao, góp phần làm chuyển biến cơ cấu kinh tế, đòi hỏi phải có cải cách sâu rộng để nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế....

– Mặt khác toàn cầu hoá cũng là thách thức to lớn bởi nó làm trầm trọng thêm các bất công xã hội, đào sâu hố ngăn cách giàu nghèo trong từng nước và giữa các quốc gia. Toàn cầu hoá cũng tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc và xâm phạm nền độc lập tự chủ của các quốc gia... Như tế, toàn cầu hoá là thời cơ lịch sử, là cơ hội cho các nước phát triển mạnh mẽ, đồng thời cũng tạo ra những thách thức lớn. Việt Nam cũng ở trong tình trạng đó.

Câu 2. ***Những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của quân dân ta ở hai miền Nam – Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 – 1975) :***

Kháng chiến chống Mĩ, cứu nước là nhiệm vụ chung của cách mạng cả nước, trong đó miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn của cuộc kháng chiến, và thắng lợi ở mỗi miền là thắng lợi của sự nghiệp chống Mĩ cứu nước.

– Cách mạng và chiến tranh giải phóng miền Nam từ 1954 – 1975 ; bắt đầu giành được thắng lợi có ý nghĩa chiến lược từ "Đồng khởi" cuối 1959 – đầu 1960, đến đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (xuân 1975)

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

là quá trình liên tục tiến công và phản công theo bước tuần tự xen kẽ những bước nhảy vọt, là quá trình đẩy lùi địch từng bước, đánh bại địch từng âm mưu chiến lược, giành thắng lợi từng bước, tiến lên đánh bại hẳn quân địch, giành thắng lợi hoàn toàn.

+ Từ năm 1954 – 1960 : củng cố miền Bắc, khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế. Miền Nam phát triển lực lượng cách mạng tiến lên cuộc "Đồng khởi", chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Ngày 20–12–1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.

+ Từ 1961 – 1965 : miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm nghĩa vụ hậu phương. Miền Nam đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" với những thắng lợi tiêu biểu : Chiến thắng Ấp Bắc (Mĩ Tho) đầu năm 1963, Bình Giã (Đông – xuân 1964 – 1965), Ba Gia (giữa 1965), phá hơn 2/3 ấp chiến lược. Đấu tranh chính trị ở trung tâm Sài Gòn, các thành phố lớn Huế, Đà Nẵng và nhiều vùng nông thôn, dẫn đến việc Mĩ ủng hộ các lực lượng làm đảo chính lật đổ Diệm – Nhu (1–11–1963).

+ Từ 1965 – 1968 : miền Bắc thắng lợi trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất và phát triển sản xuất, làm tốt nghĩa vụ hậu phương lớn. Miền Nam đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ và quân đội Sài Gòn. Thắng lợi tiêu biểu là trận Vạn Tường (ở Quảng Ngãi) tháng 8–1965, tiếp đó đánh bại Mĩ trong hai chiến lược mùa khô (1965 – 1966 và 1966 – 1967) và mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân 1968 – bằng cuộc tập kích chiến lược của các lực lượng vũ trang ta vào hầu hết các thành thị ở miền Nam. Đó là đòn bất ngờ đánh vào quân Mĩ, buộc chúng phải tuyên bố "phi Mĩ hoá" chiến tranh, chấm dứt không điều kiện cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, phải chịu đàm phán ở Pari để bàn về chấm dứt chiến tranh xâm lược. Đối với ta, tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.

+ Từ 1969 – 1973 : Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế, chiến đấu (chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai) làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không" đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mĩ ; đánh bại về cơ bản chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh với những thắng lợi về chính trị – ngoại giao (Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời 6–6–1969, Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương 24 và 25–4–1970). Cuộc tiến công chiến lược 1972 thắng lợi, Hiệp định Pari 1973 được kí kết, hoà bình lập lại ở miền Bắc ; Mĩ rút khỏi miền Nam ngày 29–3–1973.

+ Từ 1973 – 1975 : Miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế, làm nghĩa vụ hậu phương lớn, cung cấp sức người, sức của cho chiến trường miền Nam.

Miền Nam, lợi dụng điều kiện thuận lợi sau Hiệp định Pari, Mĩ cút, quân đội Sài Gòn mất chỗ dựa, ngày càng suy yếu, tạo nên sự thay đổi trong so sánh lực lượng ở miền Nam có lợi cho cách mạng, ta mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975, mở đầu bằng việc giải phóng thị xã Buôn Ma Thuột, tiếp đó ta mở các chiến dịch Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng ; cuối cùng là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đánh vào Sài Gòn, đập tan chính quyền và quân đội Sài Gòn, giải phóng Sài Gòn và giải phóng hoàn toàn miền Nam.

ĐỀ SỐ 45

Câu 1. *(3 điểm)*
Nêu những nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000.

Câu 2. *(3 điểm)*

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Trình bày những thành tựu và tiến bộ, những hạn chế và yếu kém của nước ta trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1991 – 1995.

Câu 3. *(4 điểm)*
Những chuyển biến và tiến bộ, khó khăn và hạn chế của nước ta trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1996 – 2000.

Câu 4. *(1 điểm)*
Ý nghĩa của những thành tựu về kinh tế – xã hội nước ta sau 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 2000).

Gợi ý làm bài

Câu 1. ***Những nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000 :***
Lịch sử thế giới từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai 1945 đến năm 2000 có nội dung lớn, toàn diện, đan xen, phức tạp, nhưng có thể thấy những điểm chủ yếu sau đây :

1. Trật tự thế giới hai cực Ianta được xác lập và tồn tại từ năm 1945 đến năm 1991, phản ánh mâu thuẫn Đông – Tây, chi phối nền chính trị thế giới và quan hệ quốc tế sau chiến tranh. Sau khi trật tự hai cực sụp đổ, một trật tự mới đang được hình thành với chiều hướng đa cực, đa trung tâm. Tuy nhiên, Mĩ đang tìm cách thiết lập trật tự đơn cực do Mĩ làm bá chủ.

2. Chủ nghĩa xã hội đã vượt ra khỏi phạm vi một nước, trở thành một hệ thống thế giới. Trong nhiều thập kỉ, hệ thống xã hội chủ nghĩa đã trở thành một lực lượng hùng hậu về chính trị – quân sự và kinh tế, đã chiếm lĩnh nhiều đỉnh cao của khoa học – kĩ thuật thế giới. Vào cuối những năm 80 đầu những năm 90, chế độ xã hội chủ nghĩa đã tan rã ở các nước Đông Âu và Liên Xô. Các nước Trung Quốc, Việt Nam... vẫn kiên trì con đường XHCN, tiến hành cải cách, đổi mới trong những thập kỉ qua và đã giành được nhiều thành tựu to lớn, tạo nên những ấn tượng sâu sắc đối với dư luận thế giới.

3. Phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc phát triển mạnh mẽ từ châu Á sang châu Phi và Mĩ Latinh đưa đến sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Hơn 100 nước đã giành được độc lập, làm thay đổi sâu sắc bản đồ chính trị thế giới. Một số nước sau khi giành độc lập đã có sự phát triển nhanh chóng, trở thành những nước công nghiệp mới. Tuy nhiên, phần lớn các nước Á – Phi – Mĩ Latinh vẫn còn nhiều khó khăn trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội.

4. Hệ thống tư bản chủ nghĩa đã có những biến chuyển quan trọng. Một là từ sau chiến tranh, Mĩ đã vươn lên trở thành nước đế quốc giàu mạnh nhất. Hai là, nhờ có sự tự điều chỉnh kịp thời, nền kinh tế các nước tư bản đã tăng trưởng khá liên tục, đưa lại những thay đổi về chất lượng trong cơ cấu cũng như xu hướng phát triển và hình thành các trung tâm kinh tế lớn của thế giới. Ba là, dưới tác động của cách mạng khoa học – kĩ thuật, các nước tư bản ngày càng có xu hướng liên kết kinh tế khu vực, tiêu biểu là sự ra đời của Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) mà ngày nay là Liên minh châu Âu (EU). Mĩ, EU và Nhật Bản đã trở thành ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới.

5. Quan hệ quốc tế sau chiến tranh được mở rộng và đa dạng, gồm quan hệ mới xuất hiện như giữa các nước xã hội chủ nghĩa, quan hệ khu vực và quốc tế, quá trình toàn cầu hoá với sự ra đời của nhiều tổ chức kinh tế, tài

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

chính quốc tế và khu vực, đặc biệt là sự tham gia của các nước Á, Phi, Mĩ Latinh vào đời sống chính trị, kinh tế thế giới.

6. Cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai (từ thập kỉ 70 được gọi là cách mạng khoa học – công nghệ) đã diễn ra với quy mô, nội dung và nhịp điệu chưa từng thấy, đã đưa loài người sang một nền văn minh mới cao hơn–văn minh trí tuệ. Tuy nhiên, cuộc cách mạng khoa học – công nghệ cũng đang đặt ra nhiều vấn đề cho nhân loại và các dân tộc phải giải quyết.

Câu 2. ***Những thành tựu và tiến bộ, những hạn chế và yếu kém của nước ta trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1991 – 1995 :***

Những thành tựu và tiến bộ

– Nhịp độ phát triển kinh tế được đẩy mạnh, nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm đã hoàn thành vượt mức.

+ Tình trạng đình đốn trong sản xuất, rối ren trong lưu thông được khắc phục. Kinh tế tăng trưởng nhanh : tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân hằng năm là 8,2% ; công nghiệp tăng 13,3%, nông nghiệp tăng 4,5%. Sản lượng lương thực 5 năm này tăng 26% so với 5 năm trước.

+ Các ngành dịch vụ năm 1995 tăng 80% so với năm 1990. Vận tải hàng hoá tăng 62,2%.

+ Trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ : nạn lạm phát ở mức cao từng bước bị đẩy lùi, từ mức 67,1% năm 1991, xuống mức 12,7% năm 1995.

– Kinh tế đối ngoại phát triển, thị trường xuất nhập khẩu được mở rộng, nguồn vốn đầu tư của nước ngoài tăng nhanh :

Trong 5 năm, xuất khẩu đạt 17 tỉ USD, tăng số mặt hàng có khối lượng xuất khẩu lớn như dầu thô, gạo, cà phê, hải sản, may mặc... Nhập khẩu trên 21 tỉ USD. Quan hệ mậu dịch mở rộng với trên 100 nước.

Nhà nước mở rộng quyền xuất, nhập khẩu cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong 5 năm tăng nhanh, bình quân hằng năm là 50%. Đến cuối năm 1995, đạt trên 19 tỉ USD.

– Khoa học và công nghệ có bước phát triển mới, văn hoá và xã hội có những chuyển biến tích cực. Giáo dục và đào tạo đã có bước phát triển mới sau một số năm giảm sút. Mạng lưới trường phổ thông được mở rộng đến khắp các xã, phường. Cơ sở vật chất ở các trường học được cải thiện.

Công tác đền ơn đáp nghĩa đối với những người có công với nước được toàn dân hưởng ứng. Phong trào xoá đói giảm nghèo và các hoạt động từ thiện ngày càng được mở rộng. Thu nhập và đời sống của các tầng lớp nhân dân ở các vùng đều được cải thiện. Mỗi năm giải quyết được việc làm cho hơn 1 triệu lao động.

– Tình hình chính trị – xã hội được giữ vững, quốc phòng và an ninh được củng cố.

– Mở rộng quan hệ đối ngoại, phá thế bao vây, cấm vận, tham gia tích cực vào các hoạt động của cộng đồng quốc tế. Đến năm 1995, nước ta đã có quan hệ ngoại giao với 160 nước, có quan hệ buôn bán với trên 100 nước.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Các công ti của hơn 50 nước và vùng lãnh thổ đã đầu tư trực tiếp vào nước ta. Nhiều chính phủ và tổ chức quốc tế dành cho ta nhiều khoản viện trợ không hoàn lại hoặc cho vay để phát triển.

Ngày 11–7–1995, Việt Nam và Hoa Kì thiết lập quan hệ ngoại giao.

Ngày 28–7–1995, nước ta chính thức gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

Những hạn chế và yếu kém :

– Nước ta vẫn còn là một trong những nước nghèo trên thế giới, lực lượng sản xuất nhỏ bé, cơ sở vật chất – kĩ thuật lạc hậu ; trình độ khoa học và công nghệ chuyển biến chậm ; năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, chất lượng công trình thấp.

– Tình trạng tham nhũng, lãng phí, buôn lậu, làm ăn phi pháp cũng như hiện tượng tiêu cực trong bộ máy Nhà nước chưa được ngăn chặn triệt để.

– Sự phân hoá giàu nghèo, giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn, giữa các tầng lớp cư dân tăng nhanh. Đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa, còn nhiều khó khăn.

Câu 3. ***Những chuyển biến và tiến bộ, khó khăn và hạn chế của nước ta trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1996 – 2000...***

Những chuyển biến và tiến bộ :

– Nền kinh tế vẫn giữ được nhịp độ tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực :

Trong 5 năm, tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân hằng năm 7%, công nghiệp tăng 13,5%, nông nghiệp tăng 5,7%. Lương thực bình quân đầu người tăng từ 360 kg năm 1995, lên 444 kg năm 2000.

Cơ cấu các ngành kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

– Các cân đối chủ yếu trong nền kinh tế đã được điều chỉnh thích hợp : Đã cải thiện một bước quan hệ tích luỹ và tiêu dùng theo hướng tích luỹ cho phát triển. Tổng nguồn vốn đầu tư xã hội thực hiện trong 5 năm khoảng 440000 tỉ đồng, tương đương 40 tỉ USD, tốc độ tăng bình quân 8,6% năm.

– Kinh tế đối ngoại tiếp tục phát triển

Trong 5 năm, xuất khẩu đạt 51,6 tỉ USD, tăng bình quân hằng năm 21%. Xuất khẩu sản phẩm công nghiệp tăng nhanh, năm 2000 đạt 10 tỉ USD, gấp
3,4 lần 1995. Xuất khẩu nông, lâm, thuỷ sản năm 2000 đạt 4,3 tỉ USD, gấp hơn 1,7 lần năm 1995, với 3 mặt hàng chủ lực là gạo, cà phê và thuỷ sản.

Nhập khẩu khoảng 61 tỉ USD, tăng bình quân hằng năm 13,3%, tổng đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt khoảng 10 tỉ USD, gấp 1,5 lần so với 5 năm trước.

Các doanh nghiệp Việt Nam cũng đã từng bước mở rộng đầu tư ra nước ngoài. Đến năm 2000, đã có trên 40 dự án đầu tư vào 12 nước và vùng lãnh thổ.

– Khoa học và công nghệ có bước chuyển biến tích cực. Giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới về quy mô, chất lượng, hình thức đào tạo và cơ sở vật chất.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Đến năm 2000, có 100% tỉnh, thành phố đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và xoá mù chữ.

– Các lĩnh vực văn hoá – xã hội có bước phát triển đáng kể.

Trong 5 năm, có khoảng 6,1 triệu lao động được thu hút vào làm việc, bình quân mỗi năm thu hút 1,2 triệu người.

– Tình hình chính trị – xã hội cơ bản ổn định ; quốc phòng – an ninh được tăng cường ; quan hệ đối ngoại không ngừng mở rộng.

Đến năm 2000, nước ta có quan hệ thương mại với hơn 140 nước, quan hệ đầu tư với gần 70 nước và vùng lãnh thổ.

Những khó khăn và yếu kém

– Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc ; năng suất lao động, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Chất lượng sản phẩm chưa tốt, giá thành cao. Quan hệ sản xuất trên một số mặt chưa phù hợp. Kinh tế nhà nước chưa được củng cố tương xứng với vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể chưa mạnh.

– Một số vấn đề văn hoá – xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết. Các hoạt động khoa học và công nghệ chưa đáp ứng tốt yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn còn ở mức cao.

– Tình trạng tham nhũng chưa được khắc phục triệt để.

Câu 4. ***Ý nghĩa của những thành tựu kinh tế – xã hội nước ta sau 15 năm thực hiện đổi mới (1986 – 2000) :***

Thành tựu kinh tế – xã hội đạt được trong 15 năm (1986 – 2000) thực hiện công cuộc đổi mới có ý nghĩa :

– Tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống nhân dân.

– Củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa.

– Nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Phần ba

MỘT SỐ ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG

NĂM HỌC 2008 – 2009

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG (KHỐI C)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH

Câu 1. (*2,5 điểm*)
Trình bày tác động của hai sự kiện lịch sử sau đây đối với cách mạng Việt Nam thời kì 1939 – 1945 :

– Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (9–1939).

– Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh (8–1945).

Câu 2. (*2,5 điểm*)
Tại sao Đảng và Chính phủ phát động phong trào toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp vào ngày 19–12–1946 ? Nêu ngắn gọn đường lối kháng chiến do Đảng ta đề ra trong những năm 1946 – 1947.

Câu 3. *(3 điểm)*
Cuối năm 1974 – mùa Xuân 1975, sau mỗi thắng lợi lớn trên chiến trường, Đảng ta đã có những chủ trương, quyết định nào sớm giải phóng hoàn toàn miền Nam ?

PHẦN RIÊNG

(Thí sinh chỉ được làm 1 trong 2 câu : 4a hoặc 4b)

Câu 4a. *Theo chương trình không phân ban (2 điểm)*
Sự ra đời và hoạt động của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Câu 4b. *Theo chương trình phân ban (2 điểm)*
Sự ra đời và hoạt động của Việt Nam quốc dân đảng.

Đáp án – thang điểm

Câu 1. ***Trình bày tác động của hai sự kiện lịch sử sau đây đối với cách mạng Việt Nam trong thời kì 1939 – 1945 :*** *(2,5 điểm)*
– Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (9–1939) ;

– Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh (8–1945).

Ngày 1–9–1939, Đức tấn công Ba Lan. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Hai ngày sau, Anh, Pháp tuyên chiến với Đức. (*0,25 điểm*)

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Bọn Pháp ở Đông Dương phát xít hoá bộ máy nhà nước, tăng cường vơ vét bóc lột nhân dân và đàn áp phong trào cách mạng, đẩy nhân dân ta vào cảnh ngột ngạt về chính trị, bần cùng về kinh tế. Nhiệm vụ giải phóng dân tộc trở nên cấp bách. (*0,5 điểm*)

Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (11–1939) quyết định đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, thành lập Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương... ; đánh dấu sự mở đầu cho chủ trương chuyển hướng đấu tranh của Đảng, đưa nhân dân ta bước vào cuộc vận động giải phóng dân tộc. (*0,5 điểm*)

Bị thất bại dồn dập trên mặt trận châu Á – Thái Bình Dương, nhất là khi đạo quân Quan Đông đứng trước nguy cơ bị Hồng quân Liên Xô tiêu diệt và bị Mĩ ném hai quả bom nguyên tử, Nhật Bản chính thức tuyên bố đầu hàng quân Đồng minh không điều kiện, quân Nhật ở Đông Dương bị tê liệt, chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang cực độ. Thời cơ cho Tổng khởi nghĩa giành chính quyền đã đến. (*0,5 điểm*)

Hội nghị toàn quốc của Đảng quyết định phát động toàn dân tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương... Đại hội quốc dân họp tại Tân Trào tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, thành lập Uỷ ban dân tộc giải phóng Việt Nam. *(0,5 điểm*)

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chí Minh, nhân dân ta nổi dậy tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trong cả nước. (*0,25 điểm*)

Câu 2. ***Tại sao Đảng và Chính phủ phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp vào ngày 19–12–1946 ? Nêu ngắn gọn đường lối kháng chiến do Đảng ta đề ra trong những năm 1946 – 1947.*** (*2,5 điểm*)

Chính phủ ta kiên trì giải quyết mối quan hệ Việt – Pháp bằng con đường hoà bình, thương lượng, thể hiện qua việc kí kết và nghiêm chỉnh thực hiện Hiệp định Sơ bộ (6–3–1946) và Tạm ước (14–9–1946). (*0,5 điểm)*

Với âm mưu xâm chiếm lâu dài đất nước ta, sau khi tăng quân đến Đông Dương, Pháp chiếm Hải Phòng, gây xung đột ở Hà Nội... Ngày 18–12–1946, chúng gửi tối hậu thư đòi ta phải giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng. Nếu yêu cầu đó không được chấp nhận thì Pháp sẽ tấn công ta vào sáng ngày 20–12–1946. (*0,5 điểm*)

Tình thế khẩn cấp buộc Đảng và Chính Phủ ta phải có những quyết định kịp thời trước vận nước lâm nguy. Ngày 18 và 19–12–1946, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định phát động toàn quốc kháng chiến. Ngay trong đêm 19–12–1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*. (*0,5 điểm*)

Đường lối kháng chiến thể hiện trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (12–1946). Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* của Ban Thường vụ Trung ương Đảng (12–1946) và tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của đồng chí Trường Chinh (1947). (*0,5 điểm*)

Đường lối kháng chiến : Toàn dân, toàn diện, trường kì và tự lực cánh sinh. (*0,5 điểm*)

Câu 3. ***Cuối năm 1974 – mùa Xuân 1975, sau mỗi thắng lợi lớn trên chiến trường, Đảng ta có những chủ trương, quyết định nào để sớm giải phóng hoàn toàn miền Nam ?*** *(3 điểm)*

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Cuối năm 1974 – đầu năm 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự Đông Xuân vào hướng Nam Bộ ; quân ta đã giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch Đường 14 – Phước Long. Quân đội Sài Gòn phản công, nhưng thất bại. Mĩ phản ứng yếu ớt. Tình hình đó khẳng định rõ thêm nhận định của Đảng về sự lớn mạnh và khả năng thắng lớn của ta... (*0,5 điểm*)

Bộ Chính trị đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975 và 1976 ; nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975 ; quyết định mở chiến dịch Tây Nguyên. (*0,5 điểm*)

Chiến thắng Buôn Ma Thuột đã làm hệ thống phòng thủ của địch ở Tây Nguyên rung chuyển ; quân địch mất tinh thần, hàng ngũ rối loạn, dẫn đến sai lầm về chiến lược. Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút quân khỏi Tây Nguyên. (*0,5 điểm*)

Nhận thấy thời cơ chiến lược đến nhanh, hết sức thuận lợi, ngay khi chiến dịch Tây Nguyên còn tiếp diễn, Bộ Chính trị có quyết định kịp thời về kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam, trước mắt là mở chiến dịch giải phóng Huế – Đà Nẵng. (*0,5 điểm*)

Sau khi chiến dịch Tây Nguyên kết thúc, cùng với thắng lợi trong chiến dịch Huế – Đà Nẵng, ta đã tiêu diệt và làm tan rã một lực lượng quan trọng của địch, làm cho chúng tiếp tục hoang mang, rối loạn, mở ra thời cơ mới cho cách mạng miền Nam. (*0,5 điểm*)

Bộ Chính trị nhận định thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam... Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kĩ thuật và vật chất, giải phóng miền Nam trước mùa mưa 1975 (trước tháng 5–1975). Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch giải phóng Sài Gòn. Những chủ trương và quyết định cuối năm 1974 – mùa Xuân năm 1975 đã thể hiện sự chỉ đạo kịp thời, linh hoạt của Đảng trong việc giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. (*0,5 điểm*)

Câu 4a. ***Sự ra đời và hoạt động của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.***
(2 điểm)
Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu, tiếp xúc với Tâm tâm xã... ; tháng 6–1925, sáng lập *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên*, chuẩn bị điều kiện cho sự ra đời của một Đảng Cộng sản ở Việt Nam. (*0,5 điểm*)

Nguyễn Ái Quốc mở các lớp huấn luyện chính trị tại Quảng Châu, từ năm 1925 đến năm 1927 đã đào tạo được 75 người... Số lượng hội viên tăng nhanh, nhất là từ khi có phong trào "vô sản hoá" (1928)... Hội có cơ sở trong cả nước... (*0,5 điểm*)

Ra báo *Thanh niên* và xuất bản tác phẩm *Đường cách mệnh* để phục vụ công tác huấn luyện, tuyên truyền. Tác phẩm *Đường cách mệnh* vạch ra những vấn đề cơ bản về đường lối cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam... Việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin được đẩy mạnh qua phong trào "vô sản hoá". (*0,5 điểm*)

Đến năm 1929, đáp ứng yêu cầu của phong trào công nhân và phong trào yêu nước, chi bộ cộng sản đầu tiên được thành lập tại Hà Nội (3–1929). Sau Đại hội lần thứ nhất (5–1929), Hội phân hoá thành hai tổ chức : Đông Dương cộng sản đảng (6–1929) và An Nam cộng sản đảng (8–1929). (*0,5 điểm*)

Câu 4b. ***Sự ra đời và hoạt động của Việt Nam quốc dân đảng.*** *(2 điểm)*

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Ngày 25–12–1927, Việt Nam quốc dân đảng được thành lập trên cơ sở *Nam đồng thư xã* ; theo khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản. Lãnh tụ của Đảng là Nguyễn Thái Học... Lúc mới thành lập, Đảng chưa có mục đích, tôn chỉ rõ rệt, mà chỉ nêu chung chung là : "Trước làm dân tộc cách mạng, sau làm thế giới cách mạng". (*0,5 điểm*)

Chương trình hành động nêu nguyên tắc của Đảng là : "*Tự do – Bình đẳng – Bác ái*". Chương trình hoạt động của Đảng chia thành 4 thời kì. Thời kì cuối là bất hợp tác với giặc, "đánh đuổi giặc Pháp, xoá bỏ ngôi vua, thiết lập dân quyền" ; tiến hành "cách mạng bằng sắt và máu"... (*0,5 điểm*)

Tổ chức ám sát tên trùm mộ phu Bazanh ở Hà Nội (2–1929). Thực dân Pháp khủng bố dã man, Việt Nam quốc dân đảng bị tổn thất nặng nề. Các lãnh tụ của đảng bị truy lùng, nội bộ chia rẽ. (*0,5 điểm*)

Trong tình thế bị động, Việt Nam quốc dân đảng quyết định dốc toàn bộ lực lượng tiến hành cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2–1930) với ý tưởng "Không thành công cũng thành nhân !". Bị thực dân Pháp đàn áp, cuộc khởi nghĩa thất bại, kết thúc vai trò lịch sử của Việt Nam quốc dân đảng. (*0,5 điểm*)

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO CAO ĐẲNG (KHỐI C)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH

Câu 1. (*2 điểm*)

Nêu khái quát phong trào đấu tranh của công nhân Việt Nam giai đoạn 1919 – 1925.

Câu 2. (*2,5 điểm*)

Trình bày nhiệm vụ và hình thức đấu tranh của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn 1930 – 1931 và giai đoạn 1936 – 1939.

Câu 3. (*3,5 điểm*)

Nêu những hoạt động chủ yếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh (từ tháng 9–1945 đến tháng 12–1946) trong công cuộc xây dựng đất nước và đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc.

PHẦN RIÊNG

(Thí sinh chỉ được làm 1 trong 2 câu : 4a hoặc 4b)

Câu 4a. *Theo chương trình không phân ban (2 điểm)*

Trình bày tóm tắt cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài ở Cu Ba trong những năm 1953 – 1959.

Câu 4b. *Theo chương trình phân ban (2 điểm)*

Nêu bản chất, biểu hiện chủ yếu và hệ quả của xu thế toàn cầu hoá ngày nay.

Đáp án – thang điểm

Câu 1. ***Nêu khái quát phong trào đấu tranh của công nhân Việt Nam giai đoạn 1919 – 1925.*** *(2 điểm)*

– Năm 1920, công nhân Sài Gòn – Chợ Lớn đã bí mật thành lập Công hội do Tôn Đức Thắng đứng đầu. (*0,5 điểm*)

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Năm 1922, công nhân, viên chức các sở công thương của tư nhân ở Bắc Kì đấu tranh đòi nghỉ ngày chủ nhật có lương. (*0,5 điểm*)

– Nhiều cuộc bãi công của công nhân các nhà máy dệt, rượu, xay gạo ở Nam Định, Hà Nội, Hải Dương... (*0,5 điểm*)

– Năm 1925, thợ máy xưởng Ba Son (Sài Gòn) bãi công, đánh dấu một bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam. (*0,5 điểm*)

Câu 2. ***Trình bày nhiệm vụ và hình thức đấu tranh của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn 1930 – 1931 và giai đoạn 1936 – 1939.*** *(2,5 điểm)*

a) Giai đoạn 1930 – 1931 :

– Nhiệm vụ : Ngay sau khi thành lập, trên cơ sở *Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt* và điều kiện cụ thể của cách mạng đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ trương phát động một phong trào đấu tranh trong toàn quốc chống đế quốc và phong kiến. Trước mắt là đòi cải thiện đời sống nhân dân. (*0,5 điểm*)

– Hình thức đấu tranh :

+ Có nhiều hình thức đấu tranh : Bãi công của công nhân, đấu tranh (mít tinh, biểu tình) của nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động. (*0,25 điểm*)

+ Có những hình thức đấu tranh quyết liệt như : biểu tình có vũ trang tự vệ của nông dân ở các vùng nông thôn, tiến tới các cuộc biểu tình thị uy vũ trang tiến công vào chính quyền địch ở địa phương (phá nhà lao, đốt huyện đường...) (*0,5 điểm*)

b) Giai đoạn 1936 – 1939 :

– Nhiệm vụ : Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hoà bình. Để thực hiện nhiệm vụ và mục tiêu trên, Đảng chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương, sau đó đổi thành Mặt trận dân chủ Đông Dương. (*0,5 điểm*)

– Hình thức đấu tranh :

+ Sử dụng nhiều hình thức đấu tranh : công khai, nửa công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp như Đông Dương đại hội, đón Gôđa ; bãi công của công nhân, bãi thị của tiểu thương, mít tinh, biểu tình của nông dân, bãi khoá của học sinh, sinh viên, đặc biệt là cuộc mít tinh khổng lồ ở Nhà Đấu Xảo Hà Nội. (*0,5 điểm*)

+ Đấu tranh trên lĩnh vực sách báo, nghị trường... Tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lênin, chủ trương của Đảng ; đưa người vào các cơ quan nghị viện để tăng thêm tiếng nói đòi quyền lợi cho nhân dân. (*0,25 điểm*)

Câu 3. ***Nêu những hoạt động chủ yếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh (từ tháng 9–1945 đến tháng 12–1946) trong công cuộc xây dựng đất nước và đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc.*** *(3,5 điểm)*

– Một tuần sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời (8–9–1945), Hồ Chí Minh công bố lệnh Tổng tuyển cử trong cả nước. Trên cơ sở đó, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội được tổ chức vào ngày 6–1–1946. (*0,5 điểm*)

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Ngày 2–3–1946, tại phiên họp đầu tiên của Quốc hội, Hồ Chí Minh đã đứng ra thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến ; phụ trách Uỷ ban dự thảo Hiến pháp. Tháng 11–1946, Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã được Quốc hội thông qua. (*0,5 điểm*)

– Phát động phong trào tăng gia sản xuất, khai hoang phục hoá, đồng thời kêu gọi nhân dân cả nước "*nhường cơm, sẻ áo*", lập "*hũ gạo cứu đói*", "*ngày đồng tâm*"... để chống "*giặc đói*". (*0,25 điểm*)

– Kí sắc lệnh thành lập cơ quan Bình dân học vụ (8–9–1945) và kêu gọi toàn dân tham gia phong trào xoá nạn mù chữ để chống "*giặc dốt*". (*0,25 điểm*)

– Phát động phong trào "*tuần lễ vàng*", xây dựng "*quỹ độc lập*". Đầu năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam. Khó khăn về tài chính được giải quyết. (*0,25 điểm*)

– Tháng 9–1945, kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ bùng nổ, cùng với Trung ương Đảng và Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến. (*0,25 điểm*)

– Ngày 6–3–1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí bản *Hiệp định Sơ bộ*, tạm hoà với Pháp để đẩy 20 vạn quân Trung Hoa Quốc dân đảng cùng tay sai ra khỏi nước ta, giành thêm thời gian hoà bình củng cố chính quyền. (*0,5 điểm*)

– Tháng 5–1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra sắc lệnh đổi tên Vệ quốc quân thành Quân đội quốc gia Việt Nam. (*0,25 điểm*)

– Ngày 14–9–1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí bản *Tạm ước* nhân nhượng Pháp một số quyền lợi về kinh tế – văn hoá và tạo điều kiện cho ta có thêm thời gian chuẩn bị bước vào kháng chiến. (*0,25 điểm*)

– Như vậy, trong năm đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng và Chính phủ lãnh đạo nhân dân ta giải quyết nhiều khó khăn đối nội, đối ngoại và tích cực chuẩn bị lực lượng về mọi mặt. Ngày 19–12–1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp. (*0,5 điểm*)

Câu 4a. ***Trình bày tóm tắt cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài ở Cu Ba trong những năm 1953 – 1959.*** *(2 điểm)*

– Đầu năm 1952, Mĩ thiết lập ở Cu Ba chế độ độc tài quân sự Batixta. Dưới ách thống trị độc tài, khủng bố của Batixta, phong trào đấu tranh của nhân dân Cu Ba vẫn không ngừng phát triển. (*0,25 điểm*)

– Ngày 26–7–1953, Phiđen Caxtơrô đã cùng với 135 thanh niên yêu nước tấn công trại lính Môncađa, phát động nhân dân nổi dậy chống chế độ độc tài. Tổ chức "*Phong trào 26–7*" ra đời để lãnh đạo cách mạng Cu Ba. (*0,5 điểm*)

– Năm 1955, Phiđen được trả tự do và bị trục xuất sang Mêhicô. Ông tập hợp những thanh niên yêu nước, mua sắm vũ khí, luyện tập quân sự. Ngày 25–11–1956, ông cùng 81 chiến sĩ đáp tàu Granma trở về Tổ quốc. Nghĩa quân xây dựng căn cứ địa cách mạng, phát triển ra nhiều địa phương... (*0,5 điểm*)

– Năm 1957 – 1958, phong trào đấu tranh vũ trang lan rộng, nhiều căn cứ địa được thành lập, lực lượng vũ trang cách mạng hình thành. Quân đội Batixta bị thất bại nặng nề. Nghĩa quân tiến công trên các mặt trận. (*0,25 điểm*)

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Cuối tháng 12–1958, nghĩa quân chiếm được pháo đài Xanta Cơlara, Batixta bỏ chạy ra nước ngoài. Ngày 1–1–1959, kết hợp với Tổng bãi công chính trị, nghĩa quân tiến vào thủ đô, chế độ độc tài Batixta bị sụp đổ, cách mạng Cu Ba thành công. (*0,5 điểm*)

Câu 4b. ***Nêu bản chất, biểu hiện chủ yếu và hệ quả của xu thế toàn cầu hoá ngày nay.*** *(2 điểm)*

– Xu thế toàn cầu hoá là hệ quả quan trọng của cách mạng khoa học – công nghệ. Đây là quá trình tăng lên mạnh mẽ của những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động lẫn nhau, phụ thuộc nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên thế giới. (*0,5 điểm*)

– Biểu hiện thứ nhất là sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế. (*0,25 điểm*)

– Biểu hiện thứ hai là sự phát triển và tác động to lớn của các công ti xuyên quốc gia. (*0,25 điểm*)

– Biểu hiện thứ ba là sự sáp nhập và hợp nhất các công ti thành những tập đoàn lớn, nhất là các công ti khoa học – kĩ thuật, nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. (*0,25 điểm*)

– Biểu hiện thứ tư là sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực (IMF, WB, WTO, EU, ASEAN, APEC, ASEM....). Các tổ chức này có vai trò ngày càng quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế chung của thế giới và khu vực. (*0,25 điểm*)

– Toàn cầu hoá là xu thế khách quan, một thực tế không thể đảo ngược. Nó vừa có mặt tích cực lại vừa có mặt tiêu cực, nhất là đối với các nước đang phát triển. Do vậy, toàn cầu hoá vừa là cơ hội, vừa tạo ra thách thức cho sự phát triển của các nước. (*0,5 điểm*)

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC KHỐI C NĂM 2009 – 2010

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH

Câu 1. *(2 điểm)*
Tóm tắt quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1920. Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam phải đi theo con đường nào ?

Câu 2. *(3 điểm)*
Trình bày và nhận xét chủ trương tập hợp lực lượng cách mạng được đề ra tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1930), Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10/1930) và Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5/1941).

Câu 3. (2 điểm)
Trong thời kì 1954 – 1975, phong trào đấu tranh nào đánh dấu bước phát triển của cách mạng ở miền Nam Việt Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công ? Trình bày nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ của phong trào đó.

PHẦN RIÊNG

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu 4.a hoặc 4.b)

Câu 4a. *Theo chương trình Chuẩn (3 điểm)*
Hãy phân chia các giai đoạn của cách mạng Lào từ năm 1946 đến năm 1975 và tóm tắt diễn biến từng giai đoạn.

Câu 4b. *Theo chương trình Nâng cao (3 điểm)*
Nêu nội dung, thành tựu và hạn chế của chiến lược kinh tế hướng nội và chiến lược kinh tế hướng ngoại của nhóm năm nước sáng lập ASEAN.

Đáp án - thang điểm

Câu 1. ***Tóm tắt quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1920. Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường nào ?*** *(2 điểm)*
– Từ năm 1911, Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước, hướng tới phương Tây, đến nước Pháp ; rồi qua nhiều nước, nhiều châu lục khác nhau. Nguyễn Ái Quốc đã nhận thấy ở đâu bọn đế quốc, thực dân cũng tàn bạo, độc ác ; ở đâu những người lao động cũng bị áp bức, bóc lột dã man. (*0,5 điểm*)

– Cuối năm 1917, Nguyễn Ái Quốc từ Anh trở lại Pháp, hoạt động trong Hội những người Việt Nam yêu nước ở Pari ; viết báo, truyền đơn, tham gia các buổi mít tinh... ; gia nhập Đảng Xã hội Pháp (1919). (*0,25 điểm*)

– Tháng 6–1919, Người gửi đến Hội nghị Vécxai *Bản yêu sách của nhân dân An Nam*, đòi thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam. (*0,25 điểm*)

– Giữa năm 1920, Người đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin, khẳng định con đường giành độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam. (*0,2 điểm*)

– Tháng 12–1920, tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp (Đại hội Tua), Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. (*0,25 điểm*)

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Nguyễn Ái Quốc khẳng định, muốn cứu nước và giải phóng dân tộc phải theo con đường cách mạng vô sản.

Câu 2. ***Trình bày và nhận xét chủ trương tập hợp lực lượng cách mạng...***

a) Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên :

– Xác định lực lượng cách mạng là công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức ; còn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư sản thì lợi dụng hoặc trung lập. (*0,5 điểm*)

– Nhận xét :

+ Hội nghị đã thấy rõ thái độ chính trị và khả năng cách mạng của mỗi giai cấp trong xã hội Việt Nam thuộc địa, xác định đúng vai trò, vị trí của từng giai cấp, tầng lớp. (*0,25 điểm*)

+ Phát huy sức mạnh dân tộc, phân hoá và cô lập kẻ thù để thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc. (*0,25 điểm*)

b) Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Đông Dương với bản Luận cương chính trị tháng 10–1930 (*0,5 điểm*)

– Xác định động lực của cách mạng là giai cấp công nhân và nông dân.

– Nhận xét :

+ Đã xác định được động lực cách mạng, nhưng không đánh giá đúng khả năng cách mạng của tầng lớp tiểu tư sản, khả năng chống đế quốc và phong kiến ở mức độ nhất định của tư sản dân tộc, khả năng lôi kéo một bộ phận trung, tiểu địa chủ tham gia mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc và tay sai. (*0,25 điểm*)

+ Đây là điểm khác với *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* và cũng là hạn chế của *Luận cương chính trị* tháng 10–1930. (*0,25 điểm*)

c) Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương

– Chủ trương thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh ; đổi tên các Hội Phản đế thành Hội Cứu quốc, nhằm tập hợp rộng rãi mọi tầng lớp, giai cấp và cá nhân yêu nước. (*0,5 điểm*)

– Nhận xét :

+ Chủ trương trên đã huy động đến mức cao nhất lực lượng dân tộc thực hiện nhiệm vụ số một là giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do. (*0,25 điểm*)

+ Khắc phục hạn chế của *Luận cương chính trị* tháng 10–1930 và khẳng định chủ trương đúng đắn trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng, góp phần trực tiếp đưa Cách mạng tháng Tám đến thành công. (*0,25 điểm*)

Câu 3. ***Trong thời kì 1954 – 1975, phong trào đấu tranh nào đánh dấu bước phát triển của cách mạng ở miền Nam Việt Nam...*** *(2 điểm)*

a) Phong trào Đồng khởi (1959 – 1960) đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. (*0,5 điểm*)

b) Những nguyên nhân dẫn tới phong trào

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Lực lượng cách mạng ở miền Nam được giữ gìn và phát triển qua thực tiễn đấu tranh chính trị, hoà bình, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, tiến lên dùng bạo lực, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, chuẩn bị cho sự bùng nổ phong trào cách mạng mới. (*0,5 điểm*)

– Chính quyền Ngô Đình Diệm tăng cường đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân (1957 – 1959), làm cho mâu thuẫn giữa nhân dân miền Nam với đế quốc Mĩ xâm lược và tay sai phát triển gay gắt, đòi hỏi phải có một biện pháp quyết liệt để đưa cách mạng vượt qua khó khăn, thử thách. (*0,5 điểm*)

– Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1–1959) khẳng định con đường cách mạng bạo lực ; xác định phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang, mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên. (*0,5 điểm*)

Câu 4a. ***Hãy phân chia các giai đoạn của cách mạng Lào từ năm 1946 đến năm 1975 và tóm tắt diễn biến từng giai đoạn.*** *(3 điểm)*

a) Giai đoạn 1946 – 1954 : Kháng chiến chống thực dân Pháp (0,25 điểm)

– Tháng 3–1946, thực dân Pháp trở lại xâm lược Lào. Nhân dân Lào một lần nữa phải cầm súng kháng chiến bảo vệ nền độc lập. (*0,25 điểm*)

– Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, cuộc kháng chiến chống Pháp của Lào ngày càng phát triển. (*0,5 điểm*)

– Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, thực dân Pháp kí Hiệp định Giơnevơ (7–1954), công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Lào. (*0,5 điểm*)

b) Giai đoạn 1954 – 1975 : Kháng chiến chống đế quốc Mĩ (*0,25 điểm*)

– Sau Hiệp định Giơnevơ, Mĩ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Lào. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Lào, cuộc đấu tranh chống Mĩ được tiến hành trên cả ba mặt trận : quân sự – chính trị – ngoại giao. (*0,25 điểm*)

– Quân và dân Lào lần lượt đánh bại các kế hoạch chiến tranh của Mĩ. Đến đầu những năm 70, vùng giải phóng đã mở rộng 4/5 lãnh thổ. (*0,25 điểm*)

– Tháng 2–1973, các phái ở Lào đã thoả thuận kí Hiệp định Viêng Chăn, lập lại hoà bình, thực hiện hoà hợp dân tộc ở Lào. (*0,25 điểm*)

– Từ tháng 5 đến tháng 12–1975, được sự cổ vũ của thắng lợi Xuân 1975 ở Việt Nam, quân dân Lào nổi dậy giành chính quyền trong cả nước. (*0,25 điểm*)

– Ngày 2–12–1975, nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào chính thức được thành lập. (*0,25 điểm*)

Câu 4b. ***Nêu nội dung, thành tựu và hạn chế của chiến lược kinh tế hướng nội và chiến lược kinh tế hướng ngoại của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN.*** *(3 điểm)*

a) Chiến lược kinh tế hướng nội

– Nội dung : đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu, lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất. (*0,5 điểm*)

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Thành tựu : đáp ứng được nhu cầu cơ bản của nhân dân trong nước, phát triển một số ngành chế biến, chế tạo, góp phần giải quyết nạn thất nghiệp. (*0,5 điểm*)

– Hạn chế : thiếu vốn, nguyên liệu và công nghệ,... đời sống người lao động còn khó khăn, chưa giải quyết được mối quan hệ giữa tăng trưởng với công bằng xã hội. (*0,5 điểm*)

b) Chiến lược kinh tế hướng ngoại

– Nội dung : "mở cửa" nền kinh tế, thu hút vốn, kĩ thuật nước ngoài, tập trung sản xuất hàng hoá để xuất khẩu, phát triển ngoại thương. (*0,5 điểm*)

– Thành tựu : tỉ trọng công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân đã lớn hơn nông nghiệp, mậu dịch đối ngoại tăng trưởng nhanh. (*0,5 điểm*)

– Hạn chế : phụ thuộc vào vốn và thị trường bên ngoài quá lớn, đầu tư bất hợp lí. (*0,5 điểm*)

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO CAO ĐẲNG (KHỐI C)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH

Câu 1. *(2 điểm)*
Trình bày nội dung, ý nghĩa Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam ngày 6–1–1930.

Câu 2. *(2 điểm)*
Nêu tóm tắt diễn biến cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945.

Câu 3. *(3 điểm)*
Vì sao ngày 27–1–1973, Hoa Kì và các nước phải tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam ?

PHẦN RIÊNG

Thí sinh chỉ được làm 1 trong 2 câu : 4a hoặc 4b

Câu 4a. *Theo chương trình Chuẩn (3 điểm)*
Hoàn cảnh ra đời, quá trình phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

Câu 4b. *Theo chương trình Nâng cao (3 điểm)*
Trình bày những sự kiện dẫn đến sự đối đầu Đông – Tây trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Đáp án – Thang điểm

Câu 1. ***Trình bày nội dung, ý nghĩa Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam ngày 6–1–1930.*** (*2 điểm*)
– Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản họp từ ngày 6–1–1930 tại Cửu Long do Nguyễn Ái Quốc chủ trì. (*0,25 điểm*)

– Hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. (*0,5 điểm*)

– Thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng... do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. (*0,5 điểm*)

– Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là cương lĩnh giải phóng dân tộc sáng tạo, kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp. (*0,25 điểm*)

– Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam mang tầm vóc lịch sử của một Đại hội thành lập Đảng. (*0,5 điểm*)

Câu 2. ***Nêu tóm tắt diễn biến cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945.*** (*2 điểm*)
– Được tin Nhật Bản đầu hàng, Uỷ ban khởi nghĩa thành lập, Hội nghị Toàn quốc của Đảng và Đại hội Quốc dân được triệu tập ở Tân Trào, phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. (*0,25 điểm*)
– Từ ngày 14–8, một số địa phương căn cứ vào tình hình cụ thể và vận dụng "*Chỉ thị Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*" đã khởi nghĩa giành chính quyền. Chiều 16–8, một đơn vị Giải phóng quân tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên. (*0,5 điểm*)
– Ở Hà Nội, chiều ngày 17–8, quần chúng đã tổ chức mít tinh tại Nhà hát Lớn ; thực hiện quyết định của Uỷ ban khởi nghĩa ; tối 19–8 cuộc khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi. (*0,5 điểm*)

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Ở Huế, ngày 23–8 khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Ngày 25–8, khởi nghĩa thắng lợi ở Sài Gòn. (*0,5 điểm*)
– Ngày 28–8–1945, cuộc Tổng khởi nghĩa đã giành được thắng lợi trên cả nước. (*0,25 điểm*)

Câu 3. ***Vì sao ngày 27–1–1973, Hoa Kì và các nước phải tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam ?*** *(3 điểm)*

– Trải qua 18 năm (1954 – 1972), Mĩ đã thất bại trong việc tiến hành các chiến lược chiến tranh xâm lược, nhằm chia cắt lâu dài đất nước Việt Nam. (*0,5 điểm*)
– Do thất bại trên chiến trường, Mĩ buộc phải chấp nhận đàm phán ở Pari để bàn về việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam. (*0,5 điểm*)
– Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đã giáng đòn nặng nề vào chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", buộc Mĩ phải tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược. (*0,5 điểm*)
– Để hỗ trợ mưu đồ chính trị, ngoại giao mới, Mĩ mở cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố trong 12 ngày đêm cuối tháng 12–1972, nhằm kí hiệp định có lợi cho Mĩ. (*0,5 điểm*)
– Quân dân miền Bắc đã đánh trả những đòn đích đáng, làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không", buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (27–1–1973). (*0,5 điểm*)
– Với Hiệp định Pari, Hoa Kì và các nước phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam. (*0,5 điểm*)

Câu 4a. ***Hoàn cảnh ra đời, quá trình phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.*** *(3 điểm)*

Hoàn cảnh ra đời :
– Sau khi giành độc lập, bước vào thời kì phát triển kinh tế, các nước Đông Nam Á thấy cần có sự hợp tác để cùng phát triển và hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài. (*0,5 điểm*)
– Những tổ chức hợp tác mang tính khu vực trên thế giới xuất hiện ngày càng nhiều và những thành công của Khối thị trường chung châu Âu đã cổ vũ các nước Đông Nam Á liên kết với nhau. (*0,5 điểm*)

– Ngày 8–8–1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á được thành lập gồm 5 nước : Inđônêxia, Malaixia, Philippin, Xingapo, Thái Lan. (*0,5 điểm*)

Quá trình phát triển :

– Giai đoạn đầu (1967 – 1975), ASEAN là một tổ chức còn non trẻ, sự hợp tác trong khu vực còn lỏng lẻo, chưa có vị thế trên trường quốc tế. (*0,5 điểm*)

– Tháng 2–1976, Hiệp ước Bali được kí kết, mở ra bước phát triển mới của các quốc gia Đông Nam Á. (*0,25 điểm*)

– Từ năm 1984 đến 1999, các nước Brunây, Việt Nam, Lào, Mianma, Campuchia gia nhập ASEAN. (*0,5 điểm*)

– Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á đã phát triển thành 10 nước, đẩy mạnh hợp tác kinh tế, xây dựng thành khu vực hoà bình, ổn định, cùng phát triển. (*0,25 điểm*)

Câu 4b. ***Trình bày những sự kiện dẫn đến sự đối đầu Đông – Tây trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai.*** (3 điểm)
Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ và Liên Xô cùng phát triển mạnh mẽ nhưng có lợi ích, mục tiêu chiến lược đối lập nhau. (*0,25 điểm*)

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

– Tháng 3–1947, thông điệp của Tổng thống Mĩ Truman khẳng định sự tồn tại của Liên Xô là nguy cơ lớn, từ đó Mĩ khởi đầu chính sách chống Liên Xô, gây nên tình trạng Chiến tranh lạnh. (*0,25 điểm*)

– Tháng 6–1947, Mĩ đề ra "Kế hoạch Mácsan" giúp các nước Tây Âu khôi phục kinh tế, lôi kéo các nước này vào Liên minh quân sự chống Liên Xô và các nước Đông Âu. (*0,5 điểm*)

– Việc thực hiện "Kế hoạch Mácsan" tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế, chính trị giữa các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa và các nước Đông Âu xã hội chủ nghĩa. (*0,25 điểm*)

– Tháng 4–1949, Mĩ cùng các nước Tây Âu thành lập khối quân sự NATO – liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây nhằm chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. (*0,5 điểm*)

– Tháng 1–1949, Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập *Hội đồng tương trợ kinh tế* để hợp tác và giúp đỡ nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa. (*0,5 điểm*)

– Tháng 5–1955, Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Tổ chức Hiệp ước Vácsava, một liên minh chính trị – quân sự mang tính chất phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu. (*0,5 điểm*)

– Sự ra đời của NATO và Tổ chức Hiệp hội Vácsava đánh dấu sự xác lập cục diện hai cực, hai phe, đối đầu Đông – Tây trong quan hệ quốc tế. (*0,25 điểm*)

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức

Hợp tác giữa Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam và Mạng đào tạo BEA.VN

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu 3

Phần một

CÁC CHỦ ĐỀ CƠ BẢN

A. Lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến năm 2000 5

B. Lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến năm 2000 27

Phần hai

CÁC ĐỀ ÔN LUYỆN 69

Phần ba

MỘT SỐ ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO ĐẠI HỌC
VÀ CAO ĐẲNG NĂM HỌC 2008 – 2009 VÀ 2009 – 2010 229

CÁC CHỦ ĐỀ CƠ BẢN
ÔN THI ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG MÔN LỊCH SỬ

Mã số : C3D06A0–ĐTH

In ..... bản, khổ 17 × 24cm, tại Công ty in .....
Số in ..... Số ĐKXB : 67–2010/CXB/18–08/GD
In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm 2010.

Bản quyền của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức